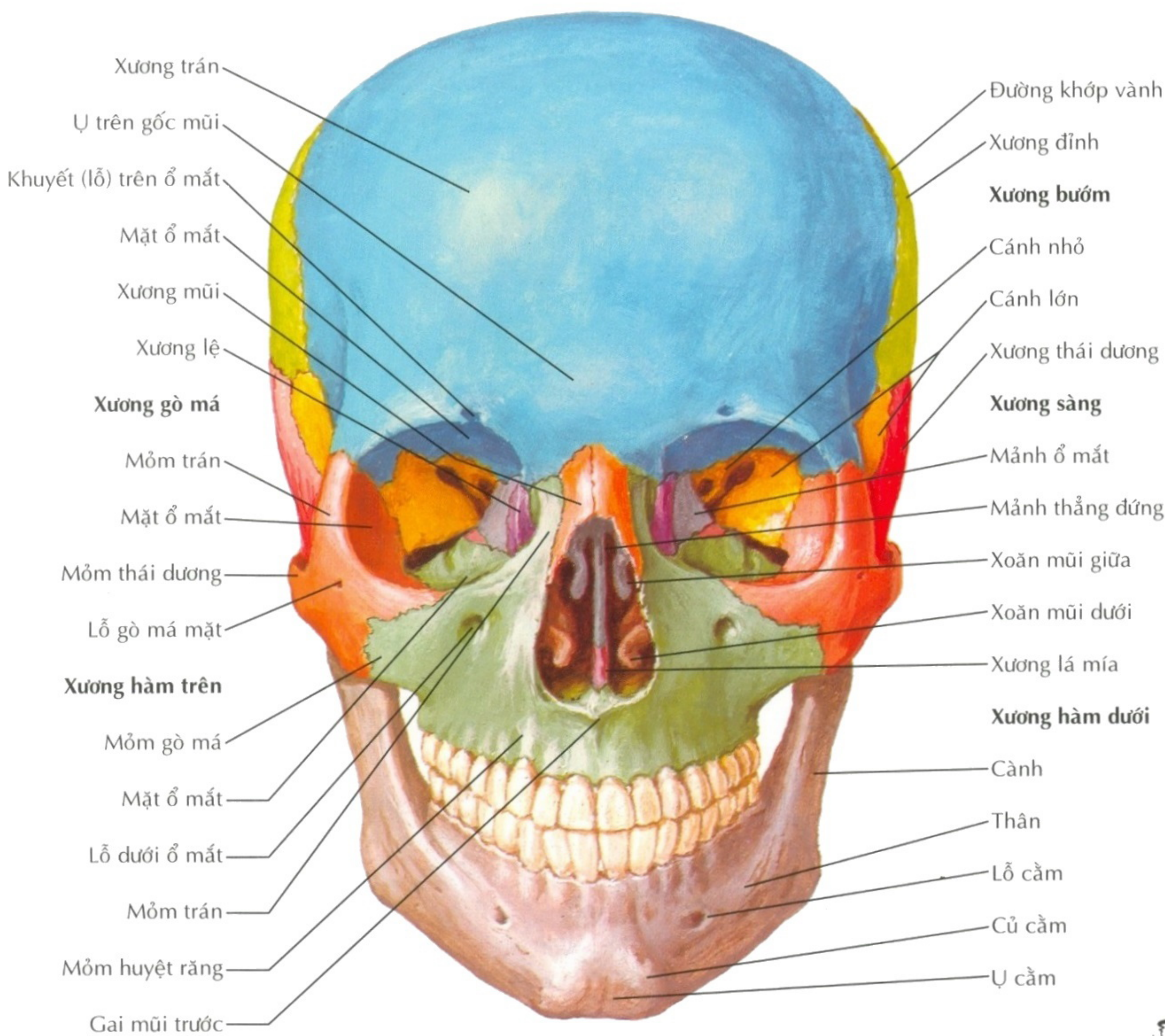


C. Machado

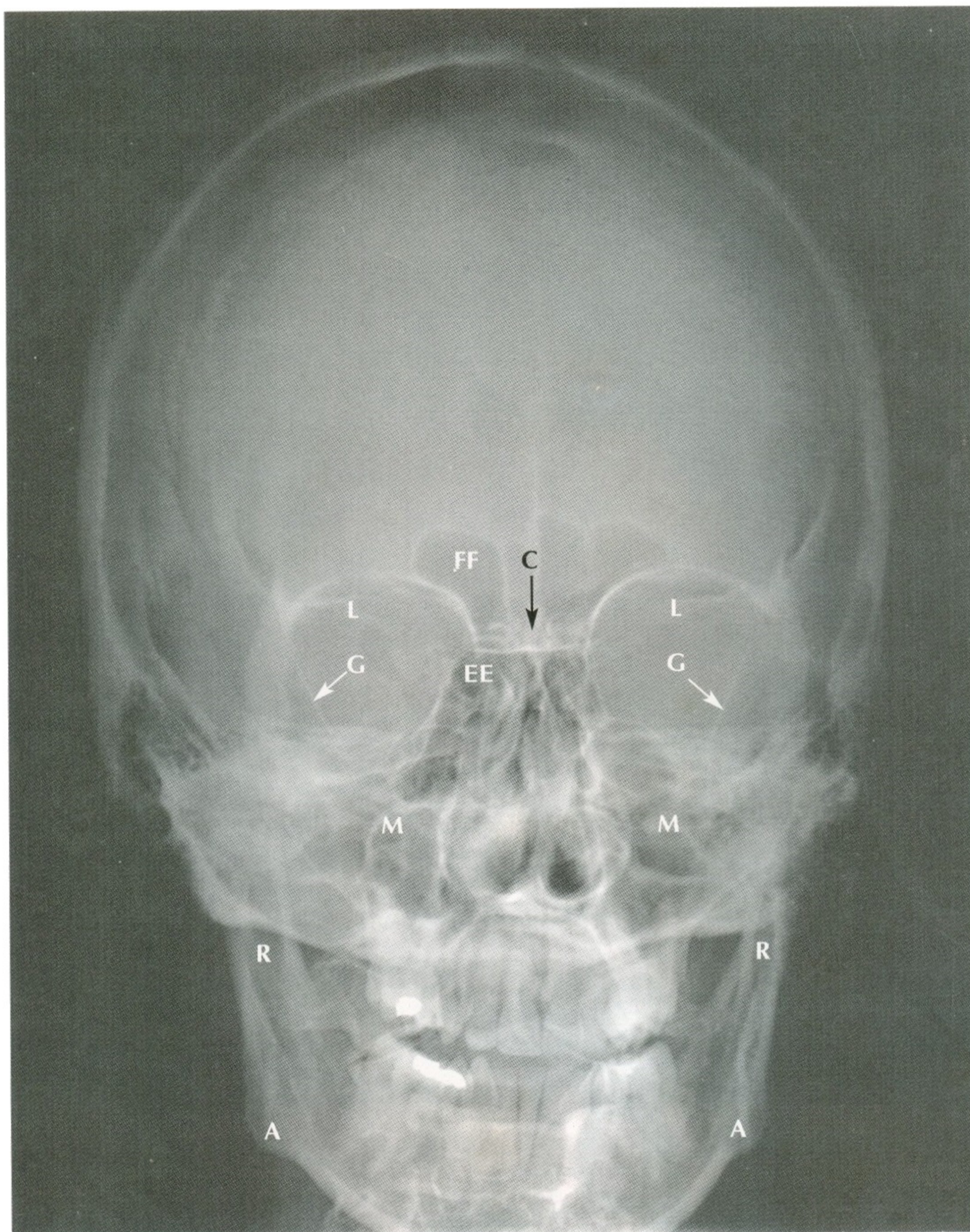




Ổ mắt phải: nhìn trước bên

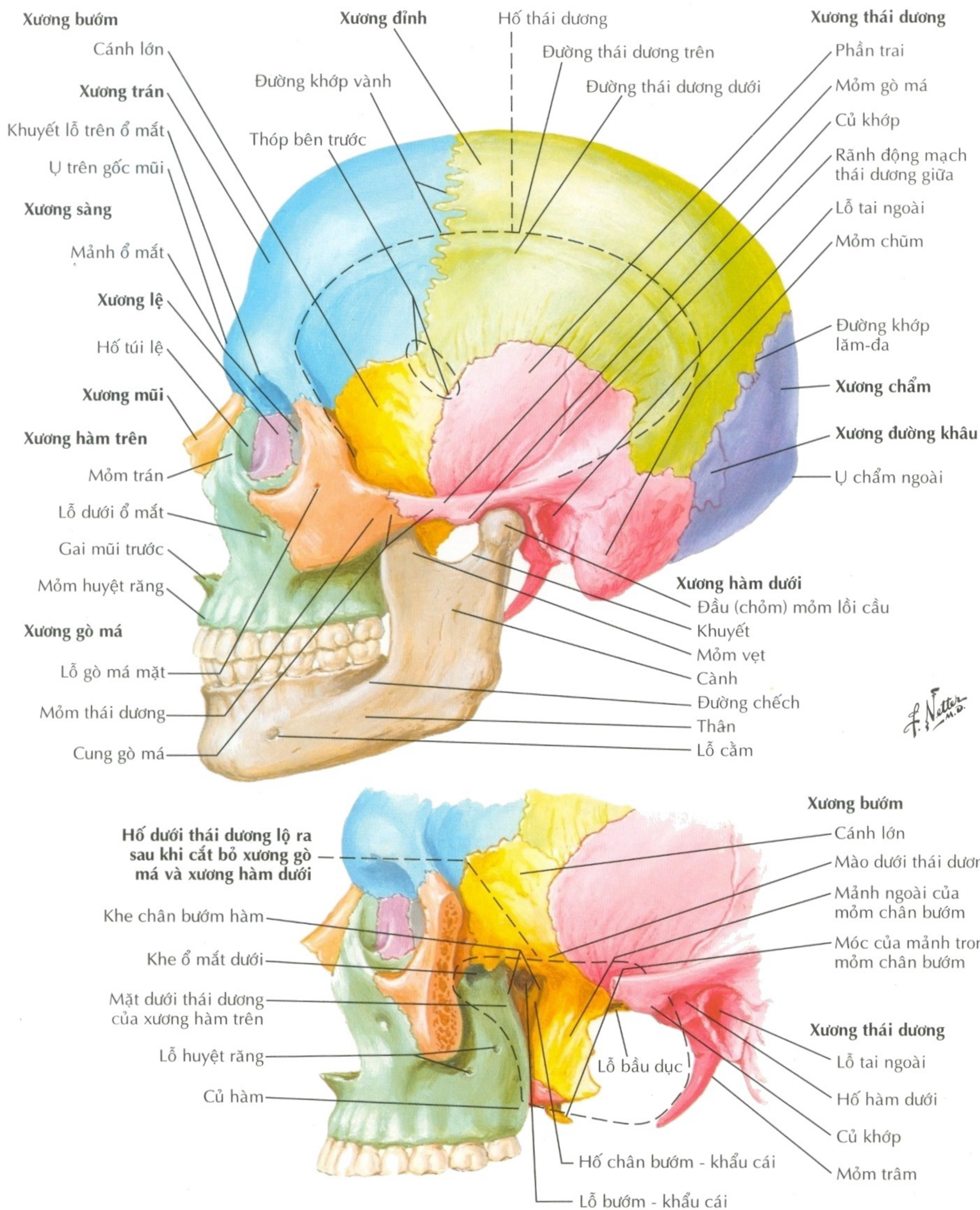






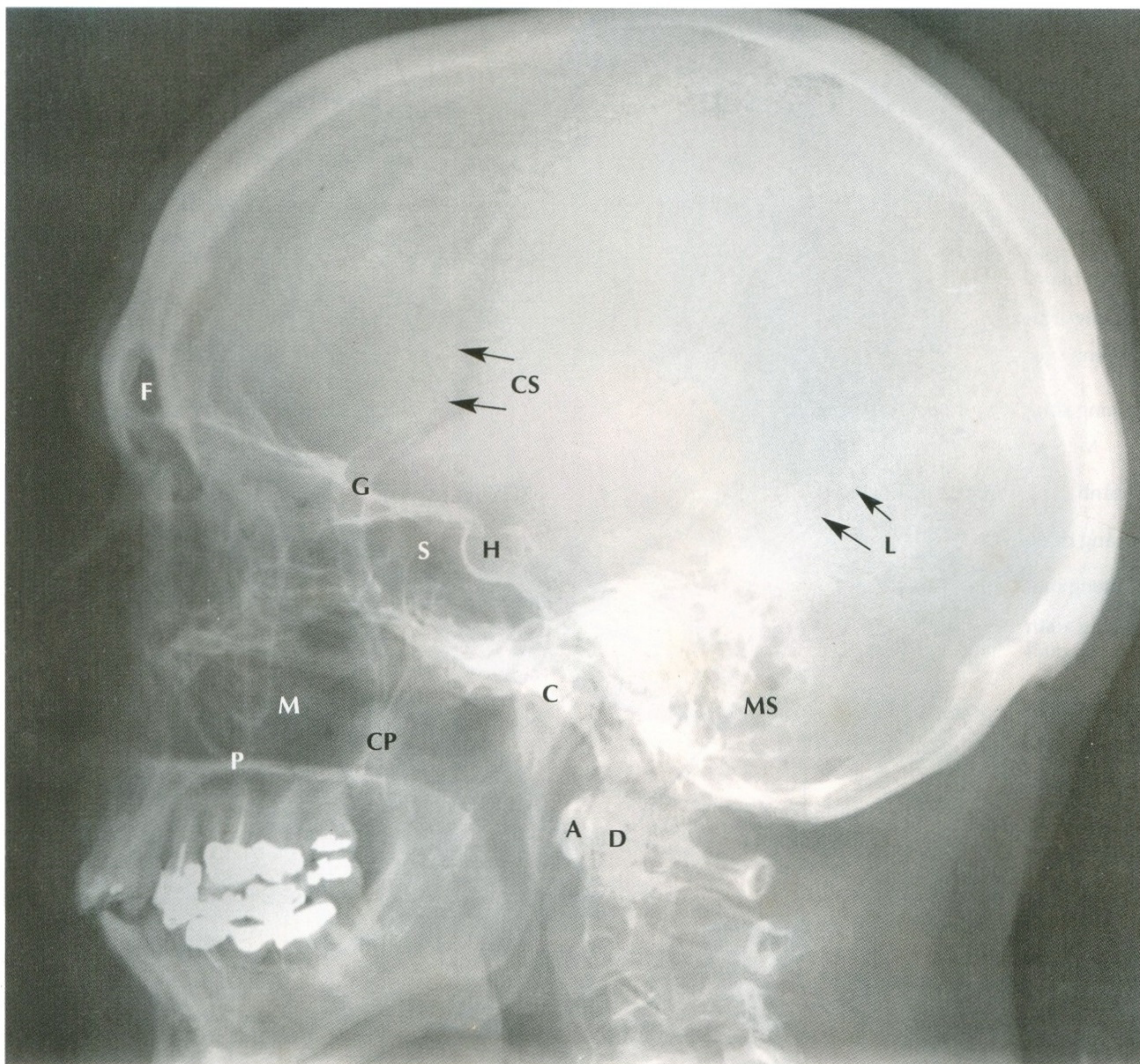
- A Góc xương hàm dưới
- C Mào gà
- E Các tế bào sàng (các xoang sàng)
- F Xoang trán
- G Cánh lớn xương bướm
- L Cánh nhỏ xương bướm
- M Xoang hàm
- R Ngành xương hàm dưới





Hình 4





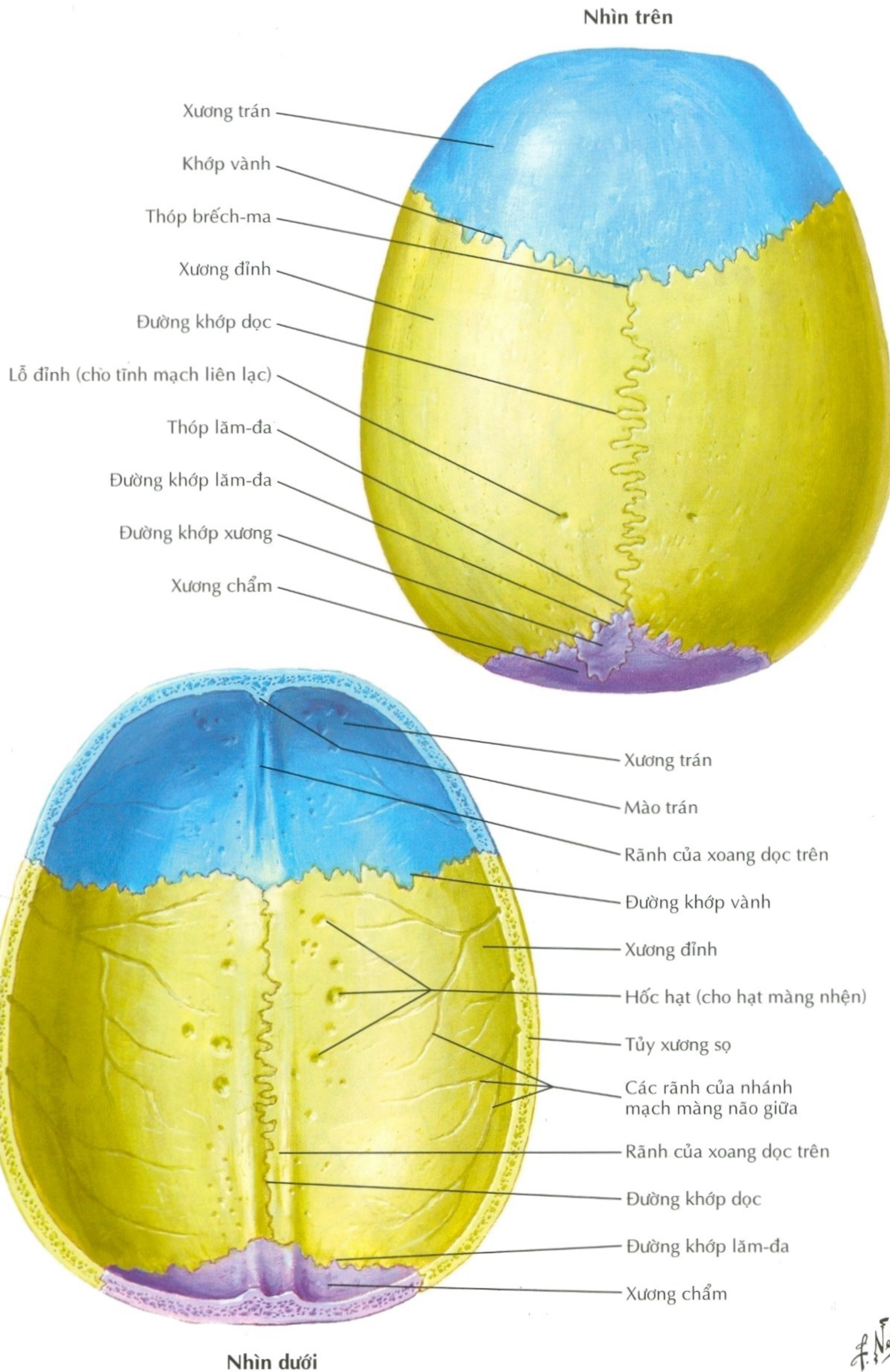
- |    |                                  |    |                             |
|----|----------------------------------|----|-----------------------------|
| A  | Cung trước đốt đội (đốt sống C1) | G  | Cánh lớn xương bướm         |
| C  | Lồi cầu xương hàm dưới           | H  | Hố yên (yên bướm)           |
| CP | Mỏm vệt xương hàm dưới           | L  | Đường khớp lăm-đa           |
| CS | Đường khớp vành                  | M  | Xoang hàm                   |
| D  | Răng của đốt trực (đốt sống C2)  | MS | Các tế bào xoang chũm       |
| F  | Các xoang trán                   | P  | Mỏm khẩu cái xương hàm trên |
|    |                                  | S  | Xoang bướm                  |



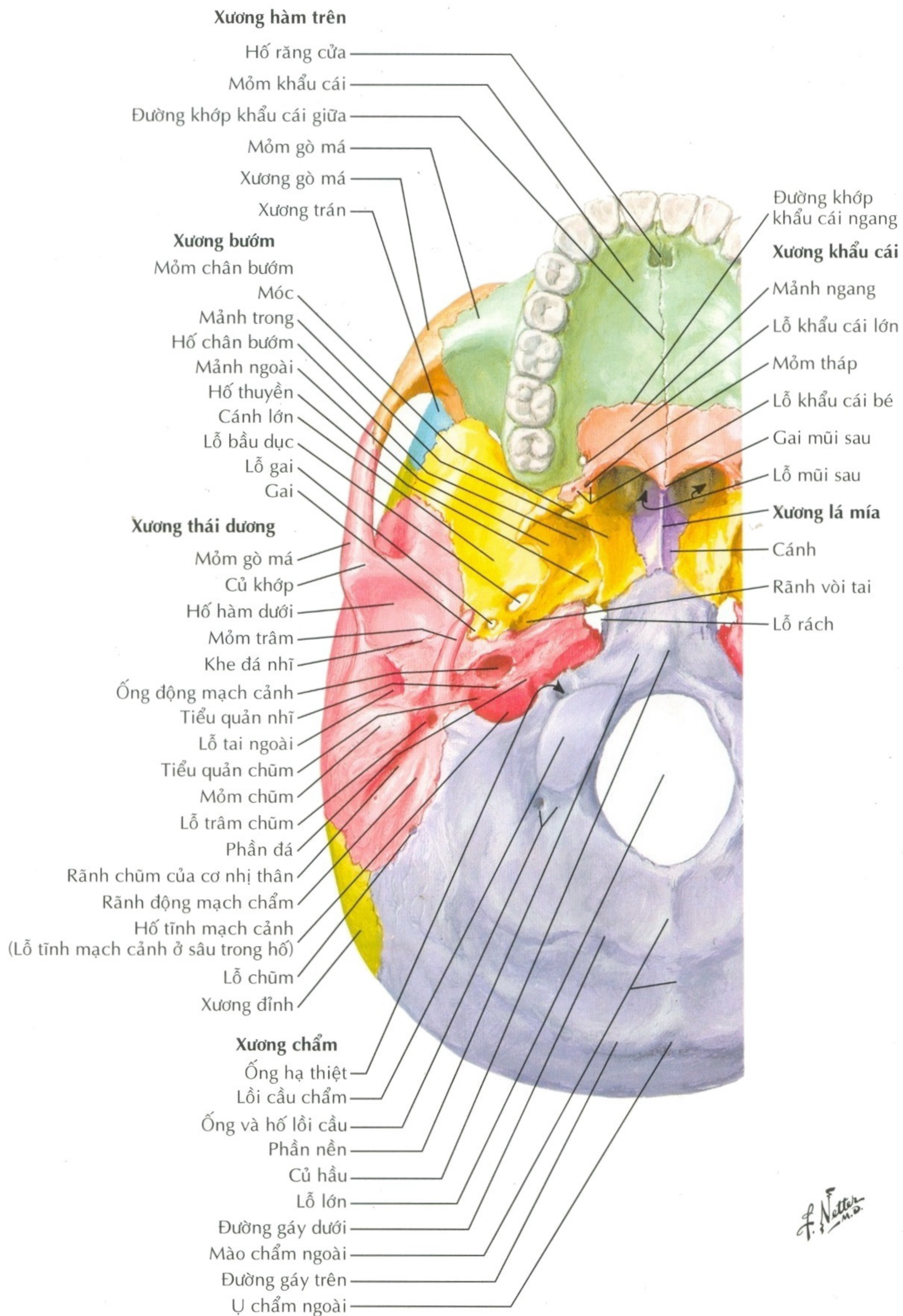


## CÁC XƯƠNG VÀ DÂY CHẴNG



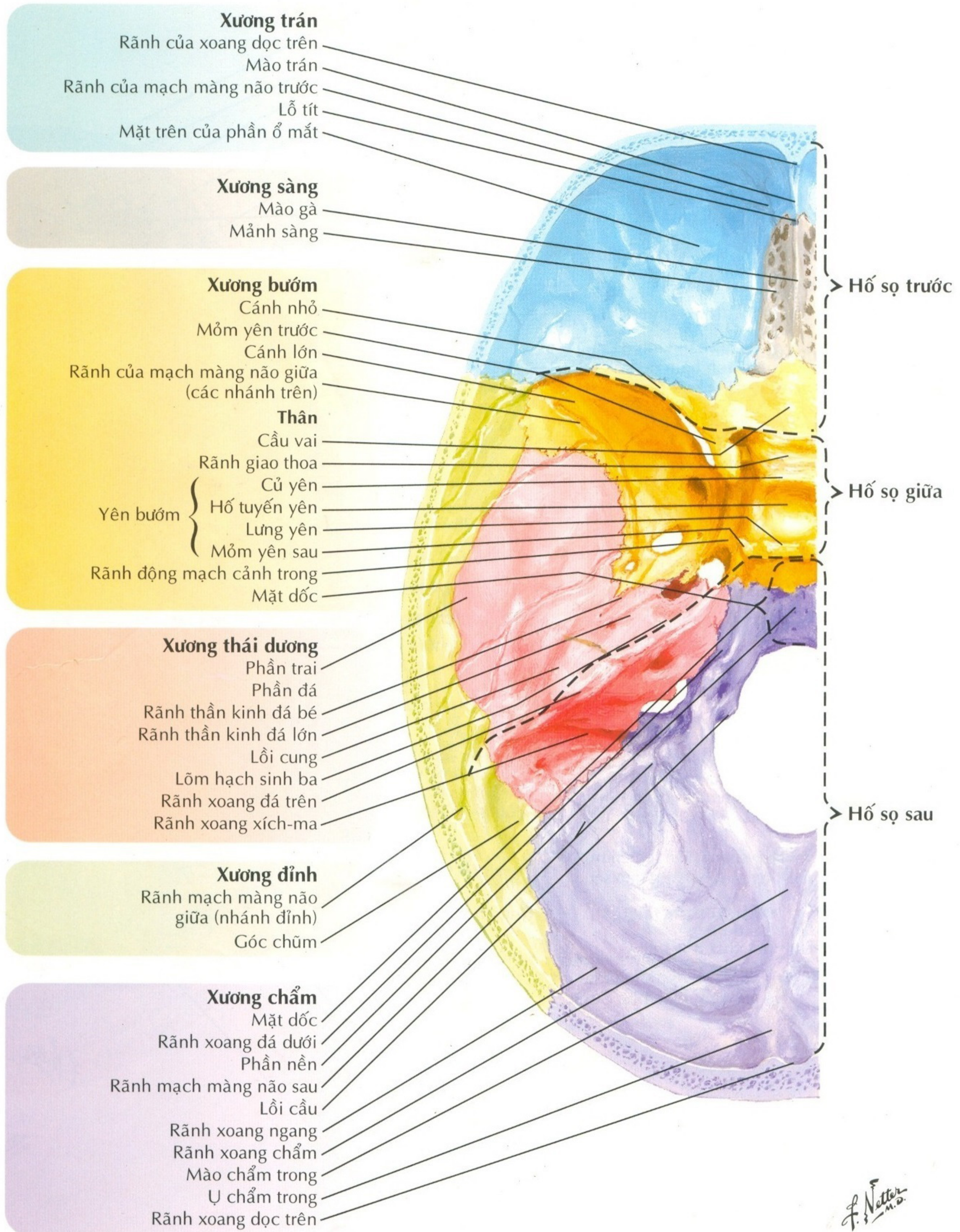




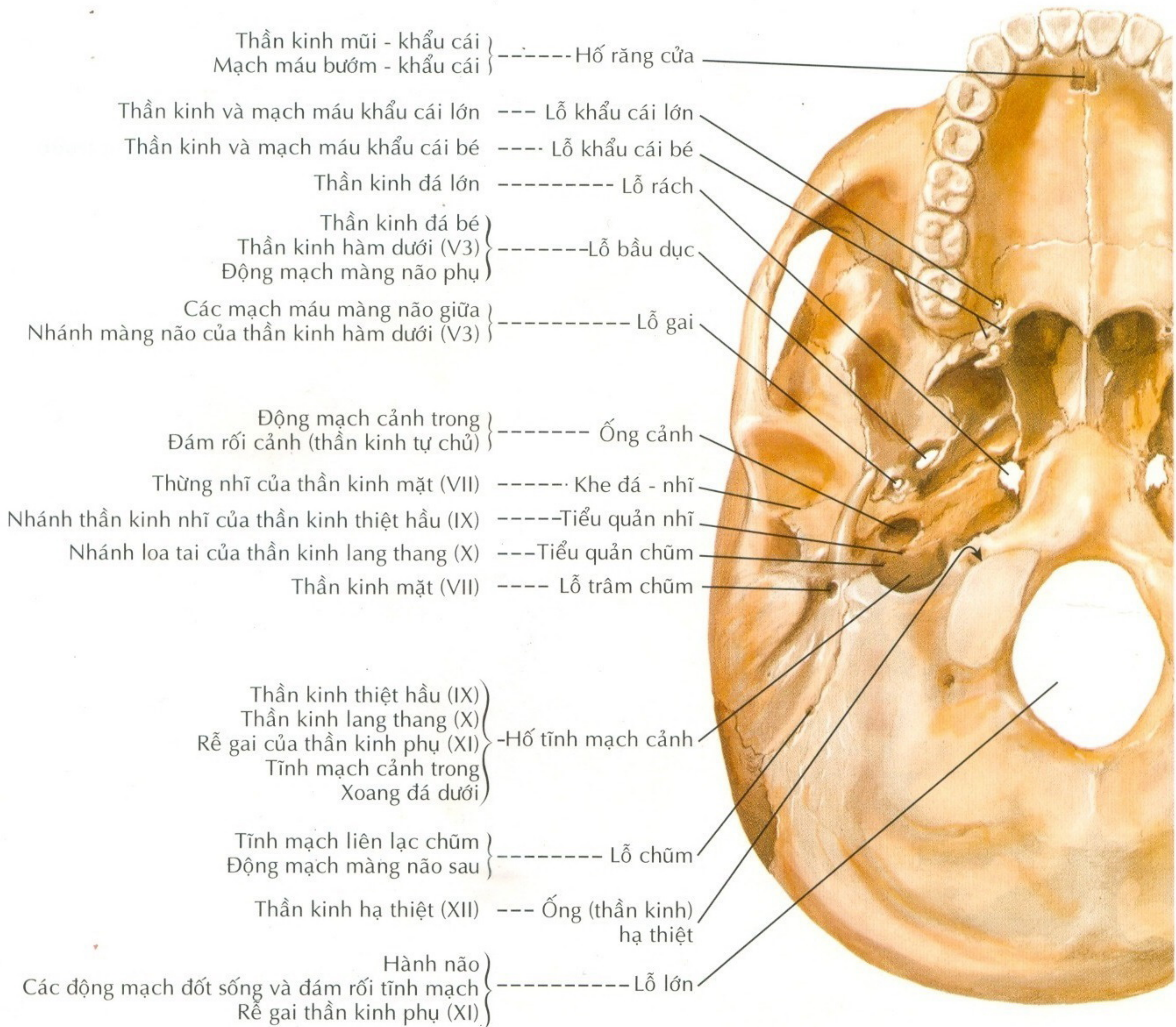


F. Netter M.D.



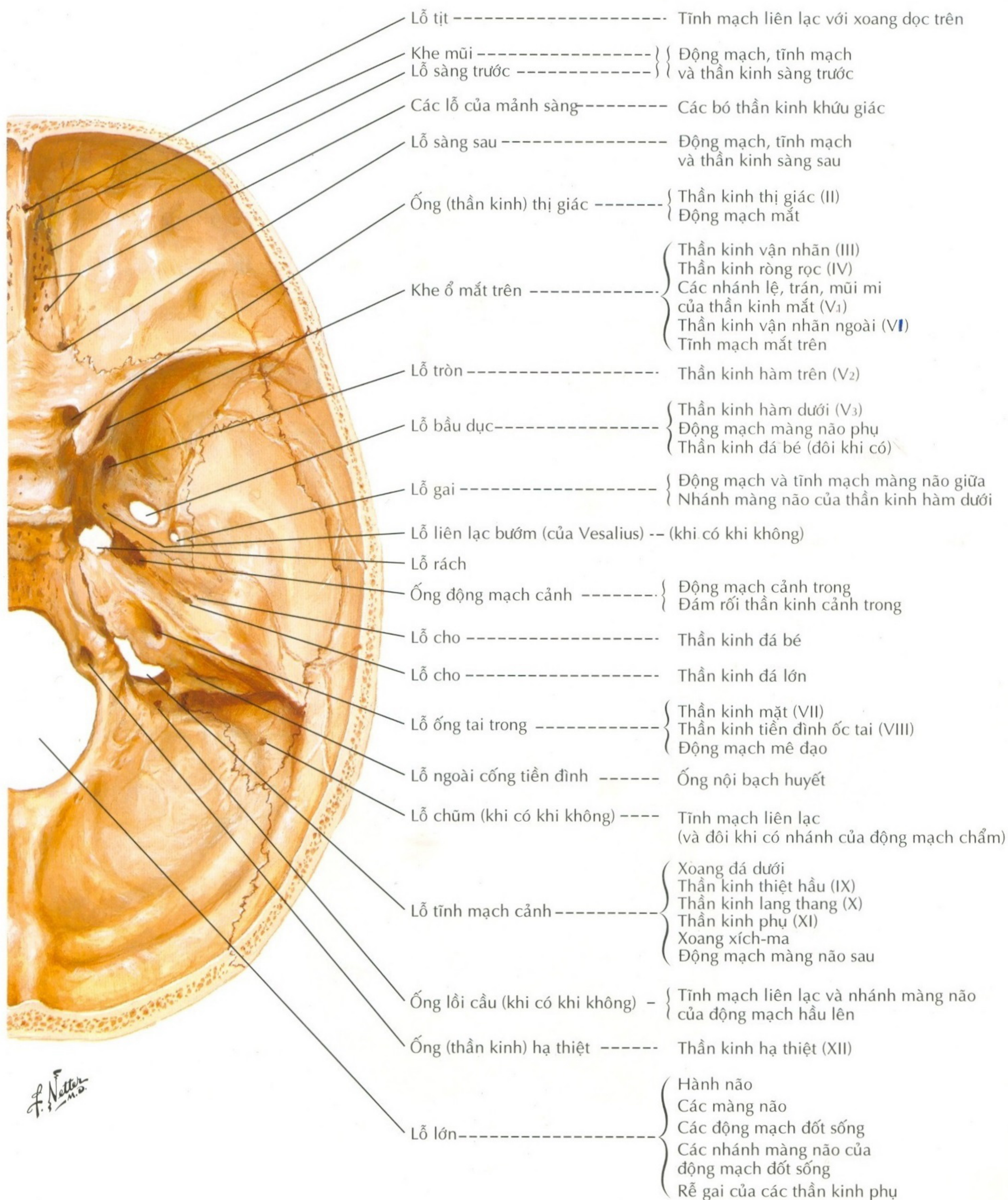




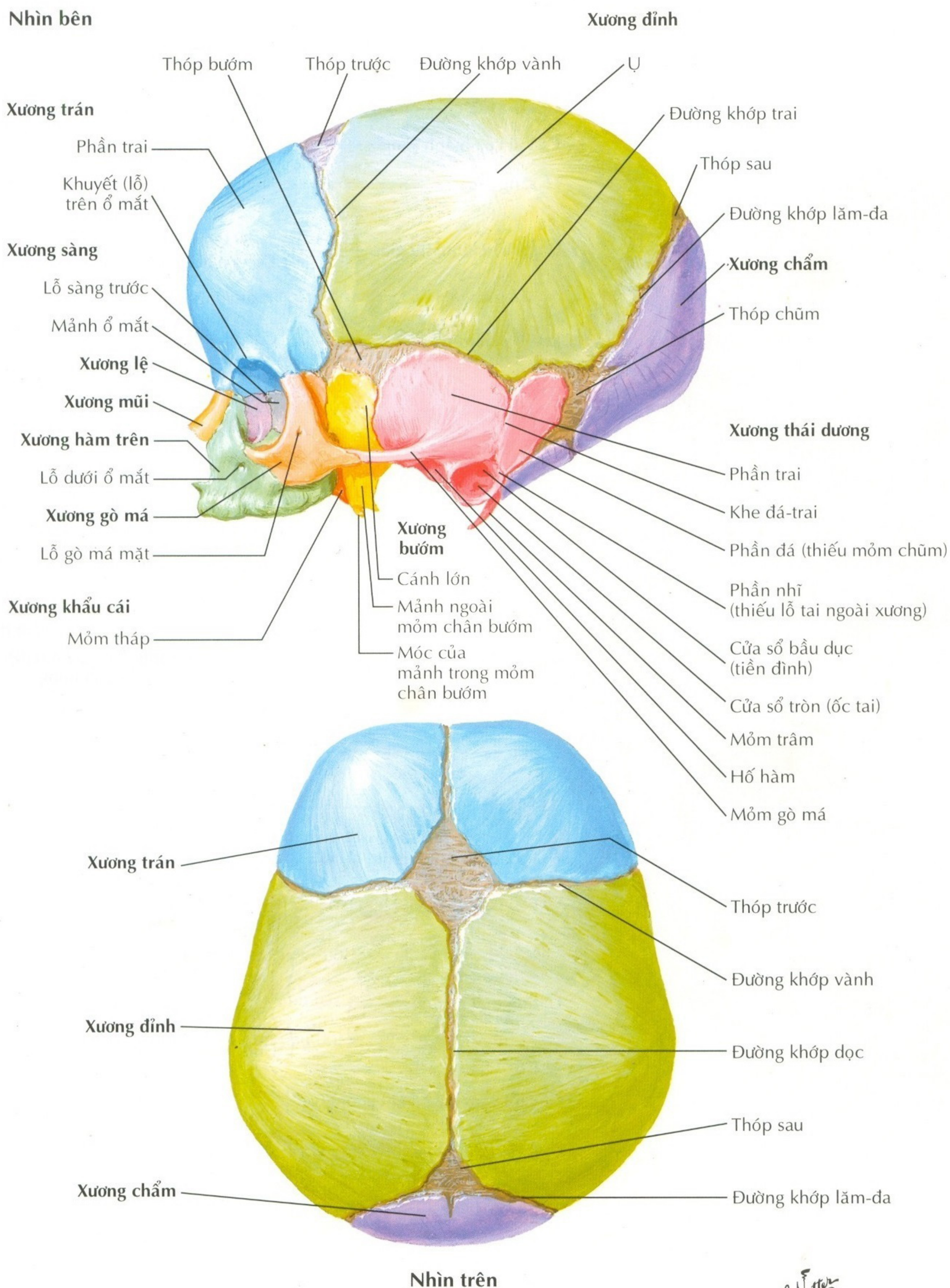


*F. Netter M.D.*



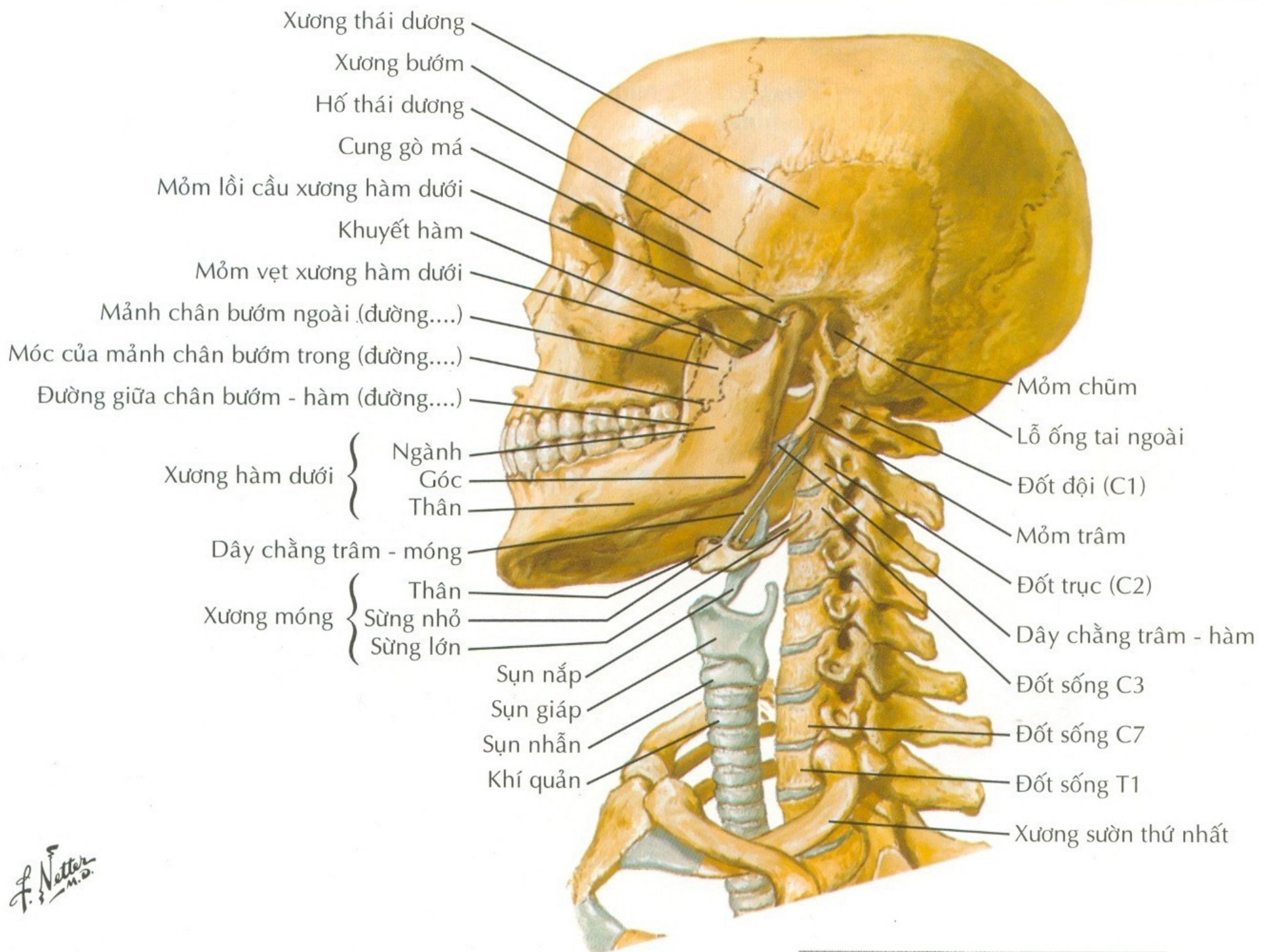




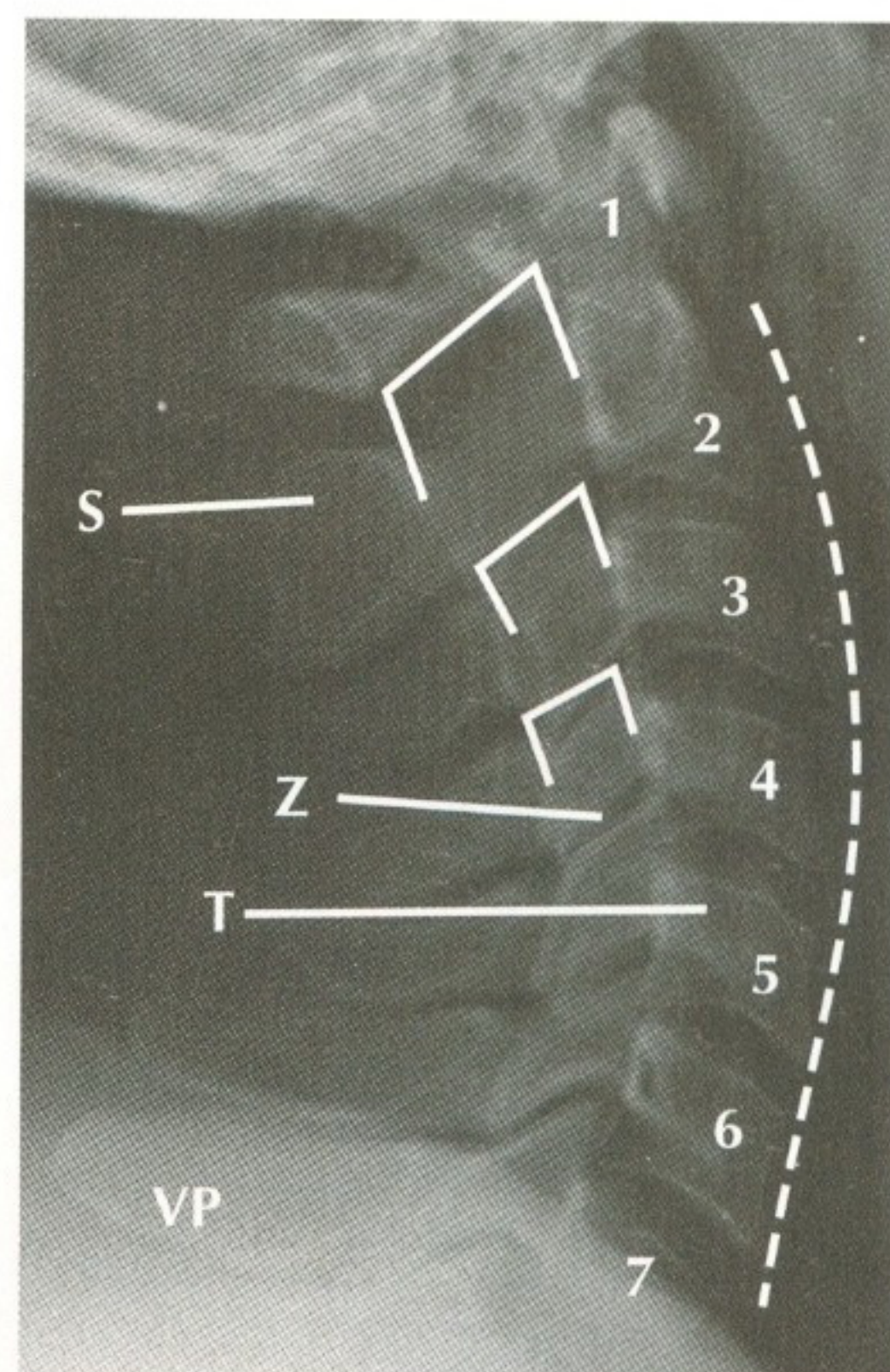
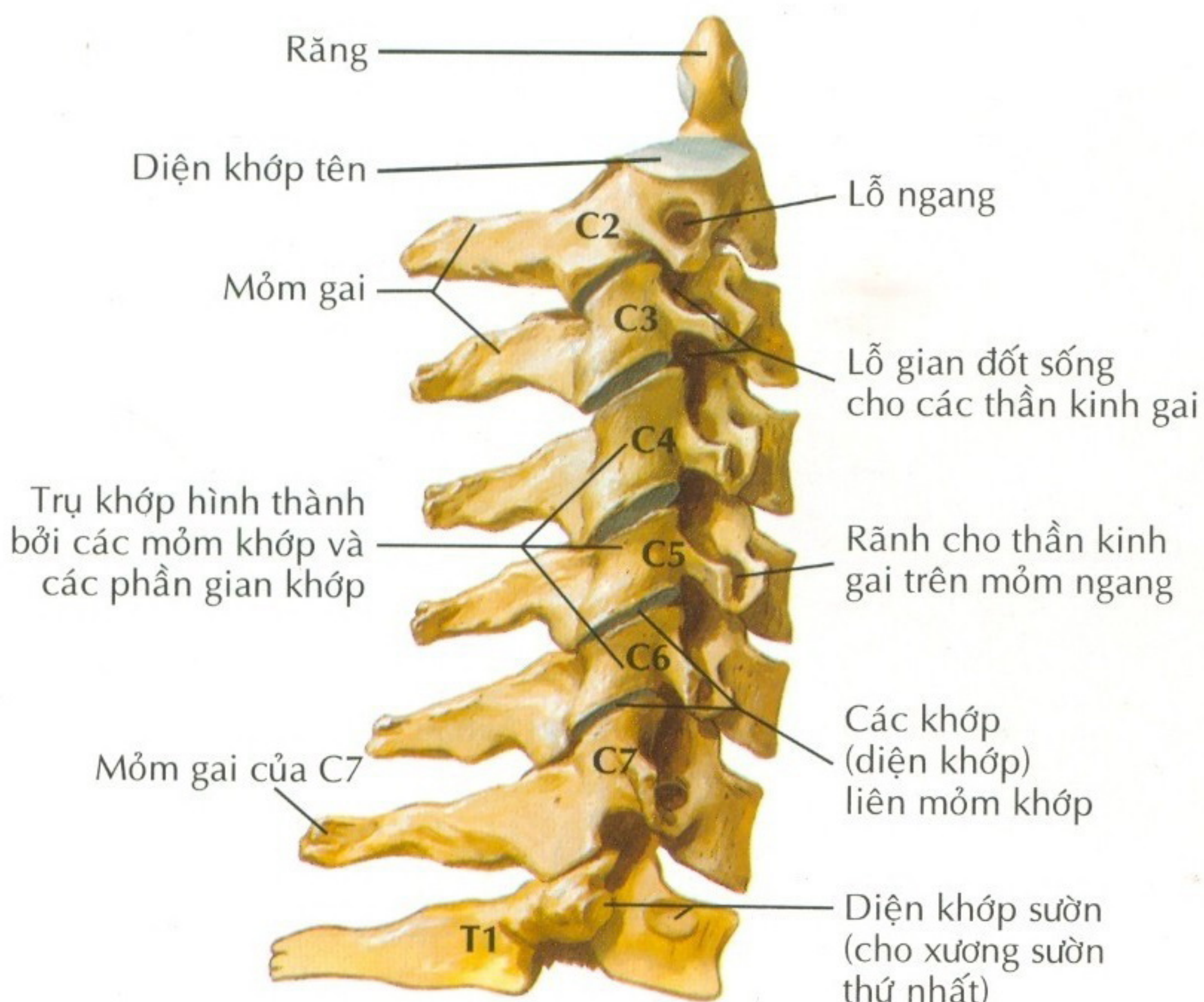


*F. Netter M.D.*





**Đốt sống cổ thứ hai đến đốt sống ngực thứ nhất:  
nhìn bên phải**

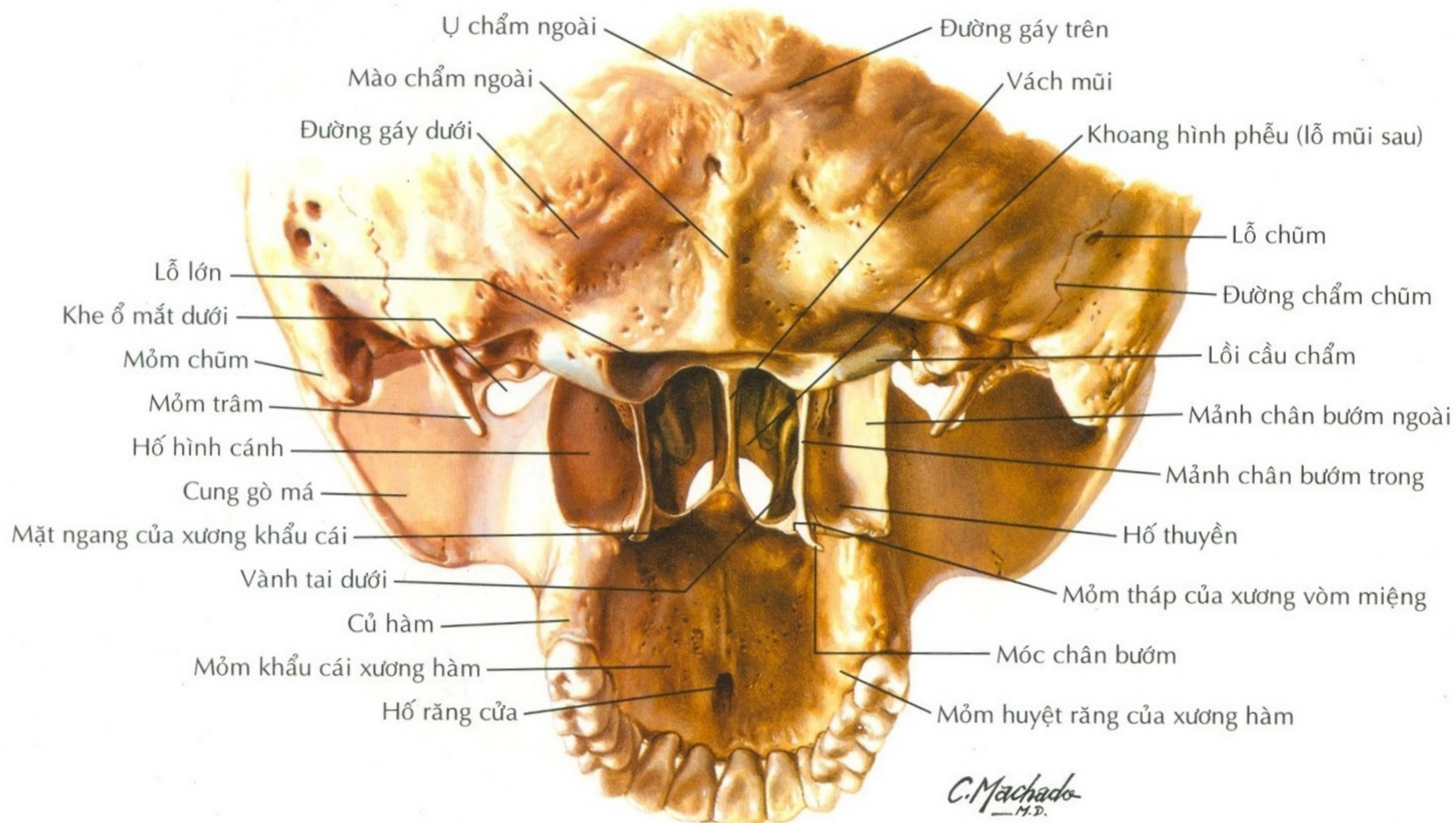


**Cột sống cổ: phim X-quang bên (nghe)**

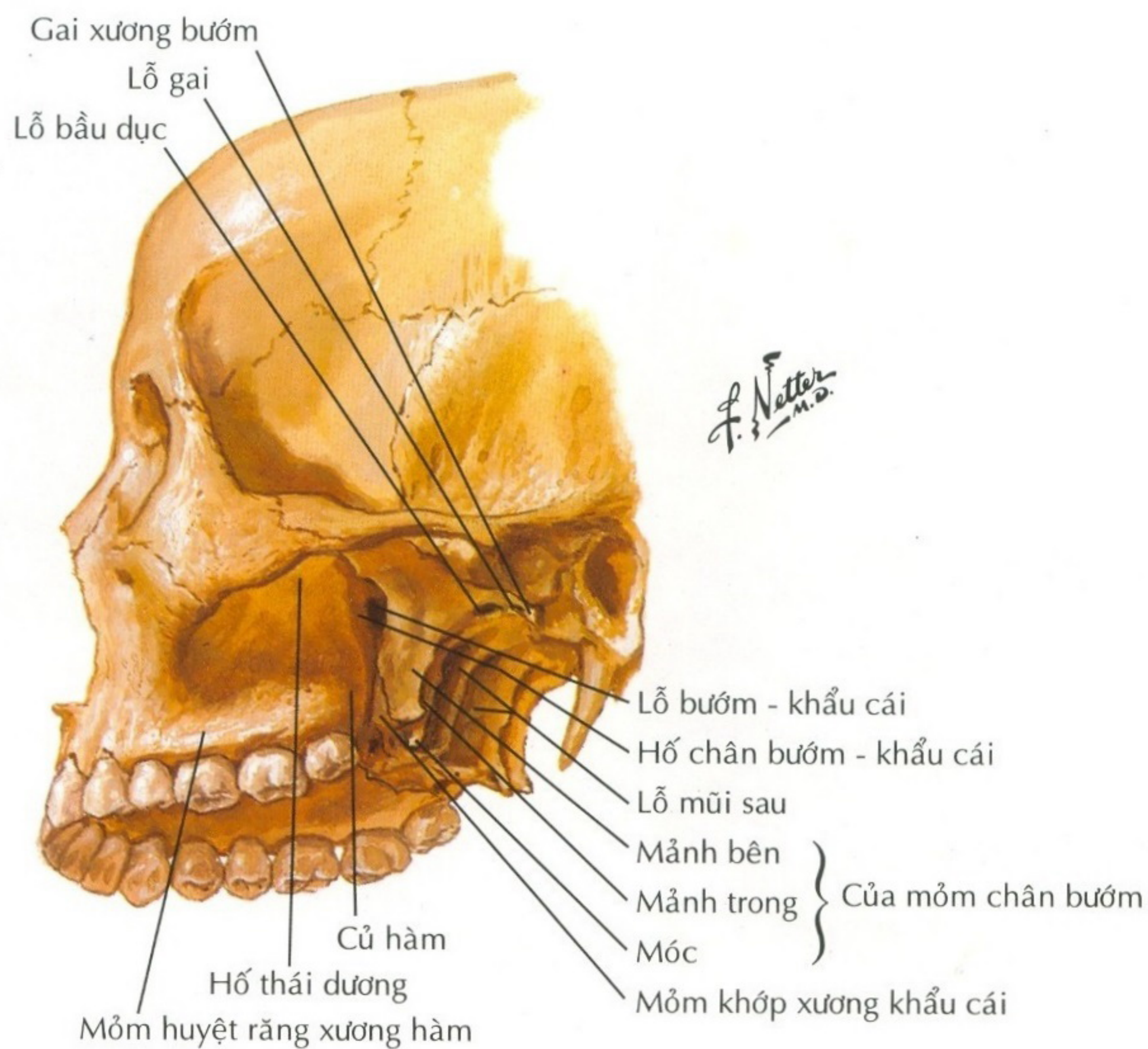
- S Mỏ gai (đốt trục)
- T Mỏ ngang
- VP Mỏ ngang của C7 (đốt lồi)
- Z Khớp (diện khớp) liên mỏm khớp
- 1-7 Thân các đốt sống
- ... Chiều cong cổ
- └ Ống sống



Nhìn sau



Nhìn bên dưới

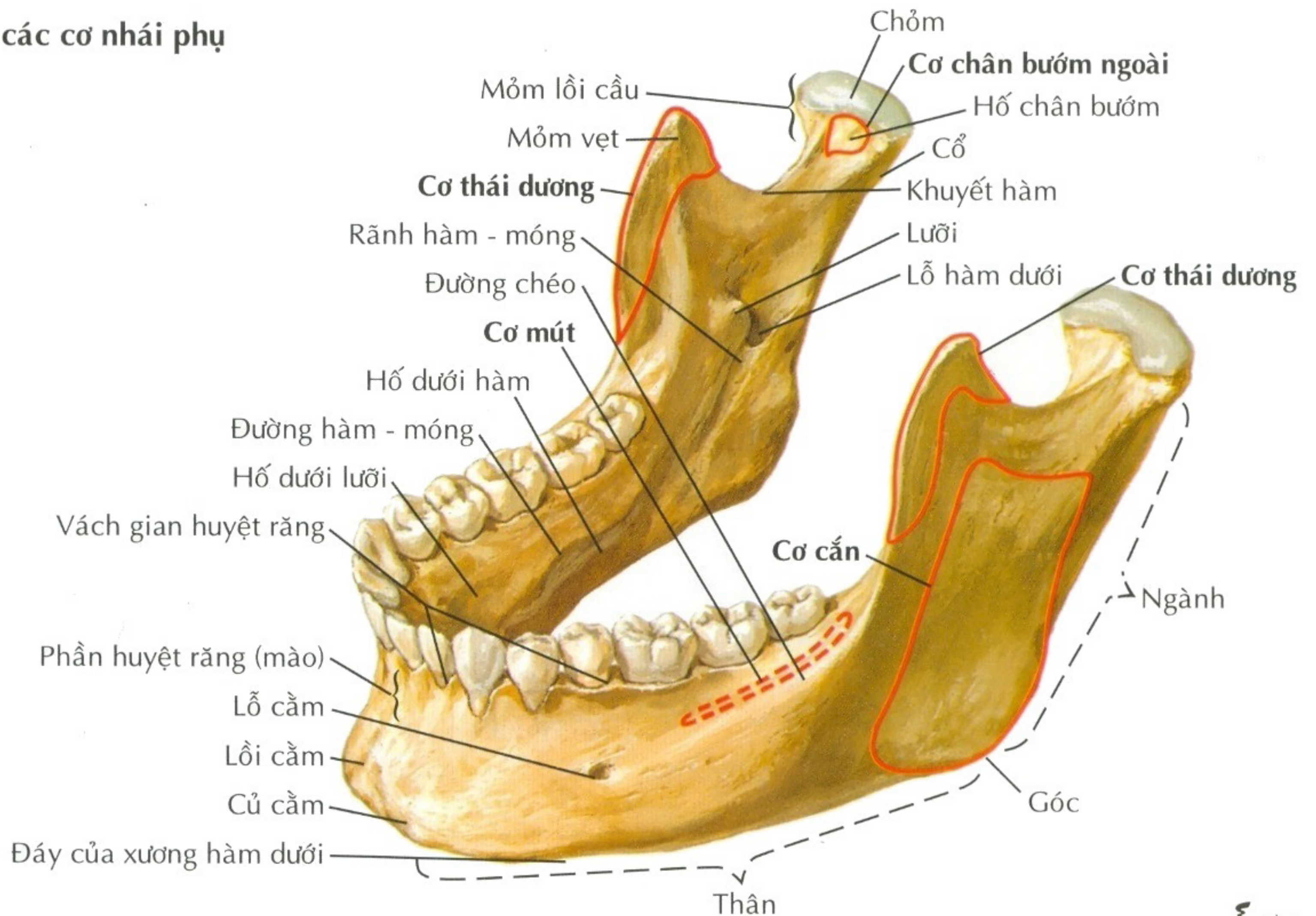




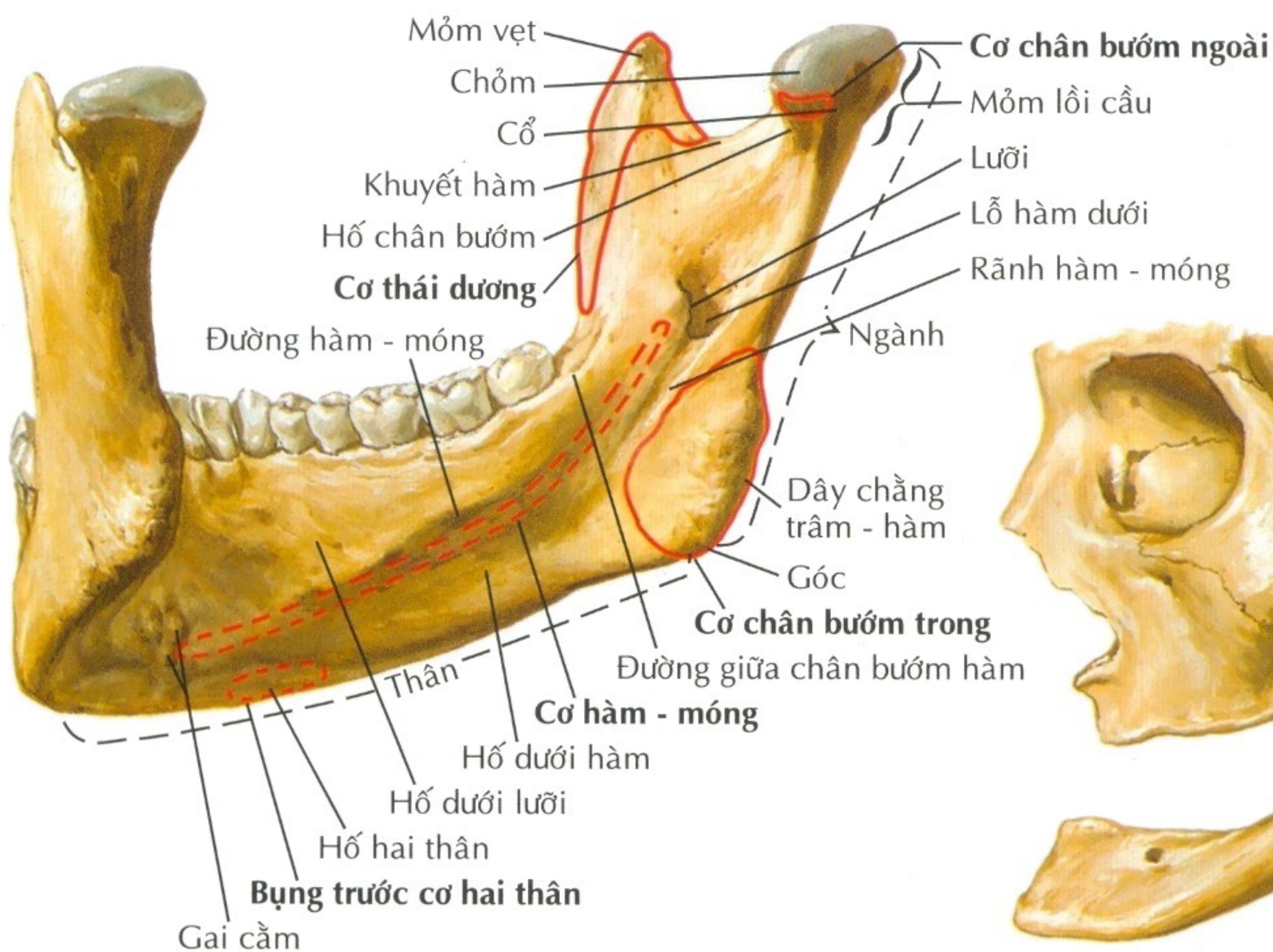
— Chỗ bám của các cơ nhai chính

--- Chỗ bám của các cơ nhai phụ

**Xương hàm người trưởng thành:**  
Nhìn chếch từ trên - trước - ngoài



*F. Netter M.D.*



**Xương hàm người trưởng thành:**  
Nhìn từ sau - trái

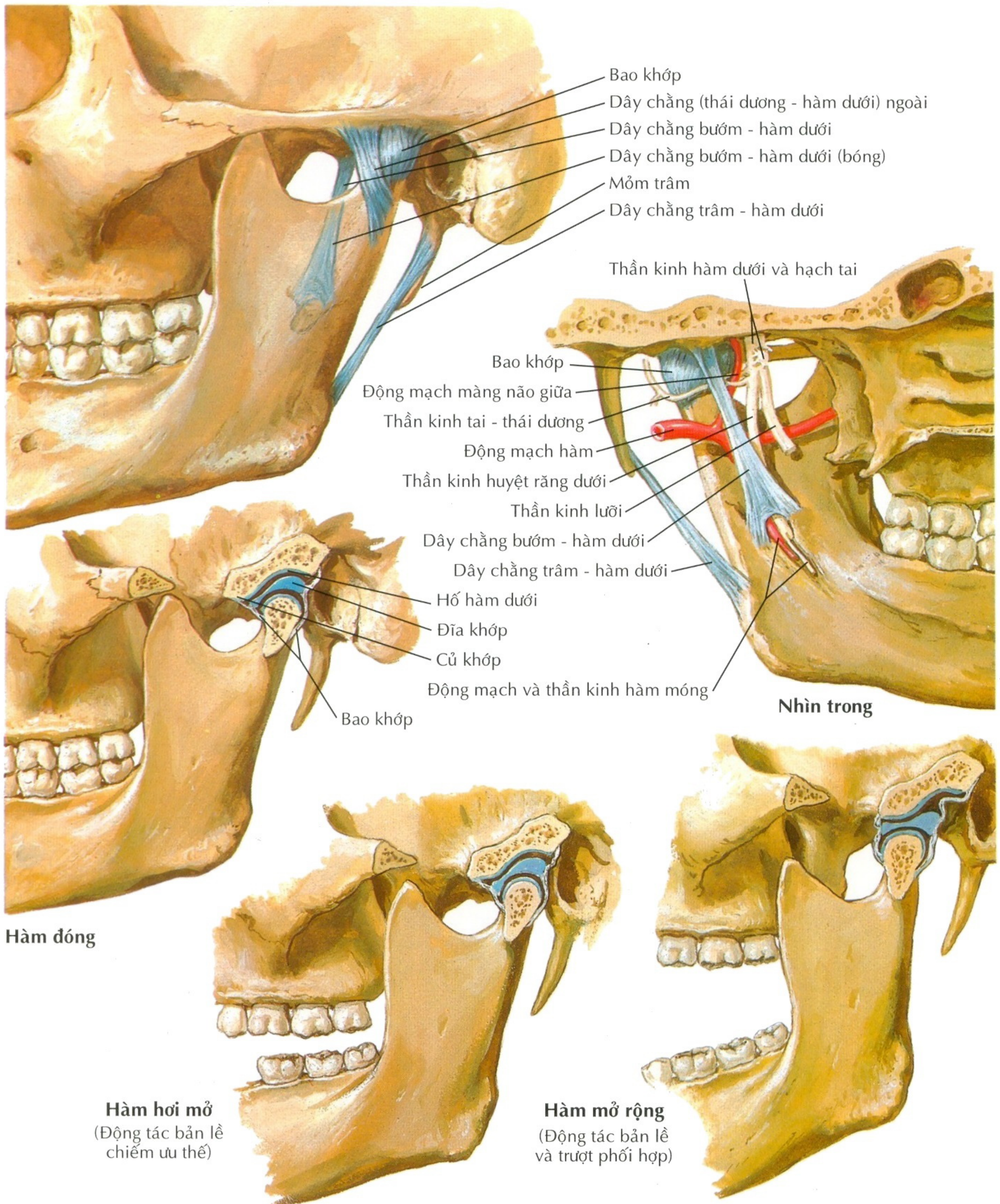


**Xương hàm của người già (mất răng)**



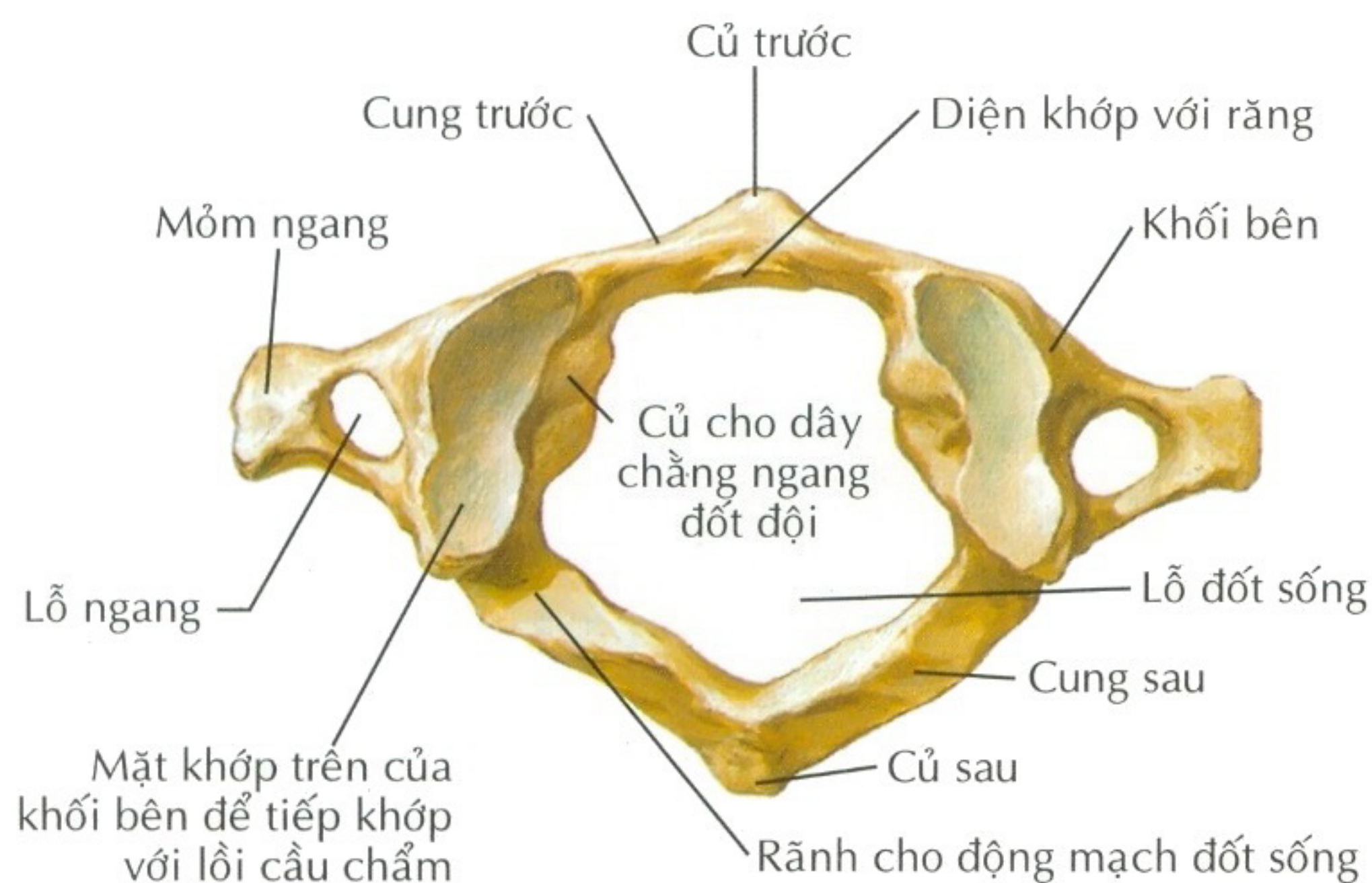
Nhìn bên

*F. Netter M.D.*

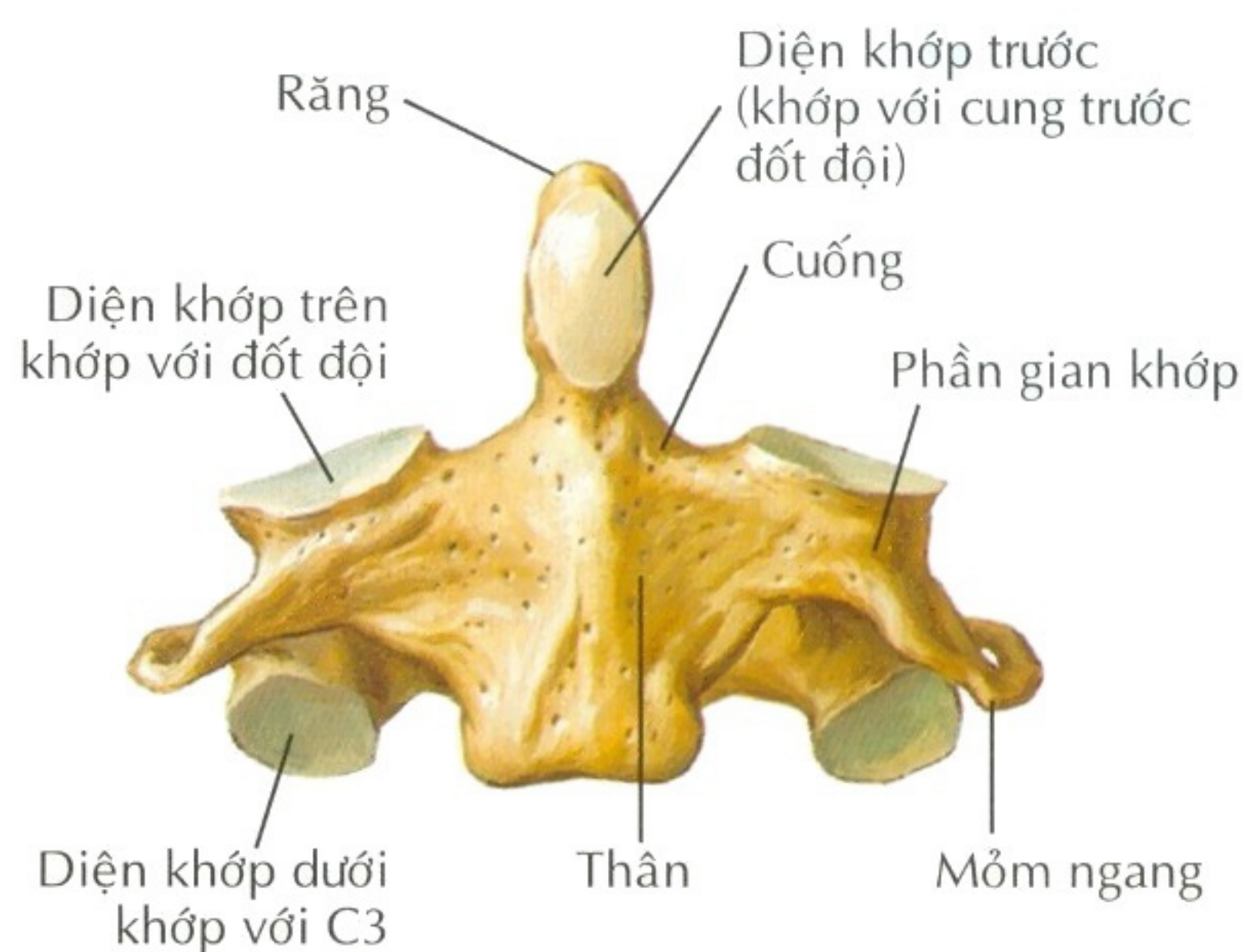




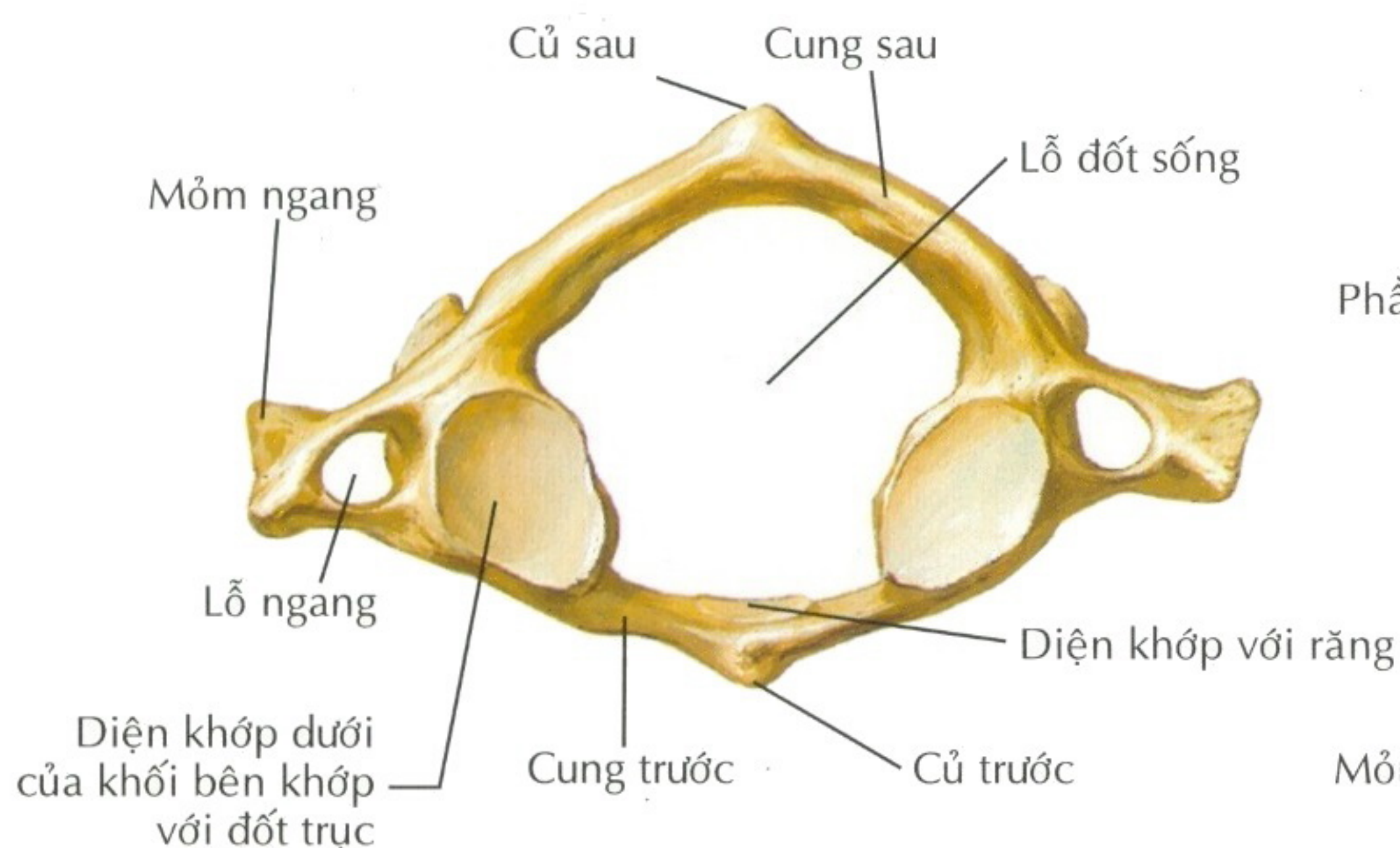
Xem thêm hình 13, 153



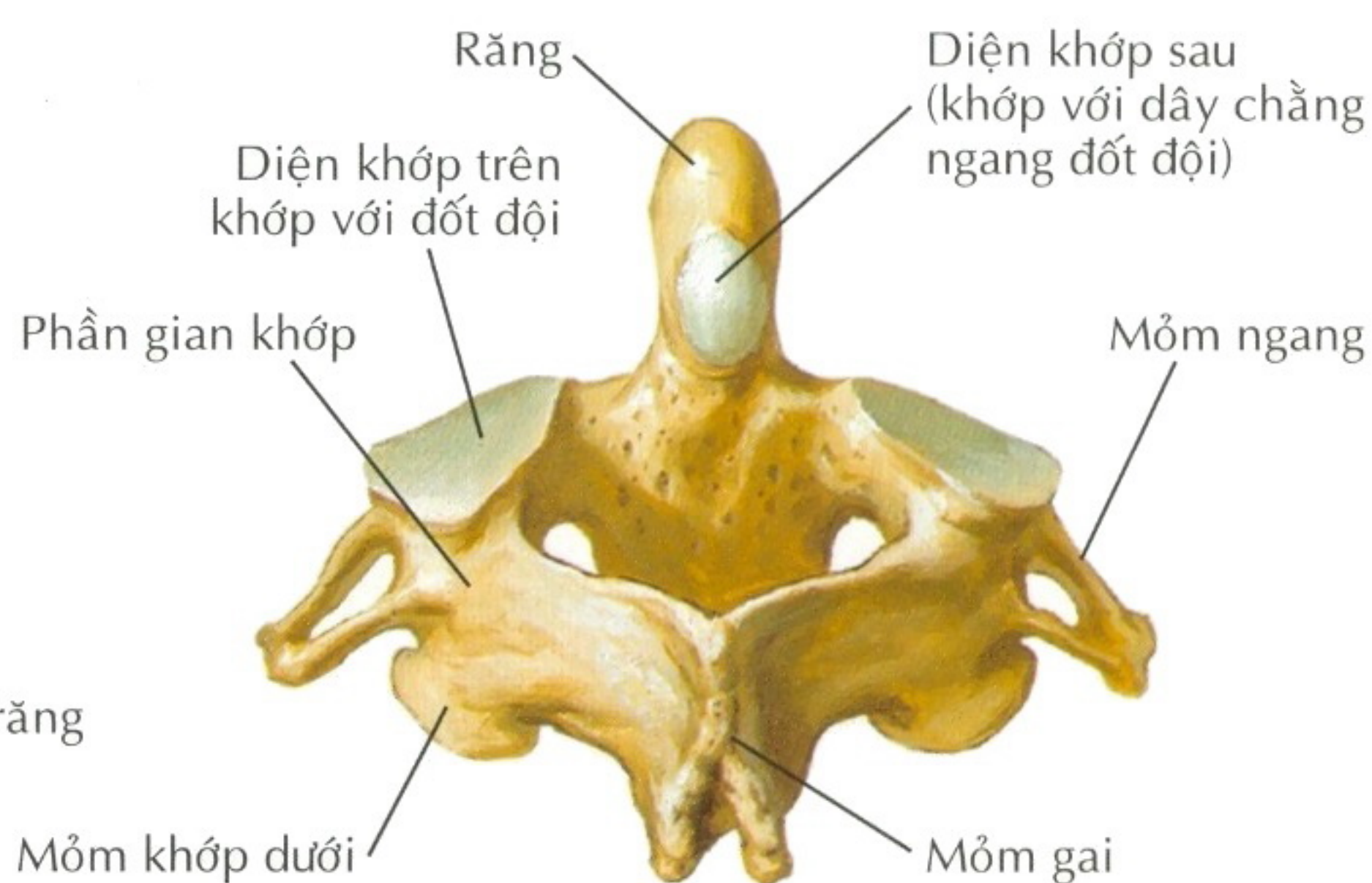
**Đốt đội (C1): nhìn trên**



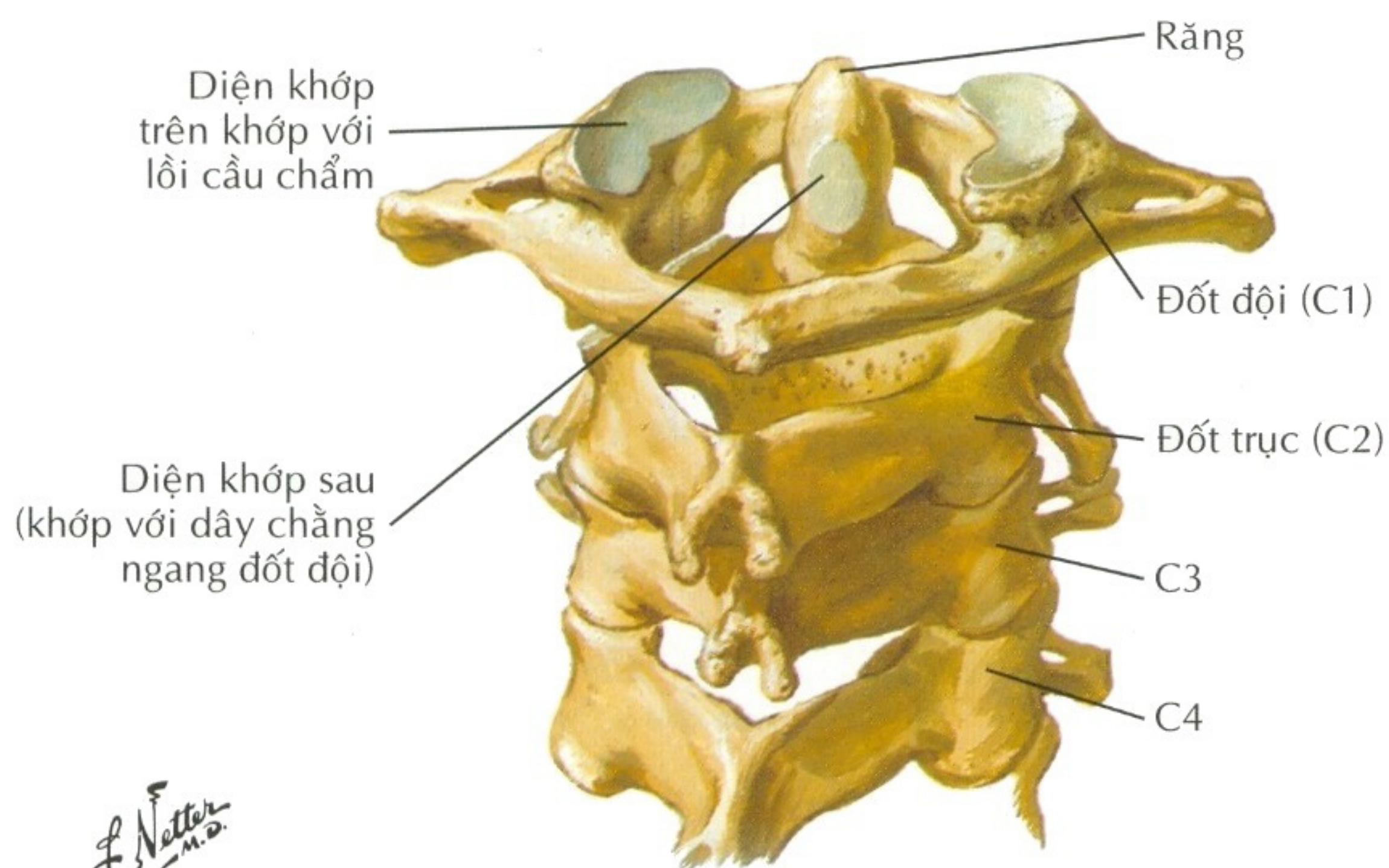
**Đốt trục (C2): Nhìn trước**



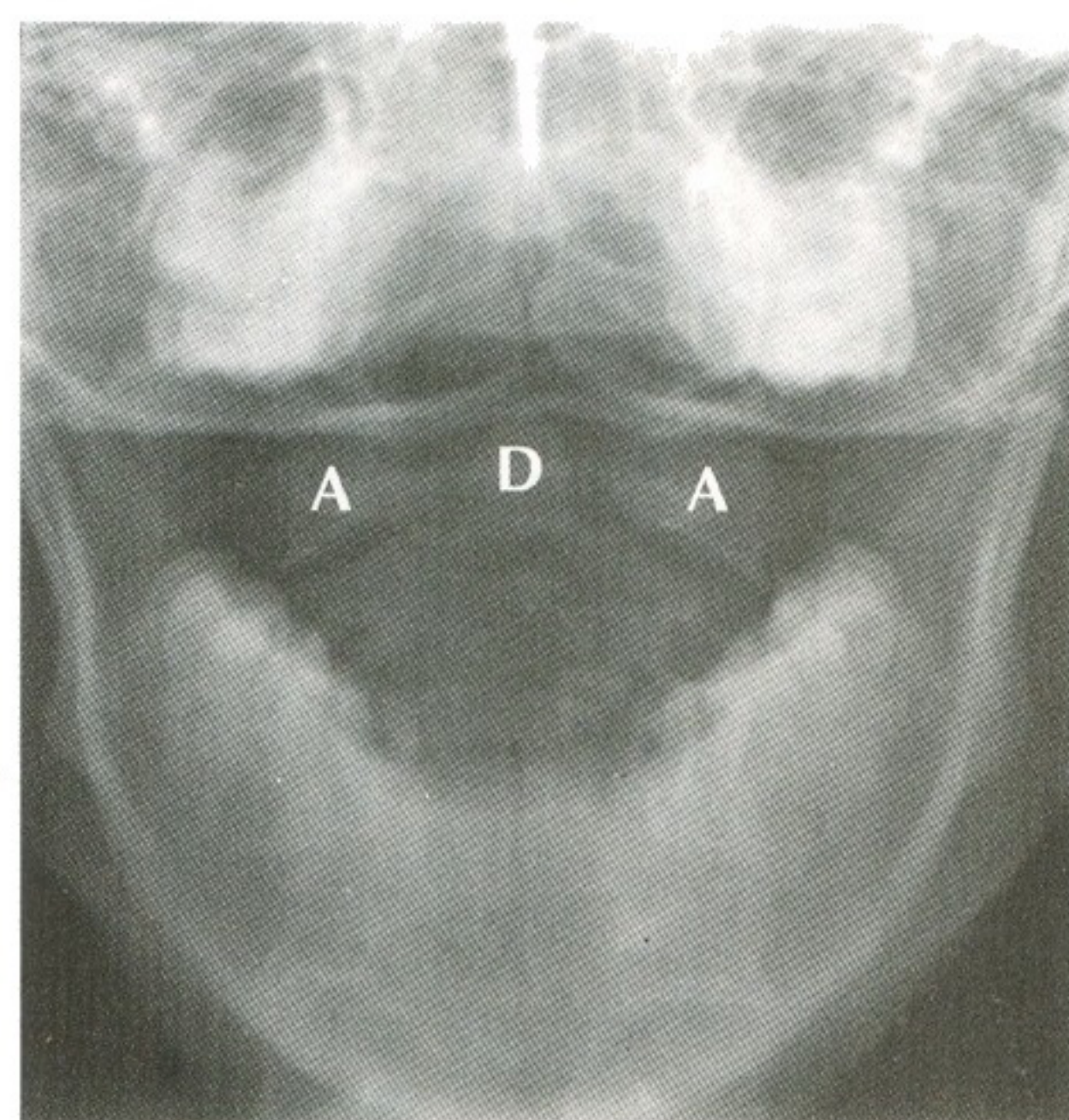
**Đốt đội (C1): nhìn dưới**



**Đốt trục (C2): Nhìn sau - trên**



**Các đốt sống cổ trên khớp nhau:  
Nhìn từ sau - trên**



**Phim X-quang khớp đội - trục  
(há miệng thấy răng)**

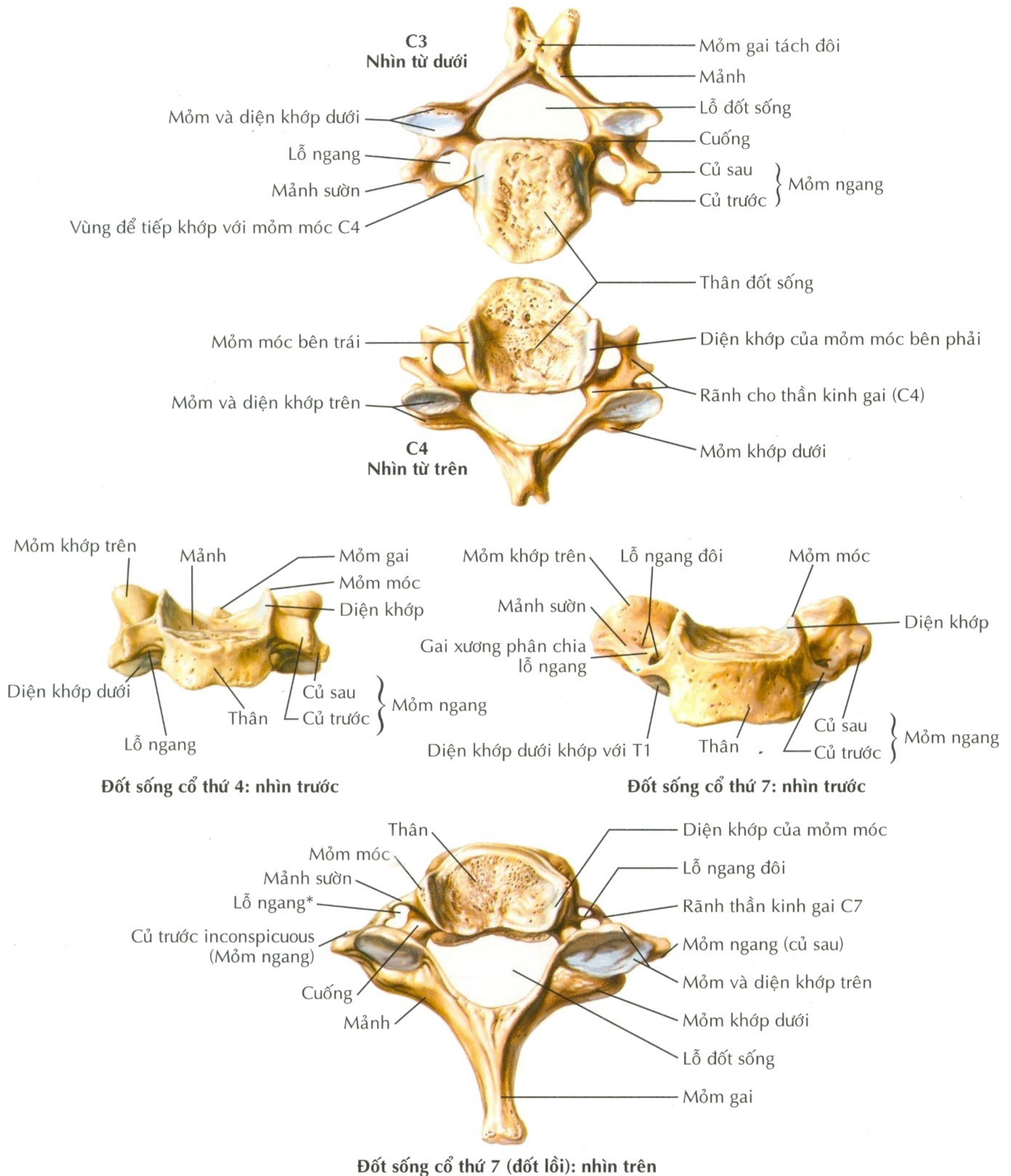
A Khối bên của đốt đội (C1)  
D Răng của đốt trục (C2)



# Các Đốt Sống Cổ: Đốt Đội và Đốt Trục (tiếp theo)

Xem thêm hình 13, 153

Hình ảnh nhìn từ dưới của C3 và nhìn từ trên của C4 cho thấy những vị trí của mặt khớp và khớp móc - đốt sống

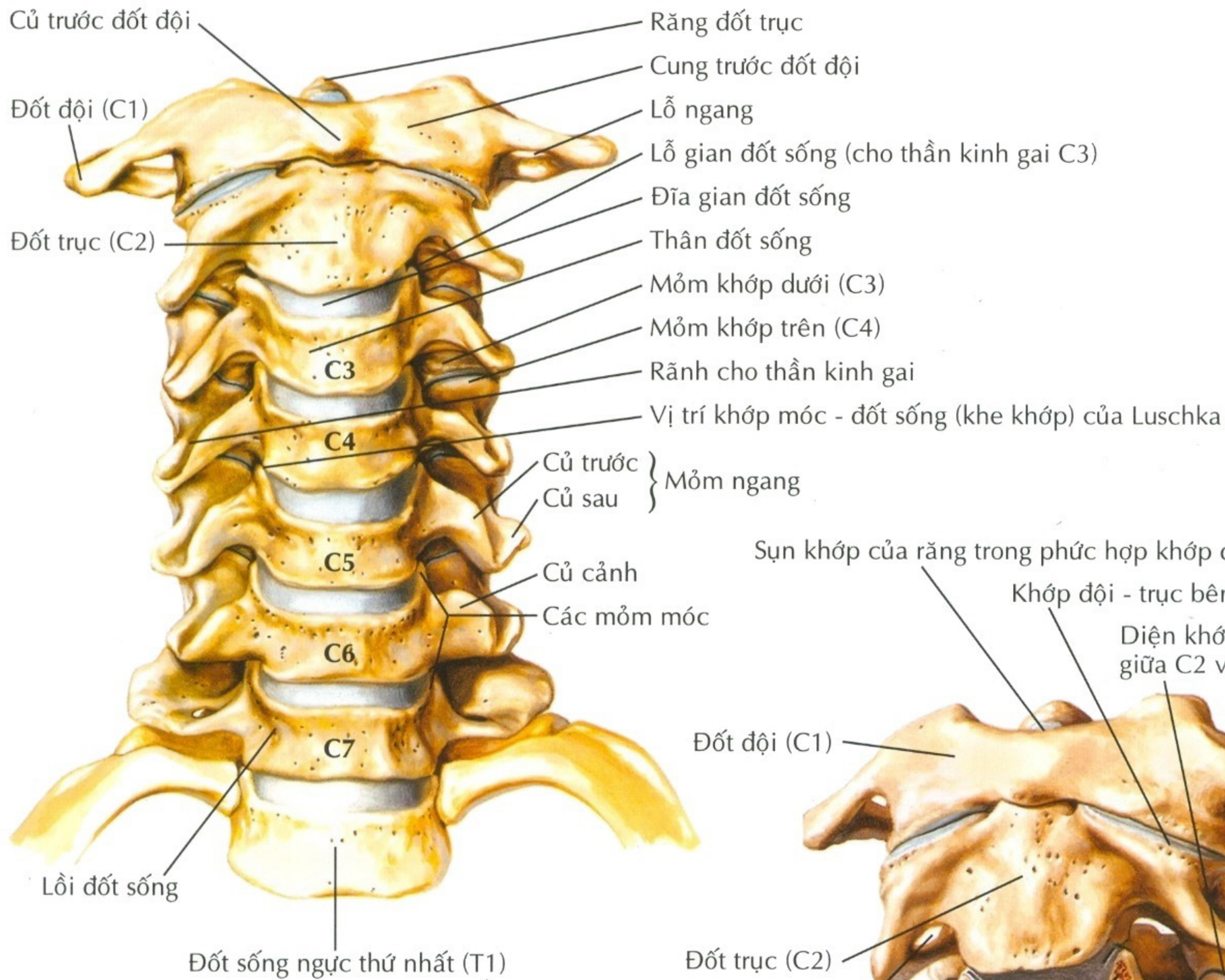


\*Lỗ ngang của C7 cho các tĩnh mạch đốt sống chứ không phải động mạch đốt sống đi qua và trên mẫu vật này là không đối xứng hai bên.

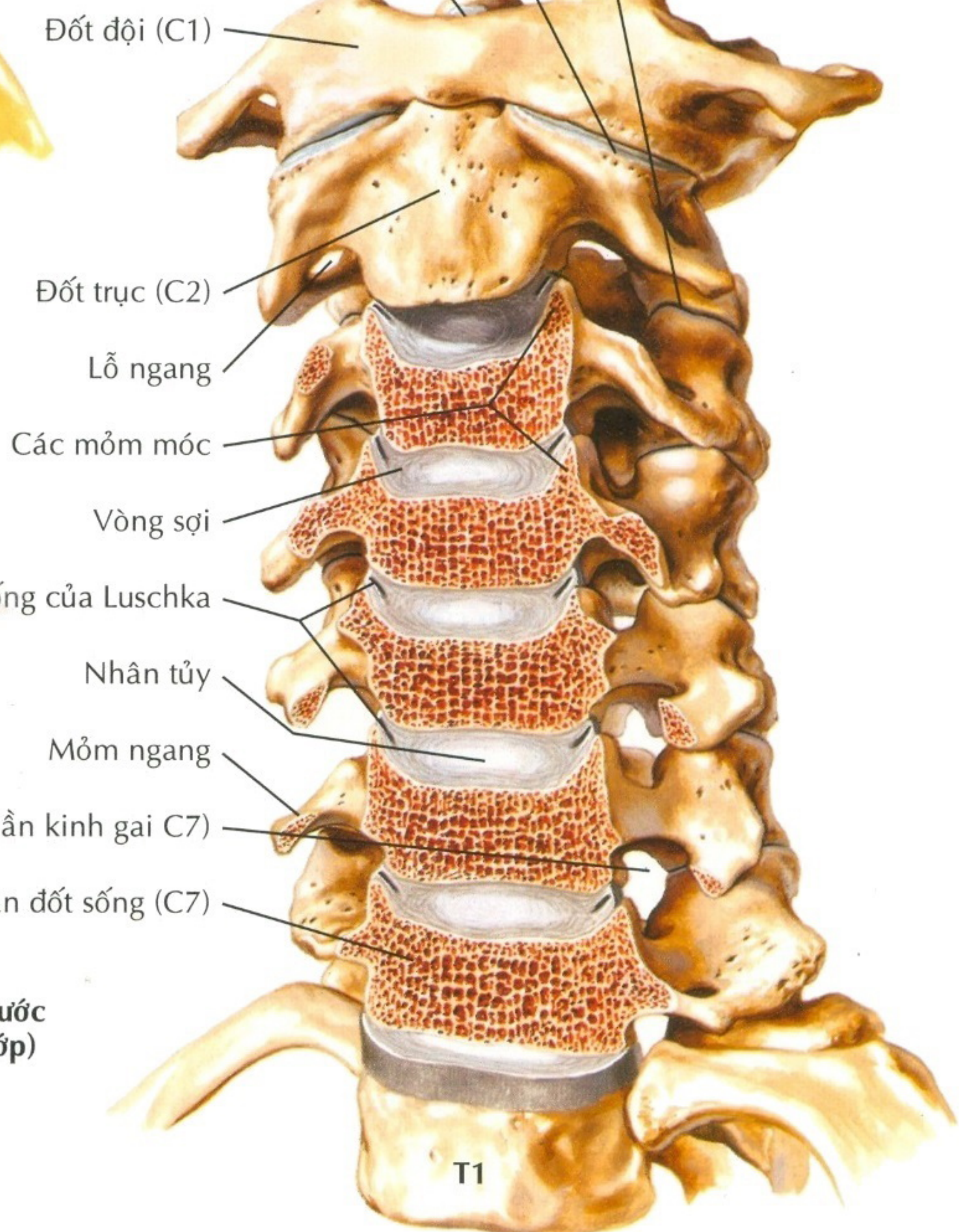
C. Machado  
—M.D.



Các đốt sống cổ: nhìn trước



Sụn khớp của răng trong phức hợp khớp đội - trục giữa  
Khớp đội - trục bên  
Diện khớp (gian mỏm khớp) giữa C2 và C3



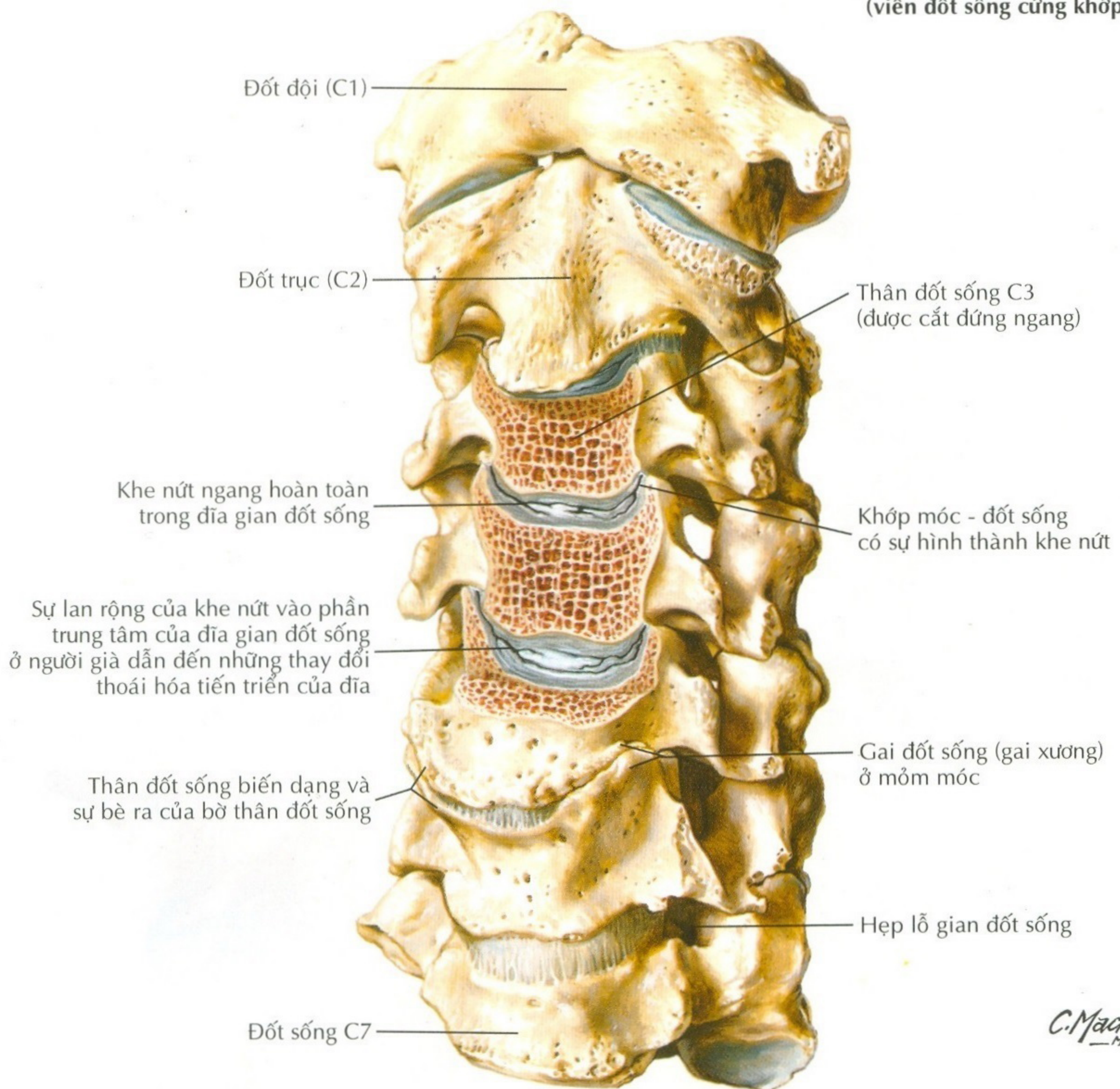
Các khớp móc - đốt sống của cột sống cổ: Nhìn trước (C3-C7 đã được các đứng ngang để bộc lộ các khớp)

C. Machado  
— H.D.

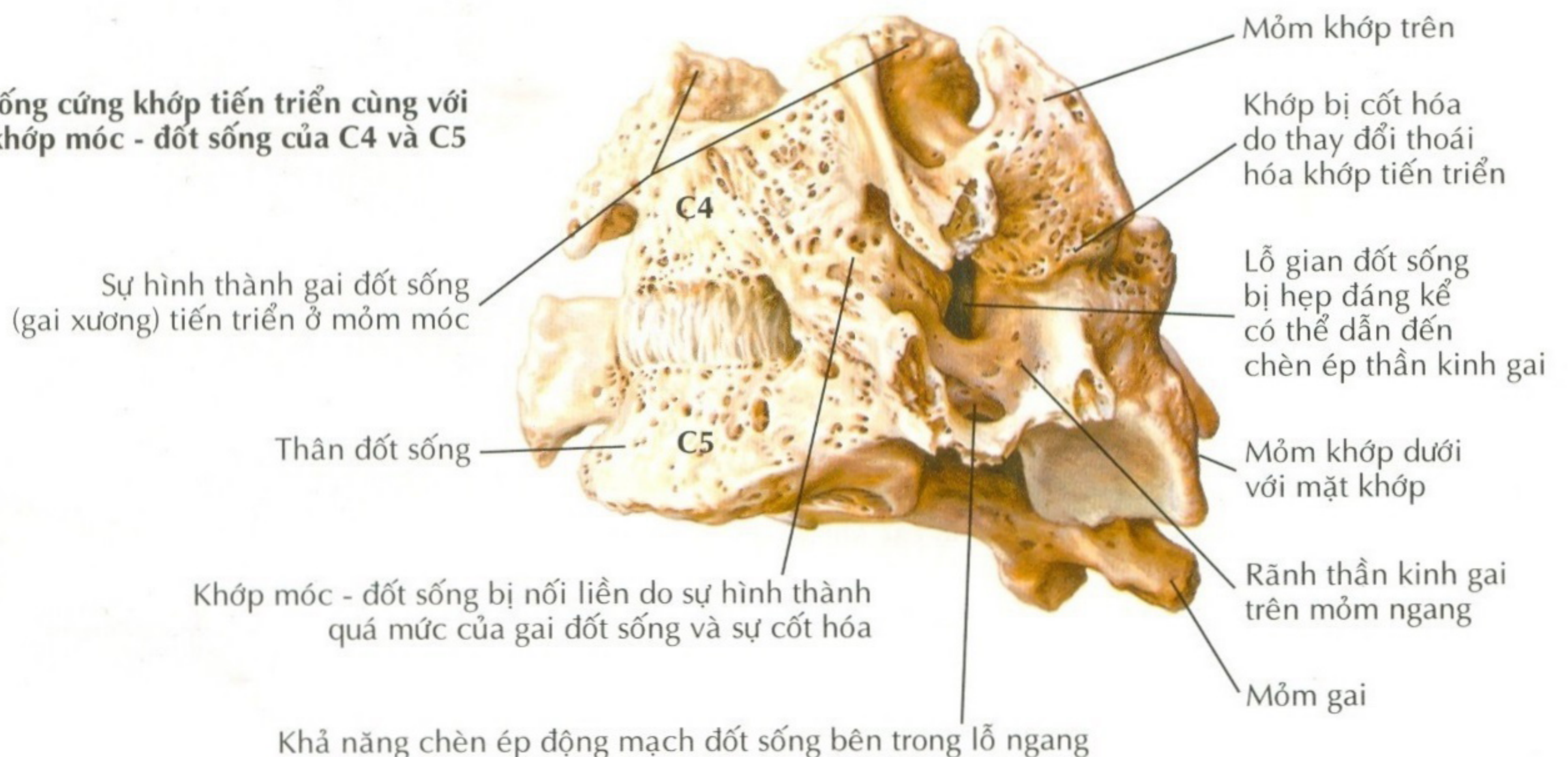


# Những Biến Đổi Thoái Hóa ở Các Đốt Sống Cổ

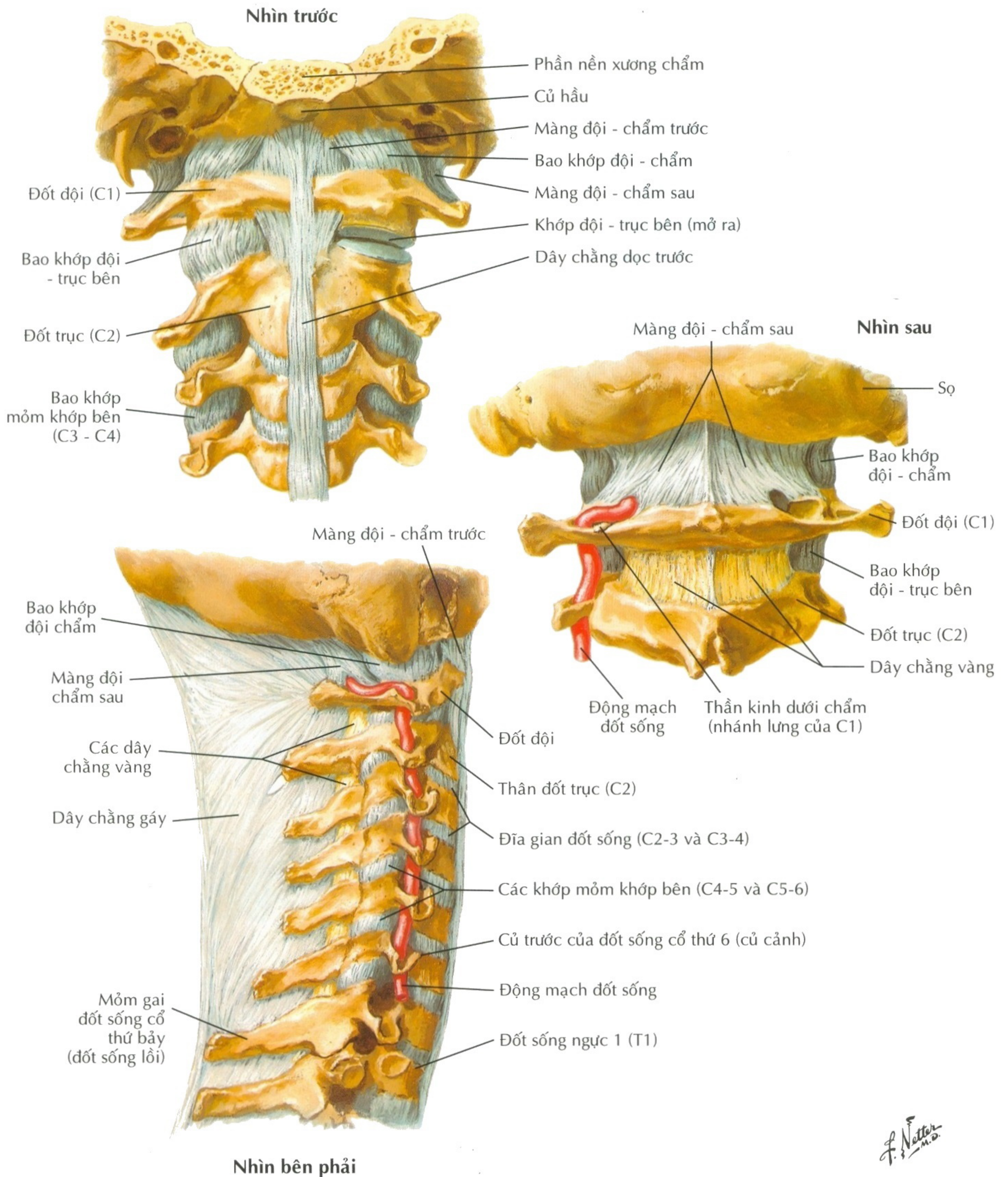
Những biến đổi thoái hóa ở cột sống cổ  
(viêm đốt sống cứng khớp)



**Viêm đốt sống cứng khớp tiến triển cùng với  
thoái hóa khớp móc - đốt sống của C4 và C5**



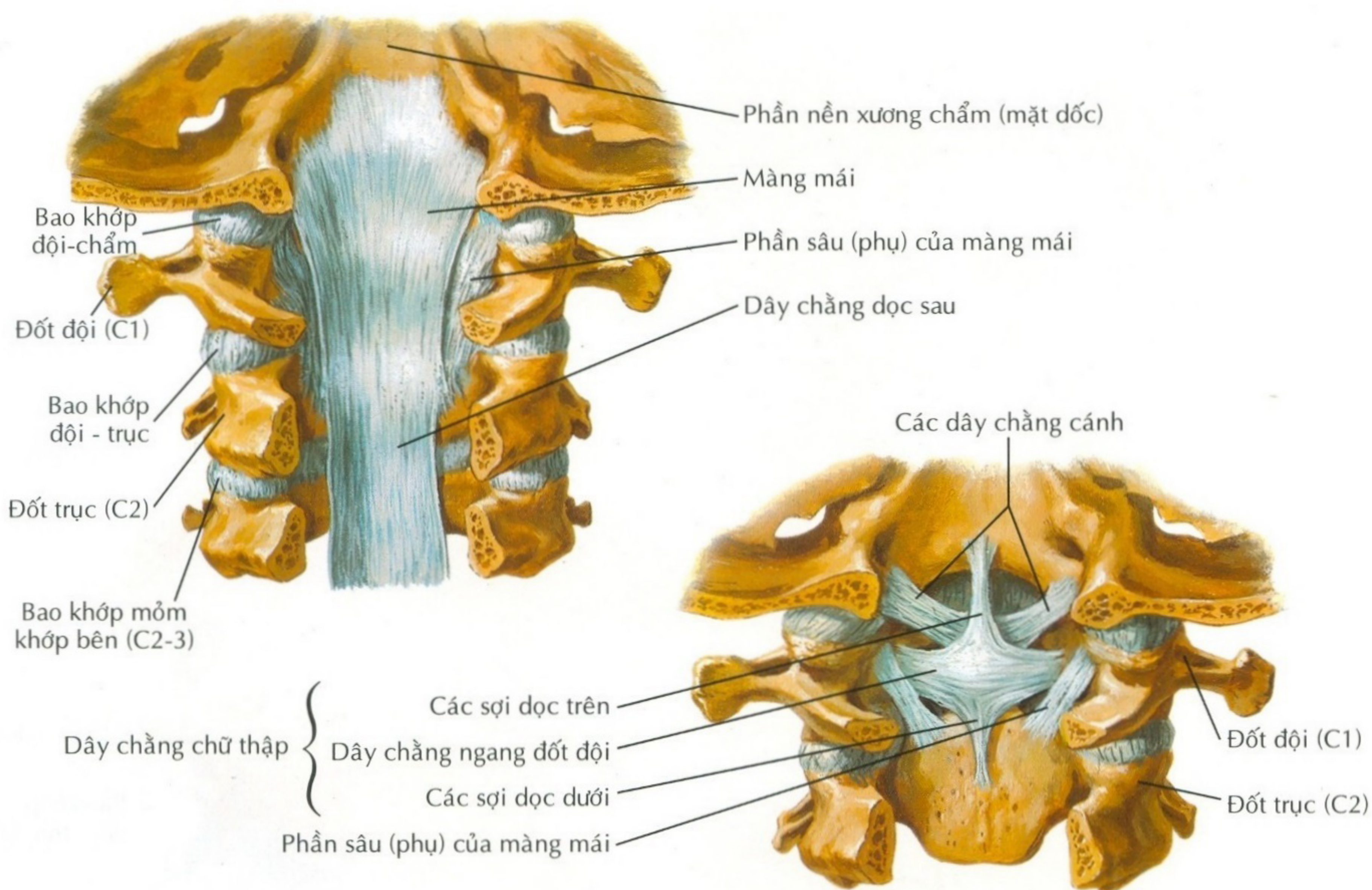




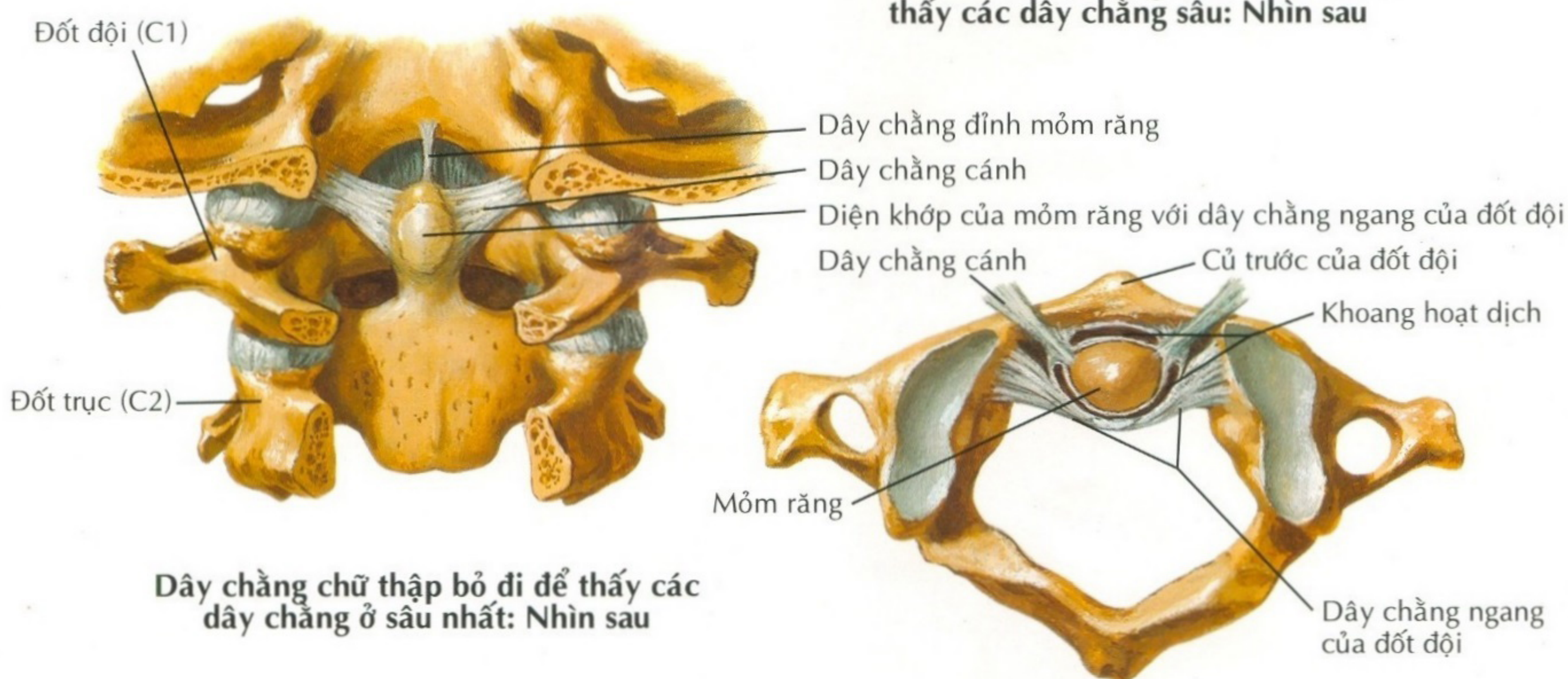
*F. Netter M.D.*



Phần trên ống sống với các mỏm gai và một phần cung đốt sống đã cắt bỏ để thấy các dây chằng ở mặt sau thân đốt sống: Nhìn sau



Phần chính của màng mái đã bỏ đi để thấy các dây chằng sâu: Nhìn sau

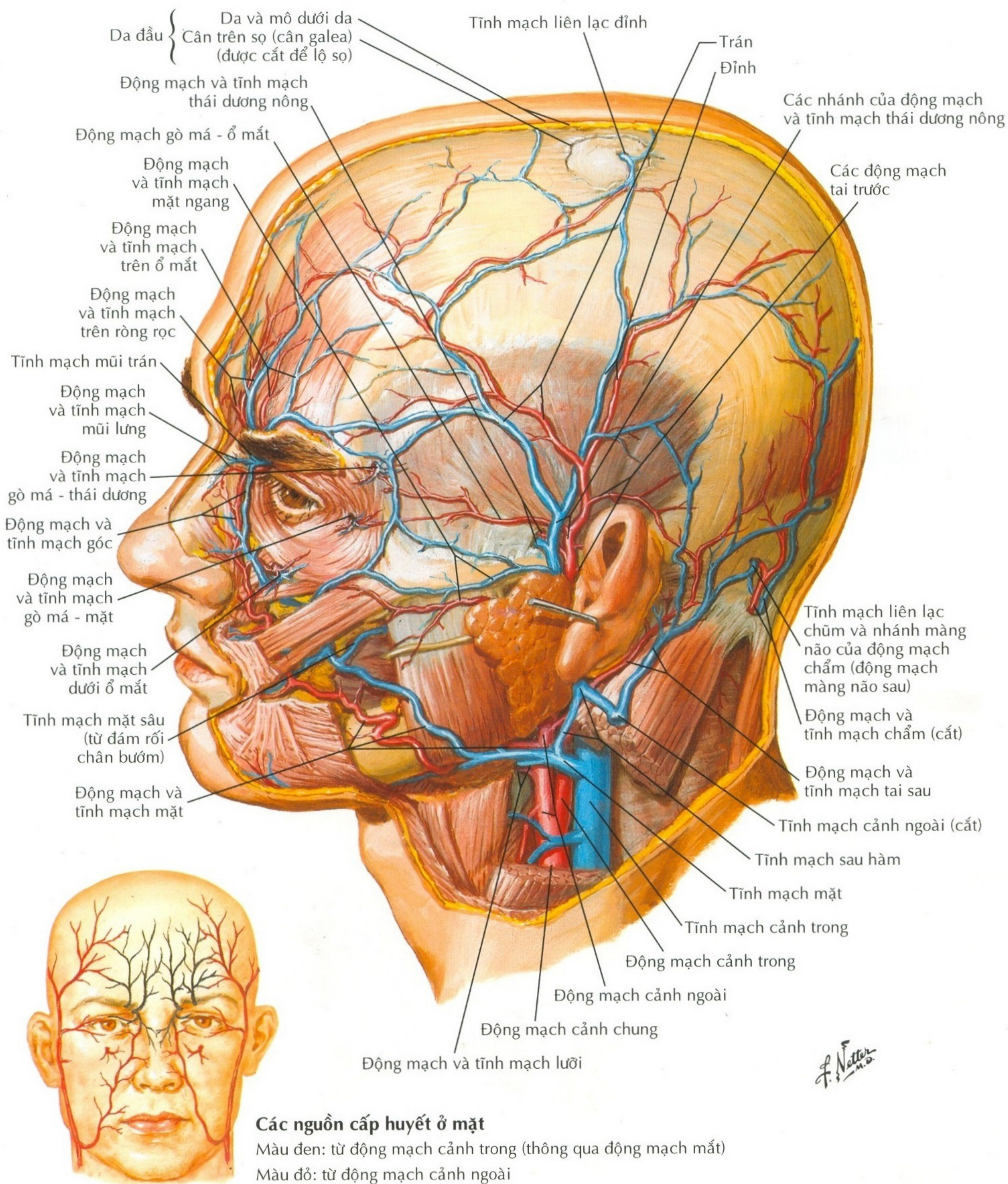


Dây chằng chữ thập bỏ đi để thấy các dây chằng ở sâu nhất: Nhìn sau

Khớp đốt - trục giữa: Nhìn trên

*F. Netter M.D.*

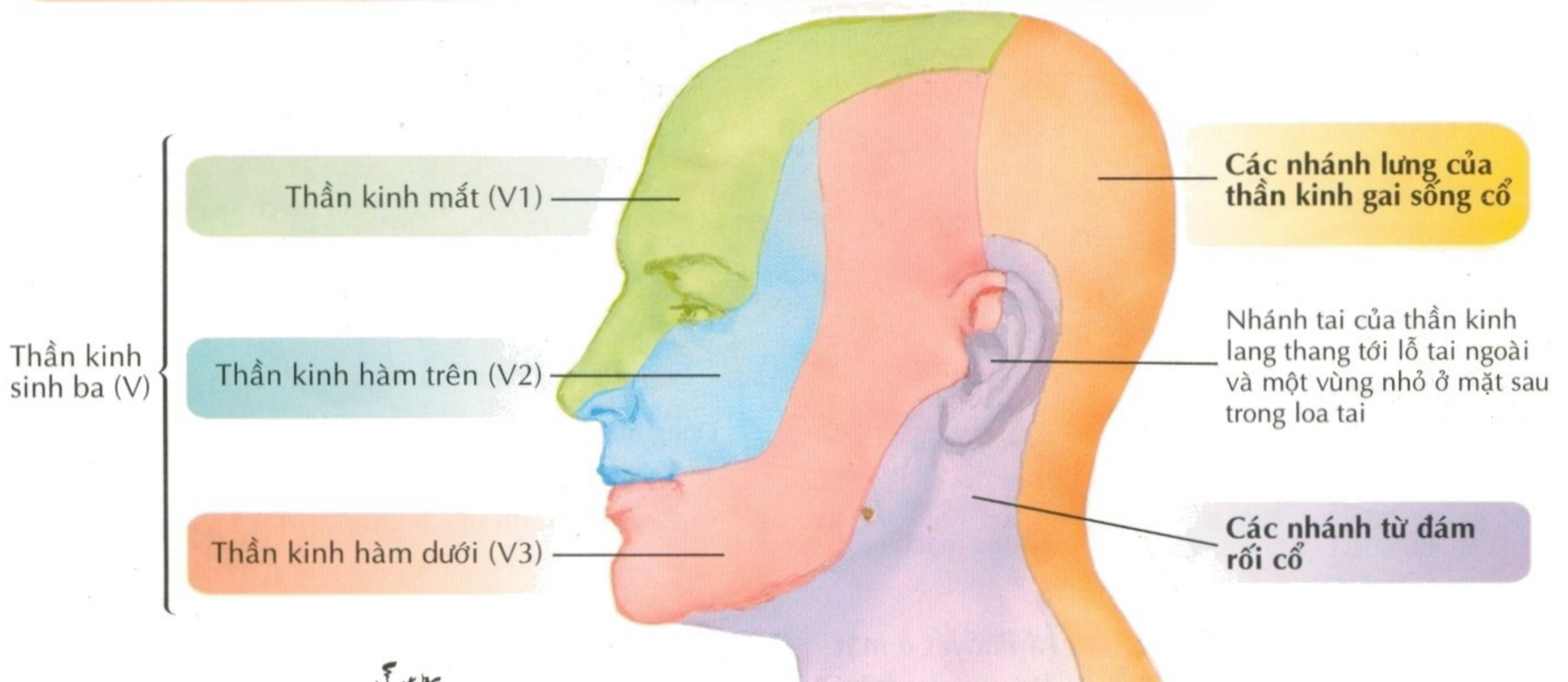
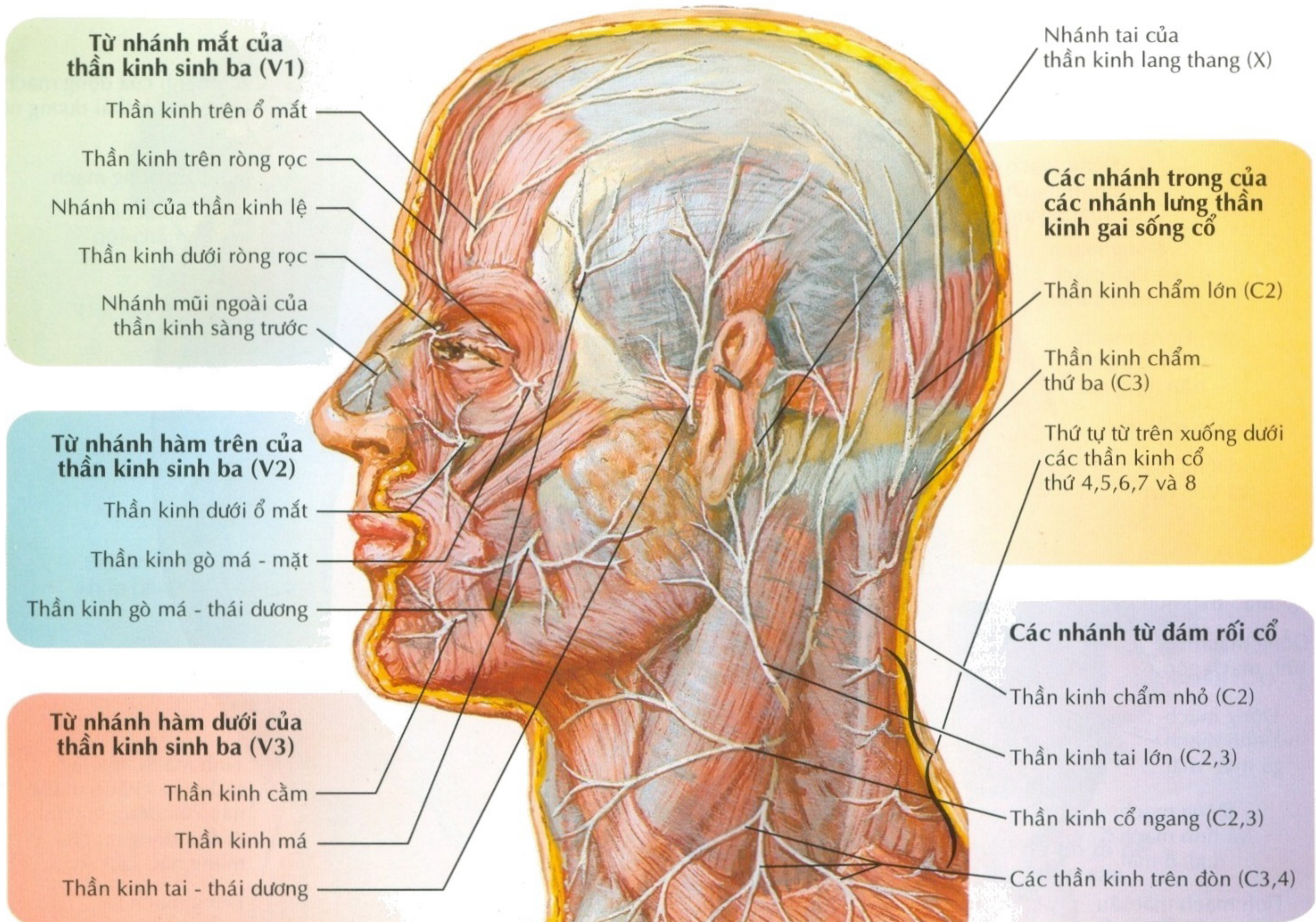






# Các Thần Kinh Bì của Đầu và Cổ

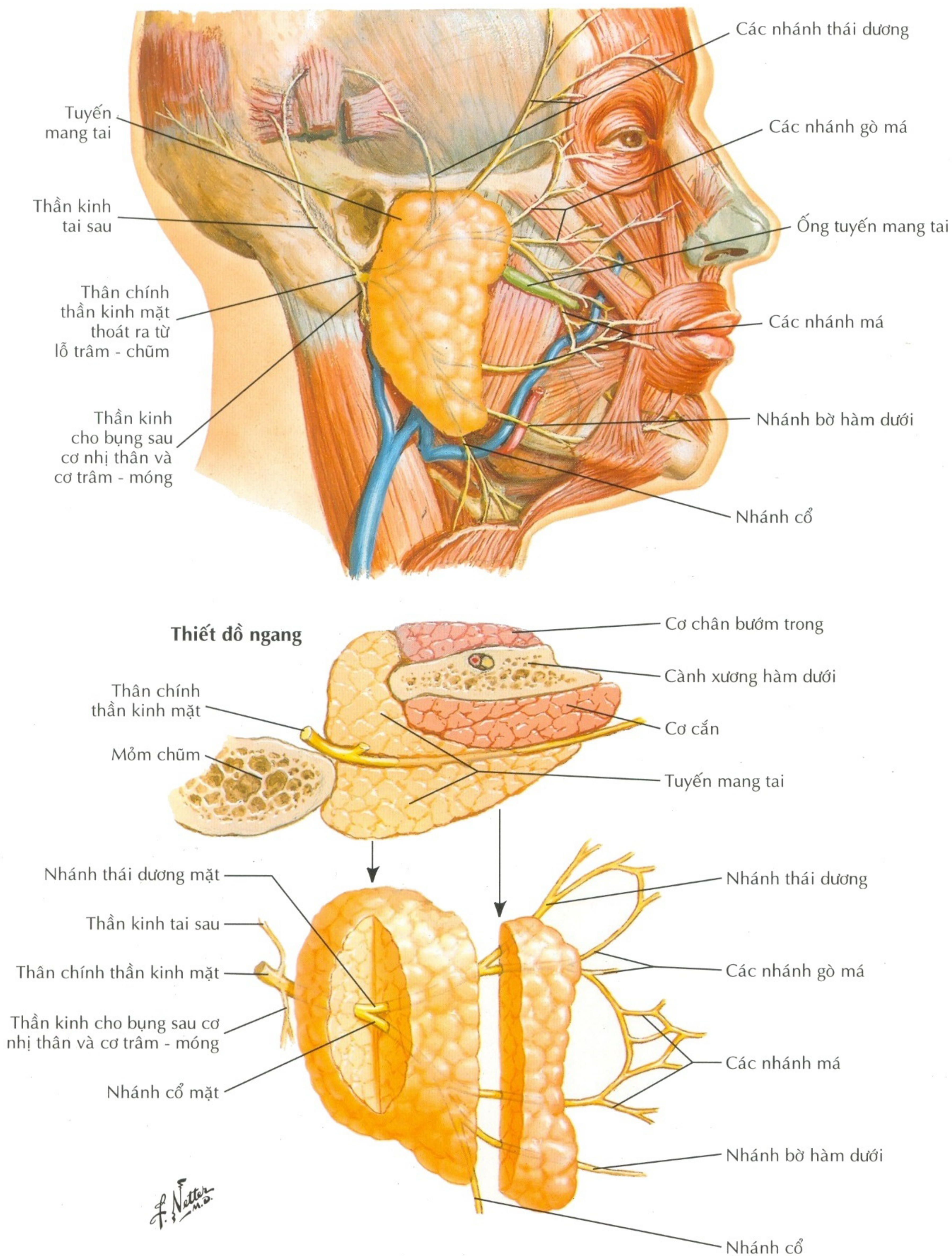
Xem thêm hình 32, 36, 45, 46, 122



*F. Netter M.D.*

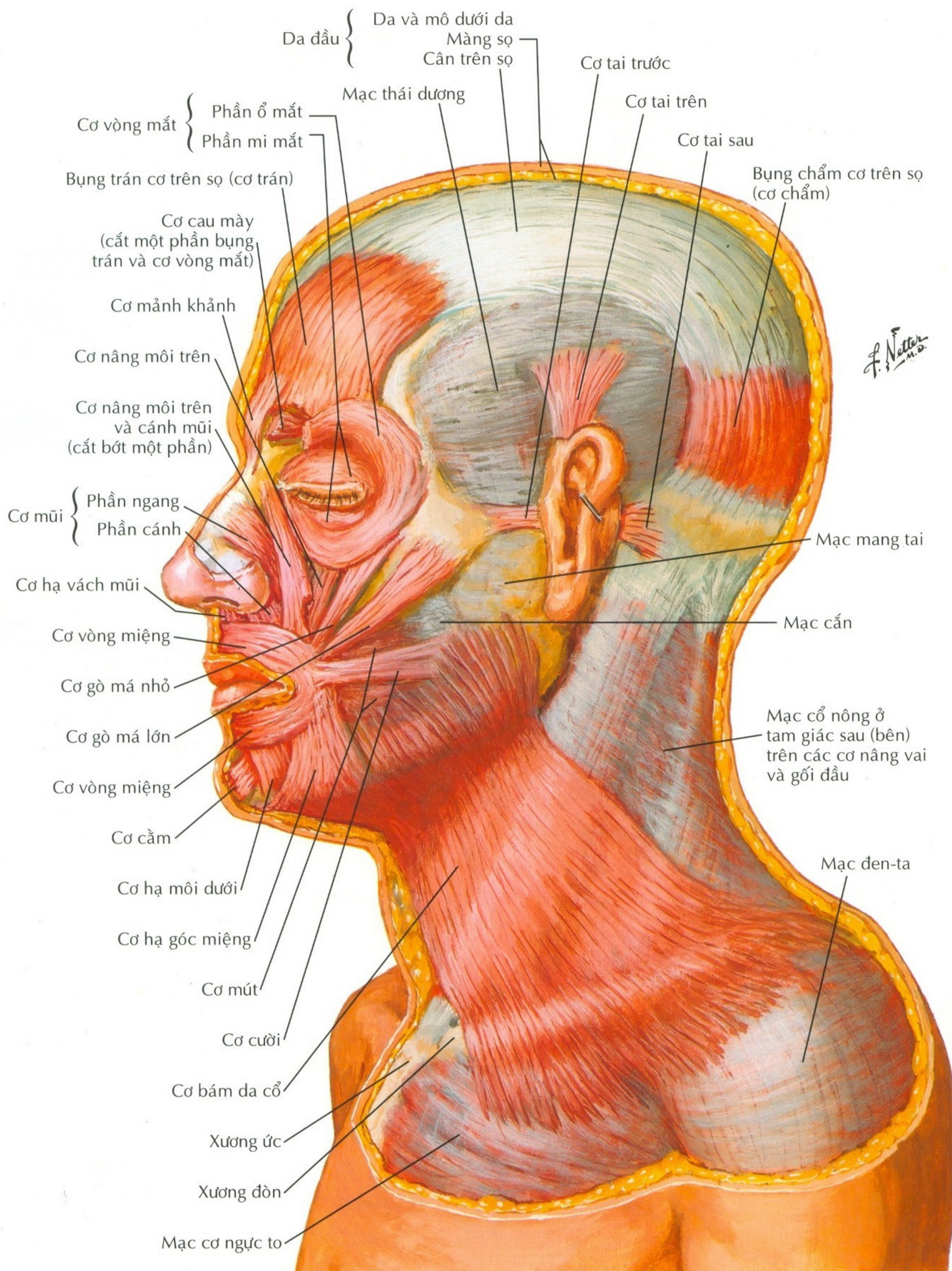


Xem thêm hình 1, 2, 3

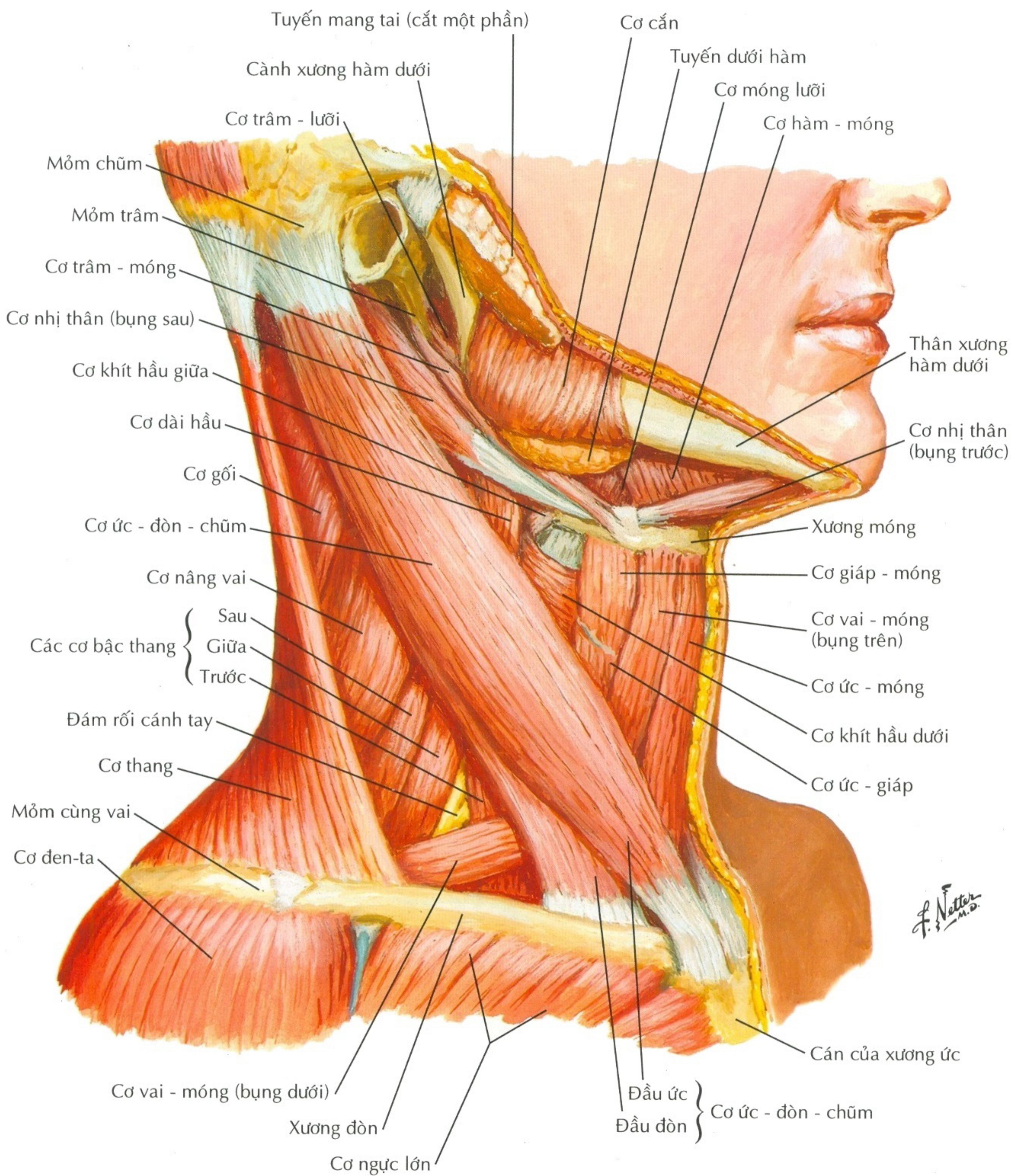




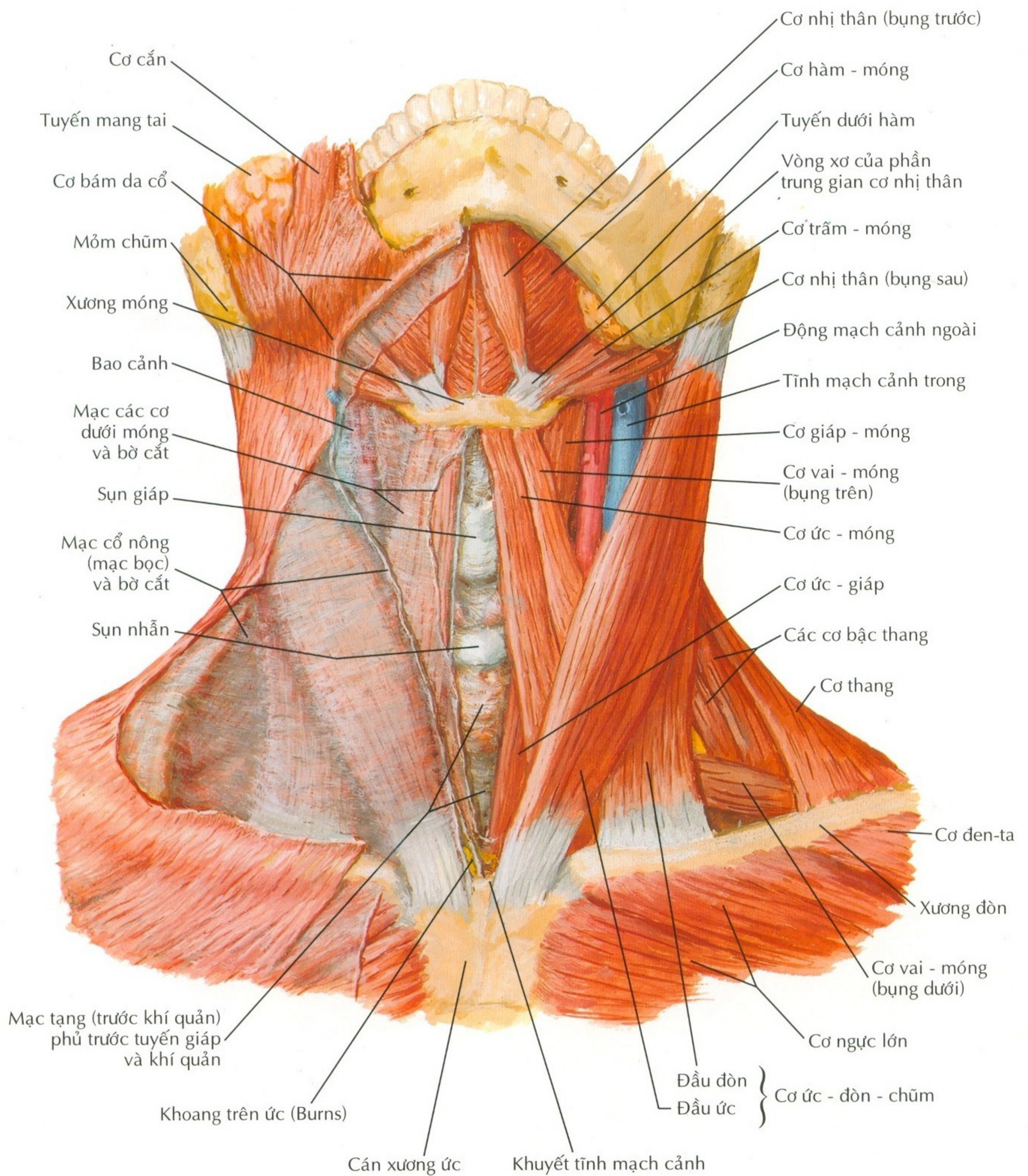
# Các Cơ Biểu Hiện Nét Mặt: Nhìn Bên





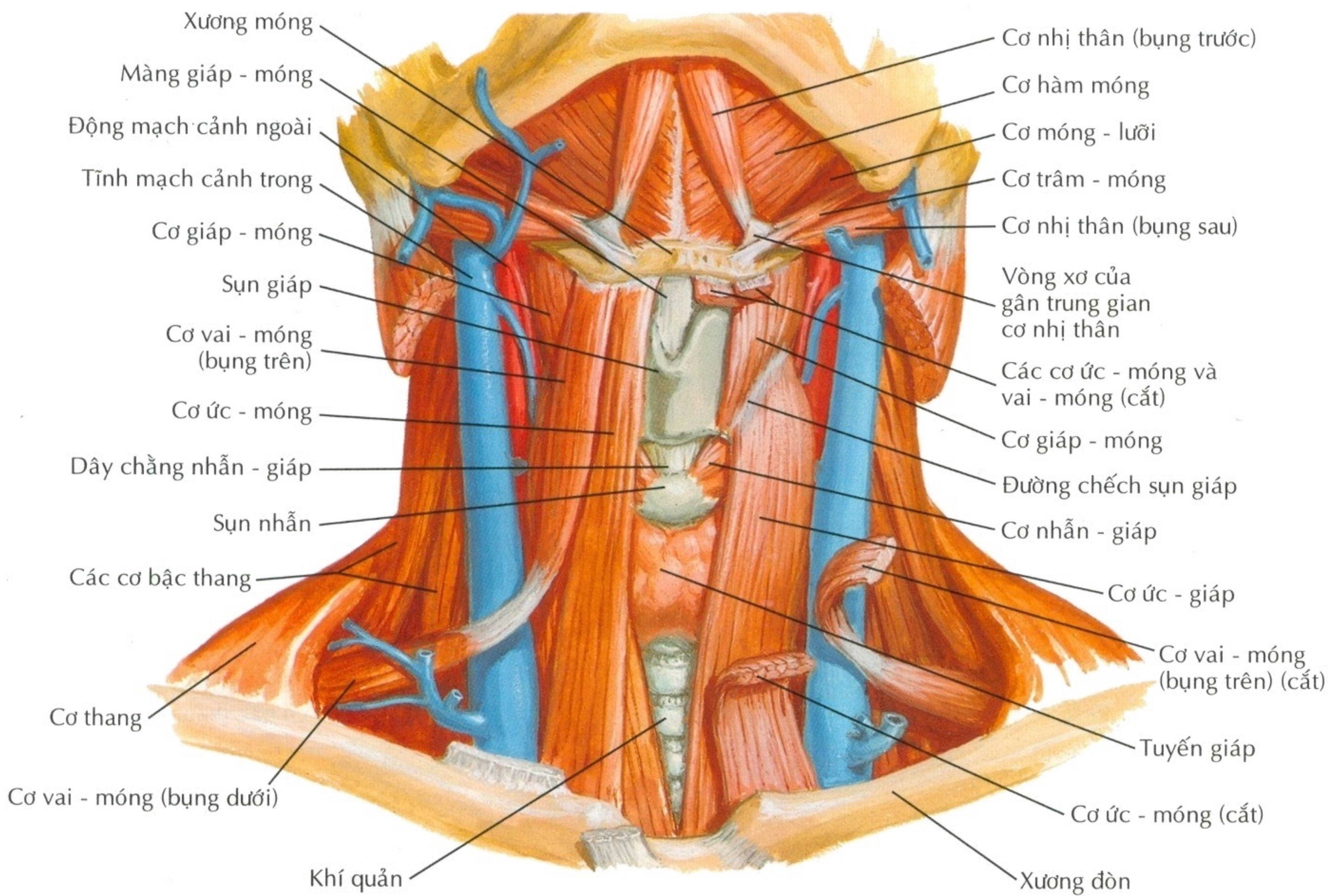




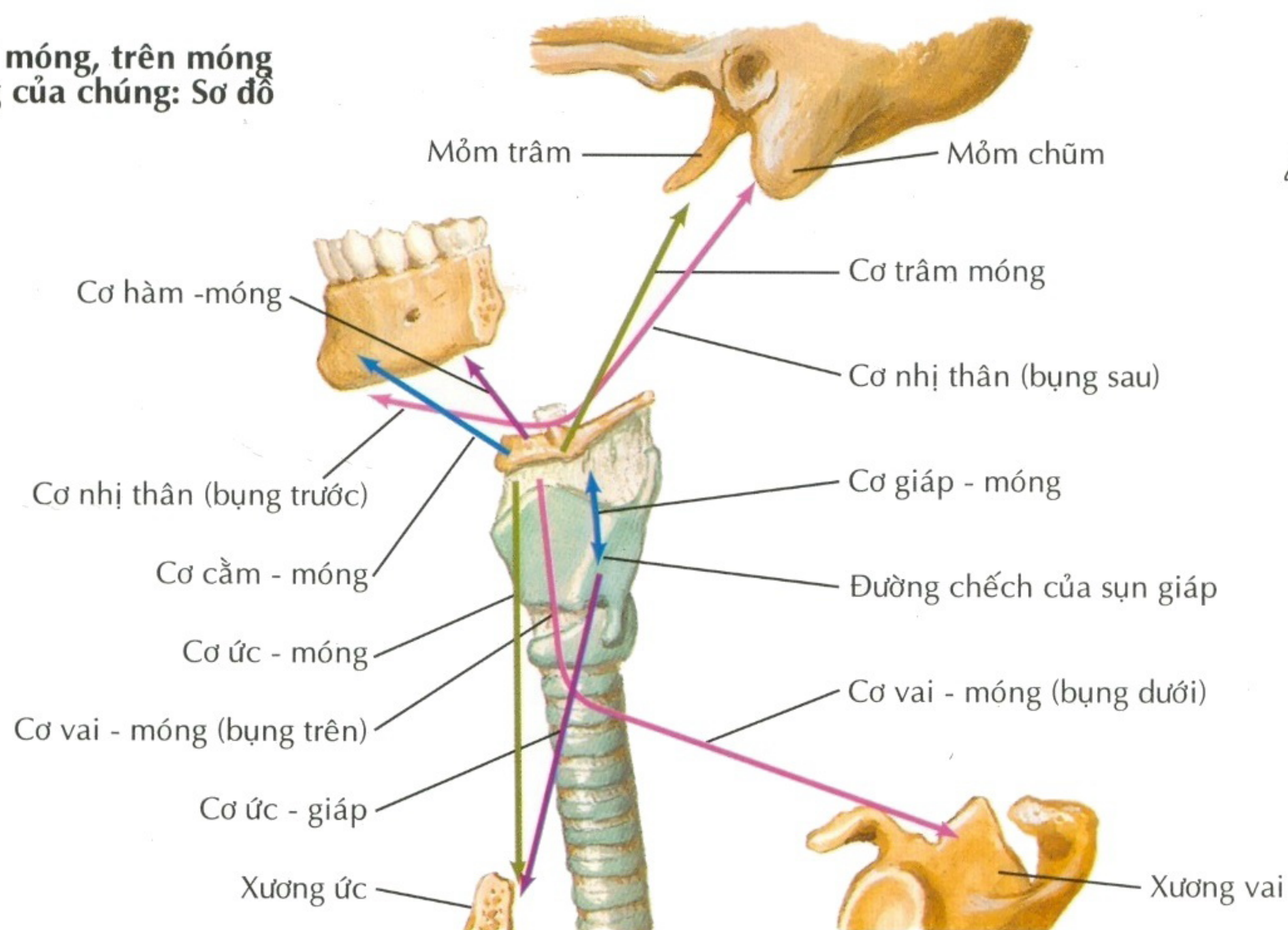


*F. Netter M.D.*



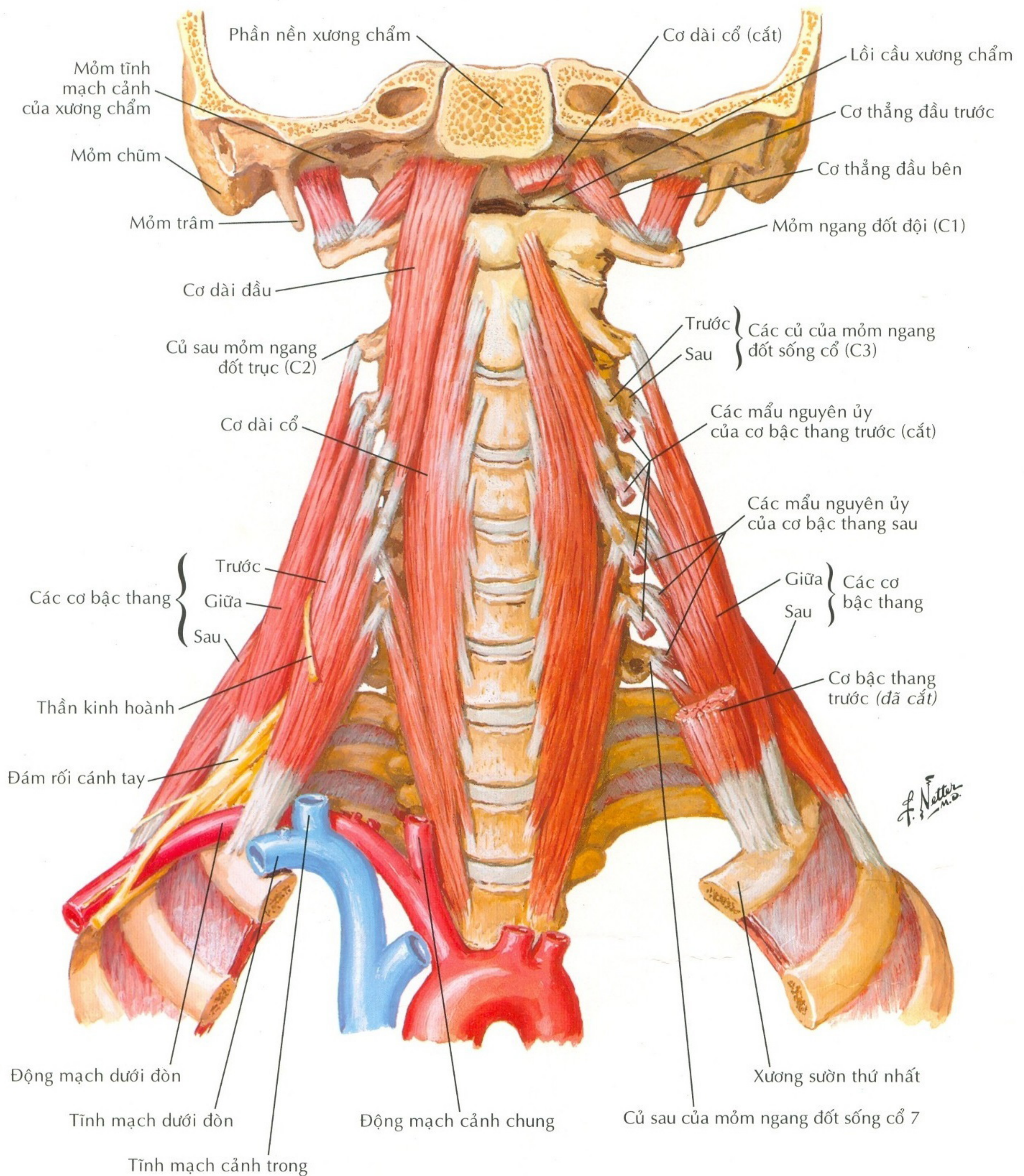


**Các cơ dưới móng, trên móng và tác dụng của chúng: Sơ đồ**



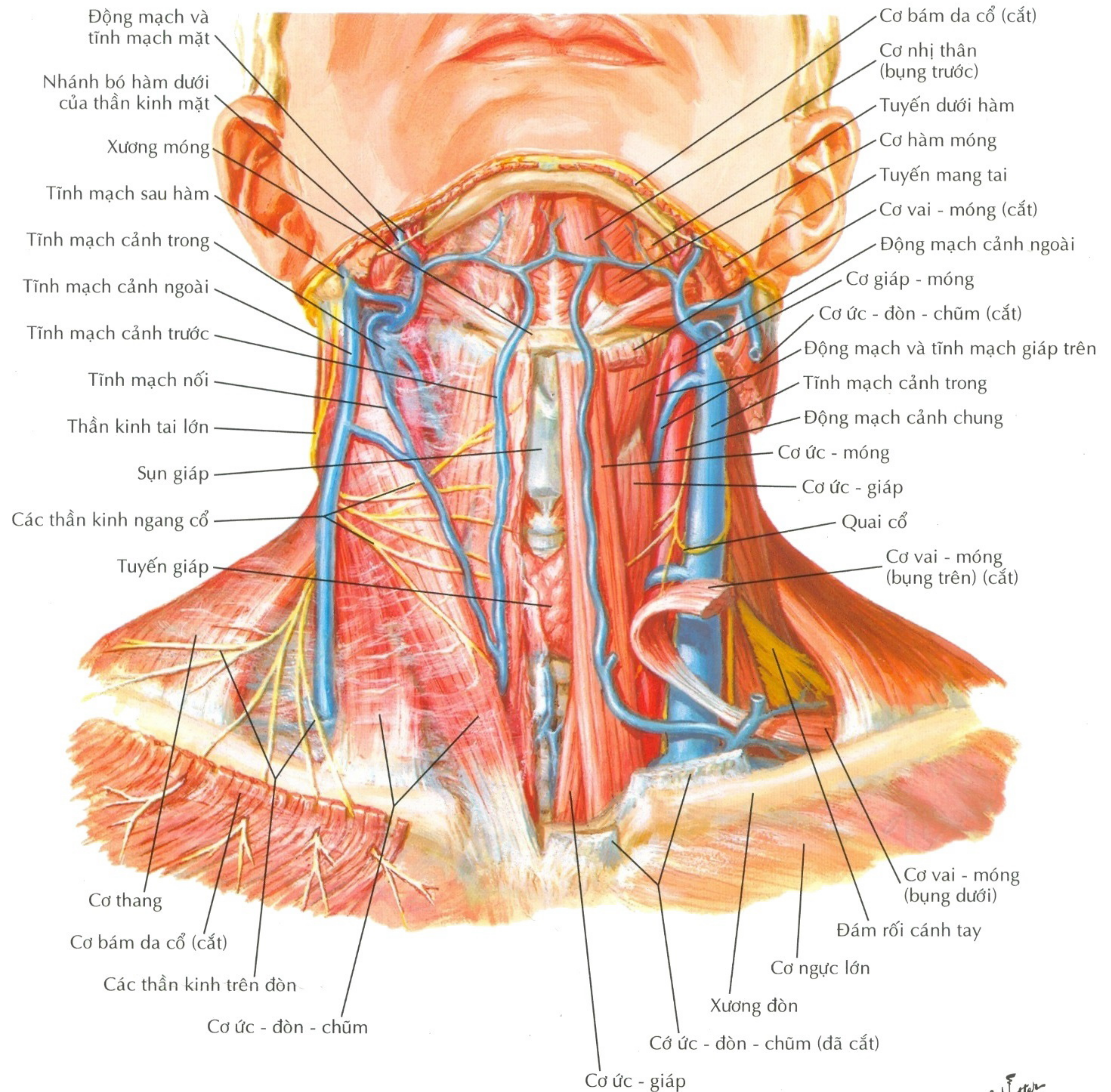


# Các Cơ Bậc Thang và Các Cơ Trước Cột Sống



Hình 30

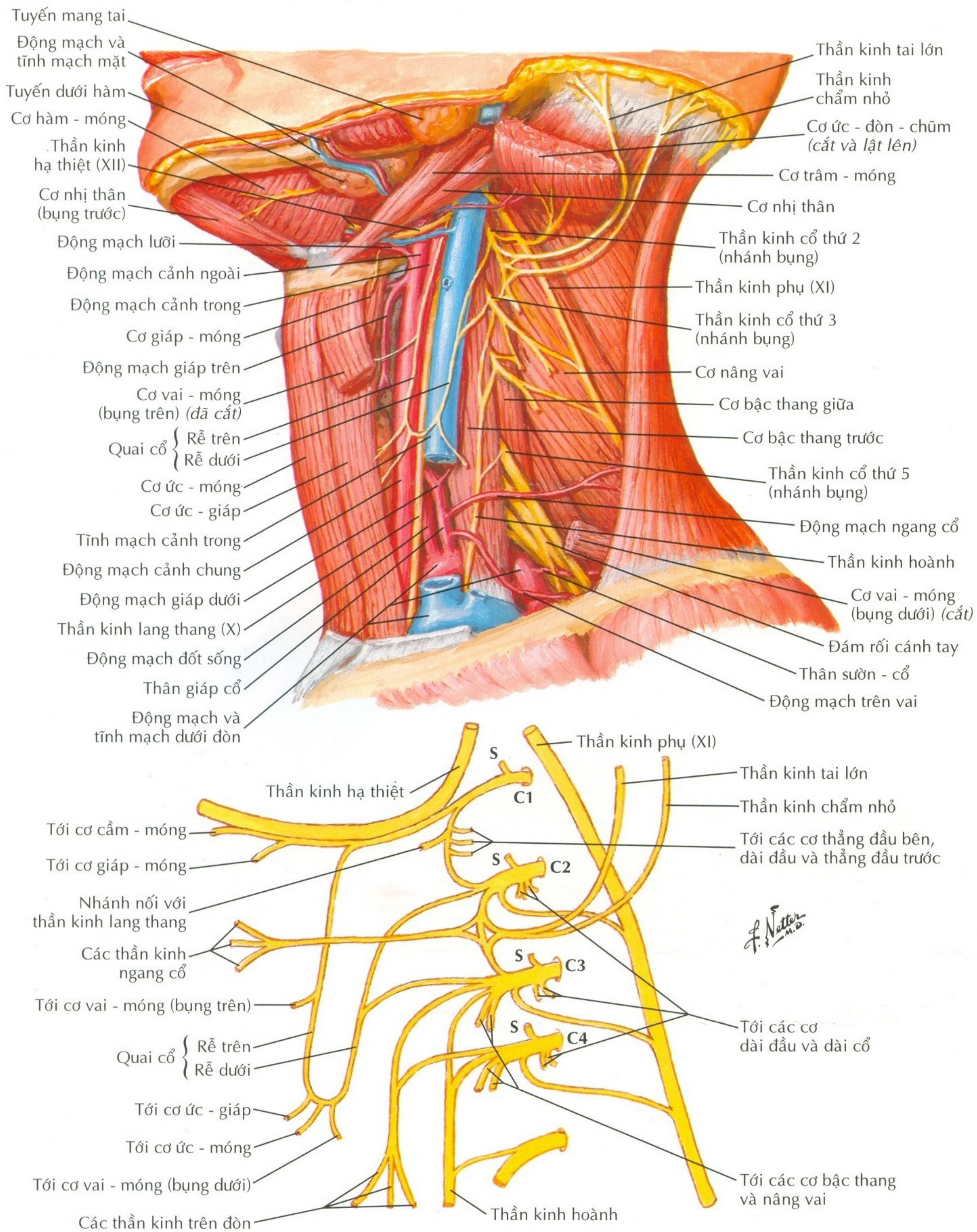






# Đám Rối Cổ ở Tại Chỗ

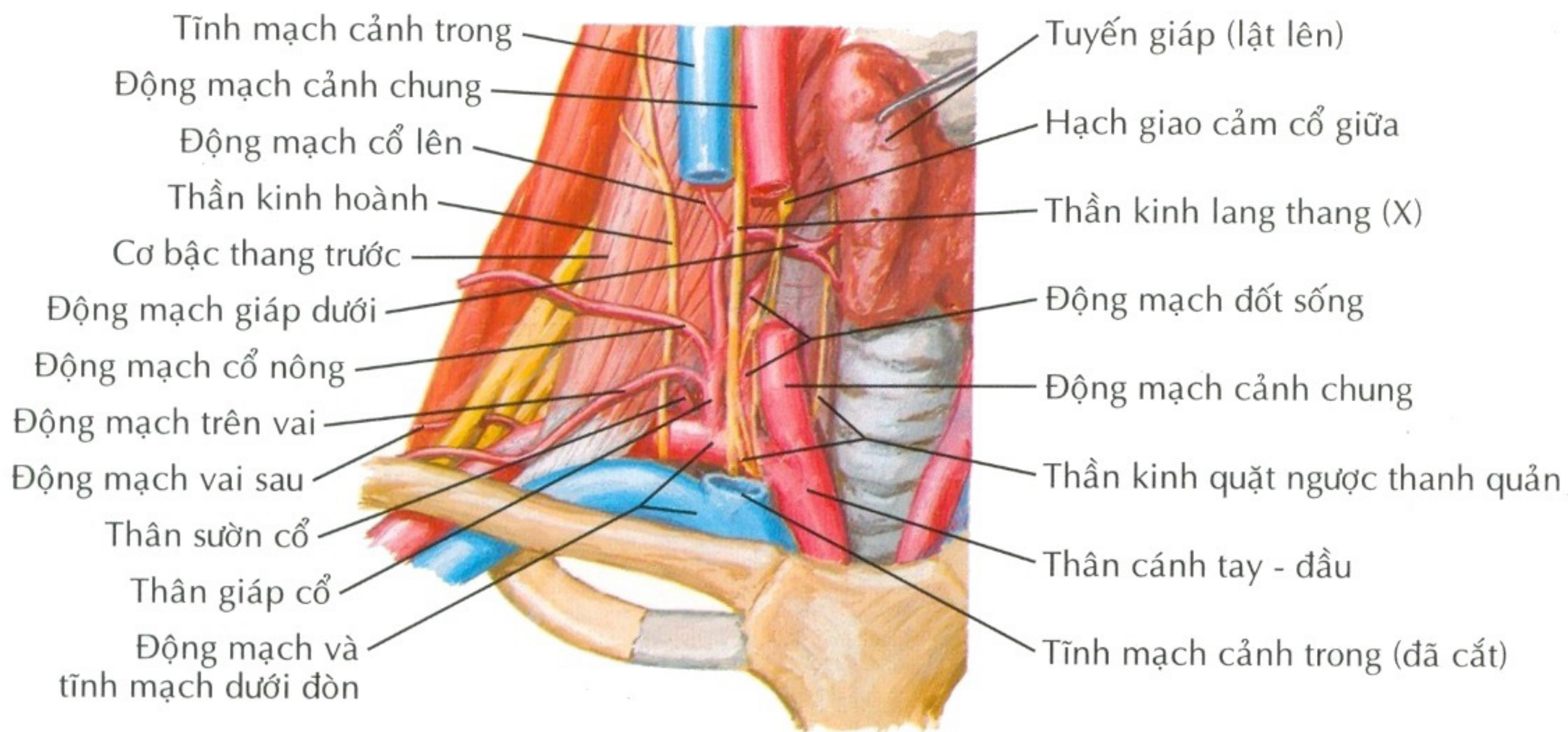
Xem thêm hình 127 - 129, 193



**Đám rối cổ: Sơ đồ**  
(S = nhánh xám đi tới hạch giao cảm trên)



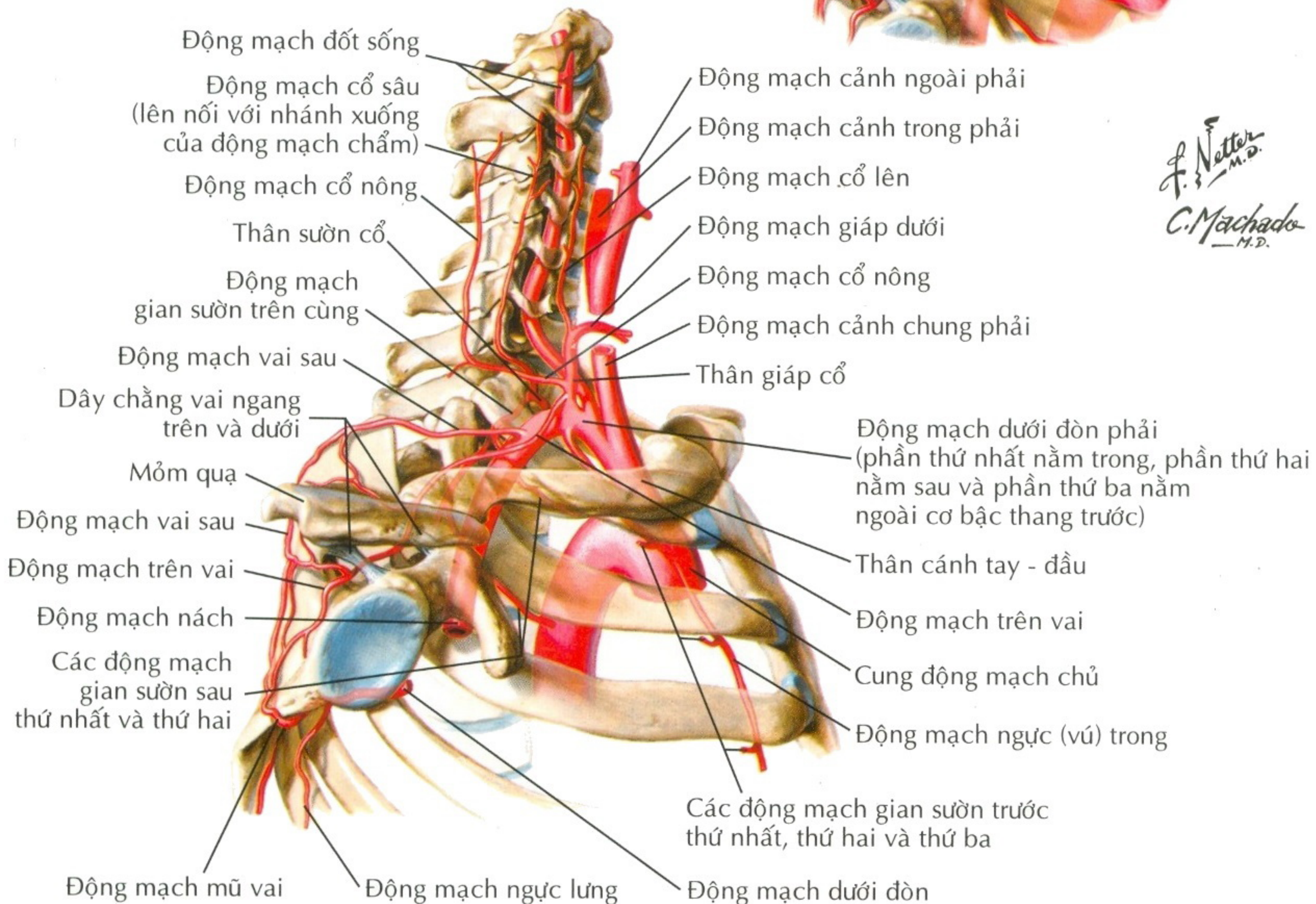
## Phẫu tích phía trước bên phải



## Nguyên ủy chung của các động mạch cổ nông và vai sau từ động mạch cổ ngang (-30%)



## Sơ đồ chéo phải



*F. Netter M.D.*  
*C. Machado M.D.*



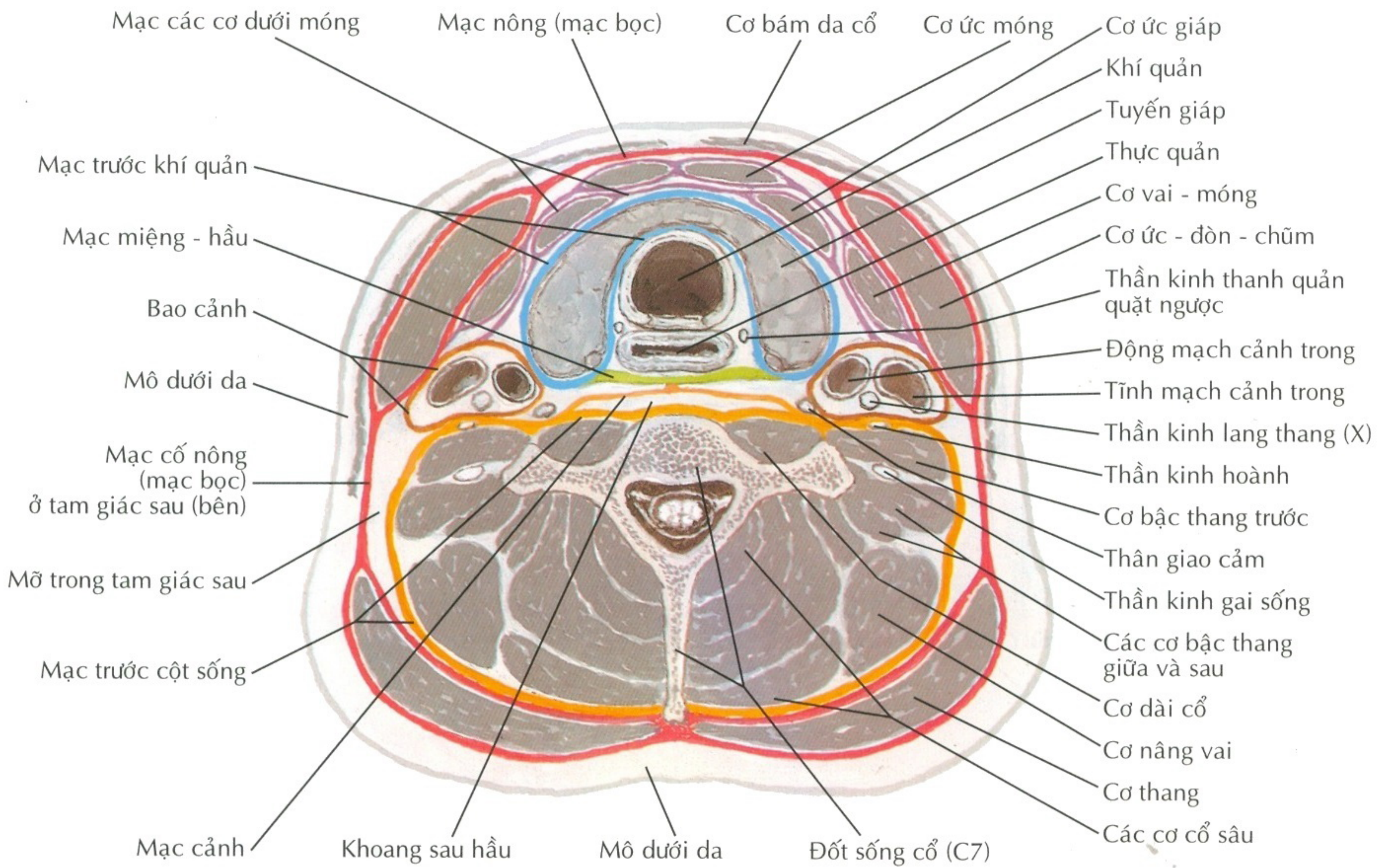
## Hồ mang tai: Phẫu tích bên phải



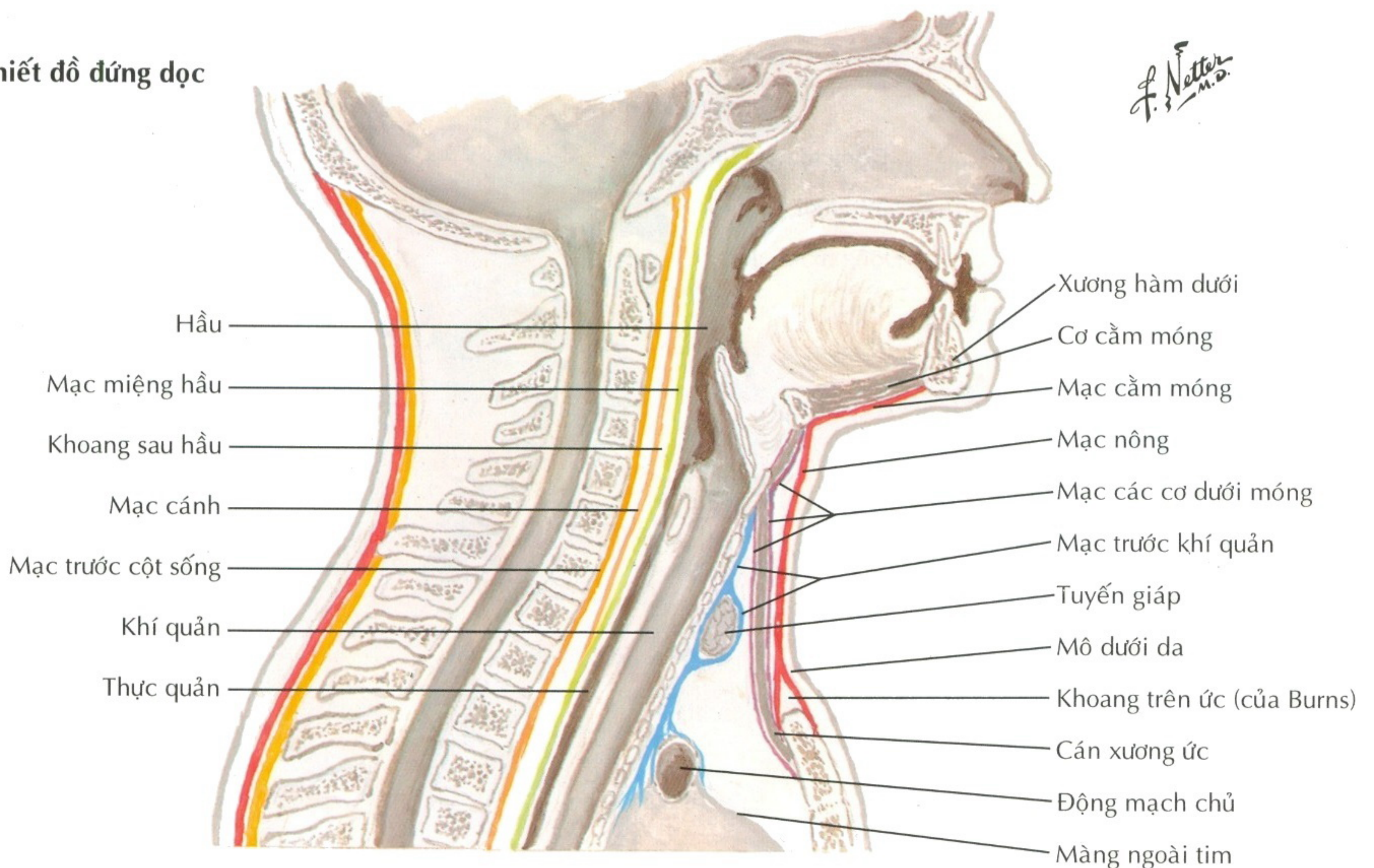
### Các nhánh của động mạch cảnh ngoài: sơ đồ



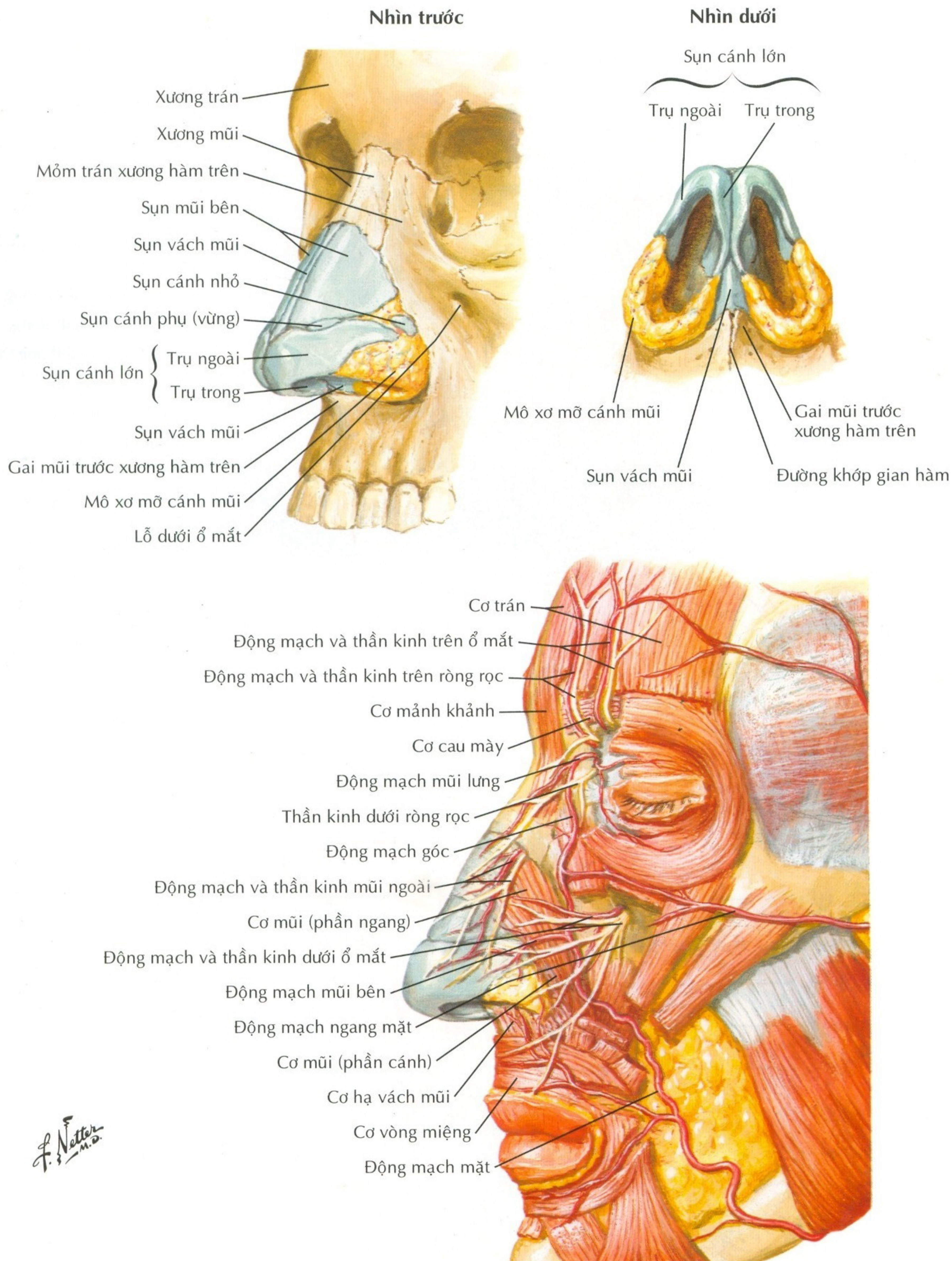
## Thiết đồ ngang



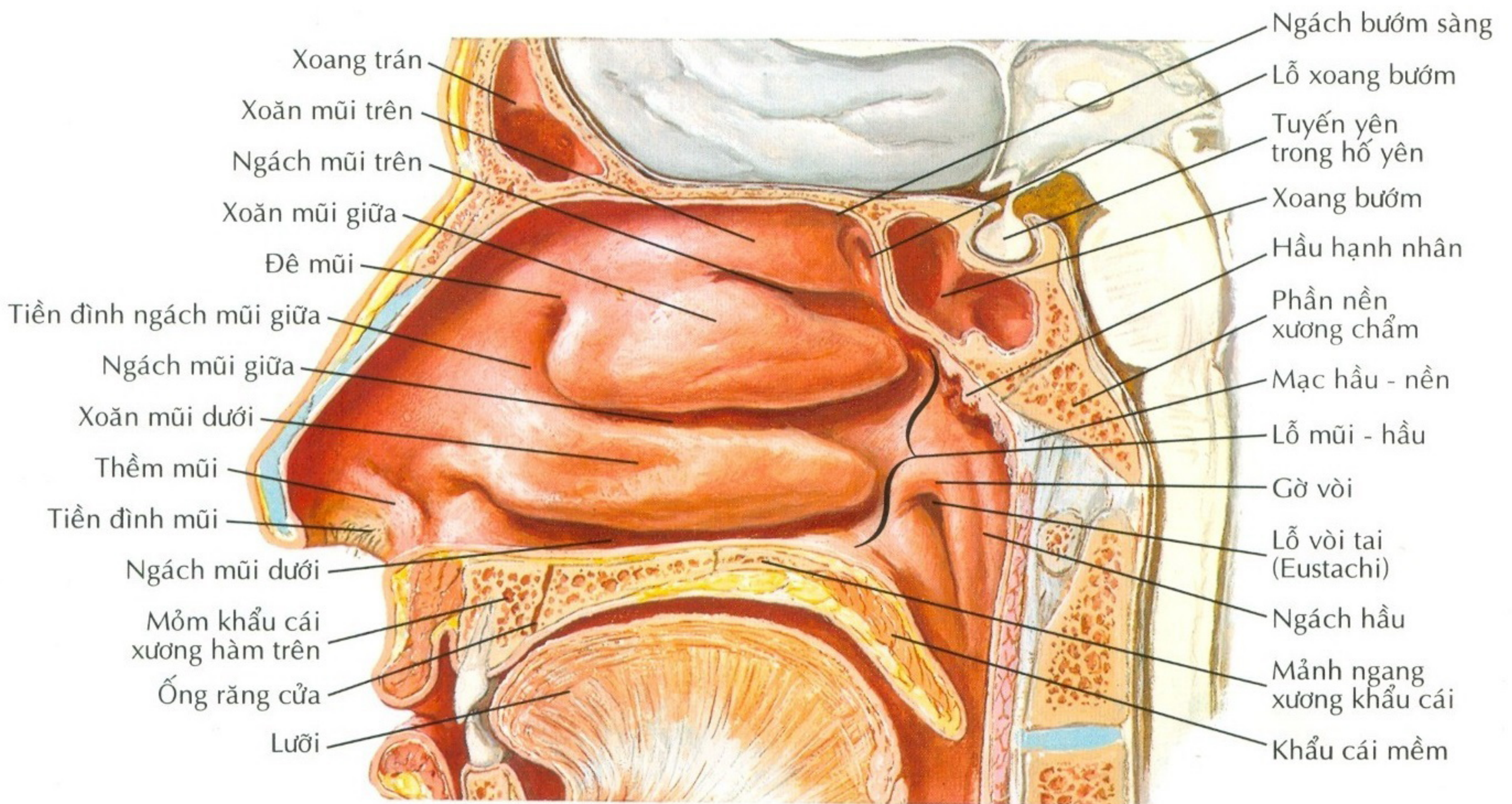
## Thiết đồ đứng dọc



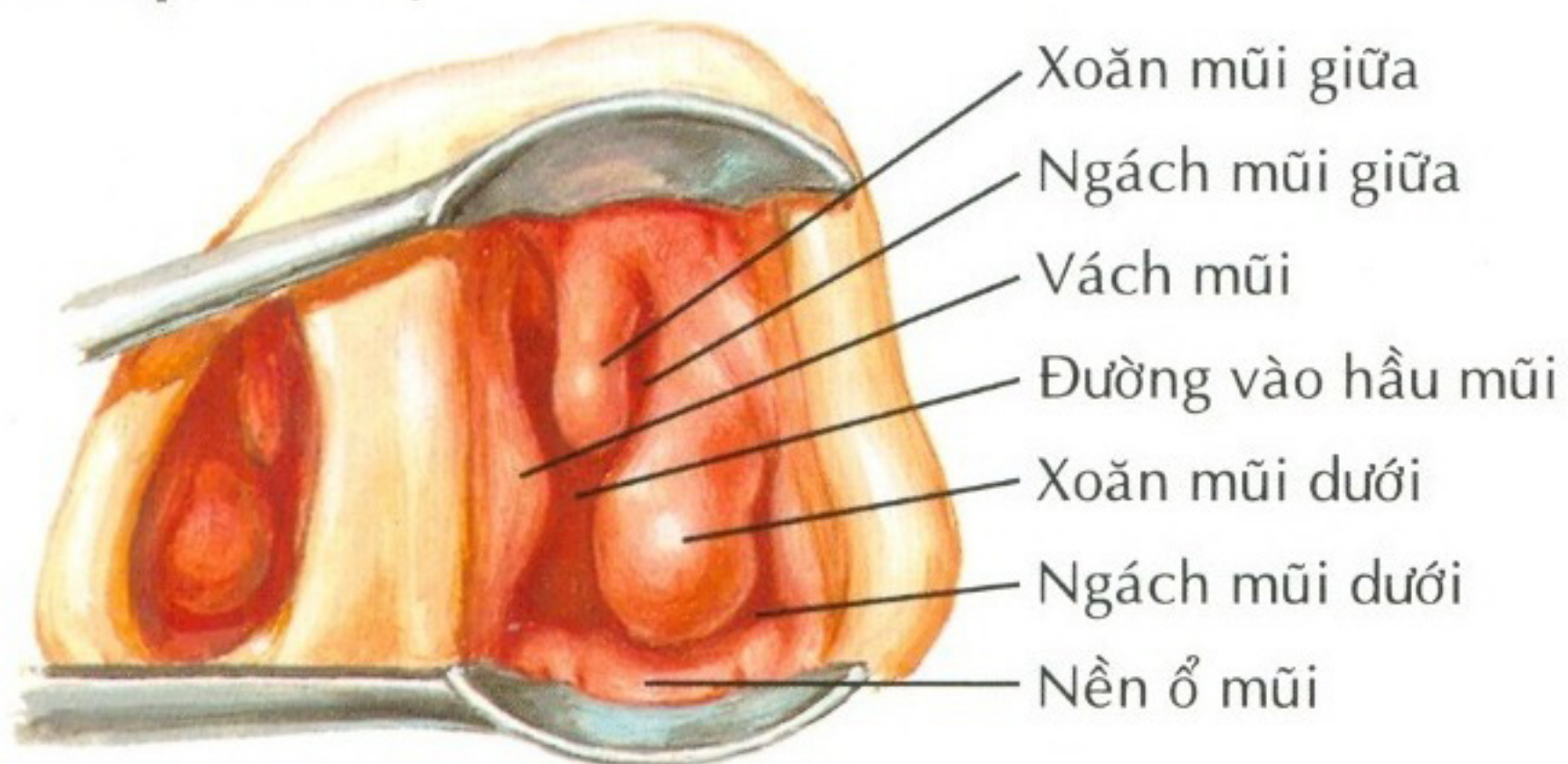




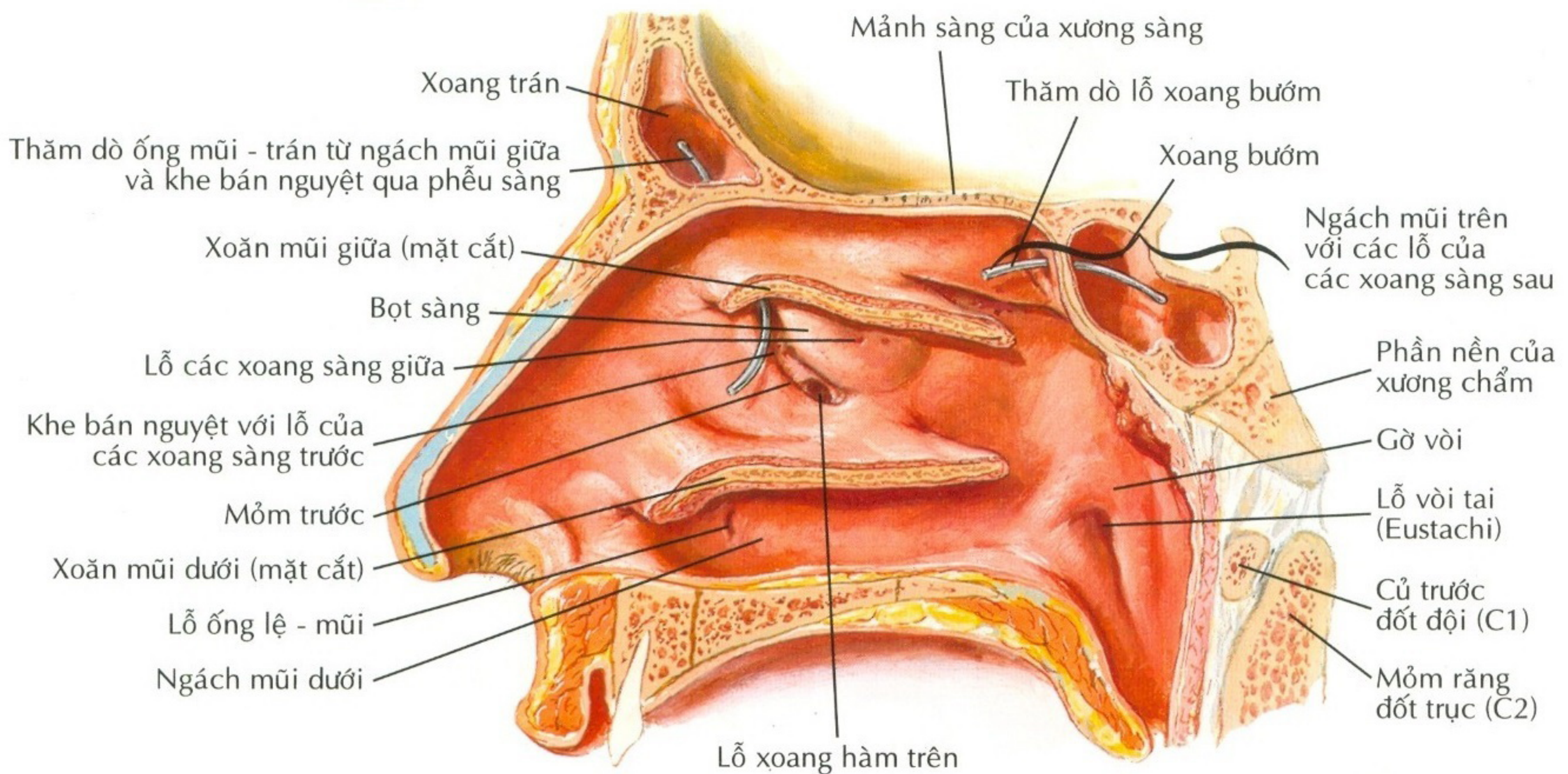




## Nhìn qua mỏ vịt



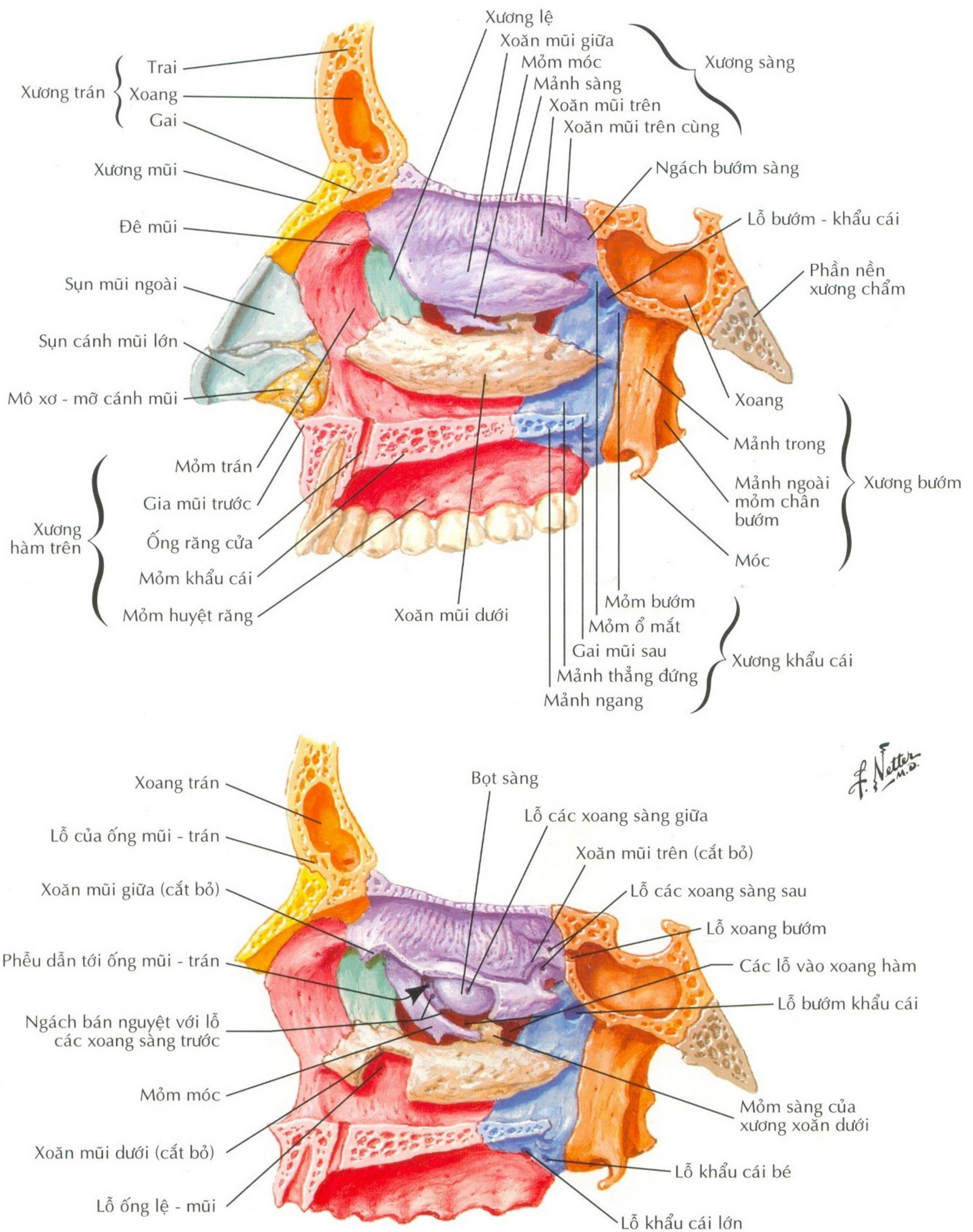
*F. Netter M.D.*





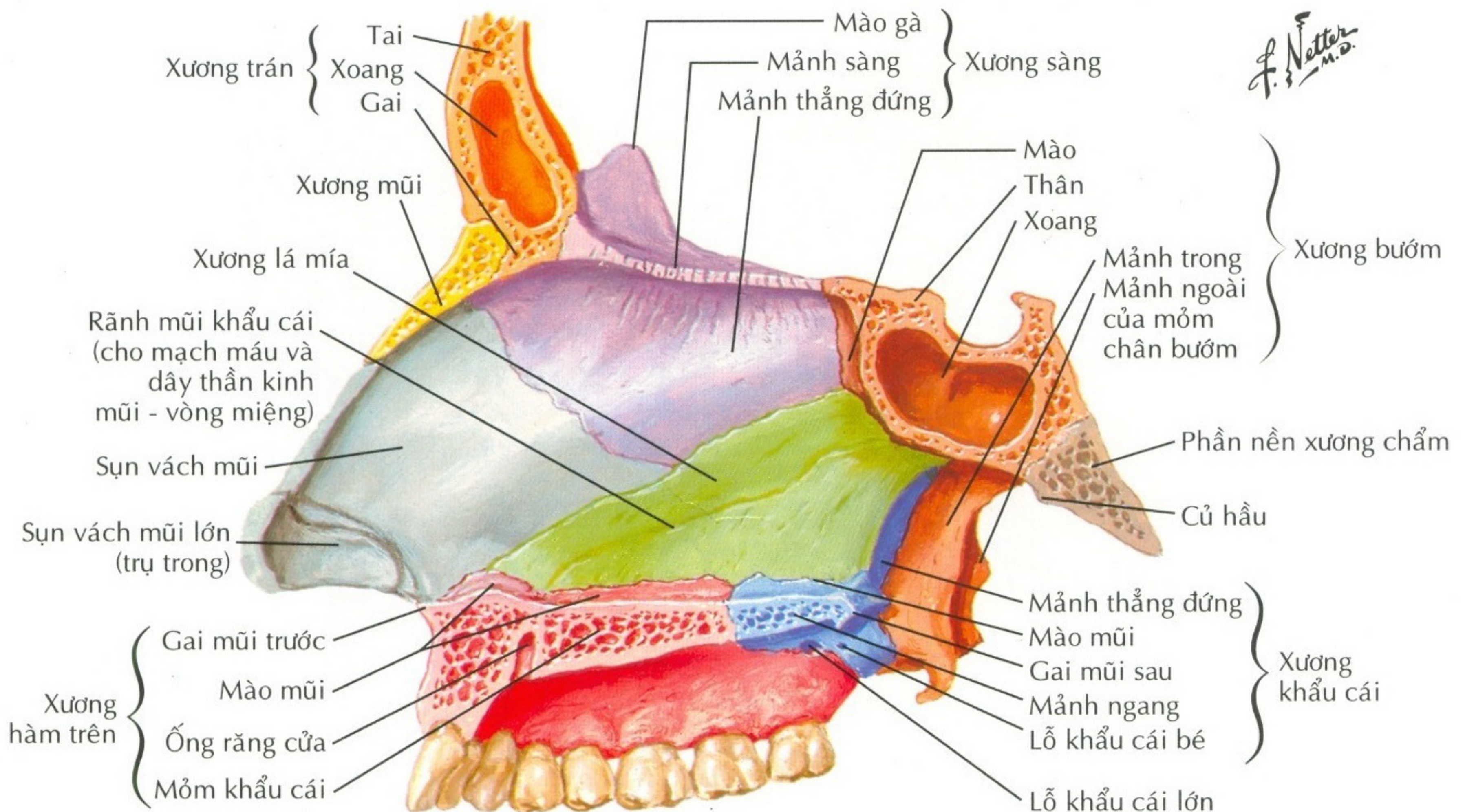
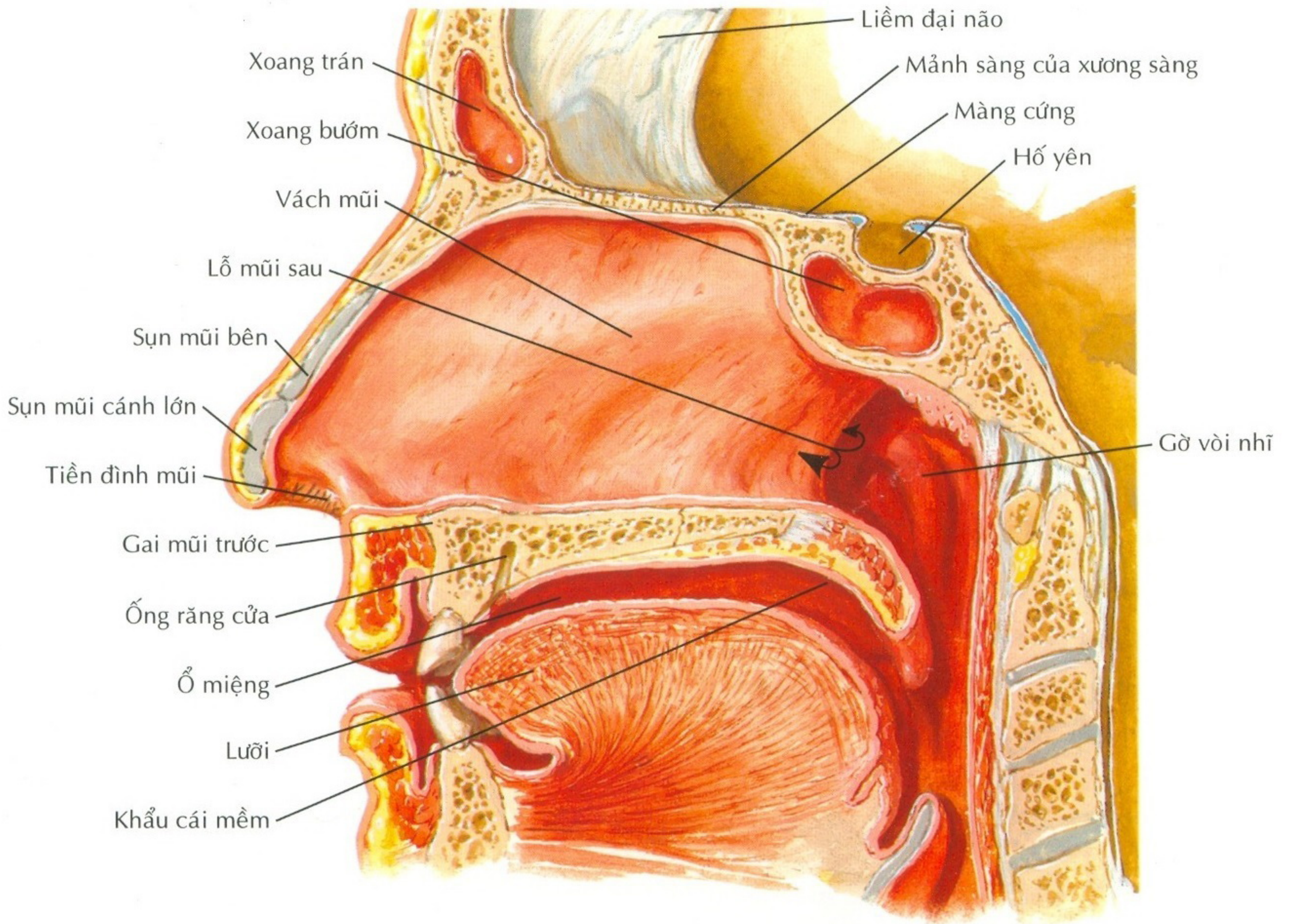
# Thành Ngoài của Ổ Mũi (tiếp theo)

Xem thêm hình 6



Hình 38

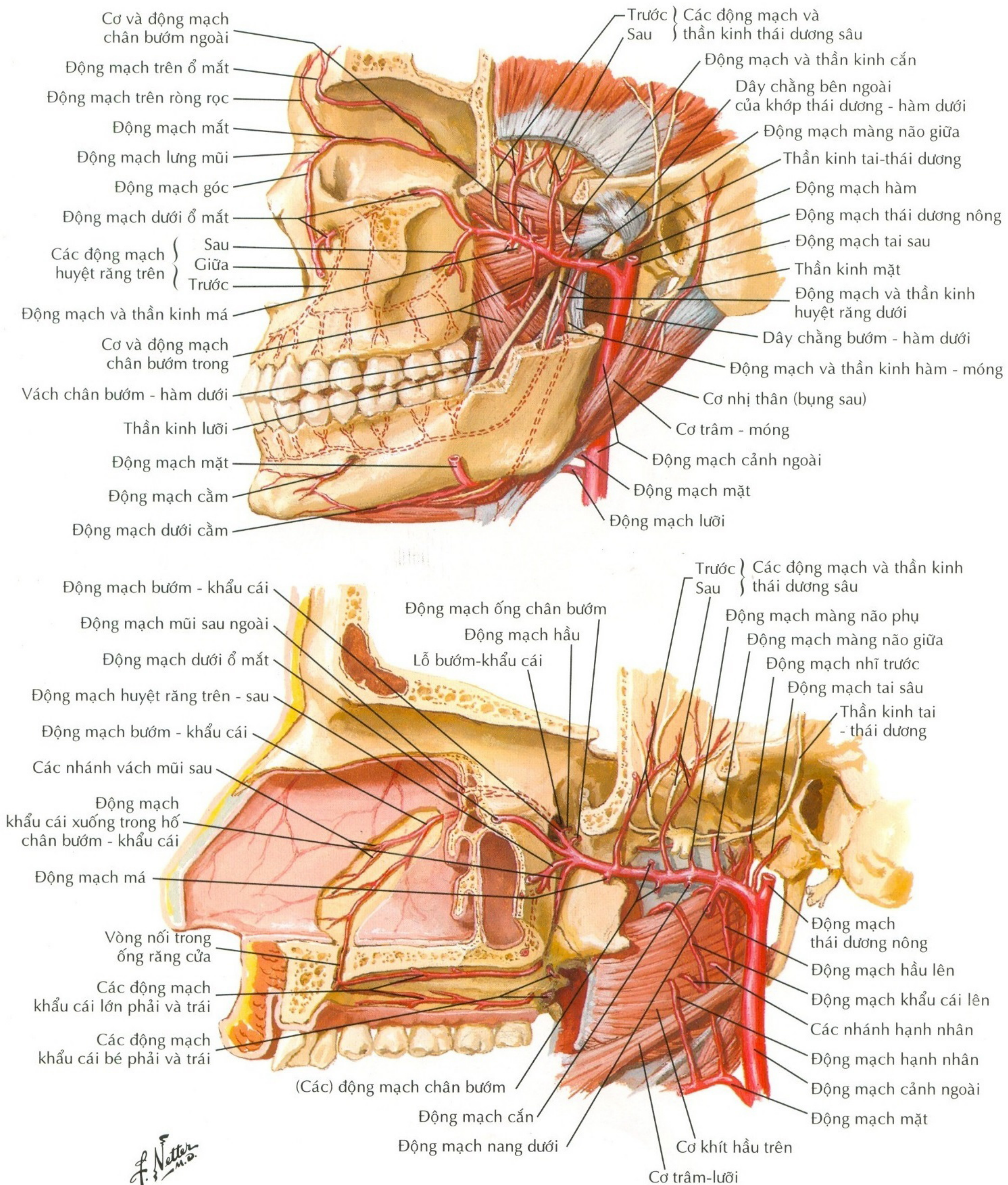






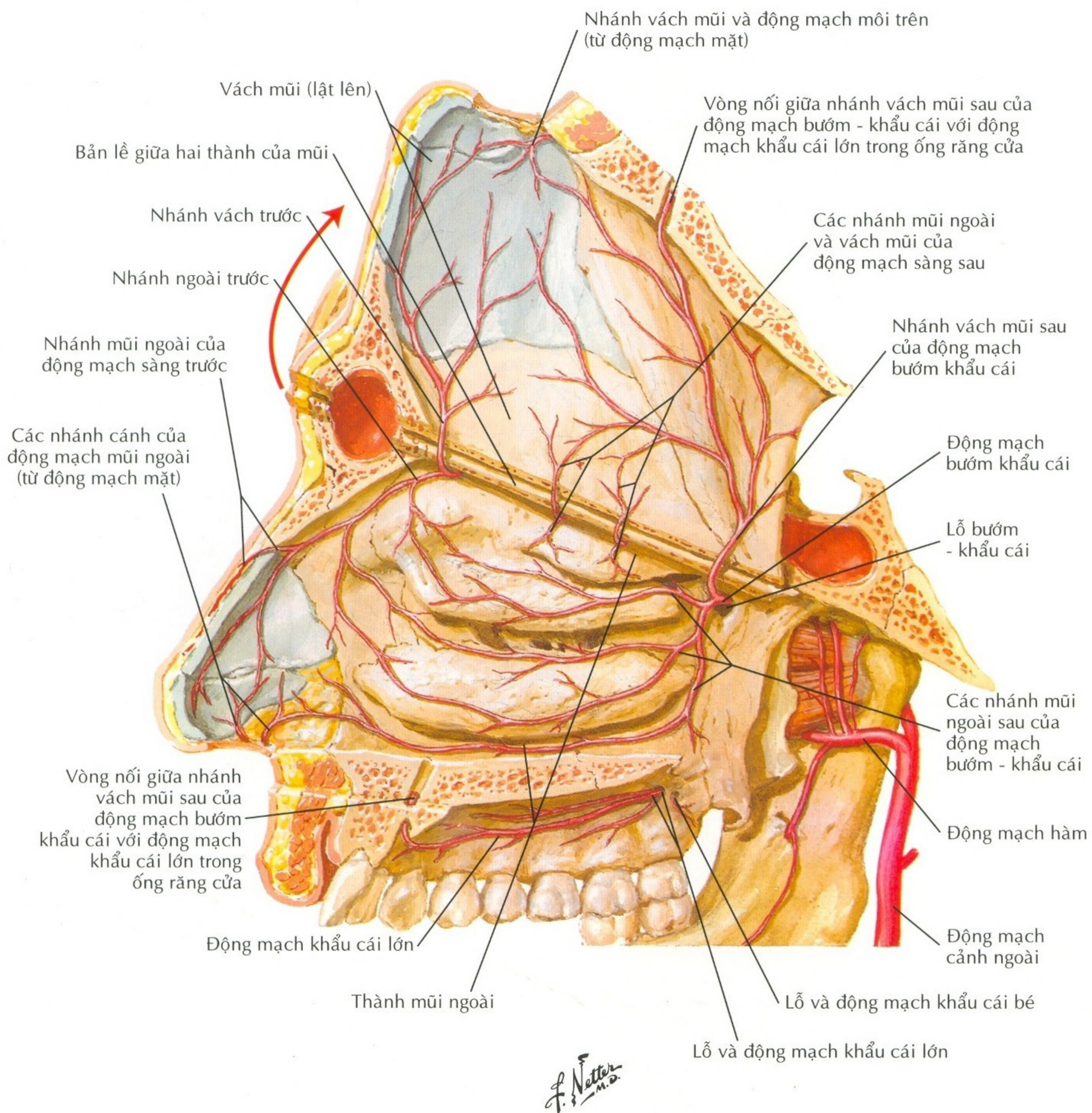
# Động Mạch Hàm Trên

Xem thêm hình 34



Hình 40

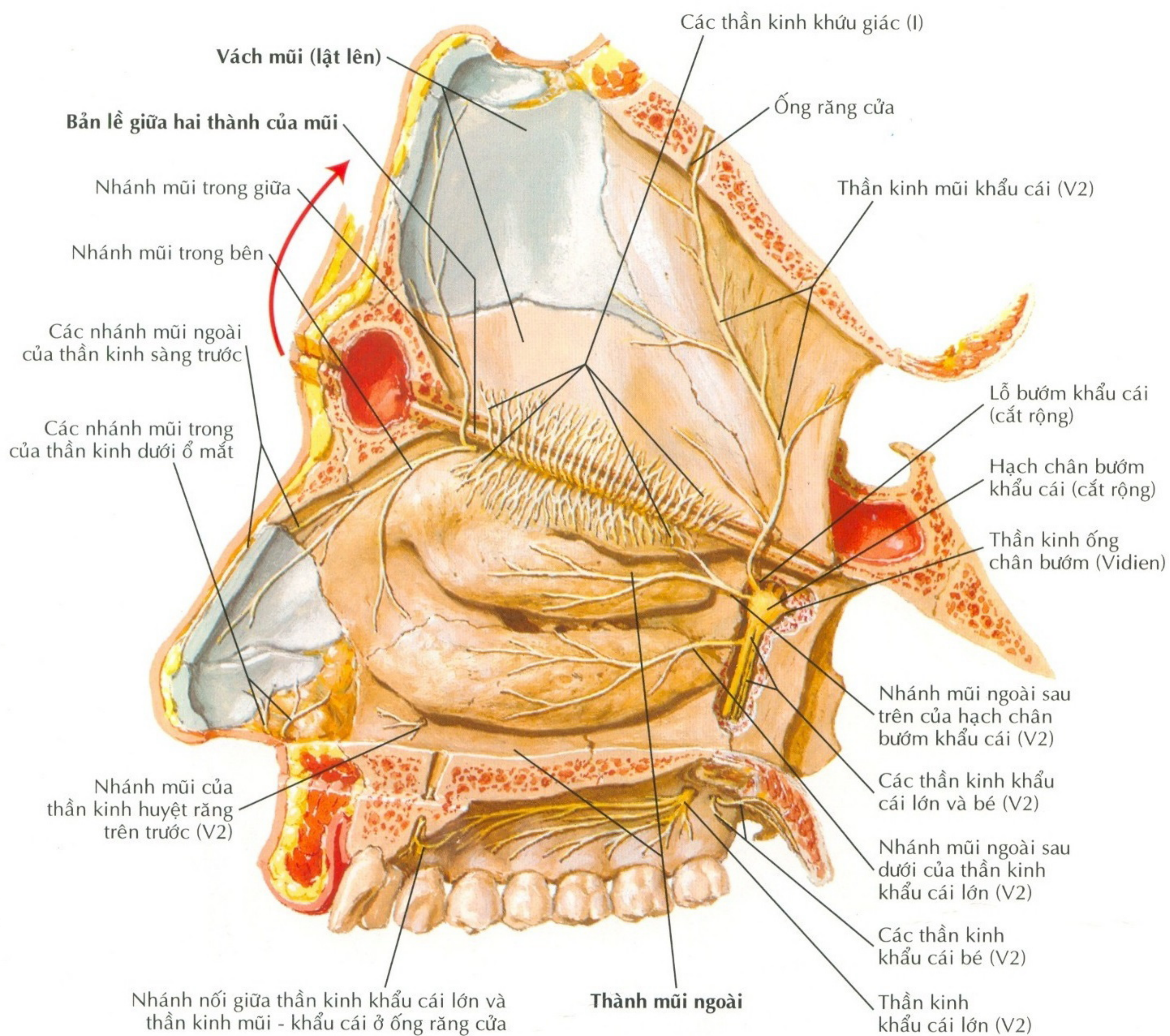






# Các Thần Kinh của Ổ Mũi: Vách Mũi Lật Lên

Xem thêm hình 44, 45, 119



*F. Netter M.D.*

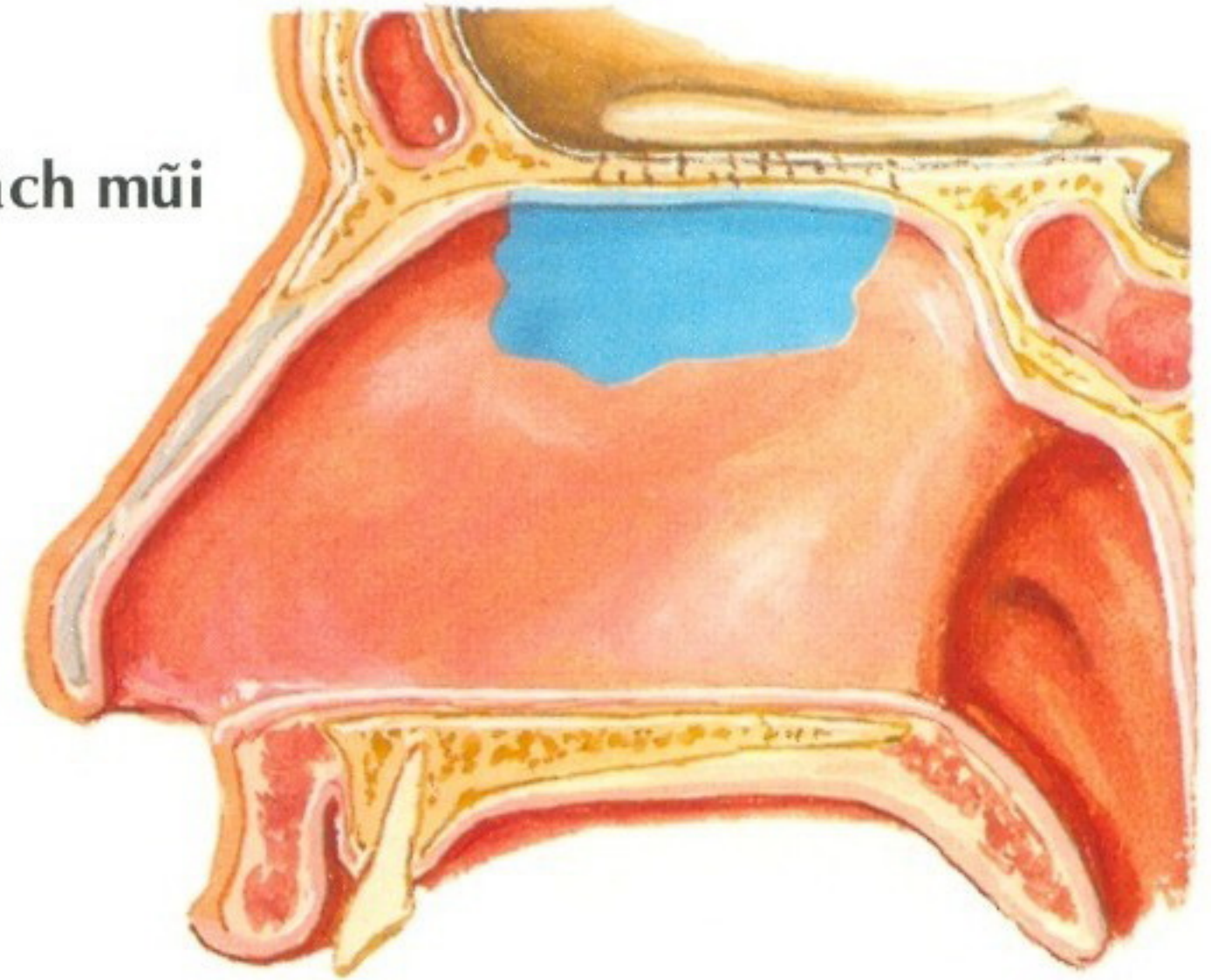
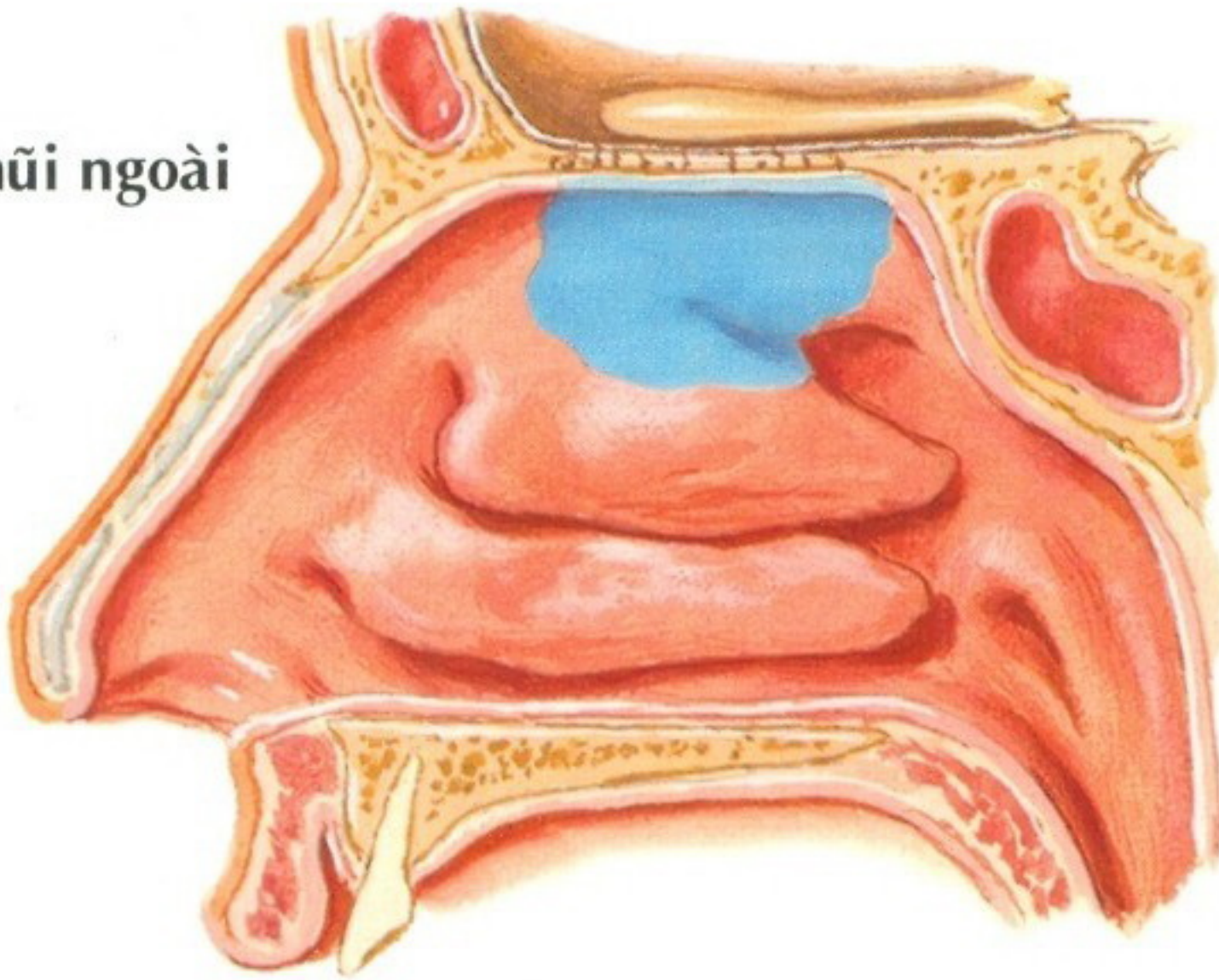


Xem thêm hình 119

Phân bố của niêm mạc khứu  
(màu xanh)

Thành mũi ngoài

Vách mũi



Nhánh mũi ngoài của thần kinh sàng trước (V1)

Nhánh mũi trong bên của thần kinh sàng trước (V1)

Hành khứu

Mảnh sàng của xương sàng

Dải khứu

Các nhánh mũi bên trên sau từ hạch chân bướm khẩu cái (V2)

Thần kinh hàm trên (V2)  
(lỗ bướm - khẩu cái mở rộng)

Hạch chân bướm - khẩu cái

Thần kinh đá lớn

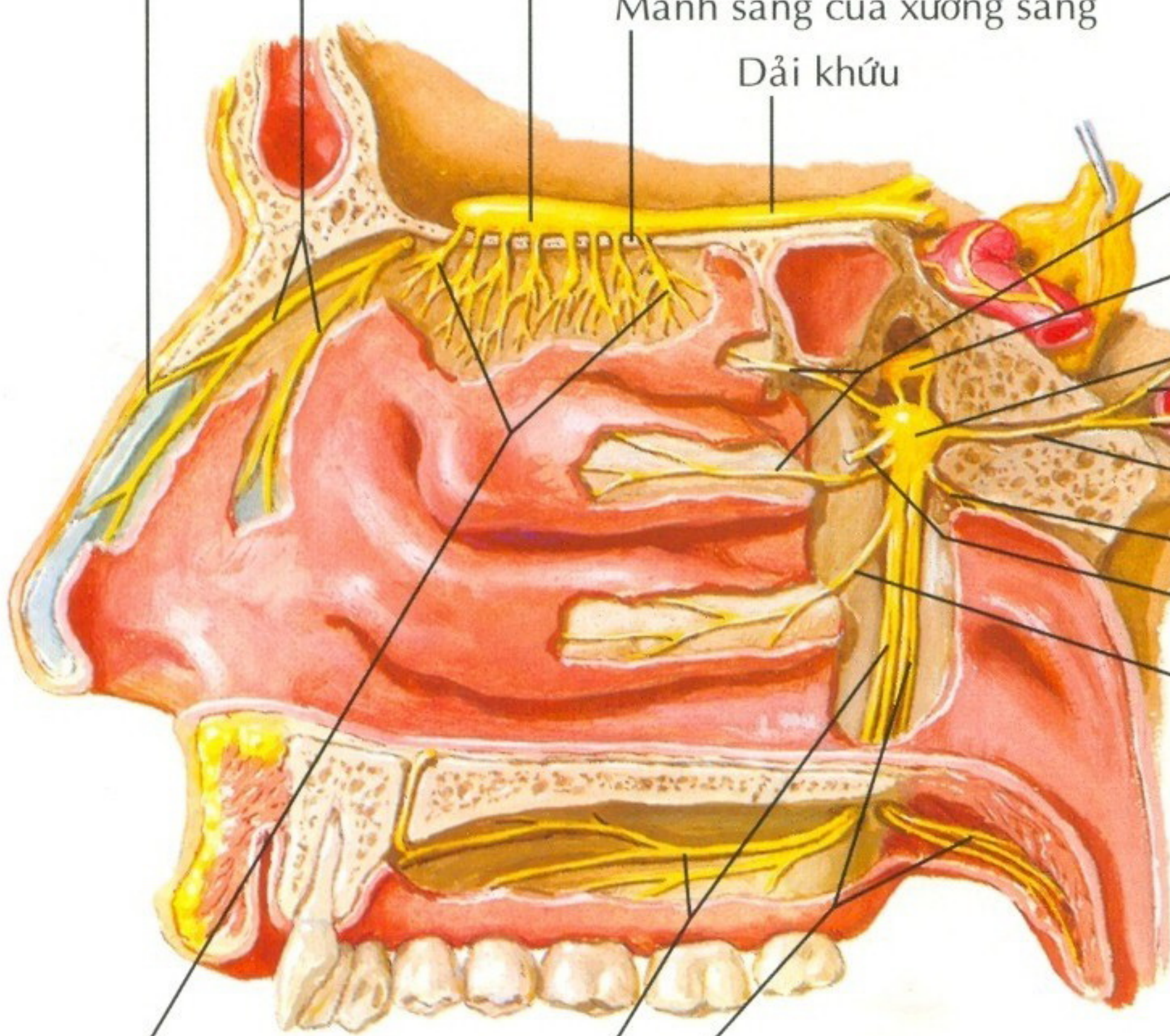
Thần kinh đá sâu

Thần kinh ống chân bướm (Vidien)

Nhánh hầu của hạch chân bướm - khẩu cái (V2)

Thần kinh mũi khẩu cái (V2) đi tới vách (cắt)

Nhánh mũi bên sau dưới của thần kinh khẩu cái lớn (V2)



Các thần kinh khứu (I)

Các thần kinh khẩu cái (V2) {  
Lớn  
Nhỏ

Thành mũi ngoài

Vách mũi

Hành khứu

Mảnh sàng

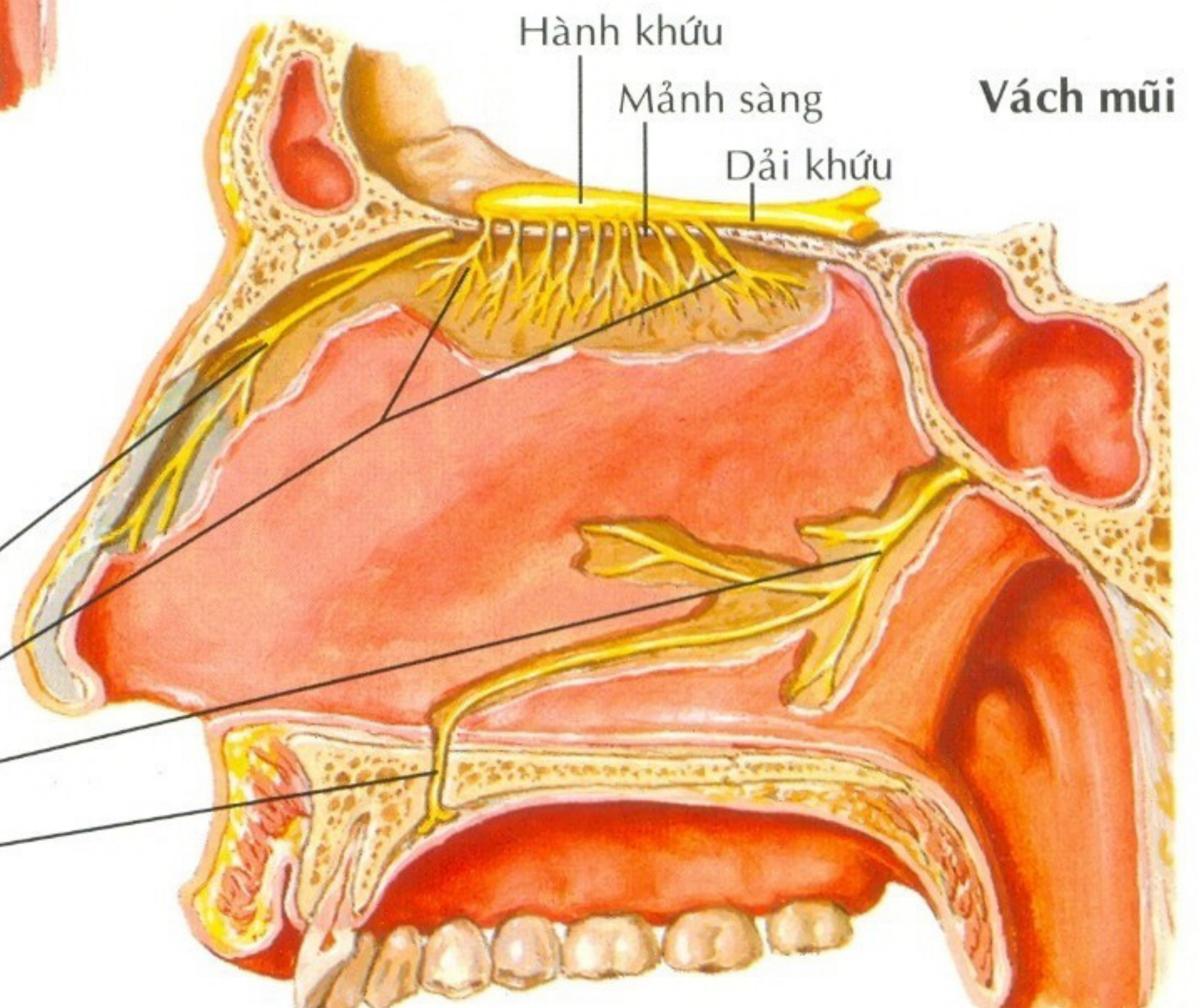
Dải khứu

Nhánh mũi giữa trong của thần kinh sàng trước (V1)

Các thần kinh khứu giác(I)

Thần kinh mũi khẩu cái (V2)

Lỗ răng cửa

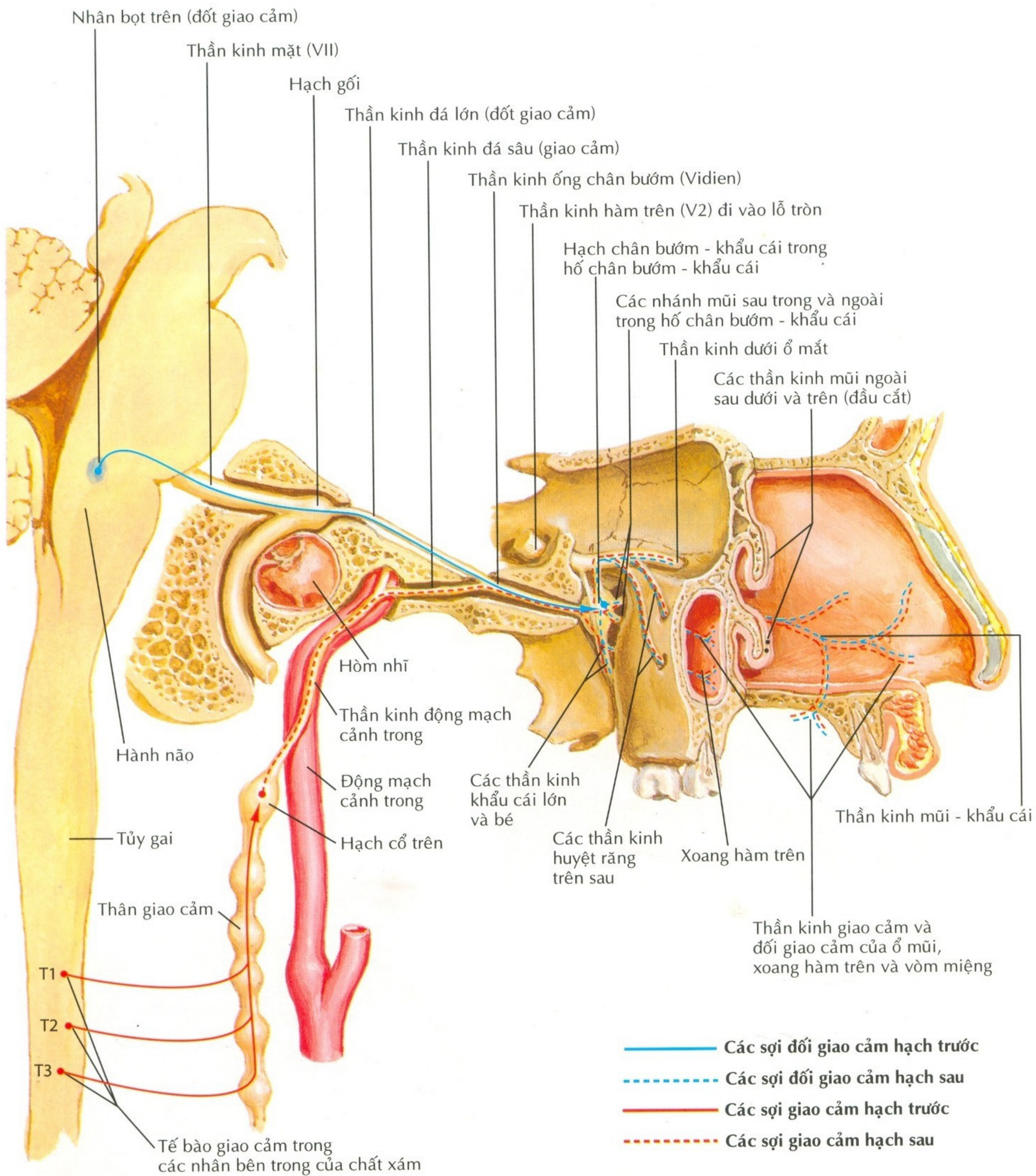


F. Netter M.D.



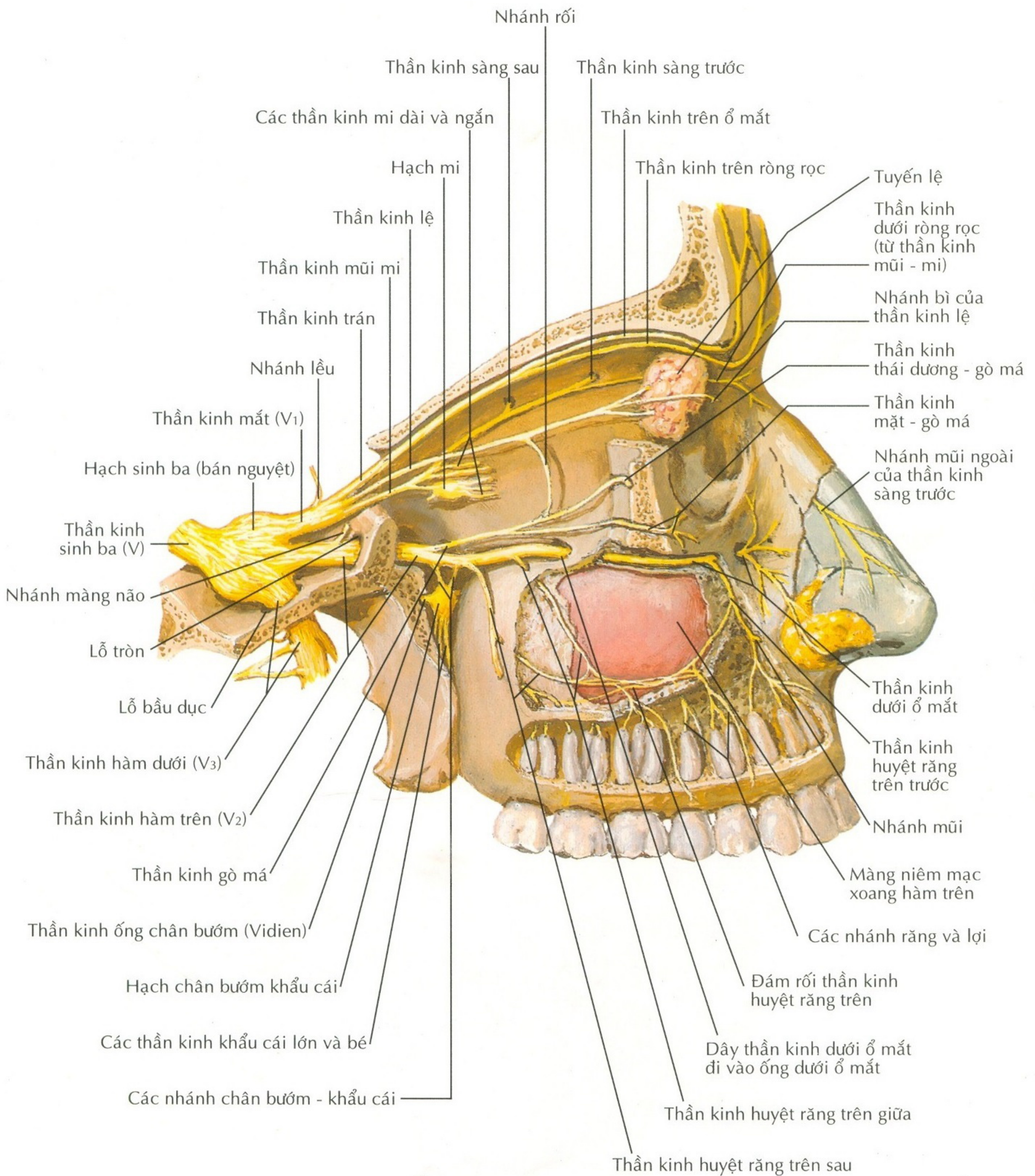
# Các Chi Phối Thần Kinh Tự Chủ của Ổ Mũi

Xem thêm hình 122, 131, 133



F. Netter M.D.





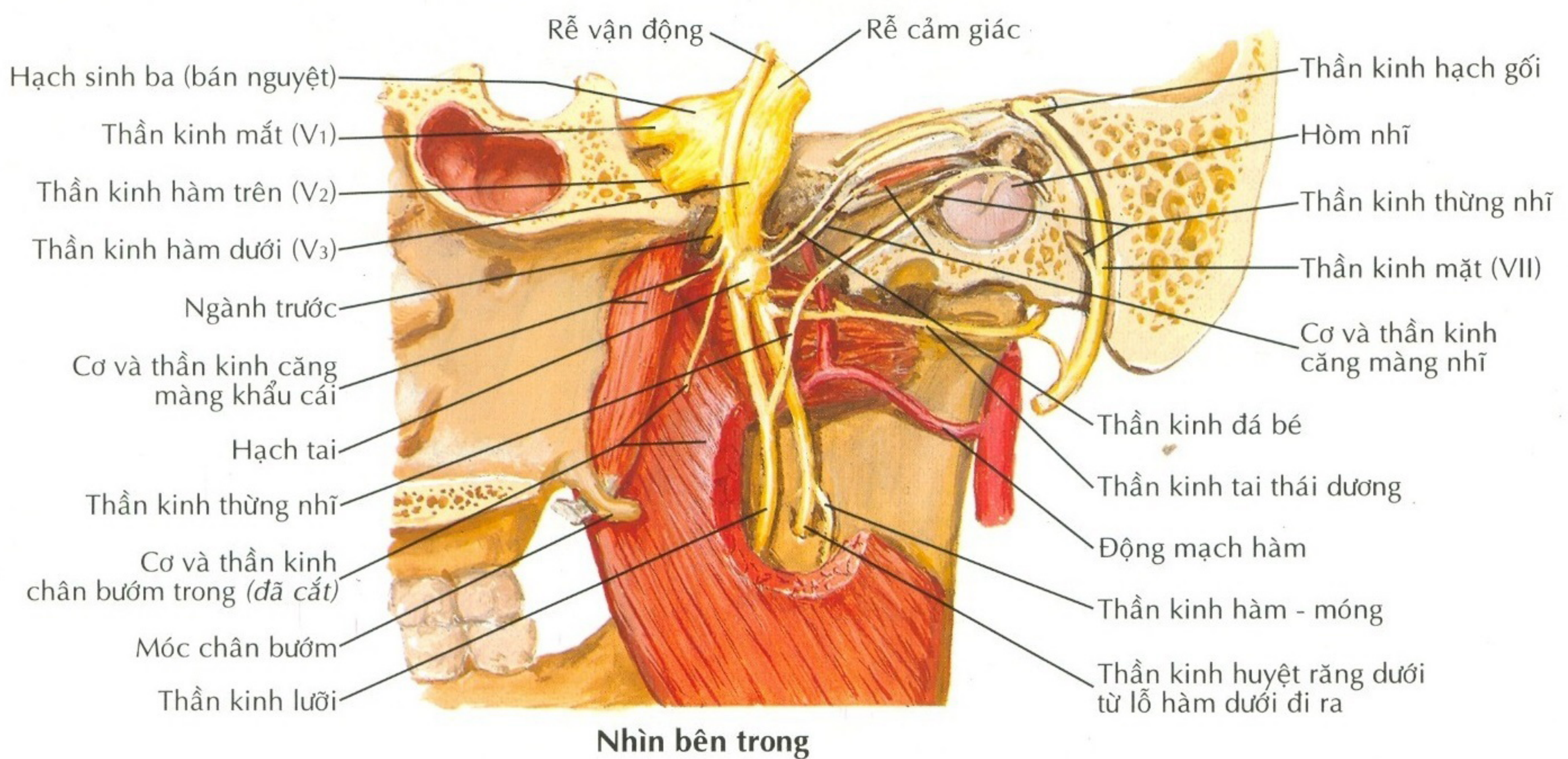
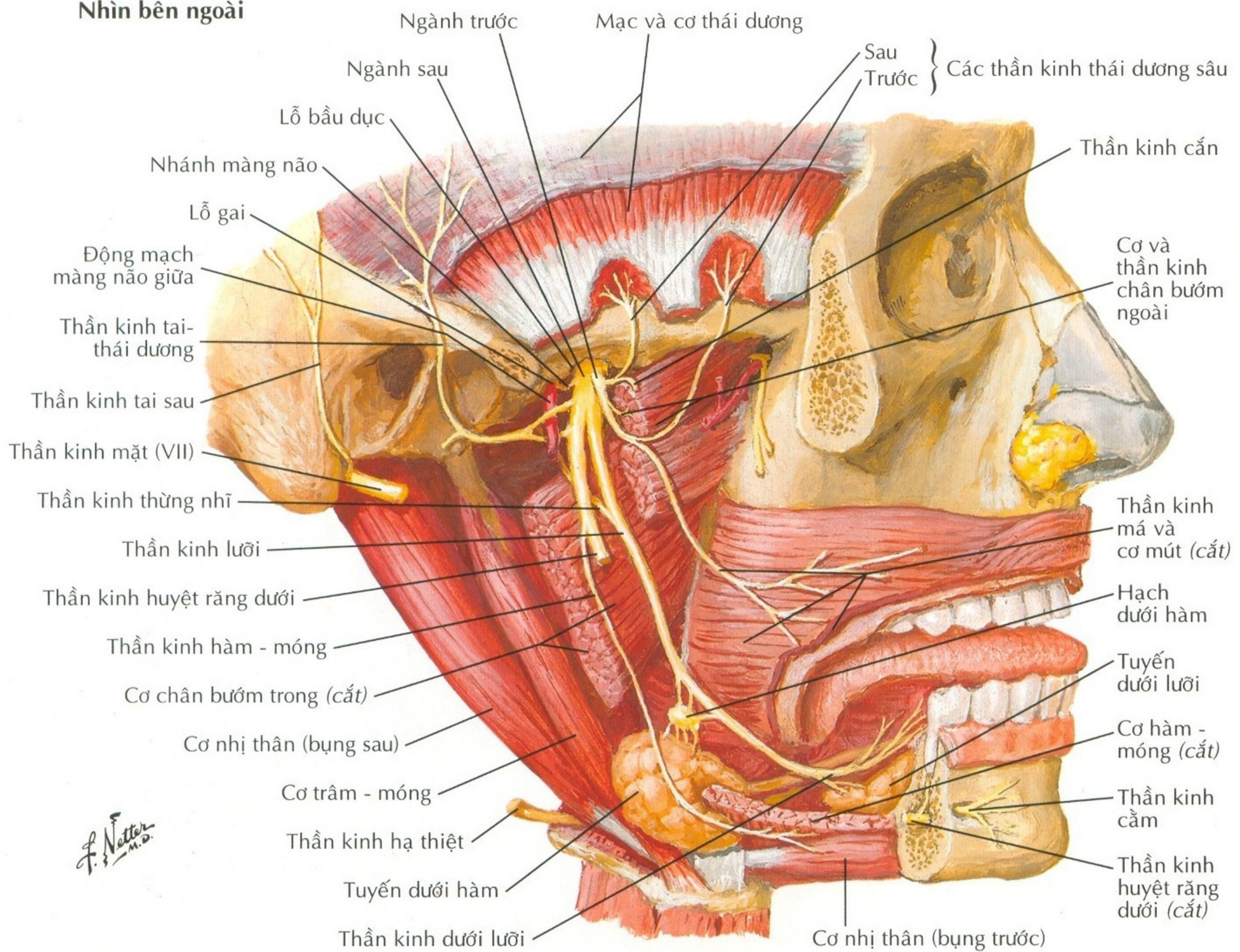
*F. Netter M.D.*



# Thần Kinh Hàm Dưới (V3)

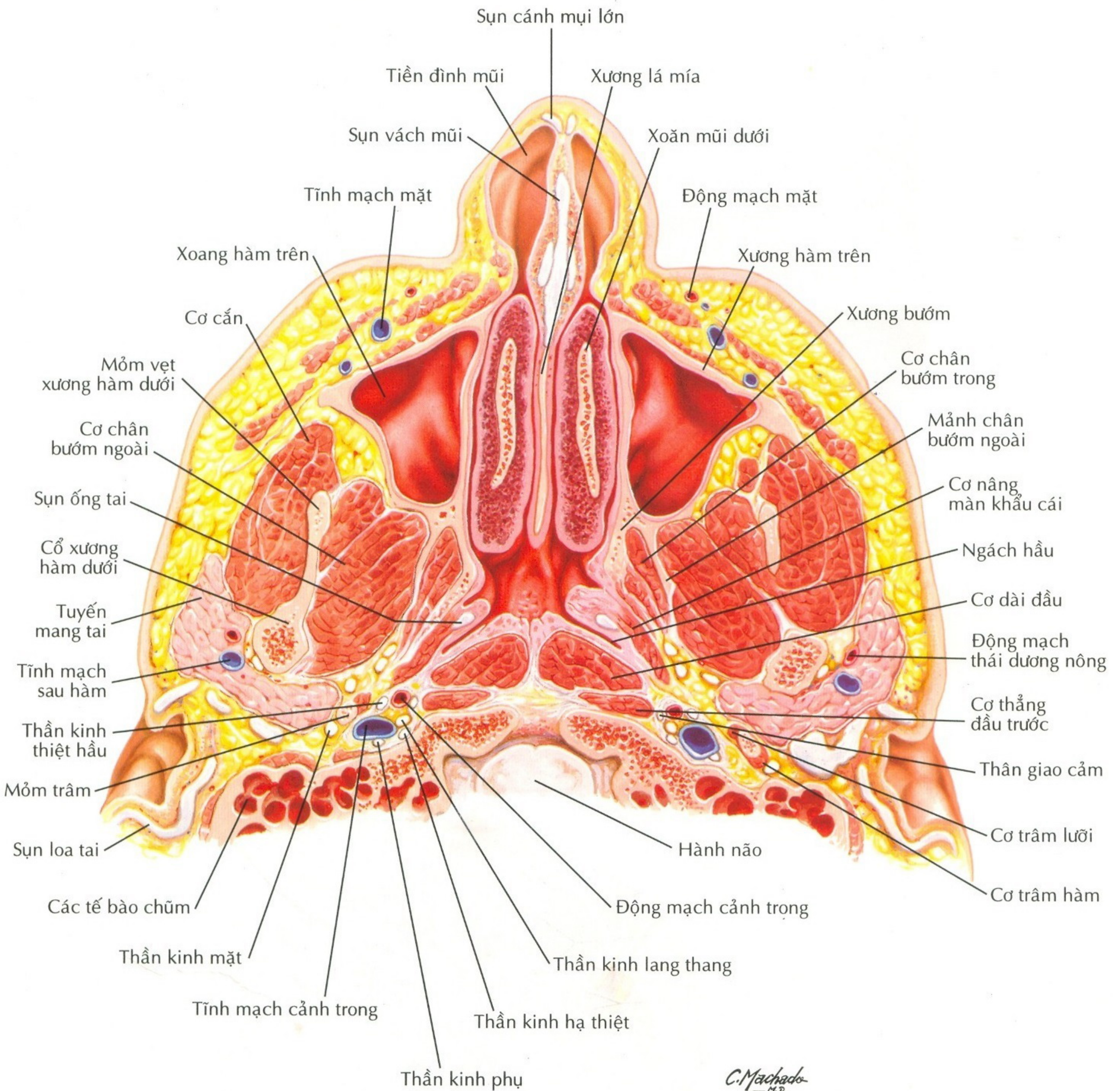
Xem thêm hình 71, 122

## Nhìn bên ngoài



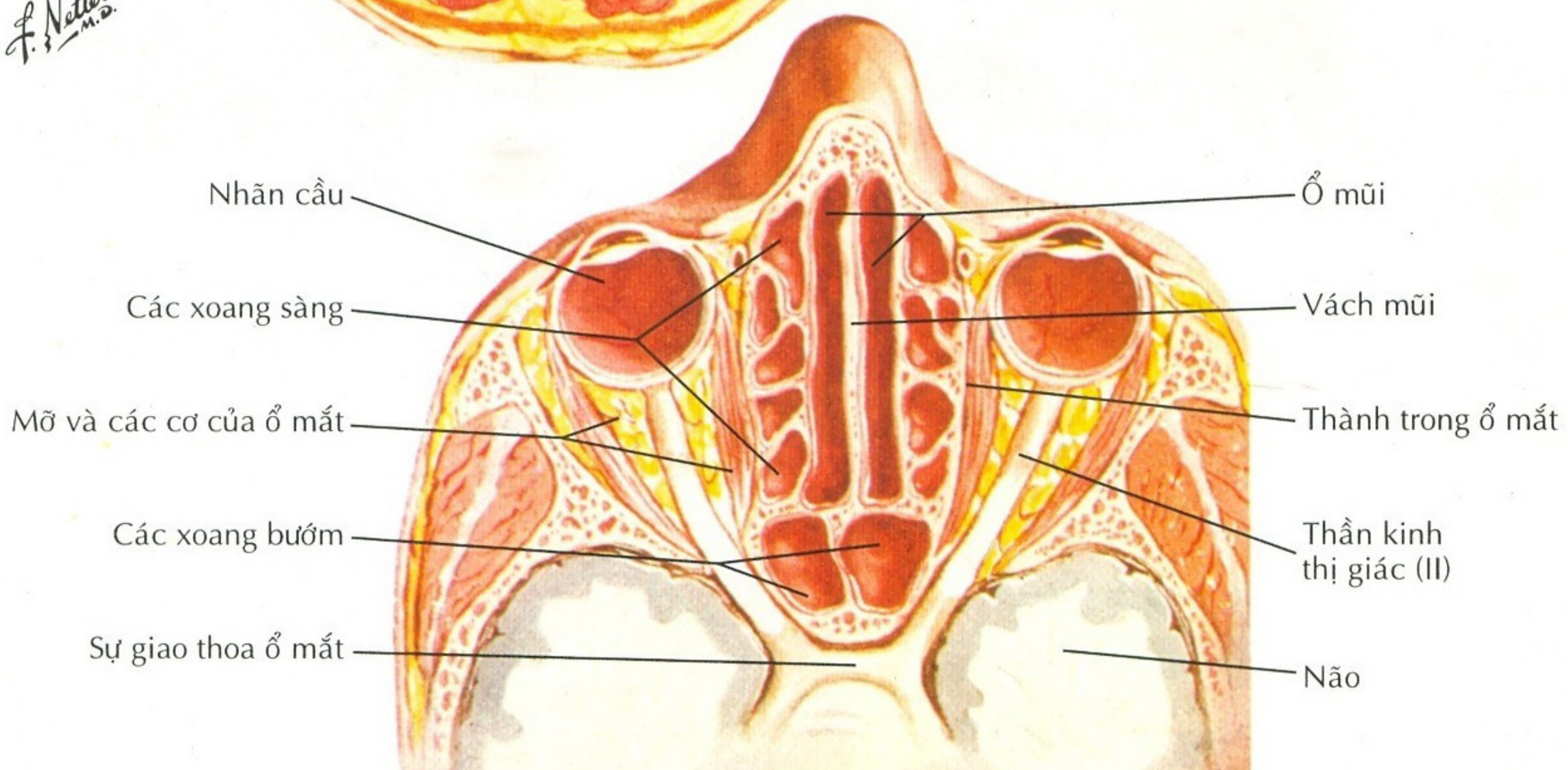
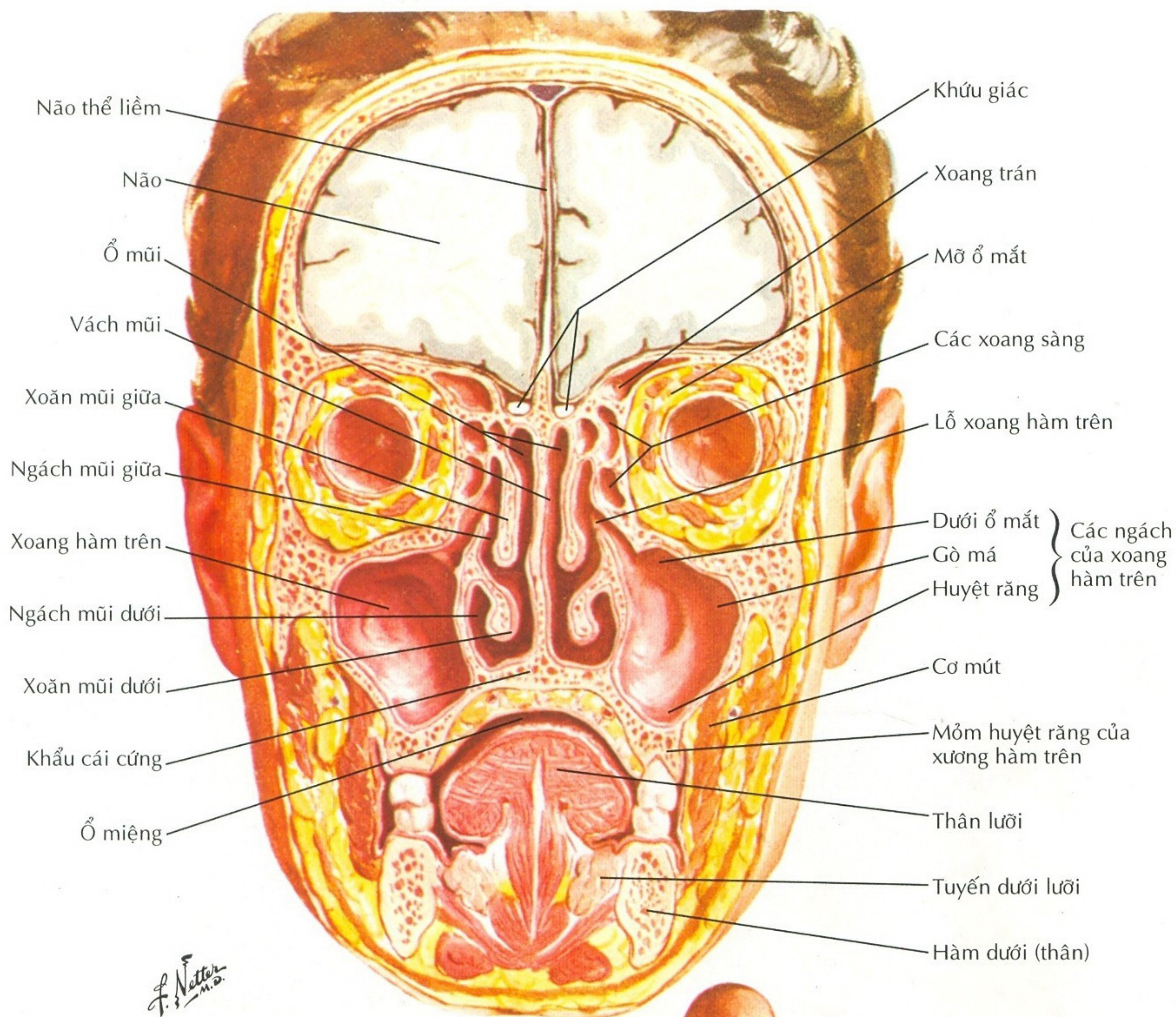
## Nhìn bên trong







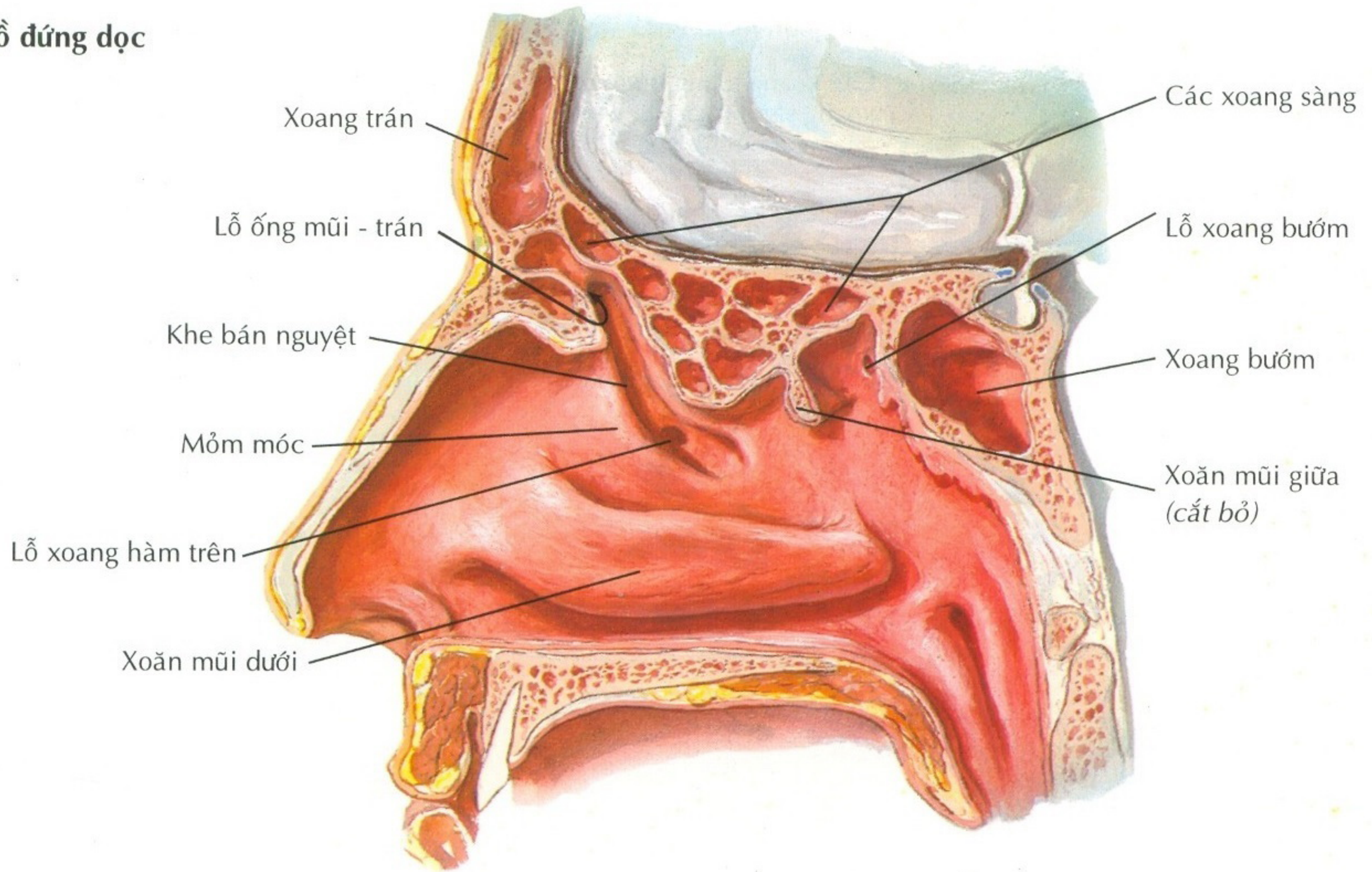
Thiết đồ đứng ngang



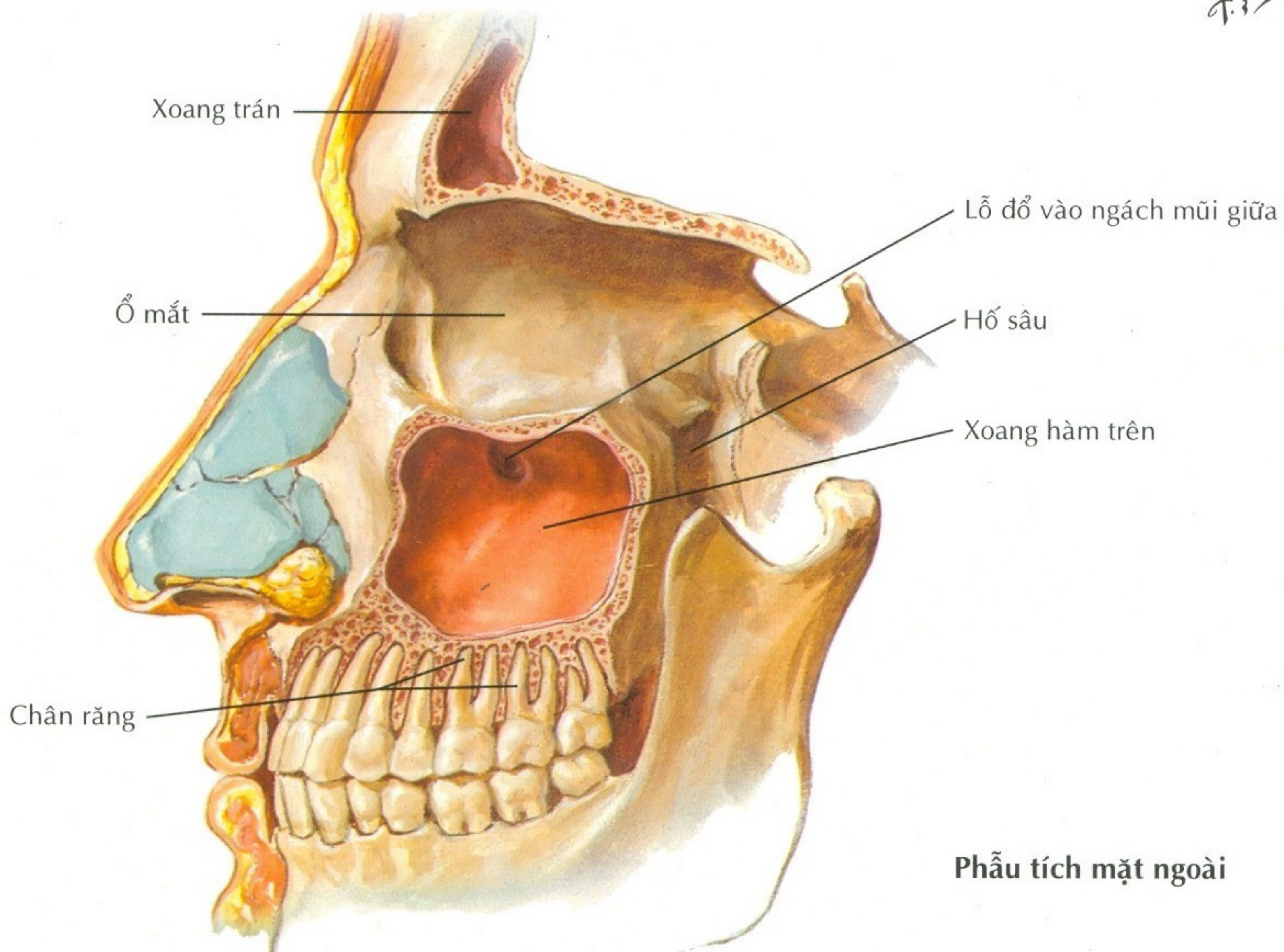
Thiết đồ ngang



## Thiết đồ đứng dọc



*F. Netter M.D.*

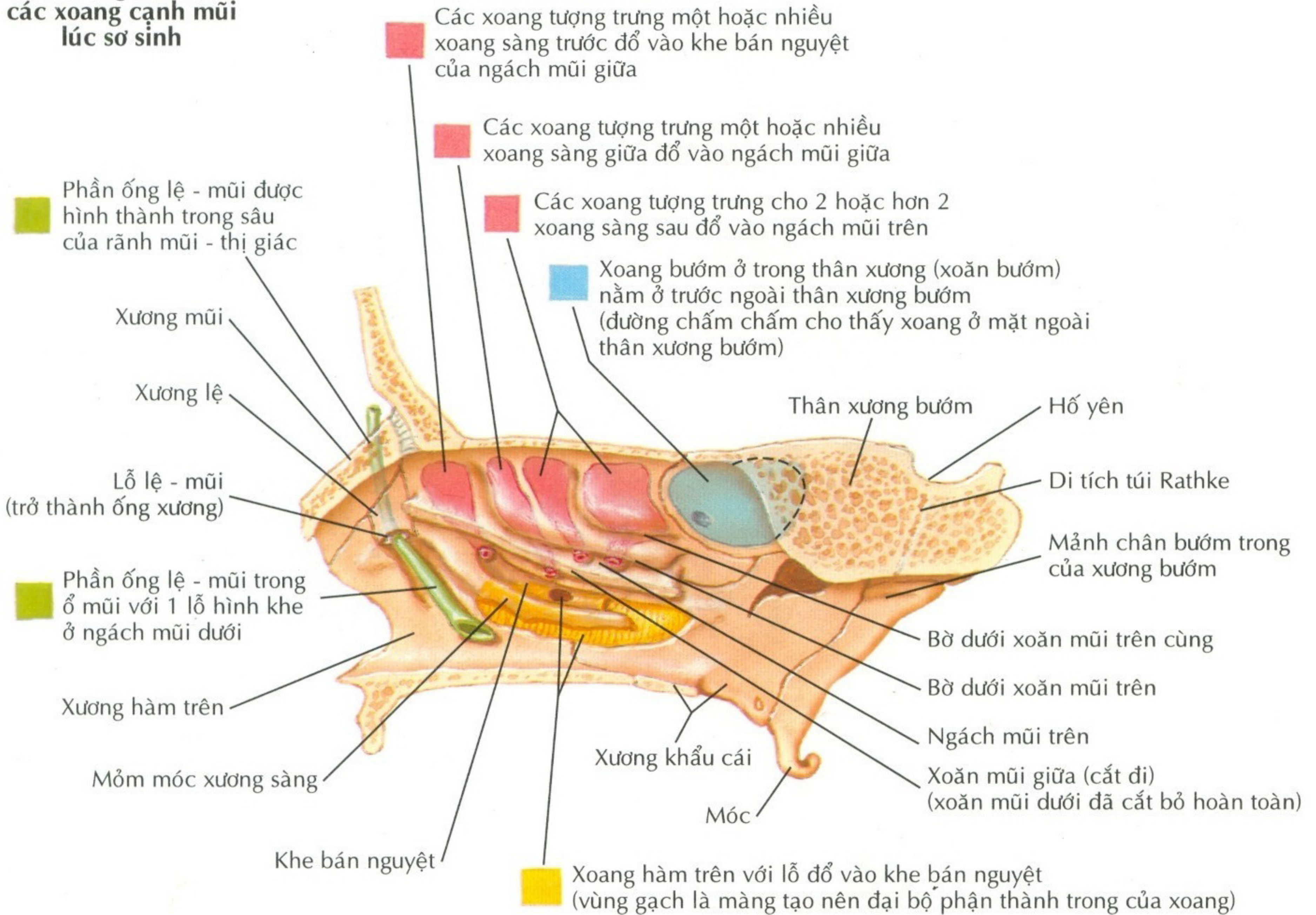


## Phẫu tích mặt ngoài

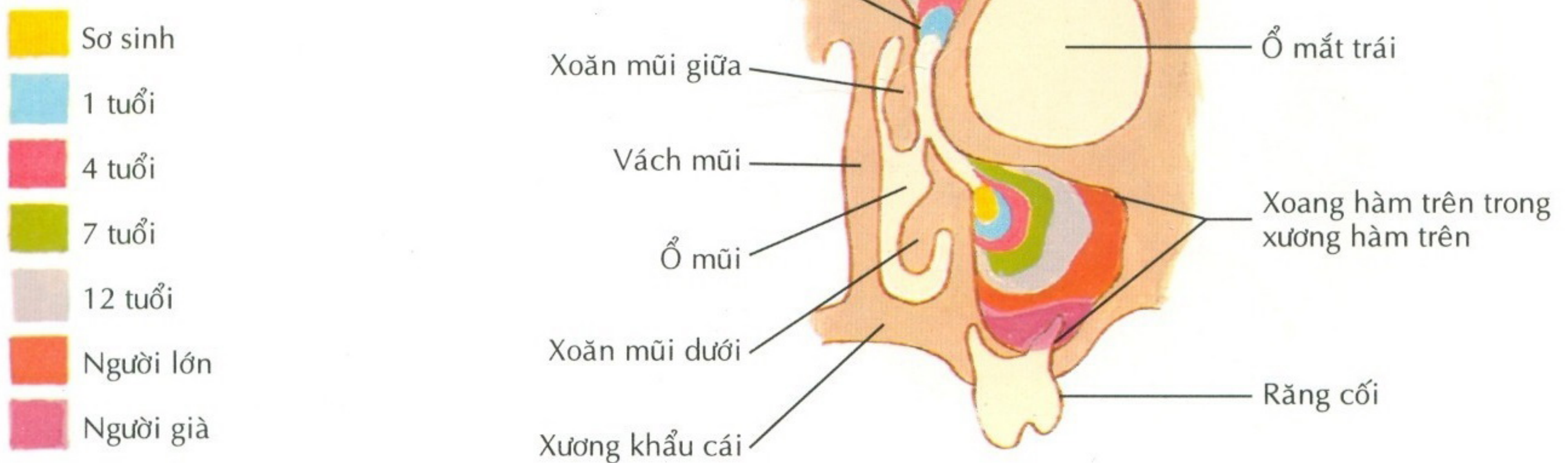


# Các Xoang Chanh Mũi: Những Thay Đổi Theo Tuổi

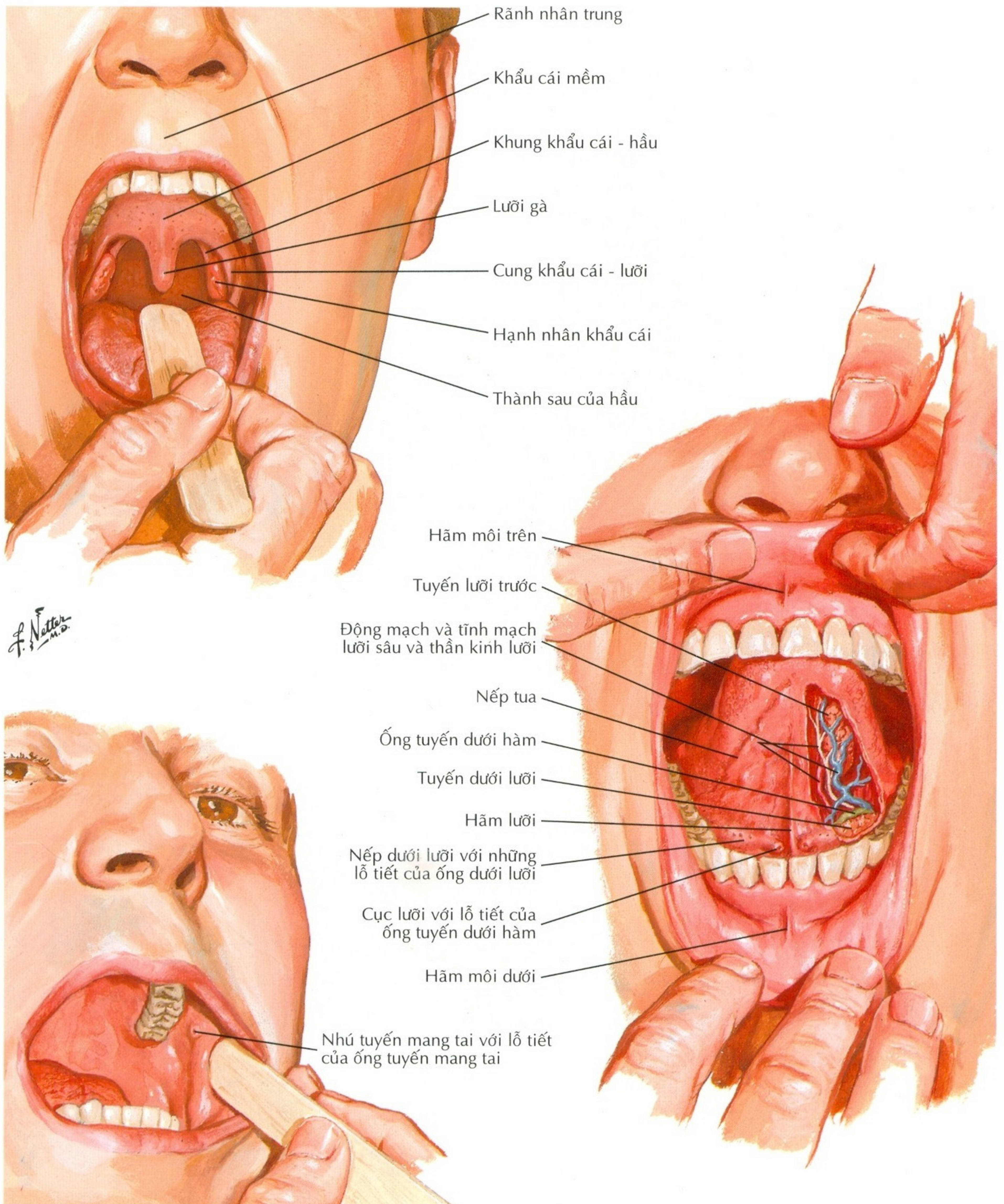
## Các xương ổ mũi và các xoang cạnh mũi lúc sơ sinh



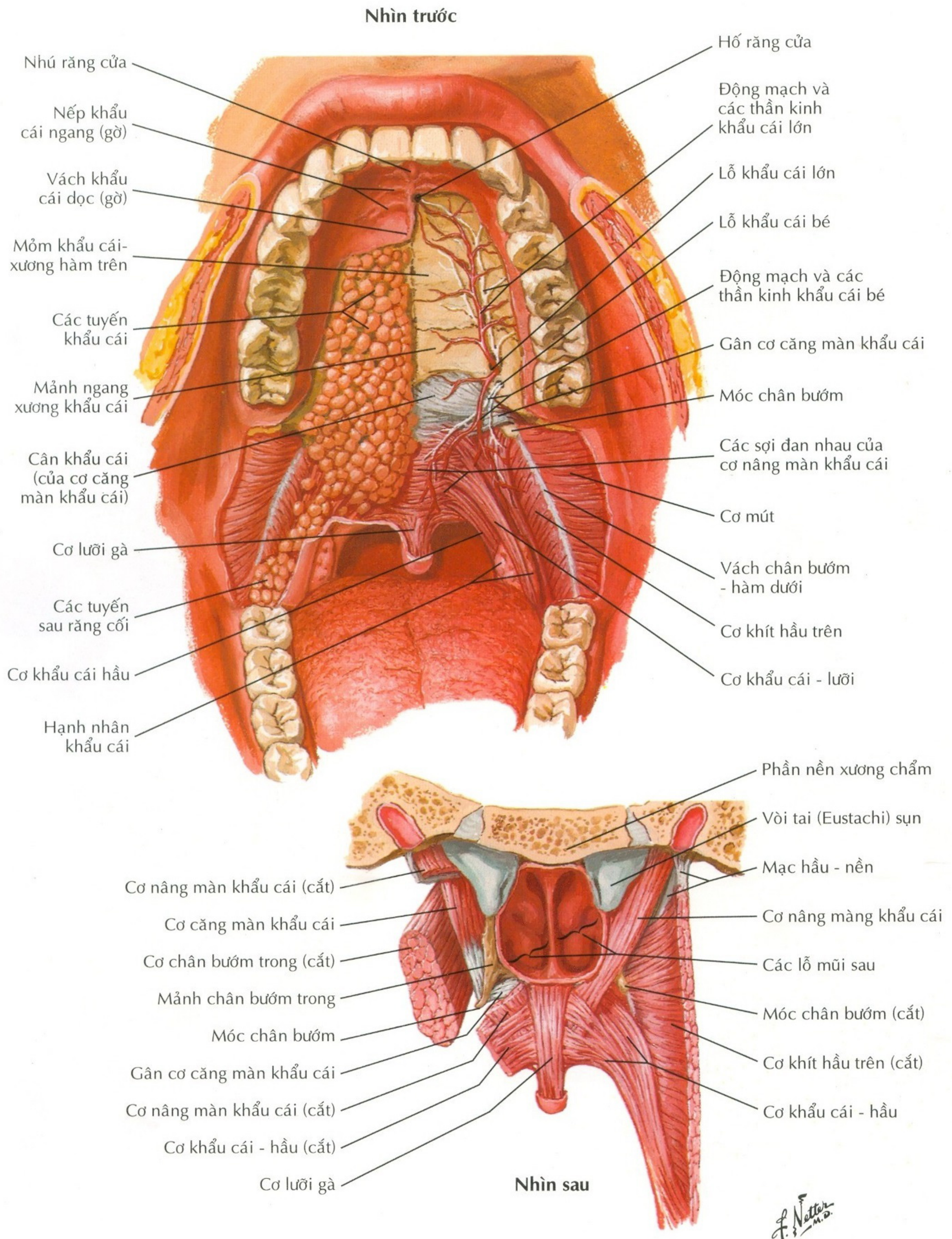
## Sự phát triển của xoang trán và xoang hàm trên qua các giai đoạn của cuộc đời





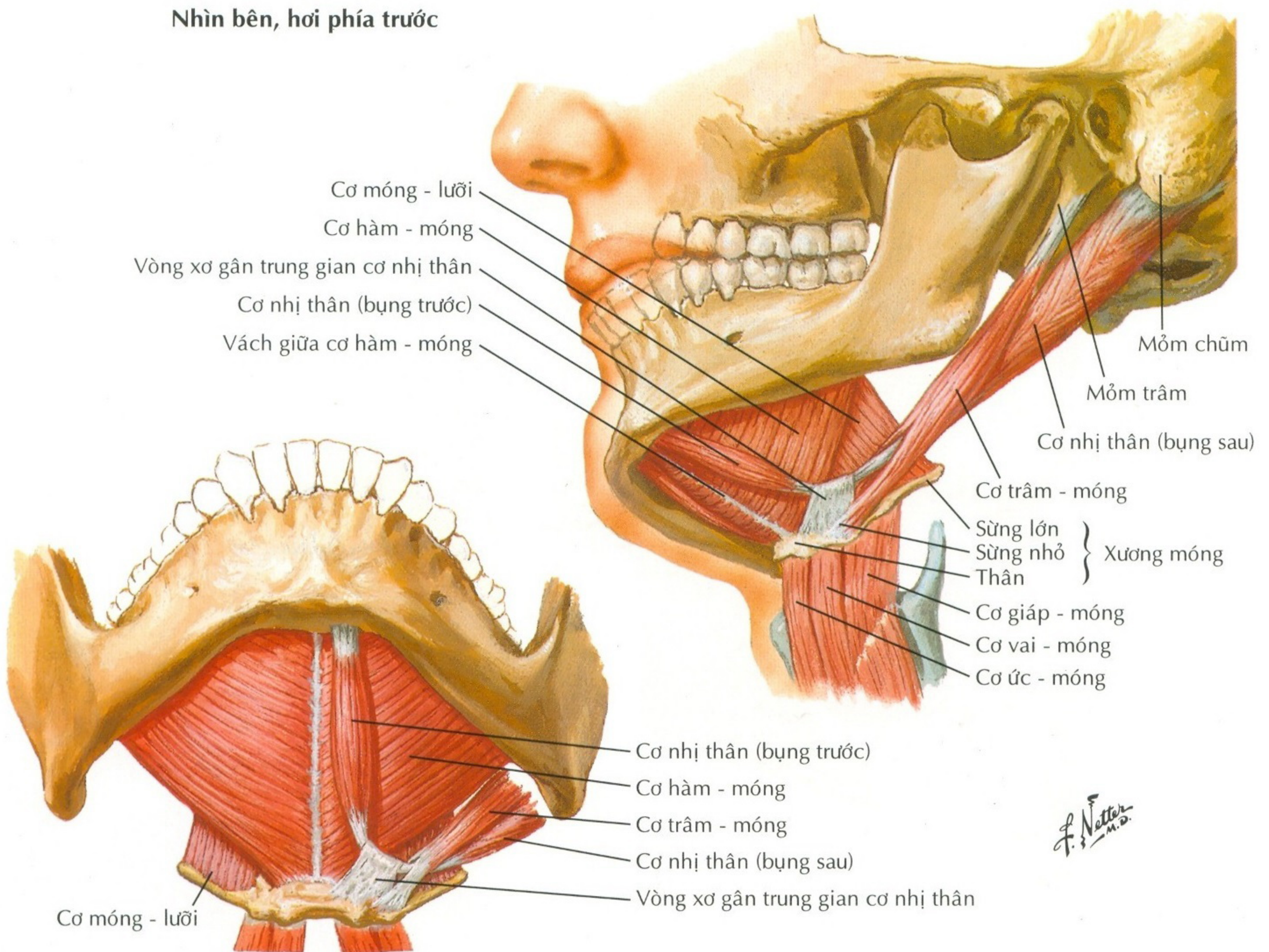




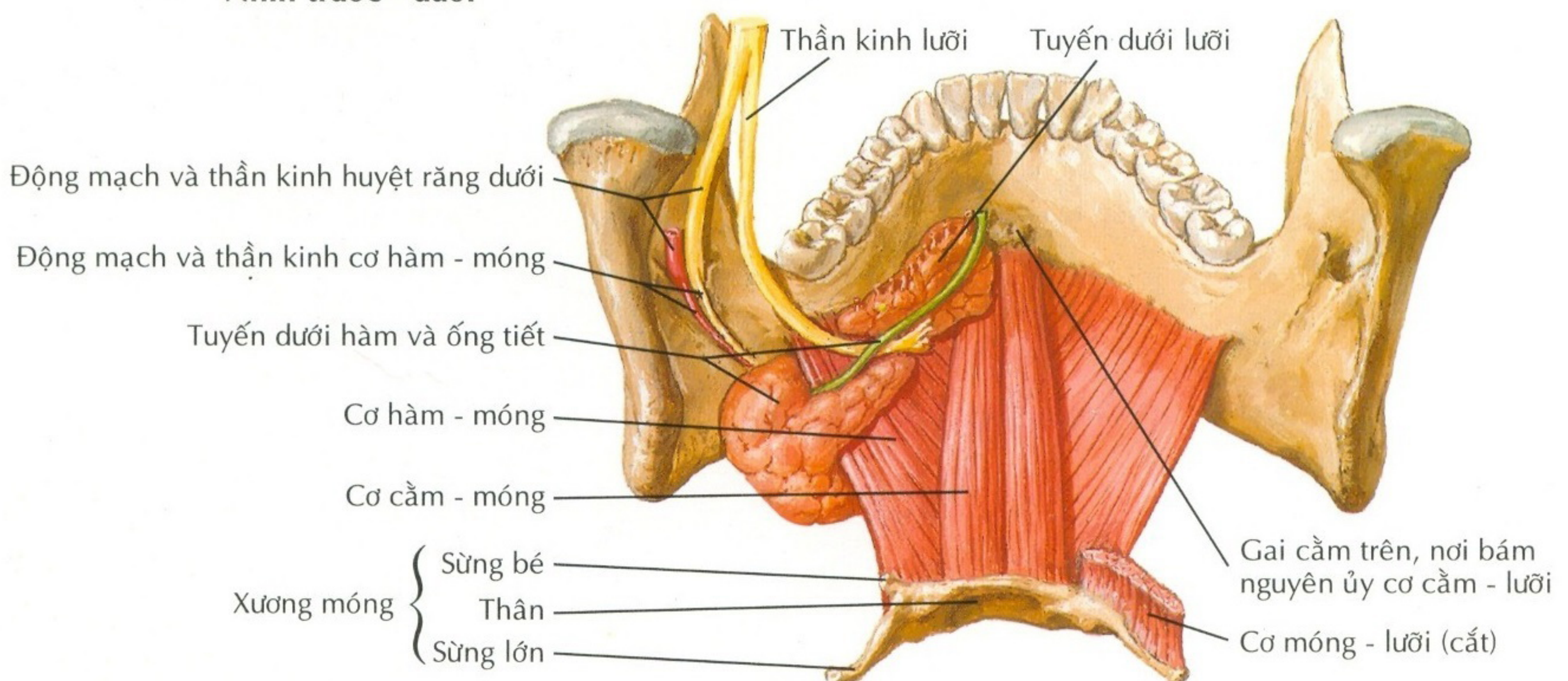




Nhìn bên, hơi phía trước



Nhìn trước - dưới

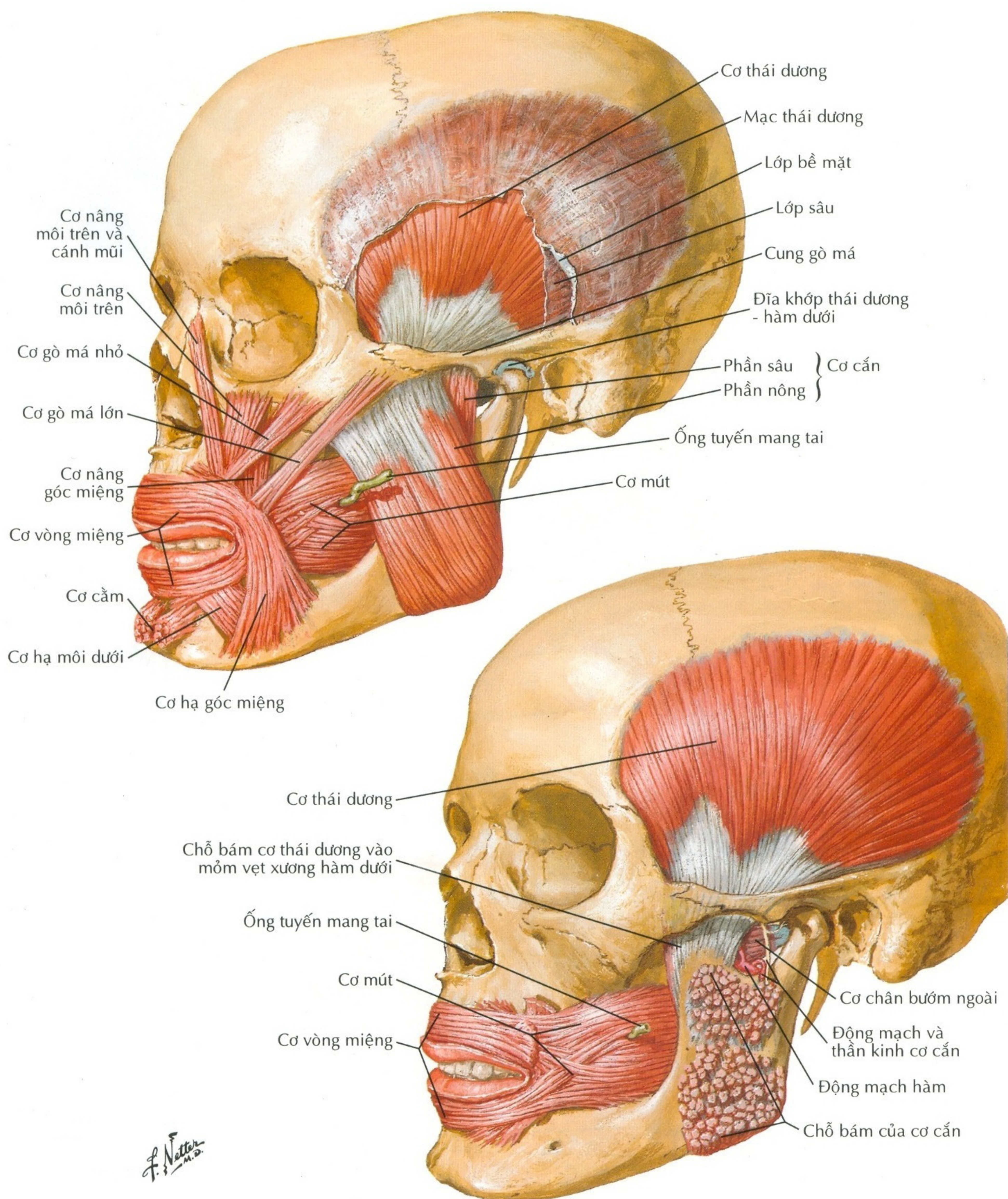


Nhìn sau - bên



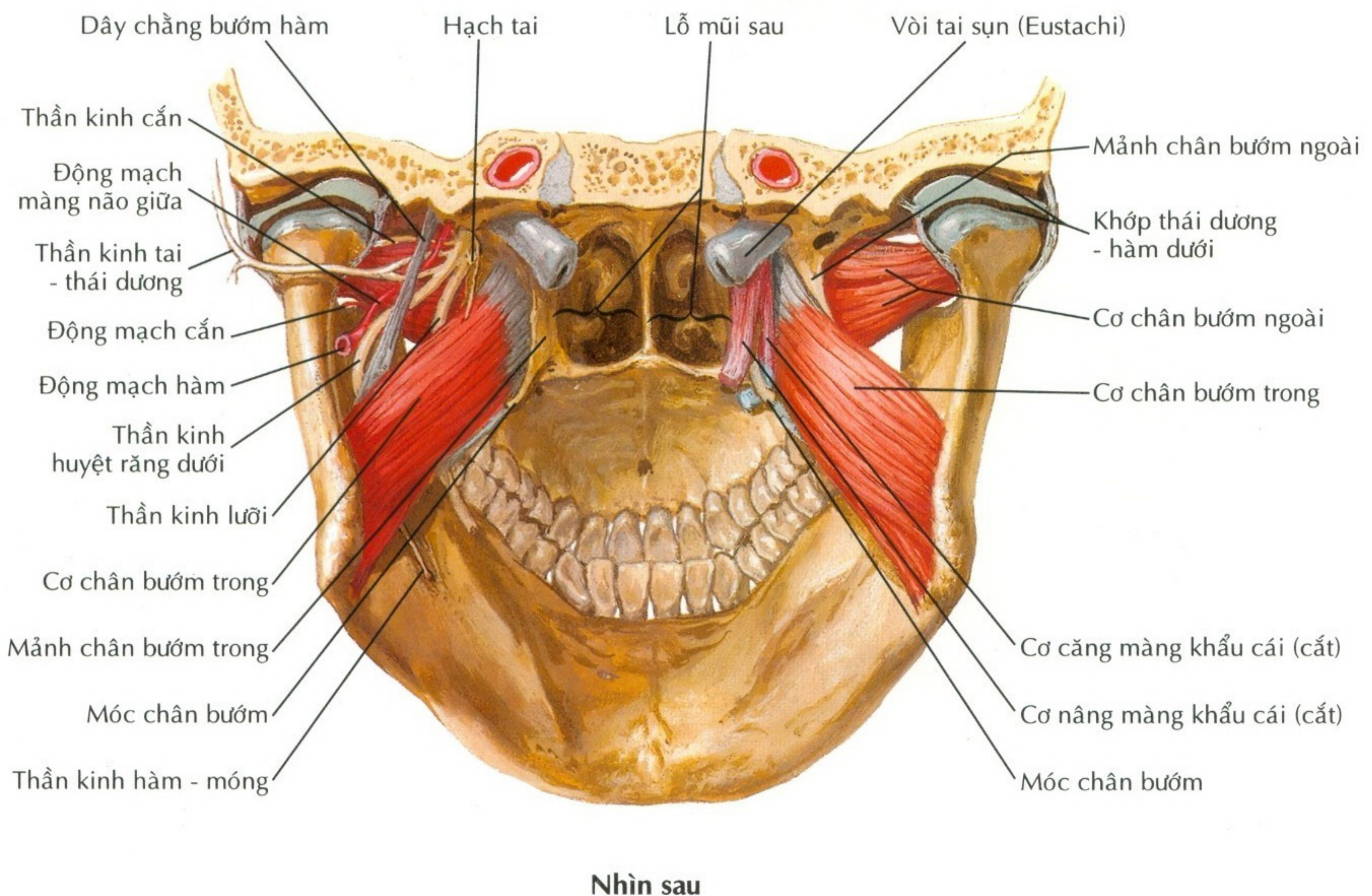
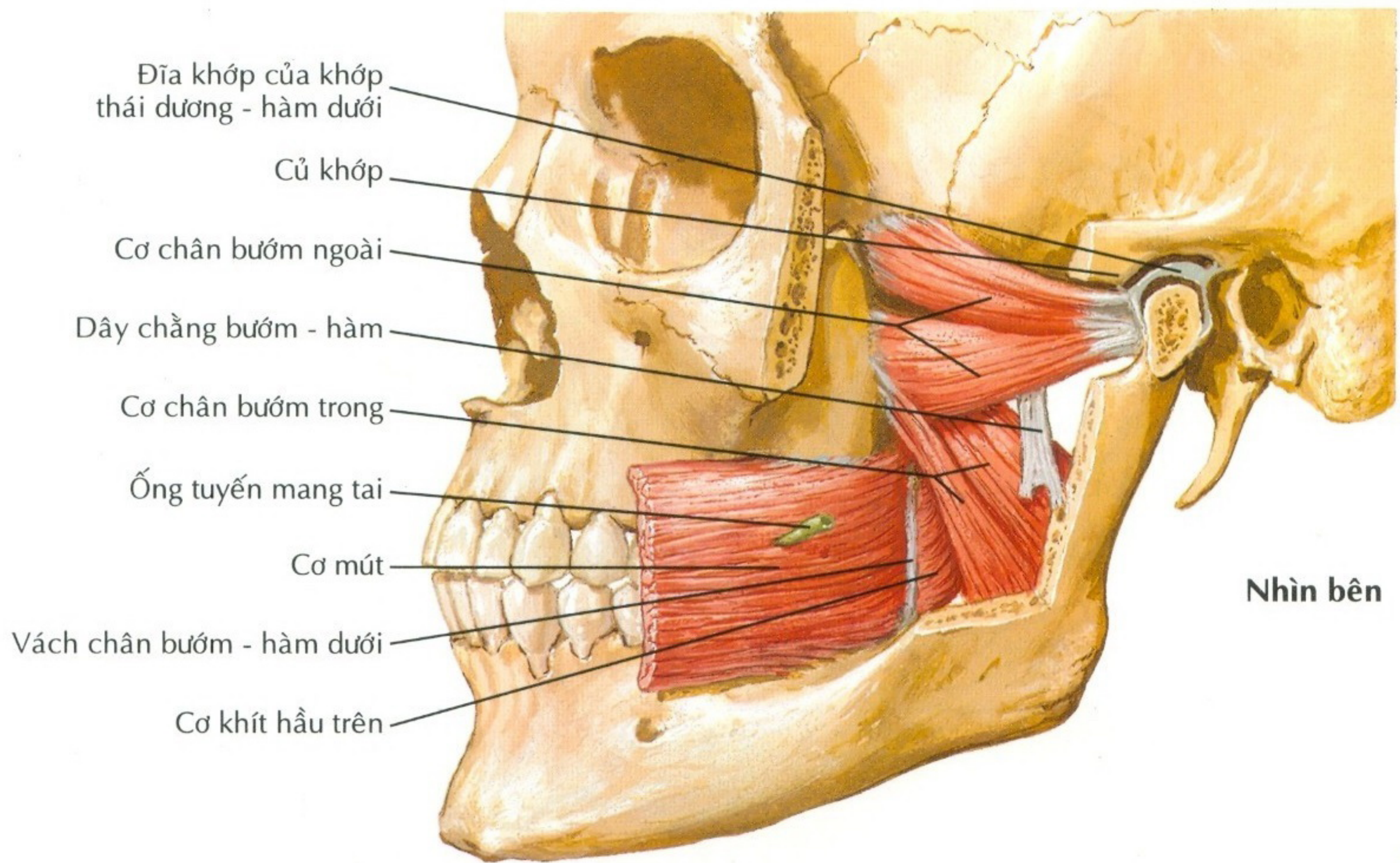
# Các Cơ Tham Gia Động Tác Nhai

Xem thêm hình 26

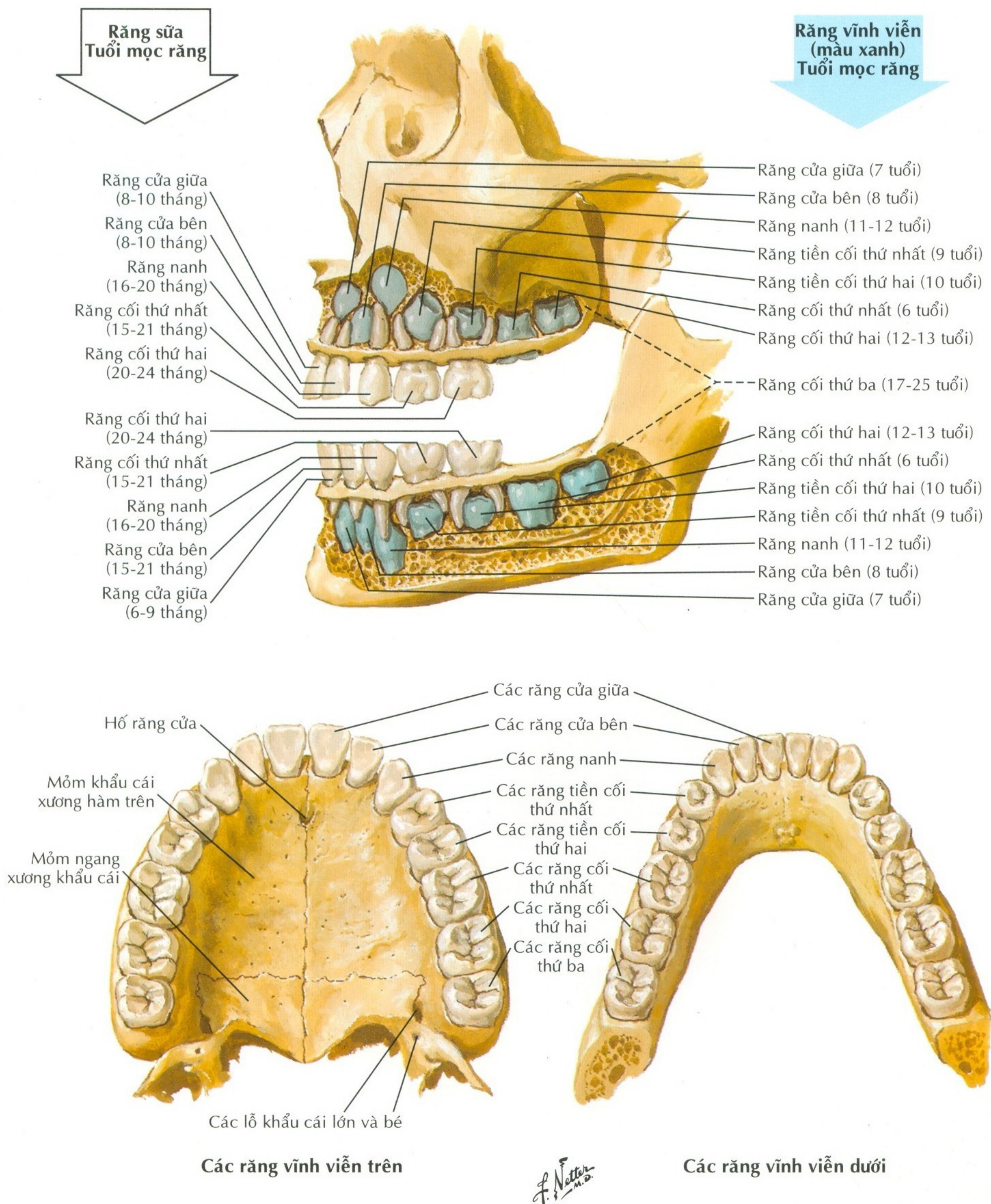


Hình 54

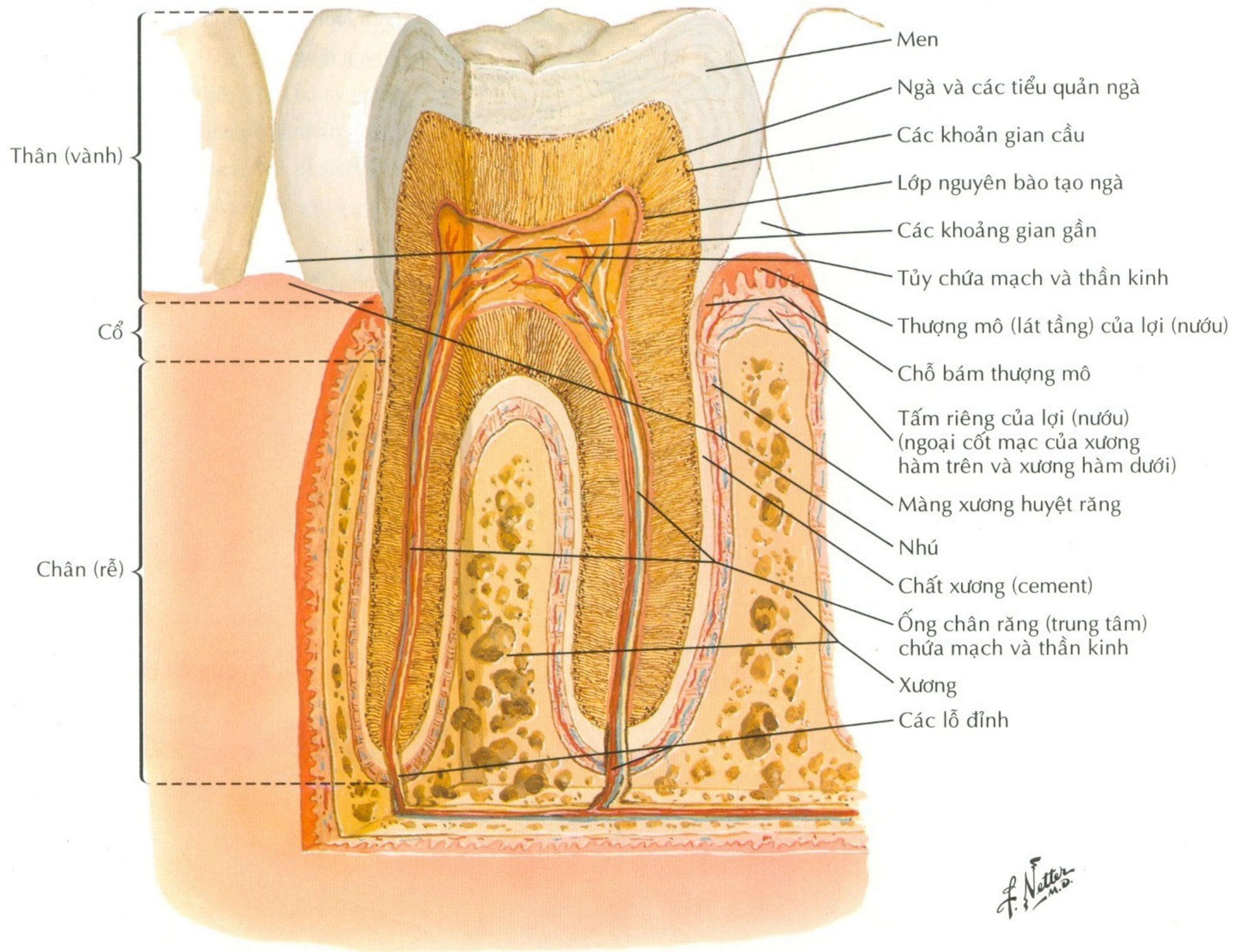




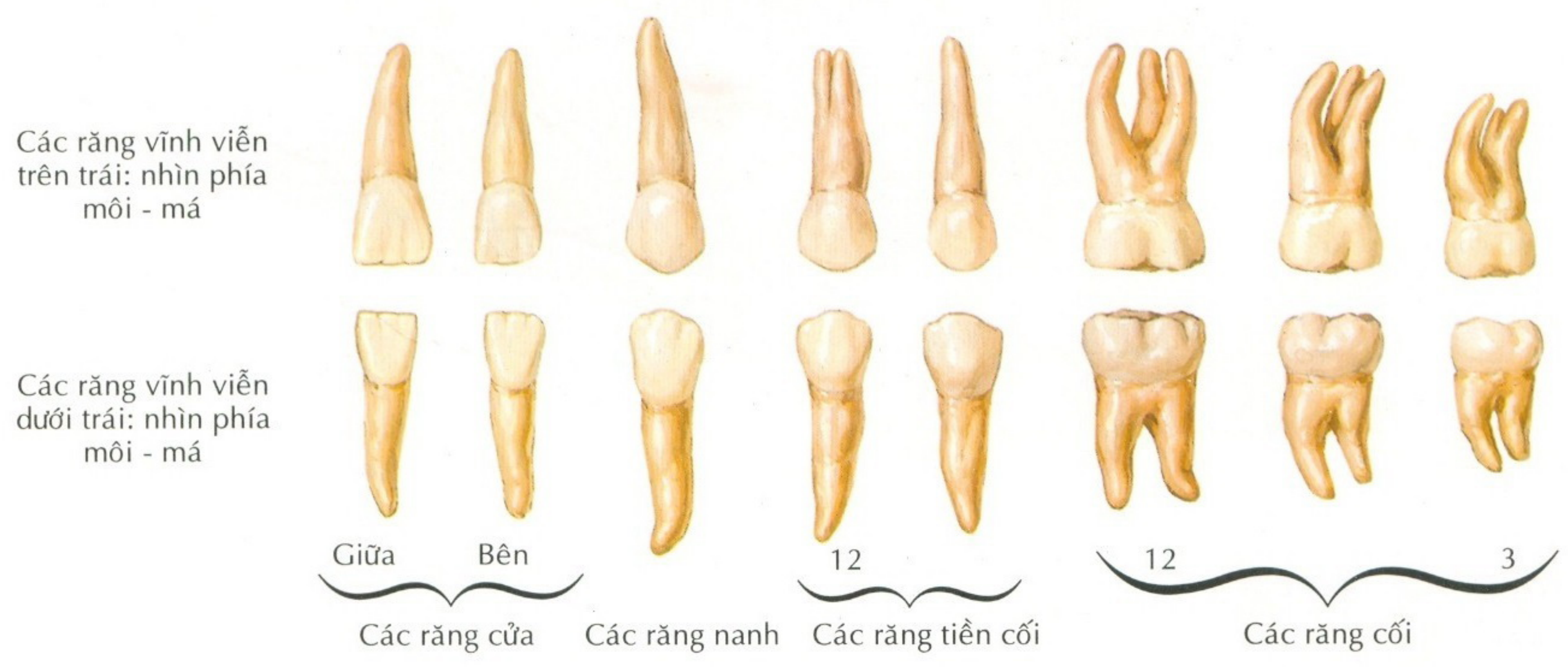




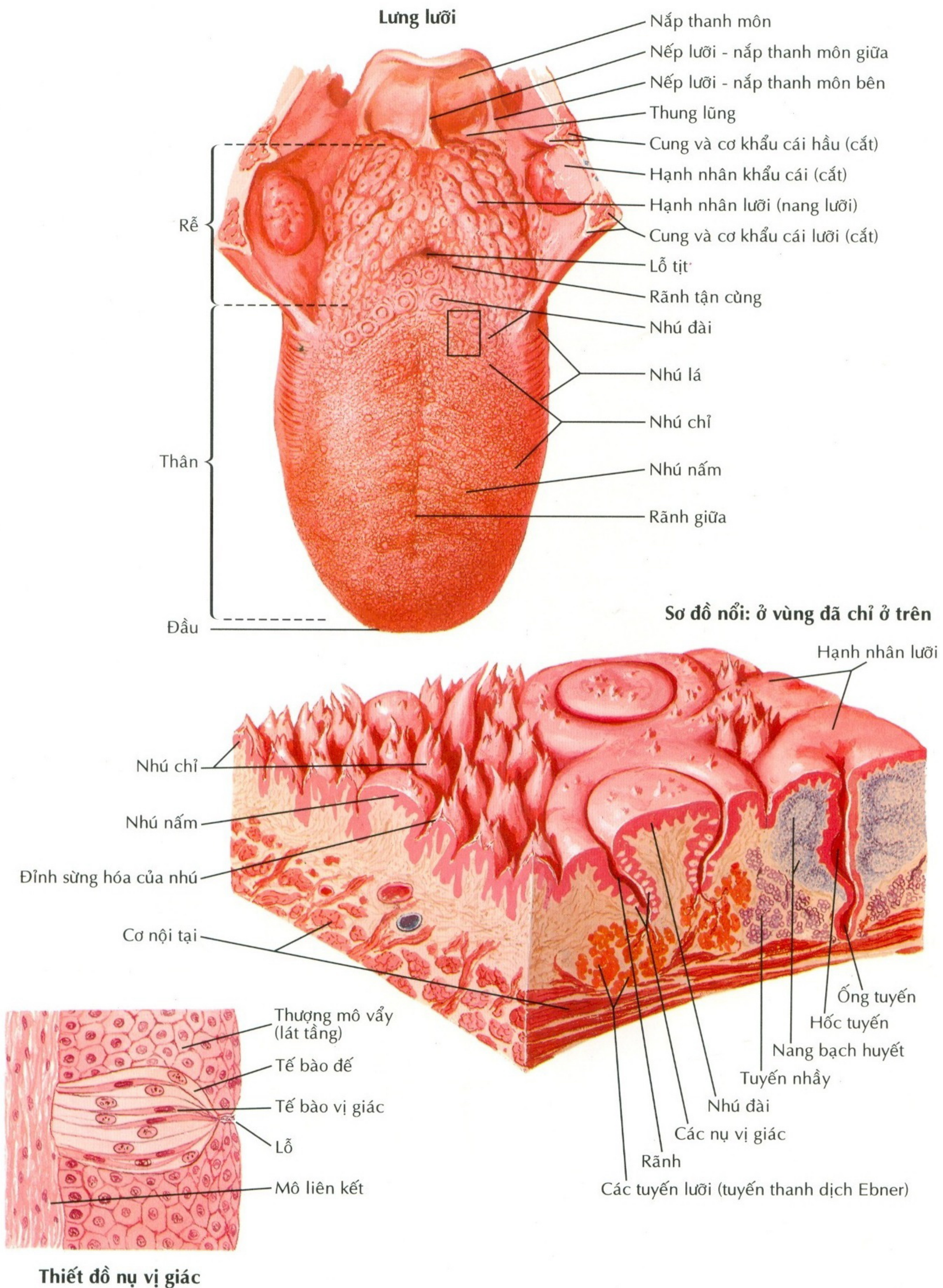




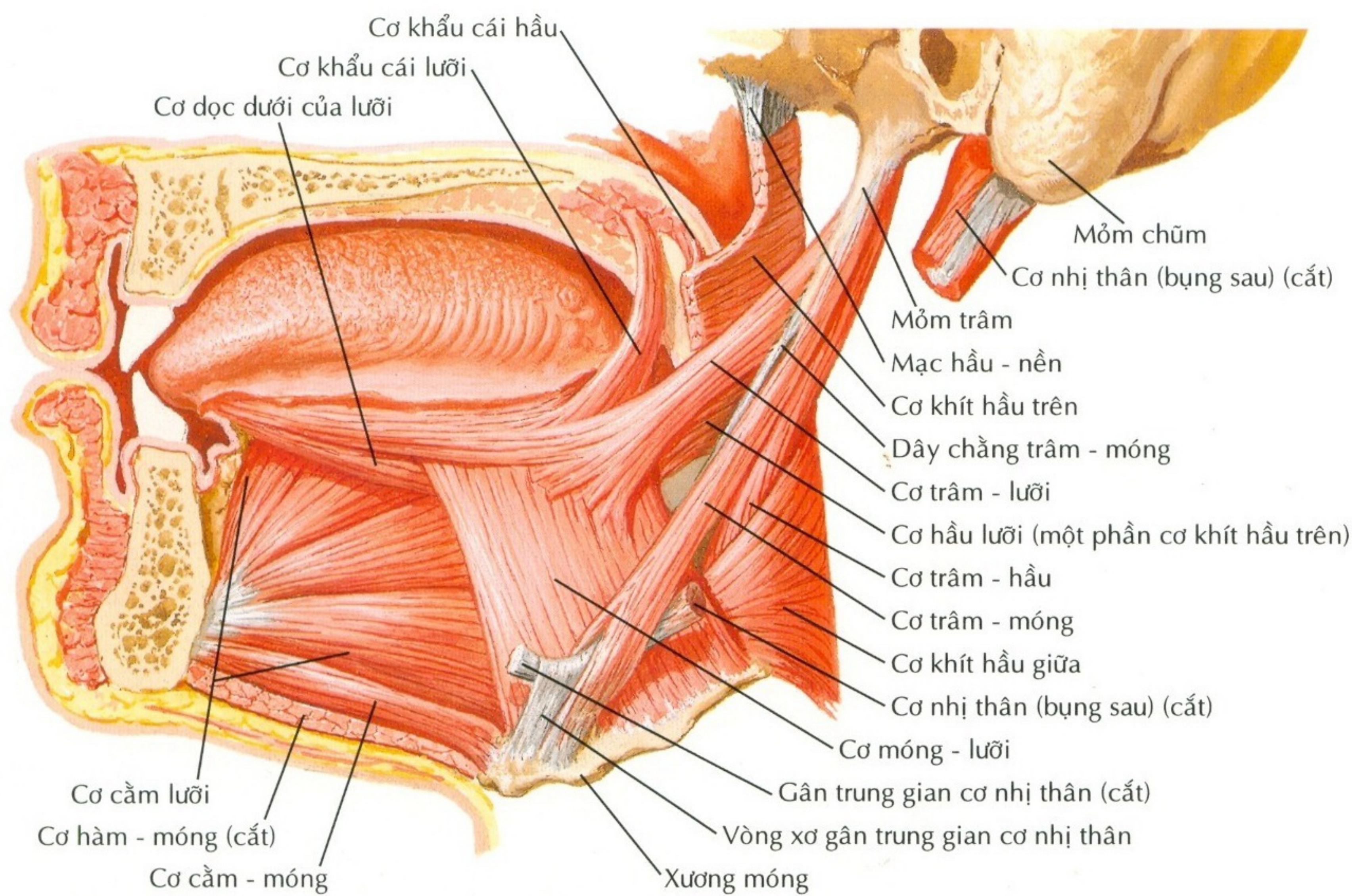
*F. Netter M.D.*



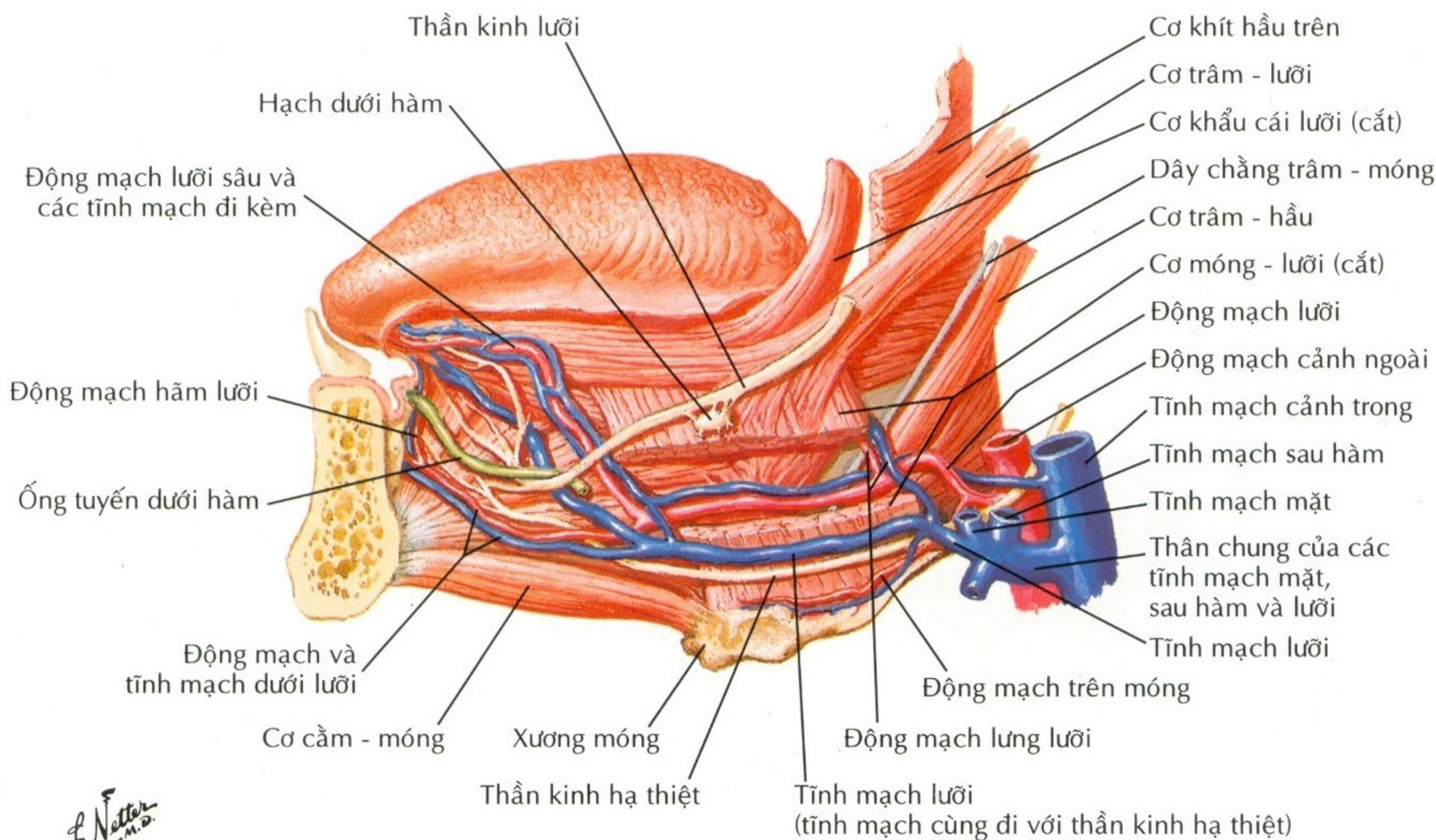






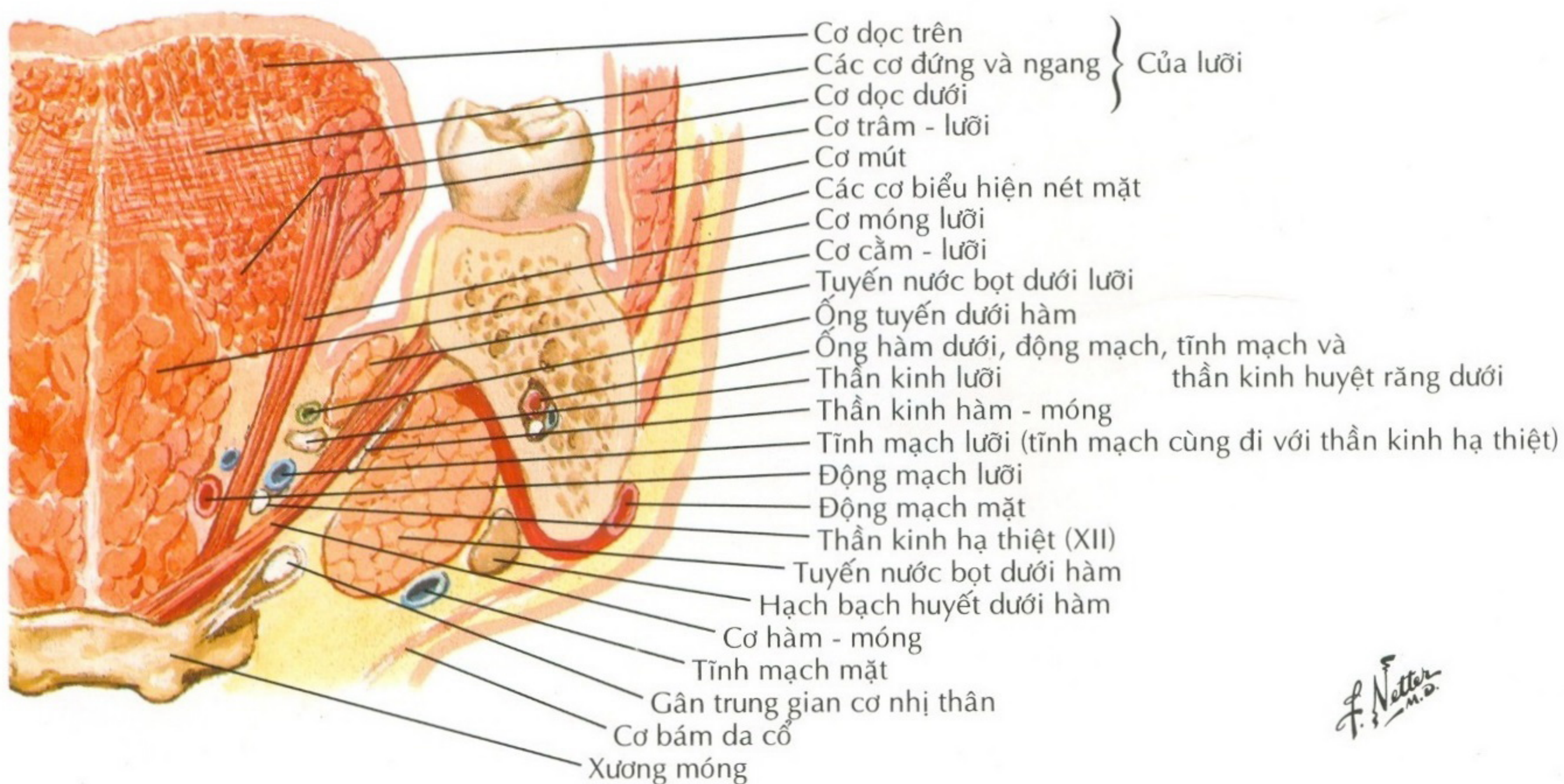
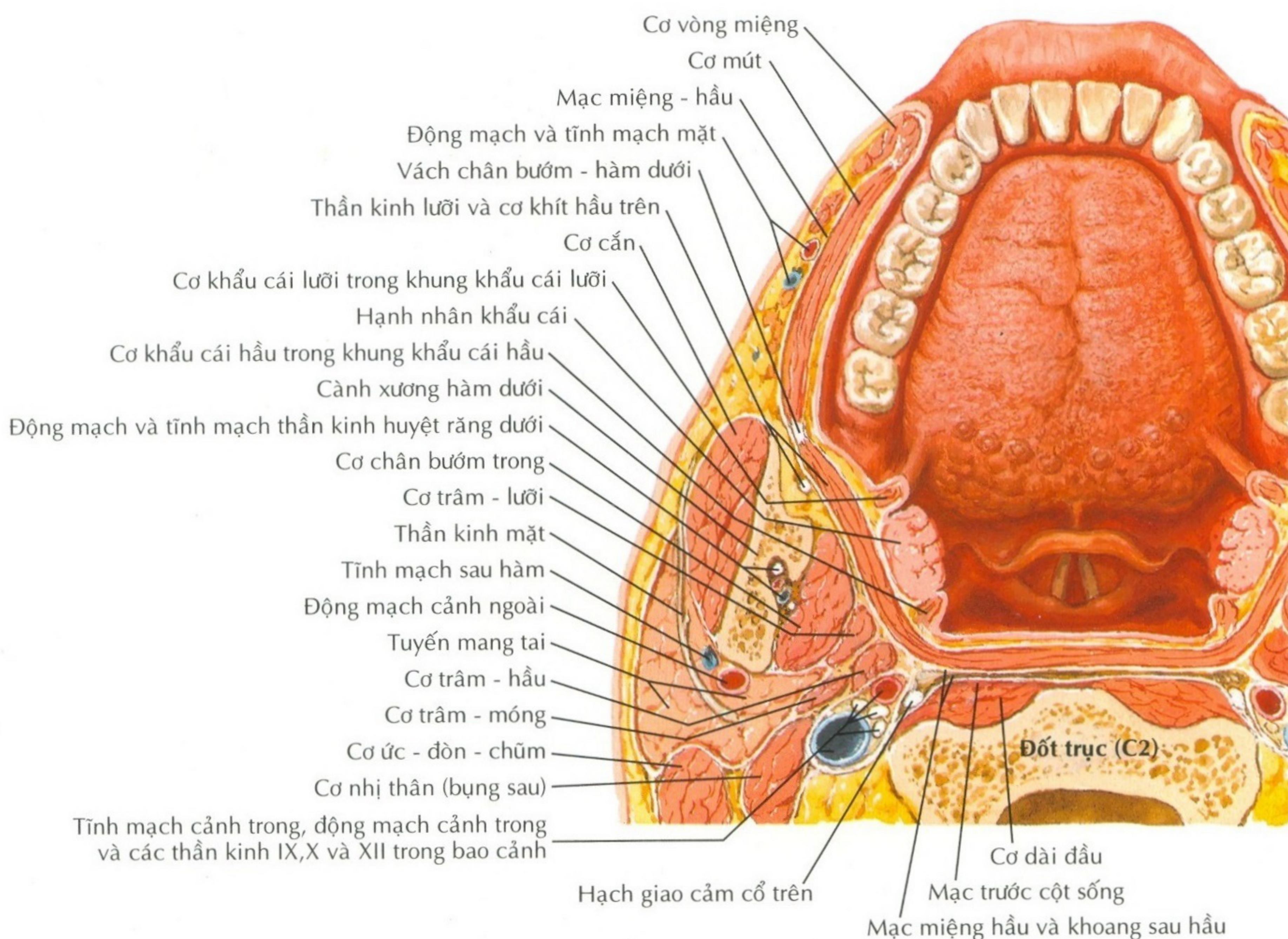


## Nhìn bên





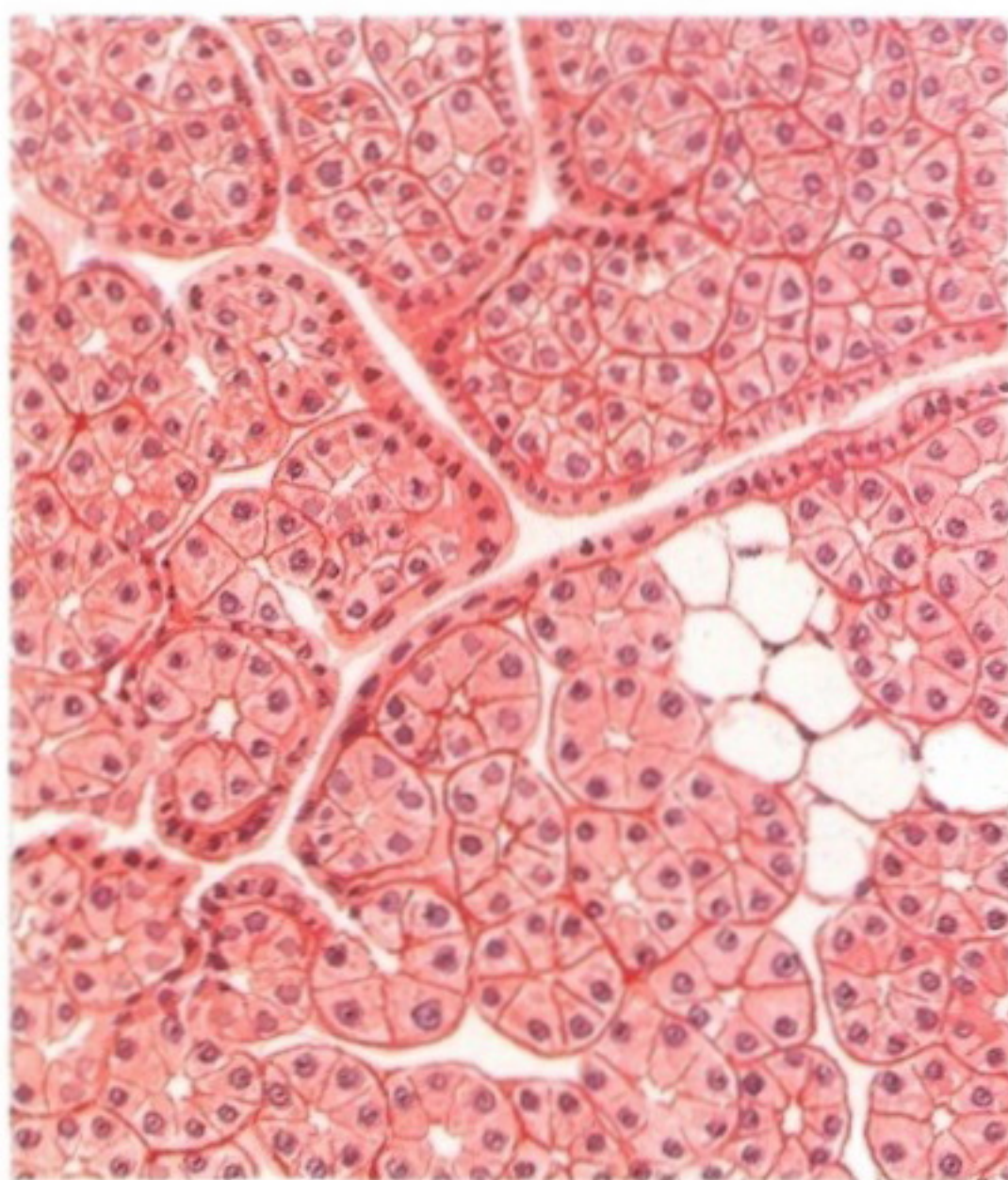
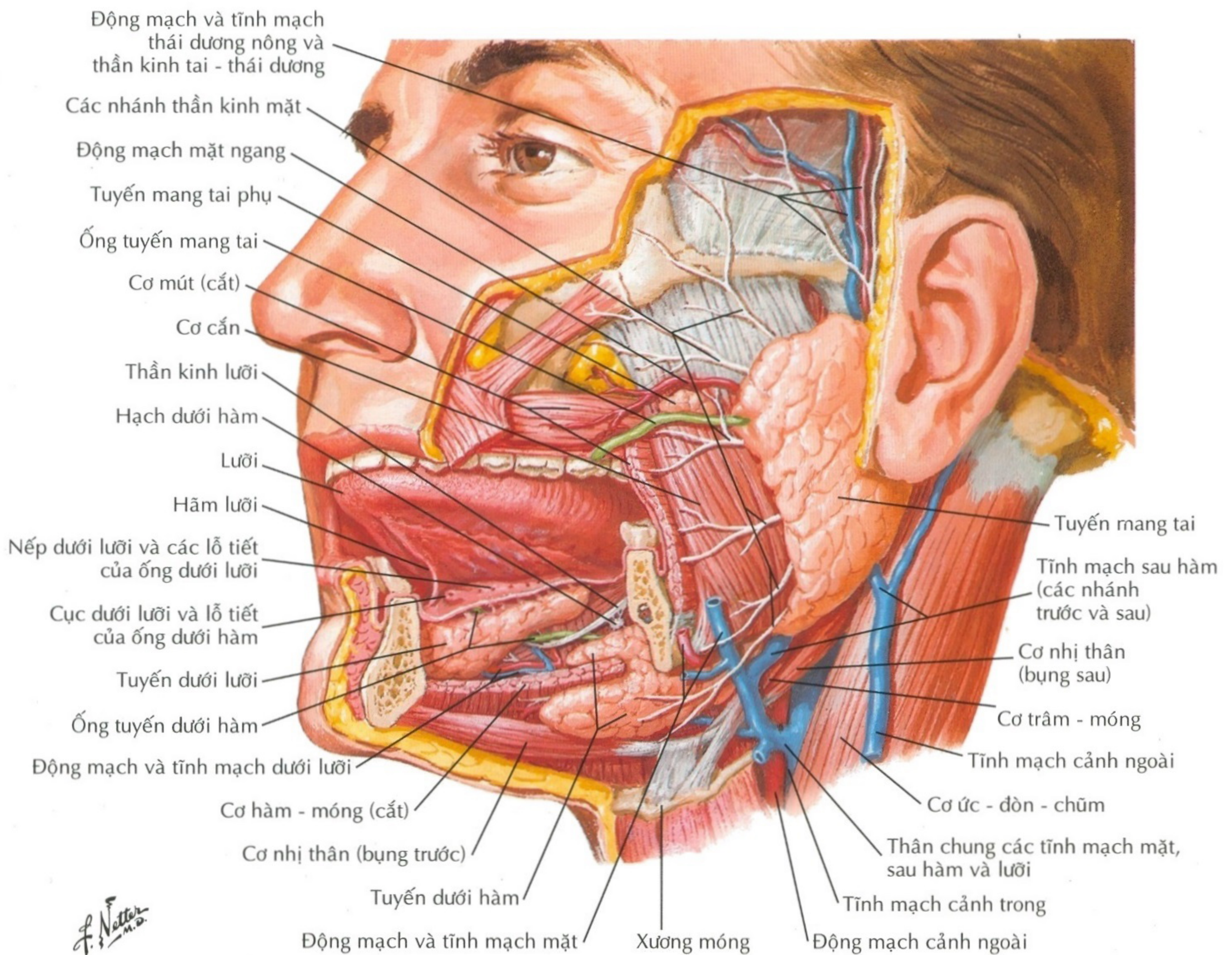
Thiết đồ ngang dưới lưỡi của xương hàm dưới:  
Nhìn trên



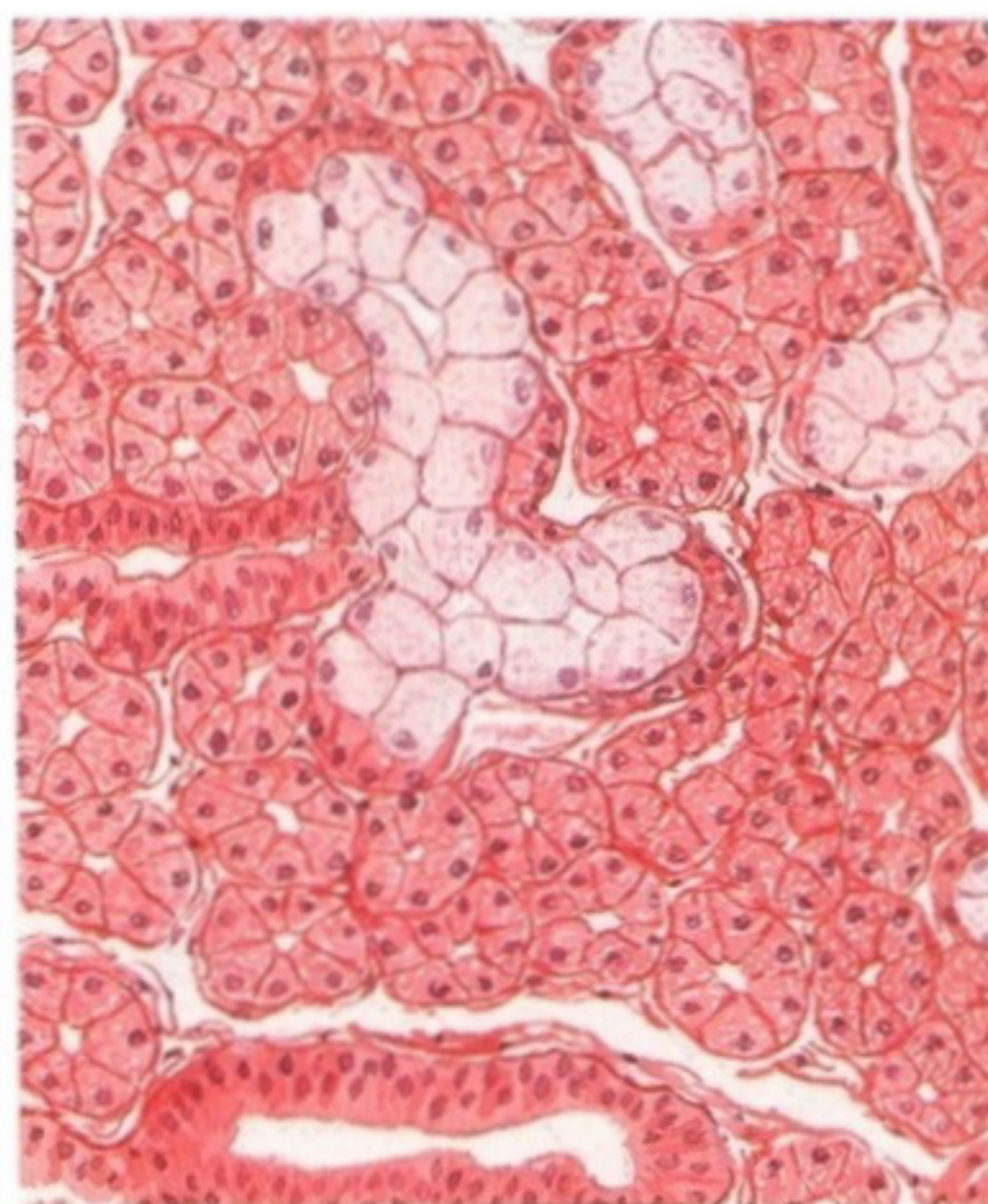
Thiết đồ đứng ngang sau răng cối thứ nhất:  
Nhìn trước



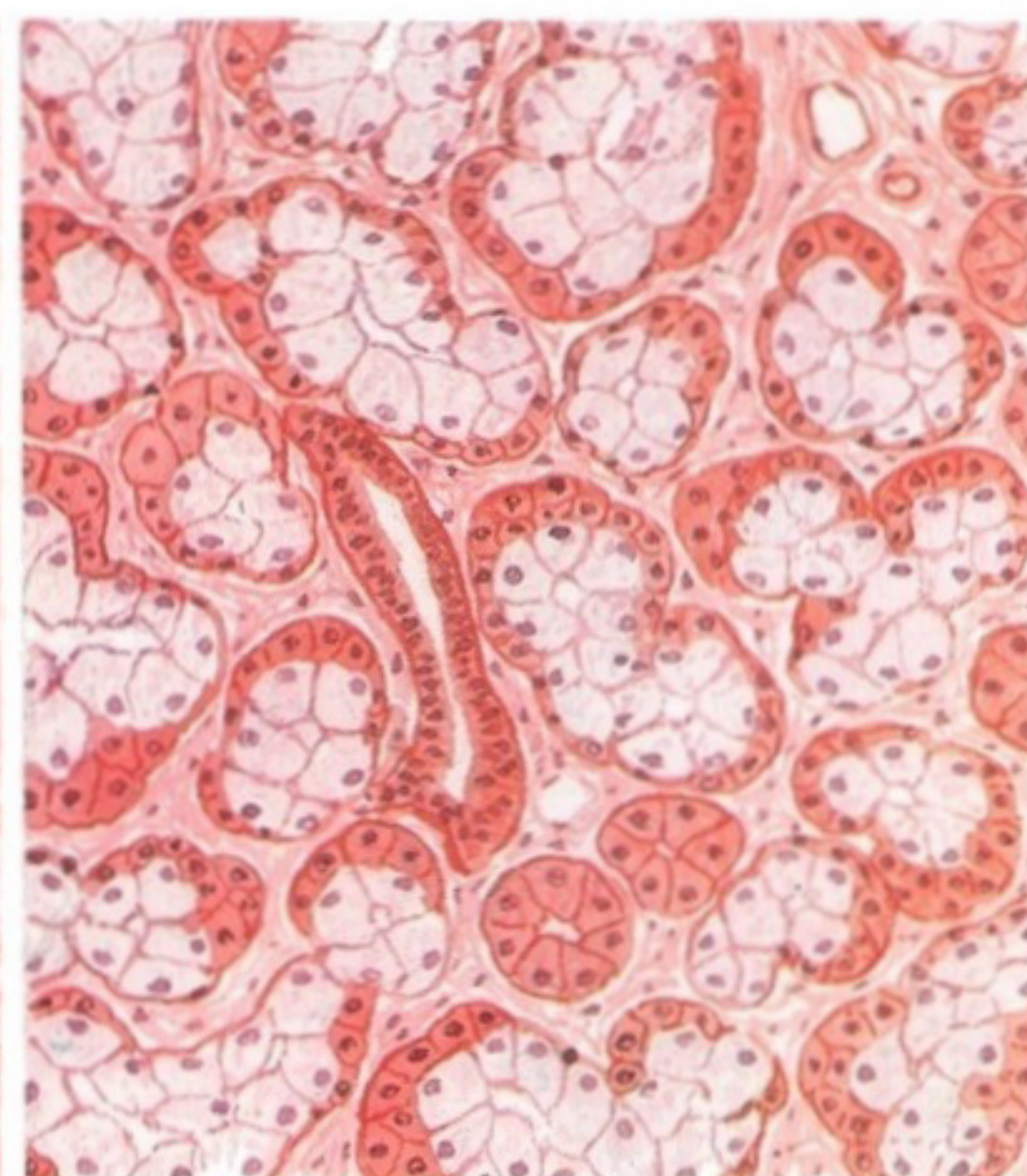
Xem thêm hình 25, 53, 133, 134, 167, 168



Tuyến mang tai: hoàn toàn thanh dịch



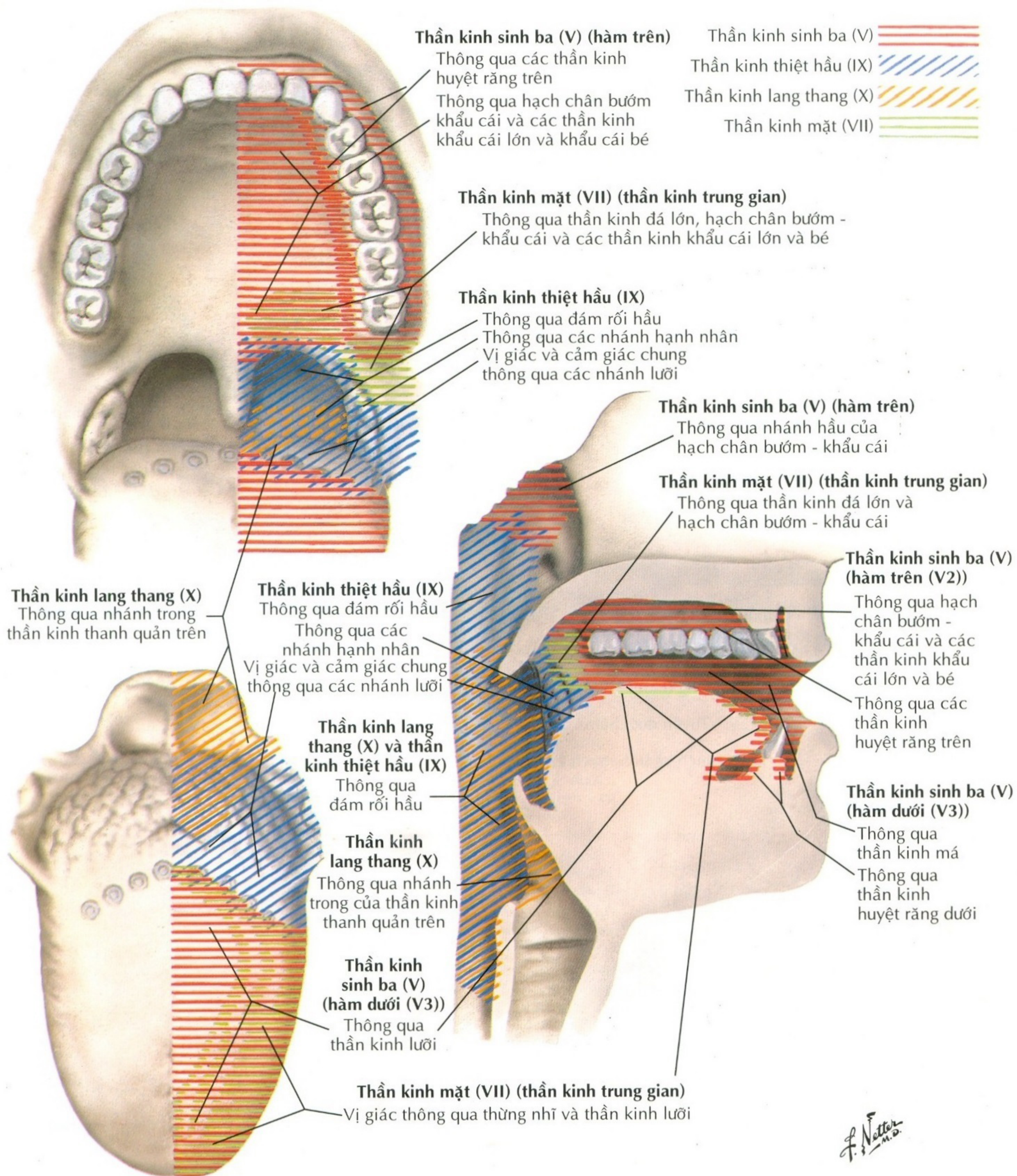
Tuyến dưới hàm: đại bộ phận thanh dịch, một phần nhầy



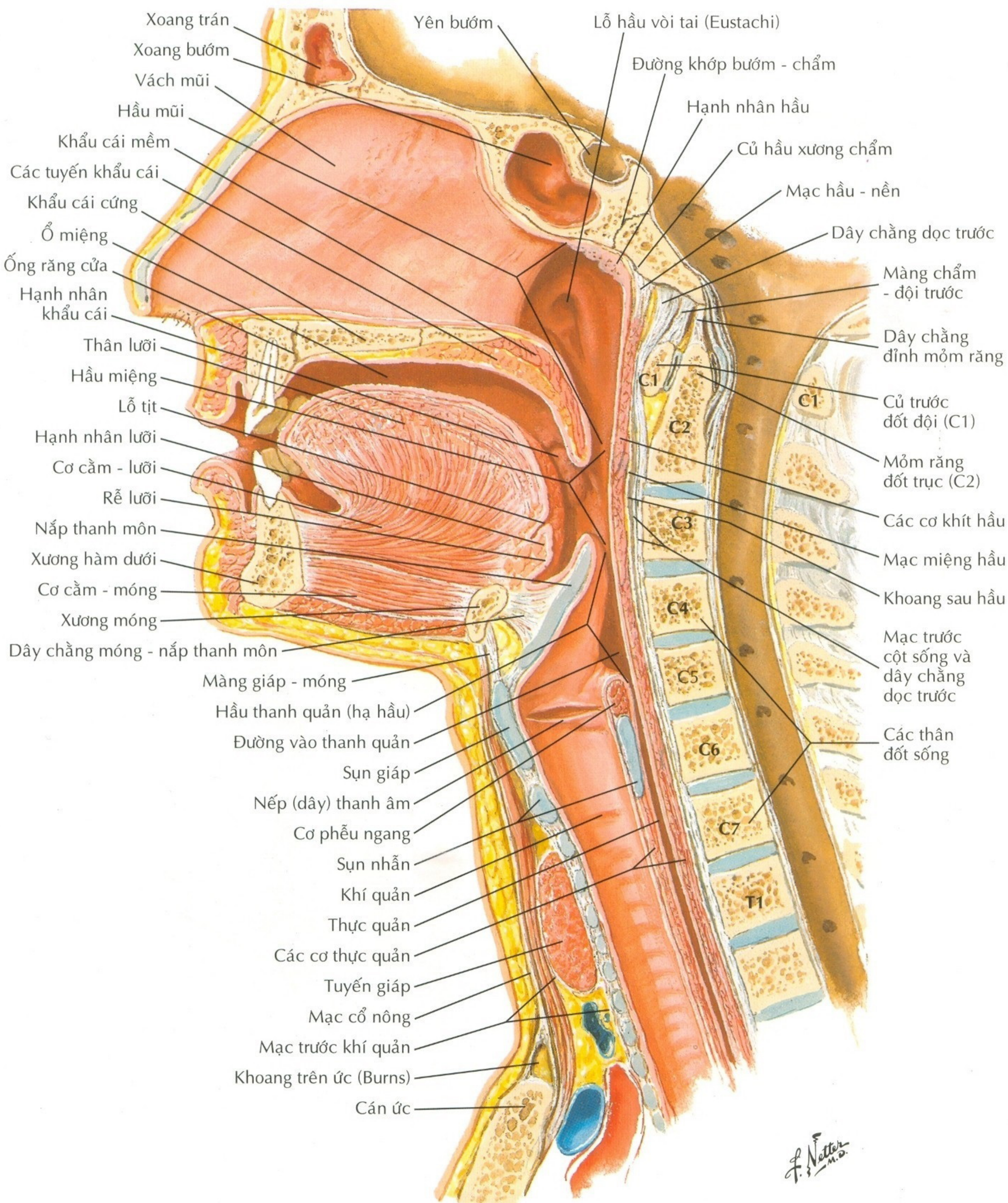
Tuyến dưới lưỡi: hầu như hoàn toàn nhầy



Xem thêm hình 45, 52, 59, 64, 122, 123, 125, 133, 135

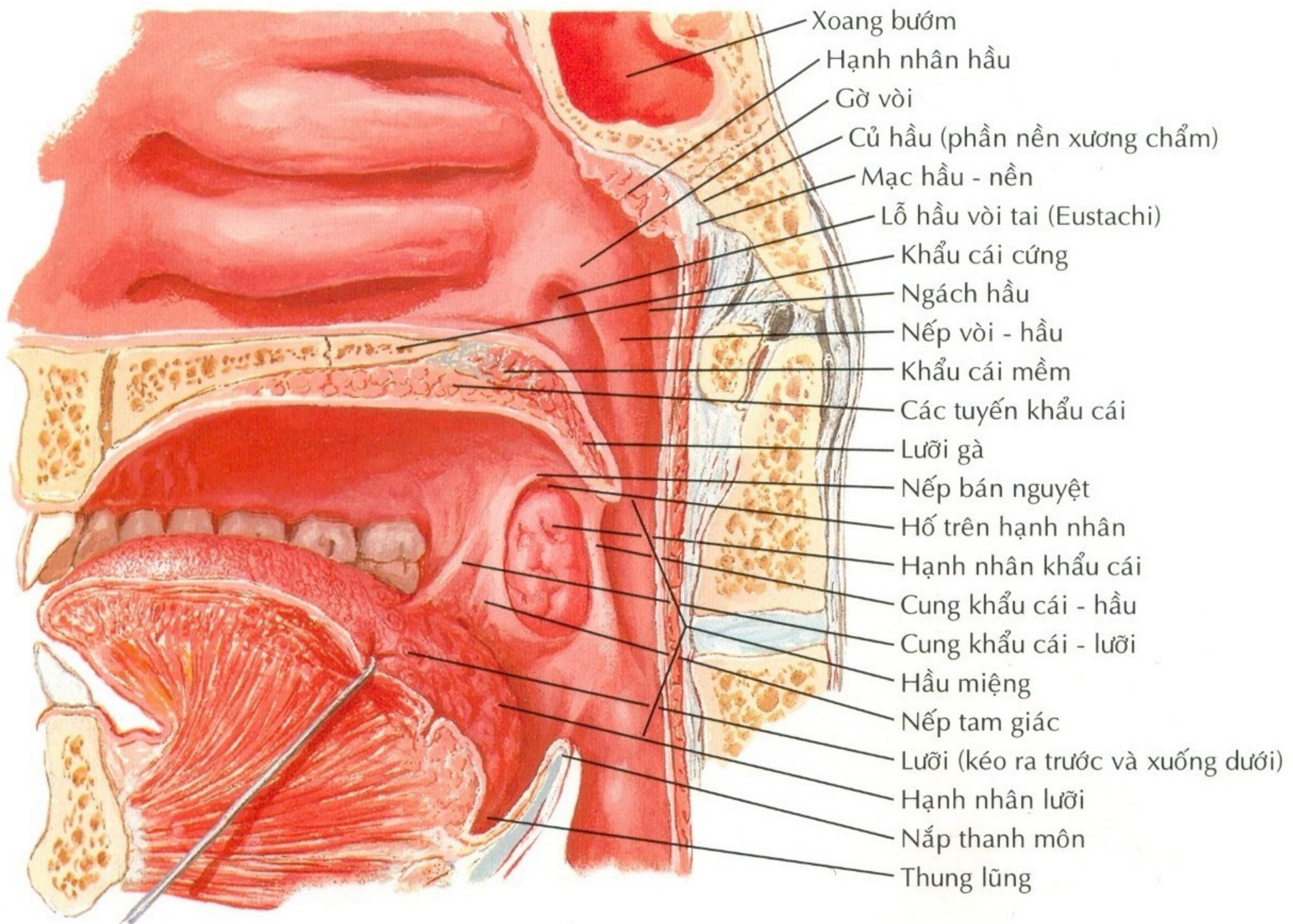




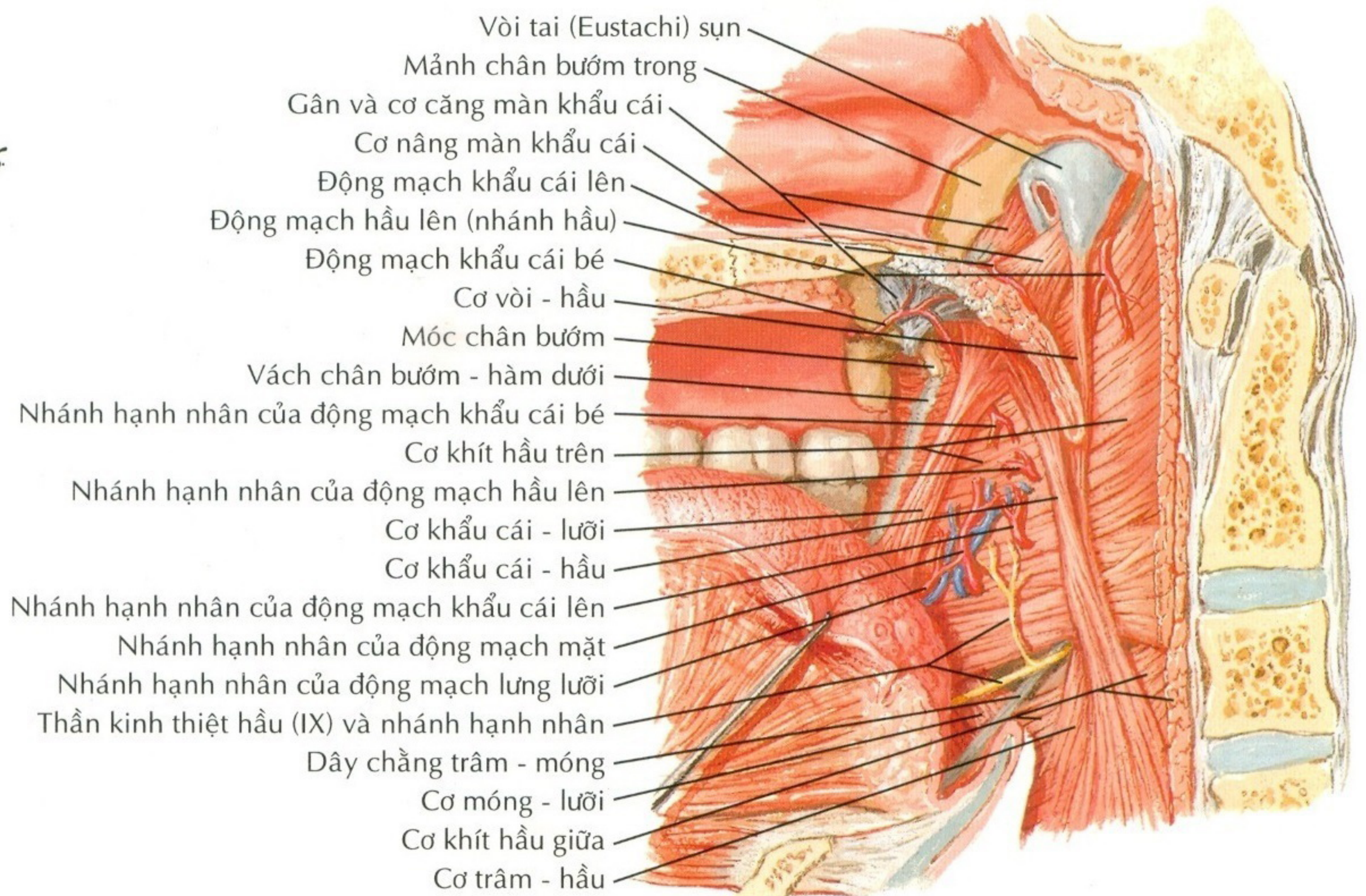




Thiết đồ đứng dọc:  
Nhìn từ trong

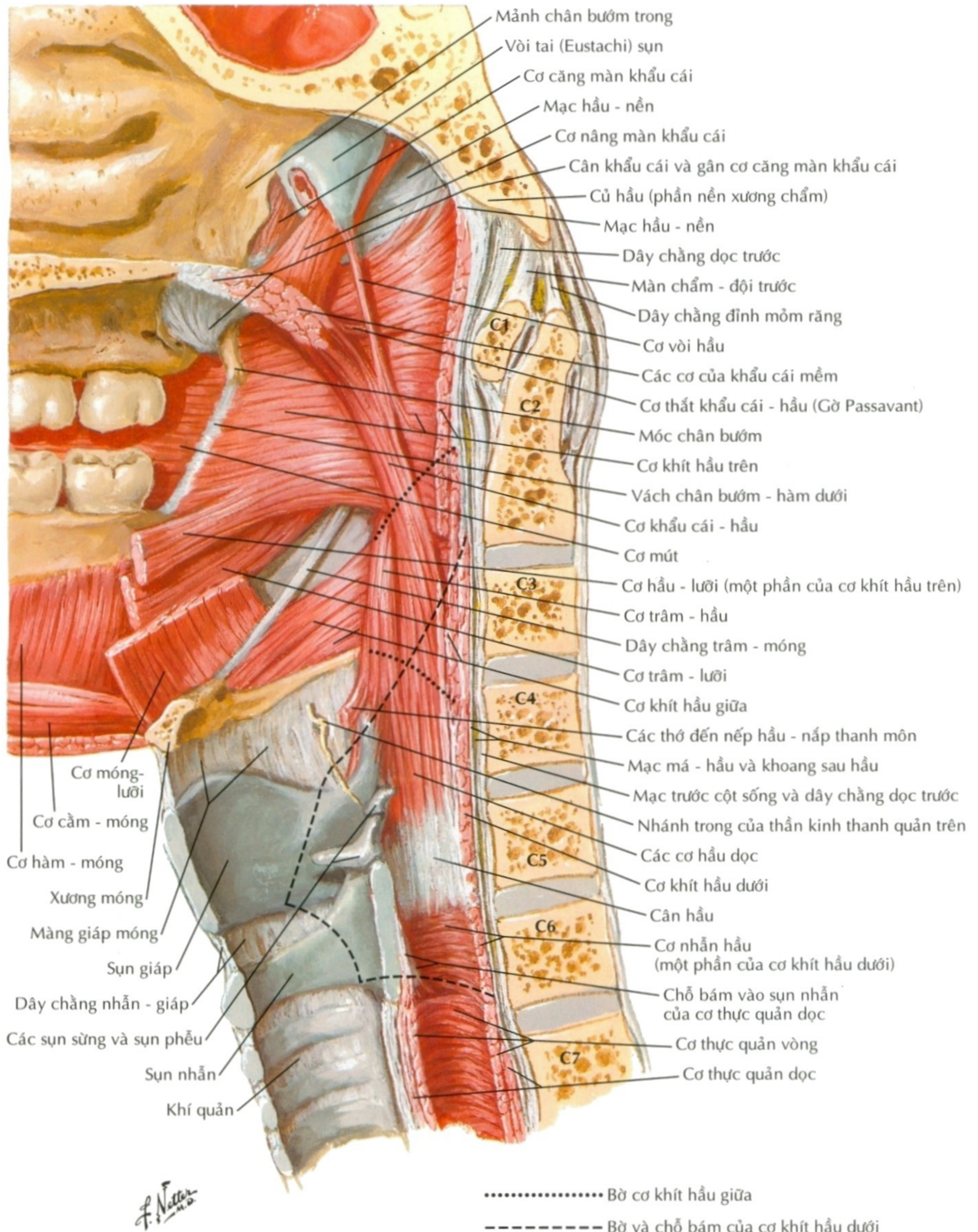


*F. Netter M.D.*

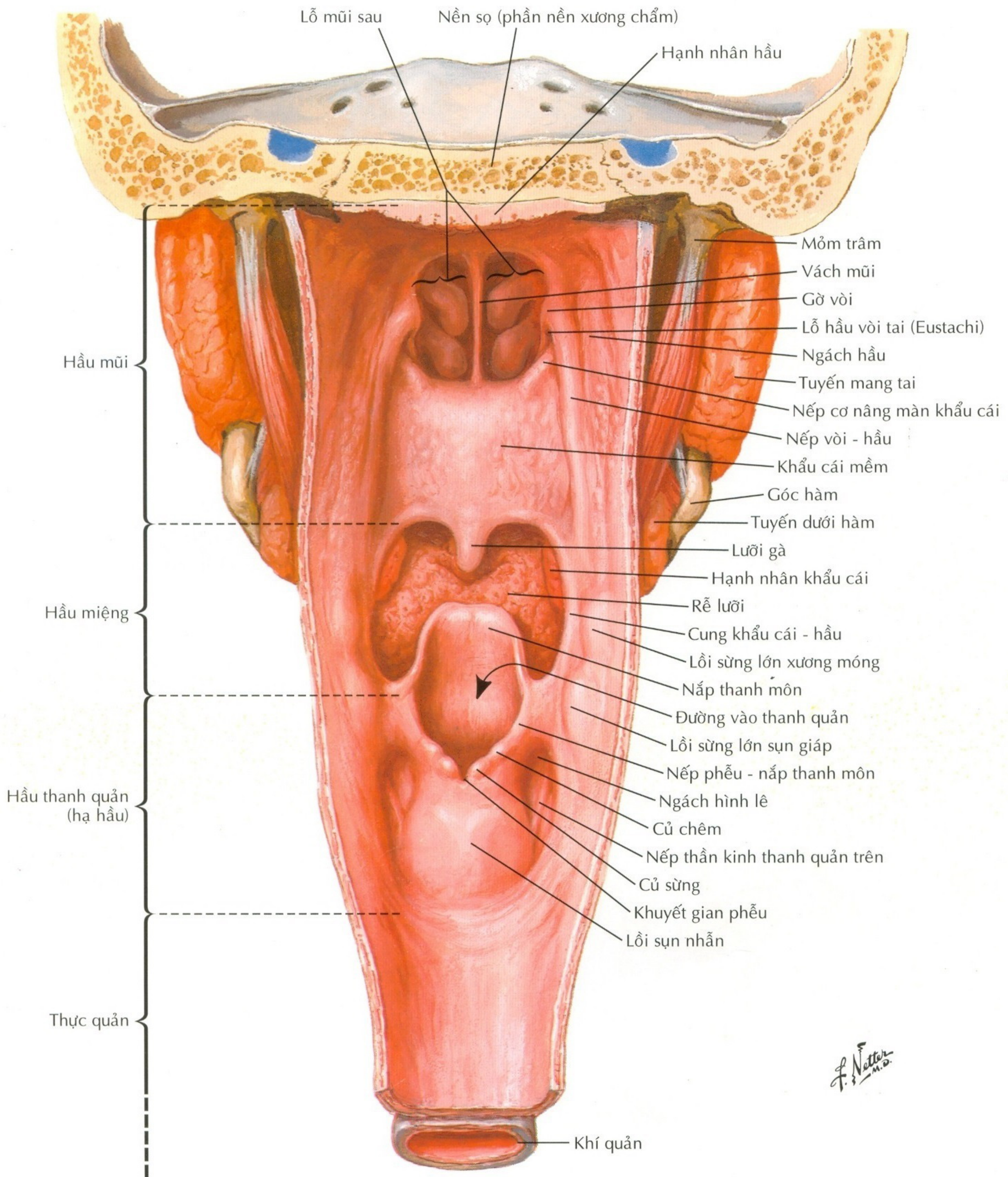


Niêm mạc hầu bỏ đi

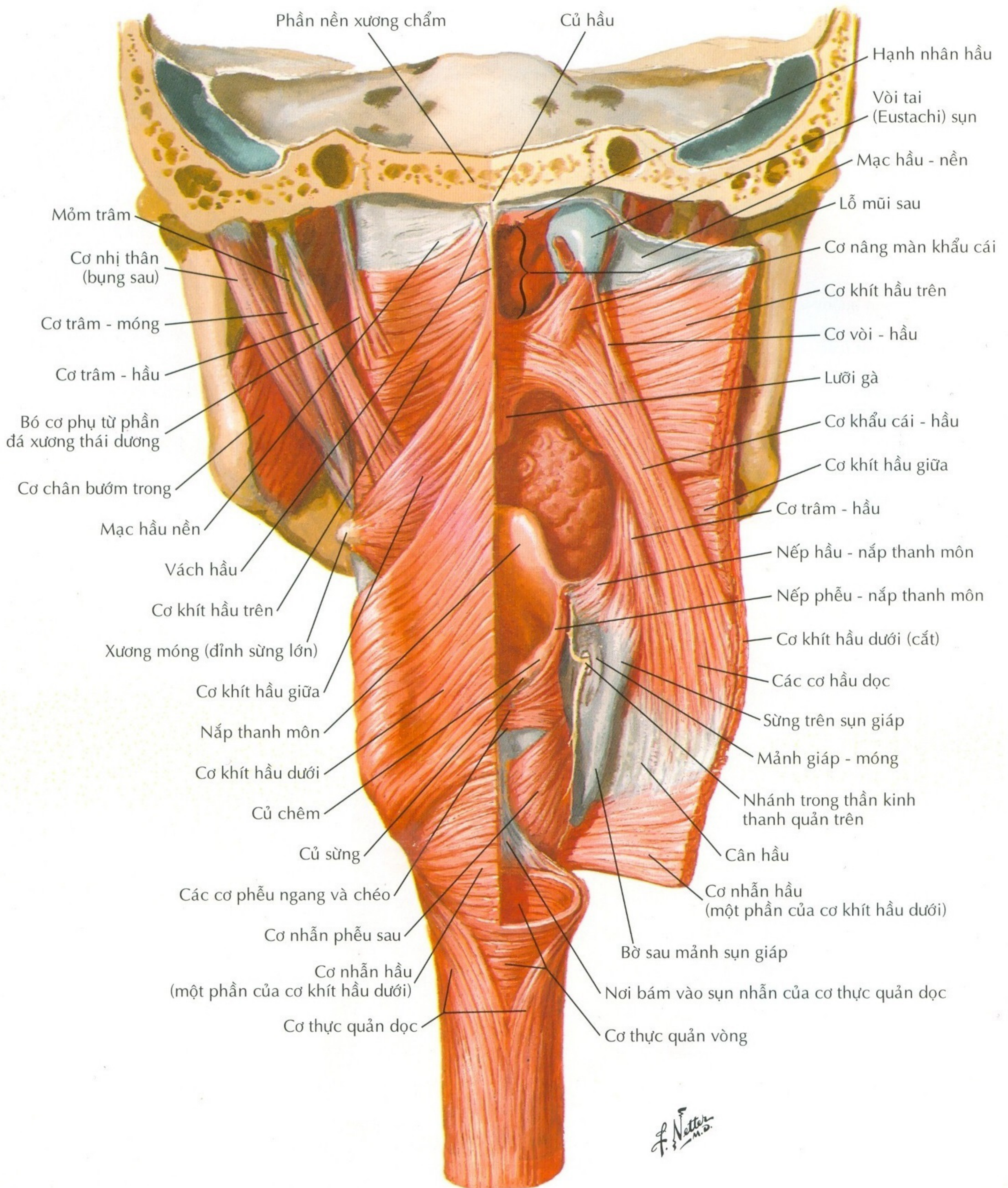




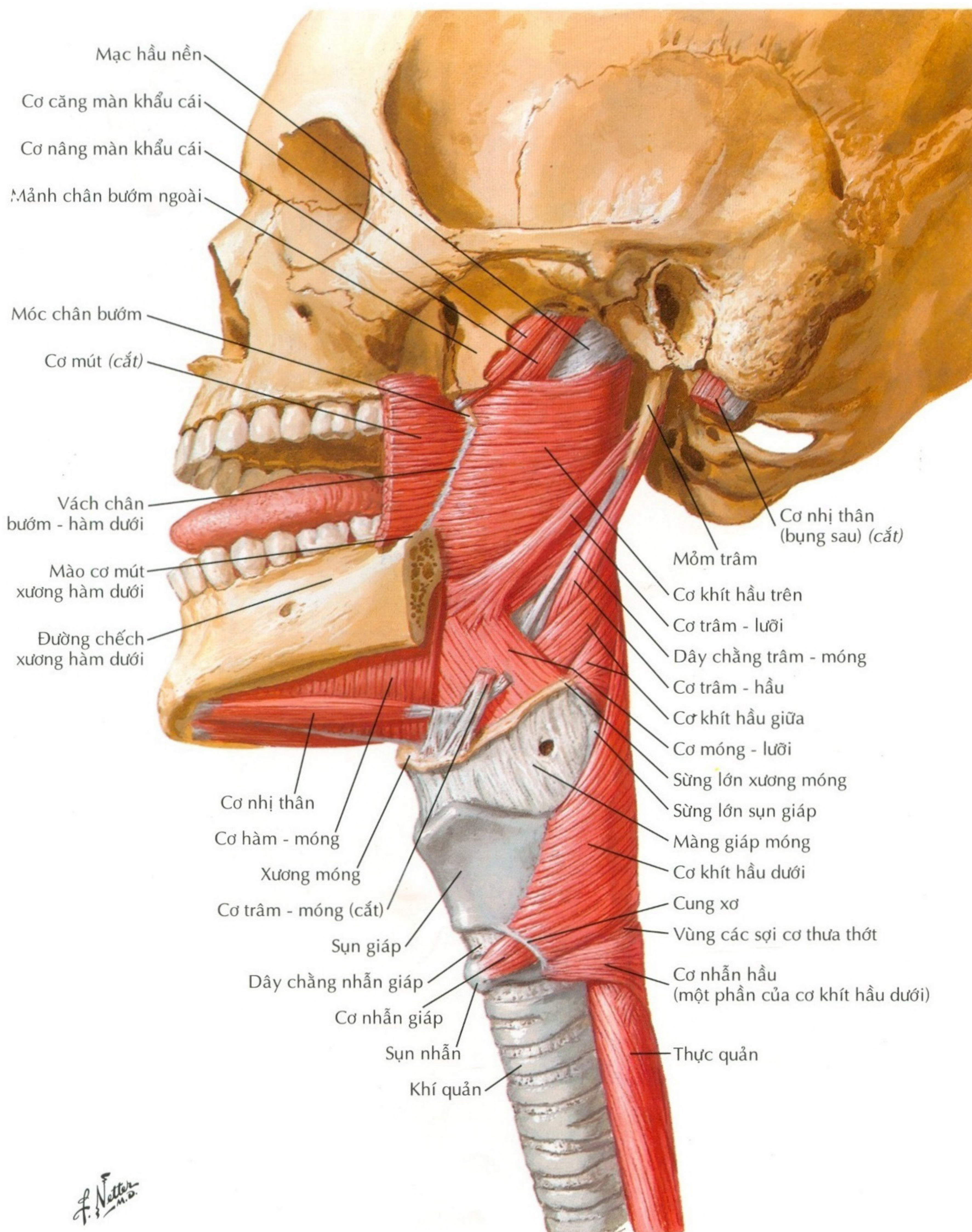








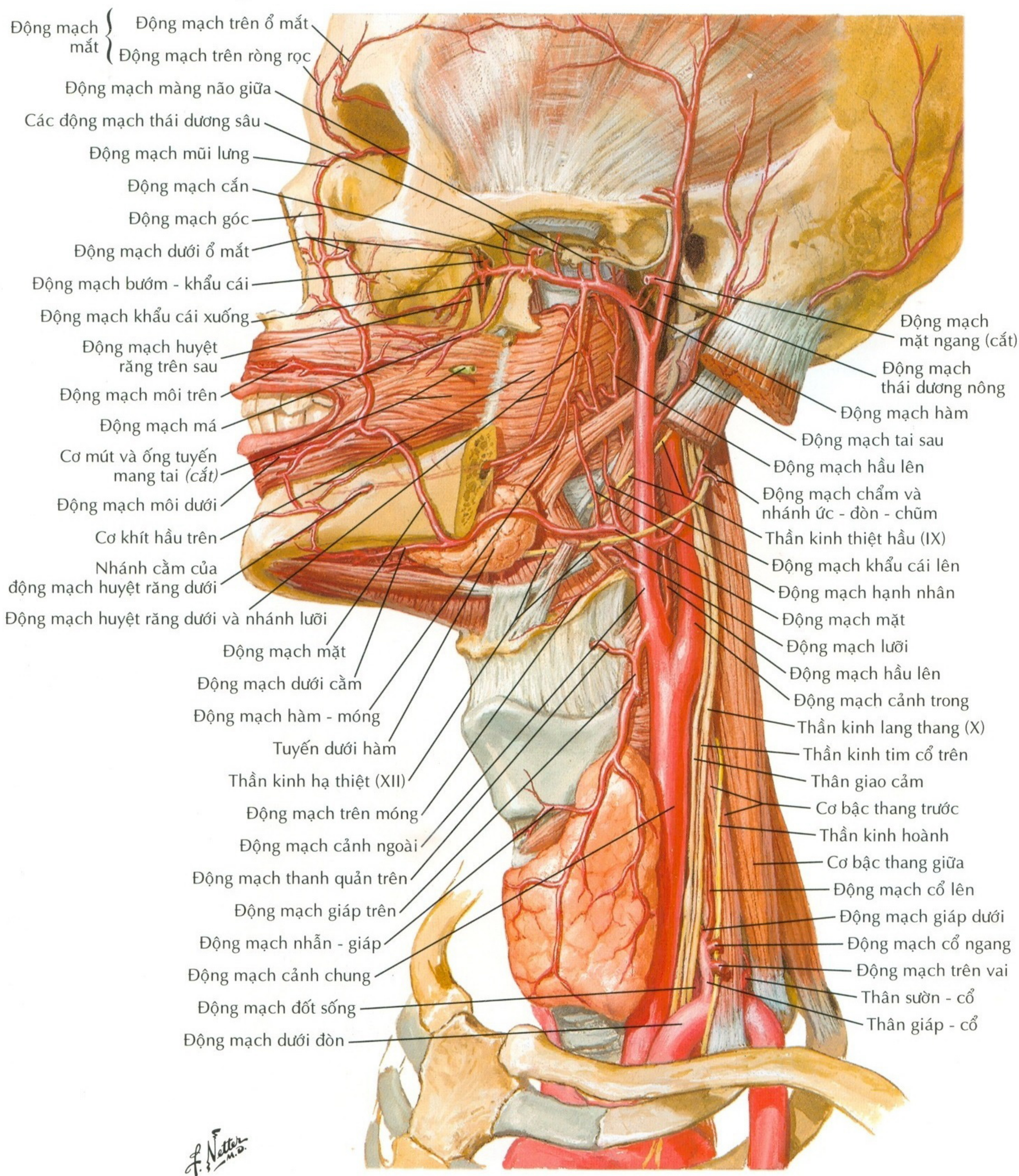






# Các Động Mạch của Vùng Miệng và Vùng Hầu

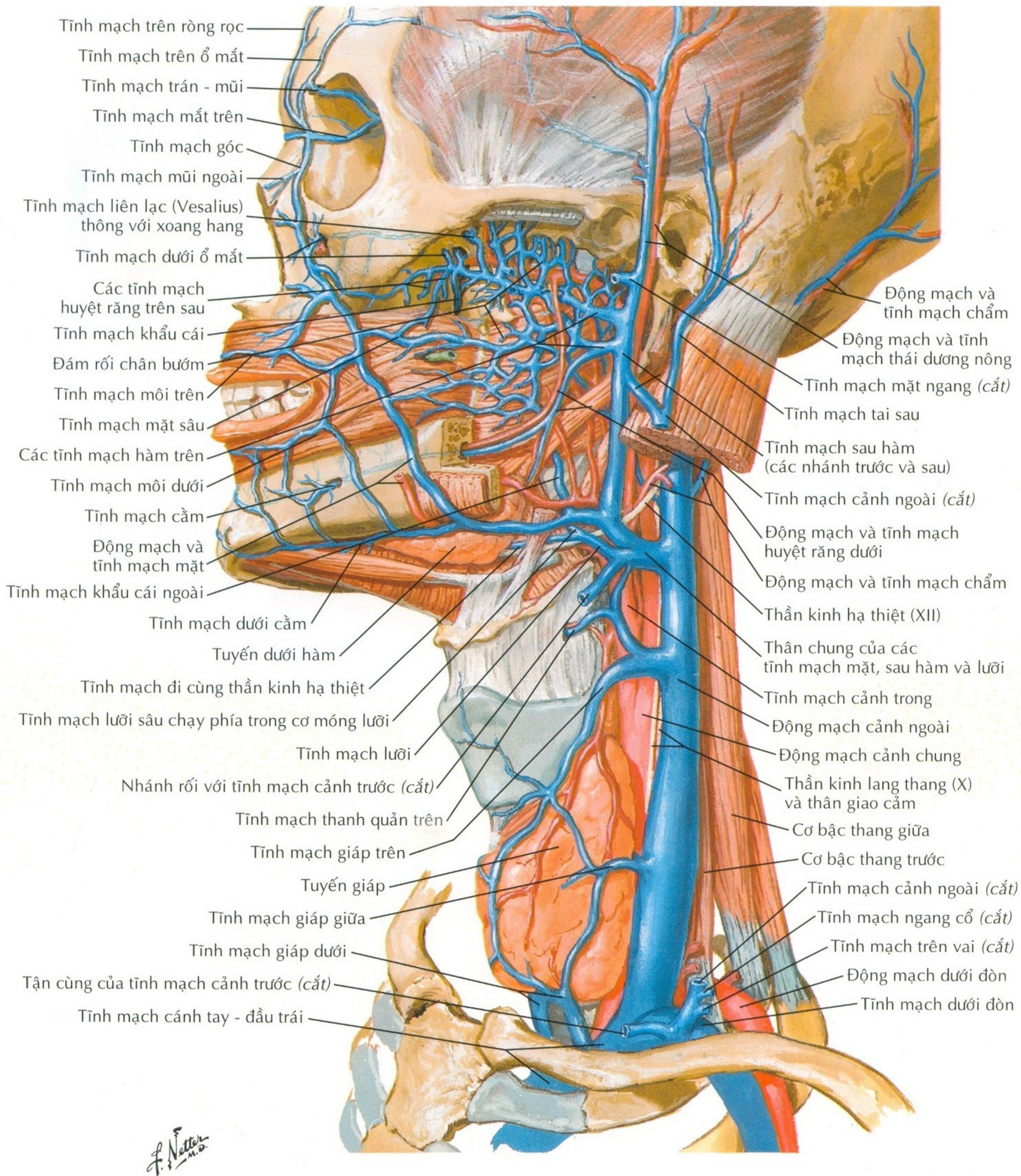
Xem thêm hình 34, 40





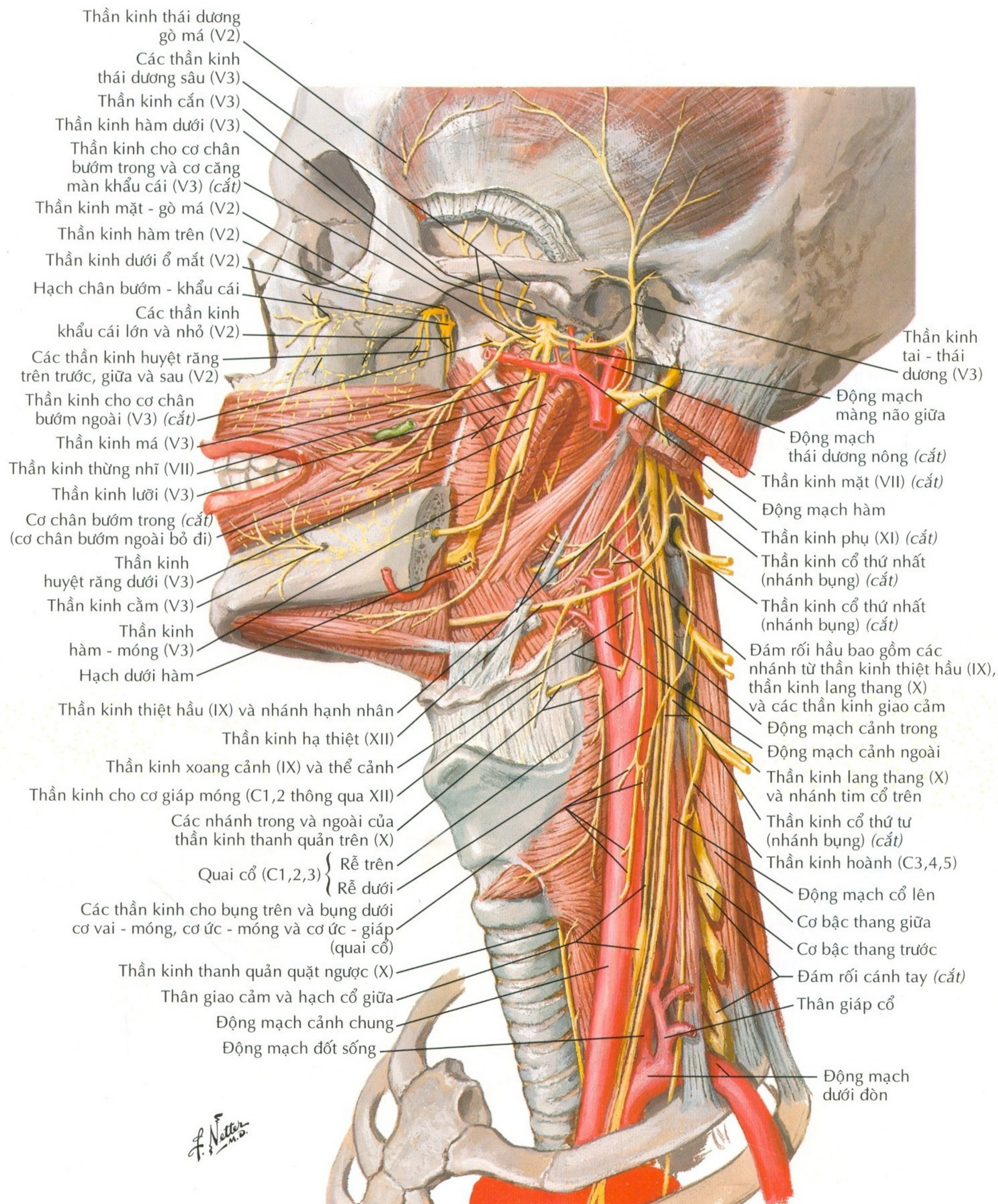
# Các Tĩnh Mạch của Vùng Miệng và Vùng Hầu

Xem thêm hình 23, 31, 104



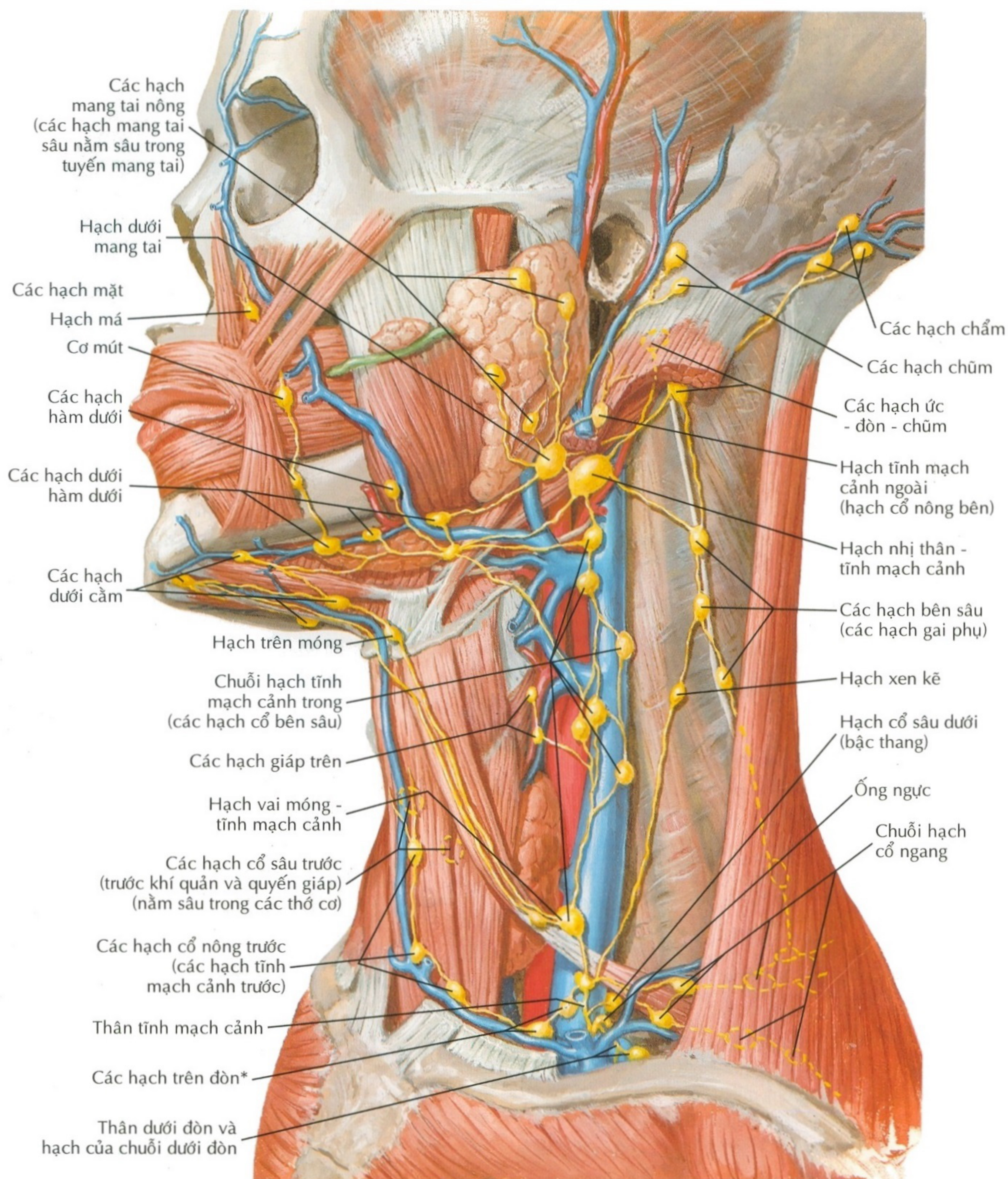


Xem thêm hình 25, 45, 46, 122, 125, 126





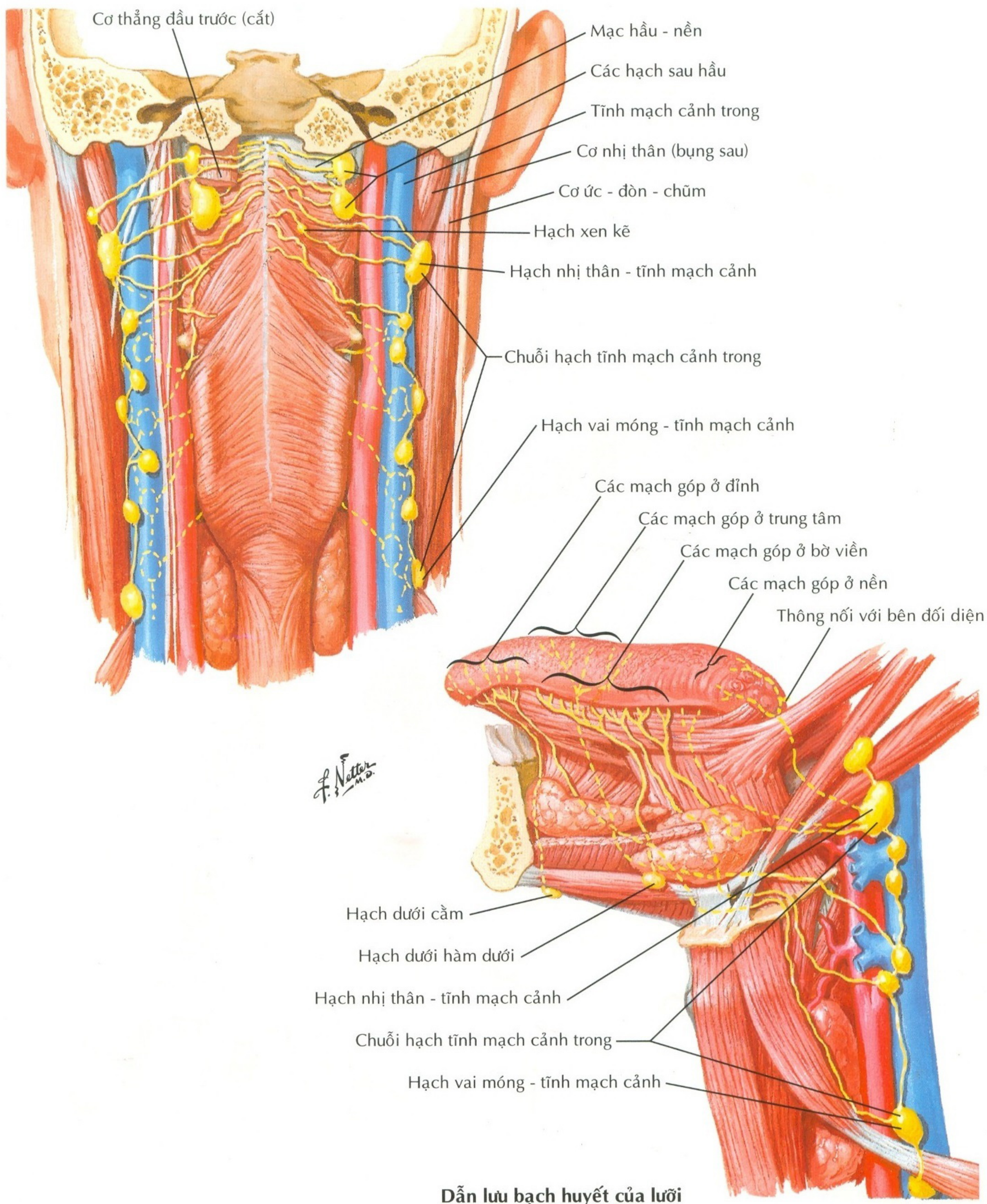
# Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Đầu và Cổ



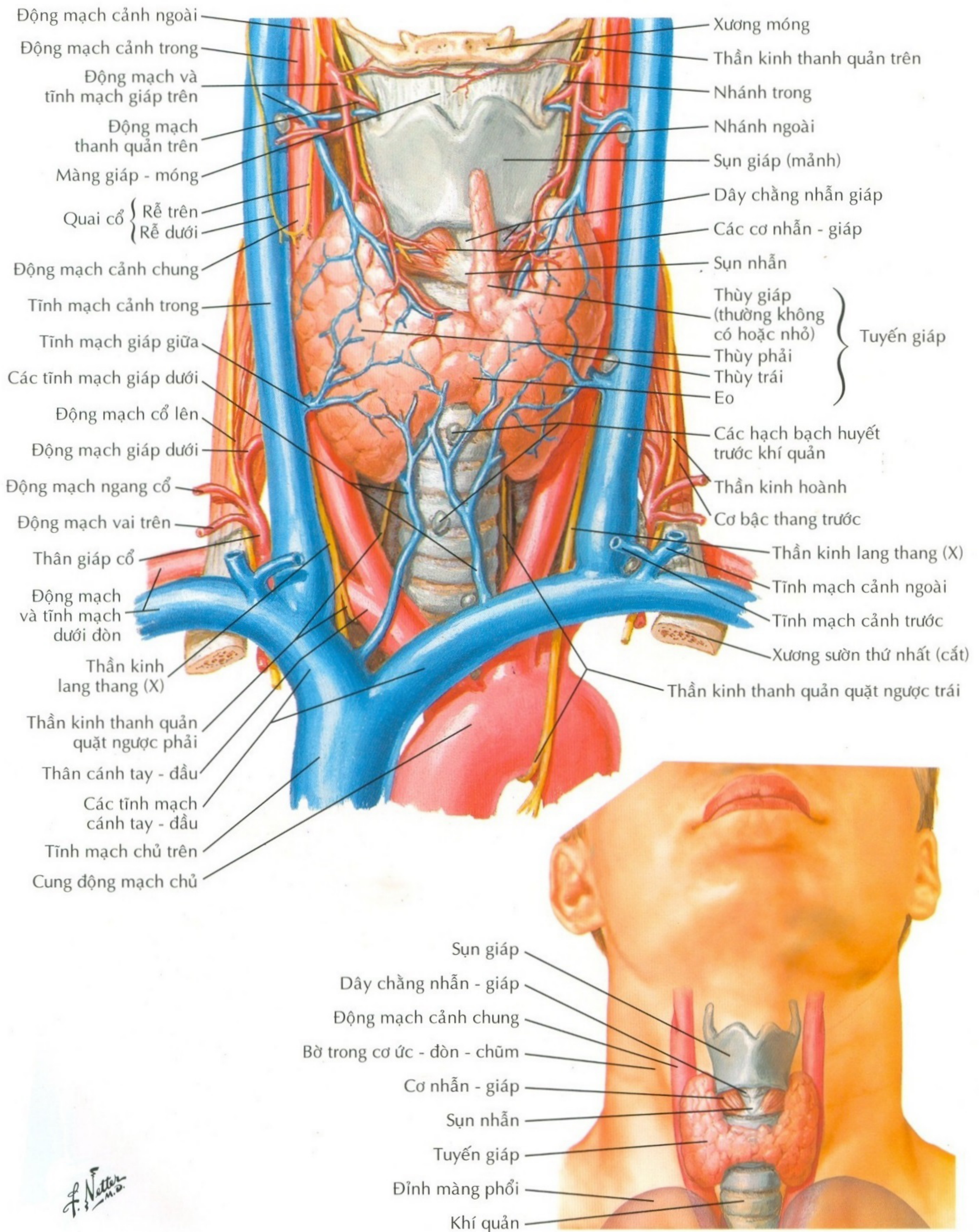
F. Netter  
M.D.



## Dẫn lưu bạch huyết của hầu: Nhìn sau



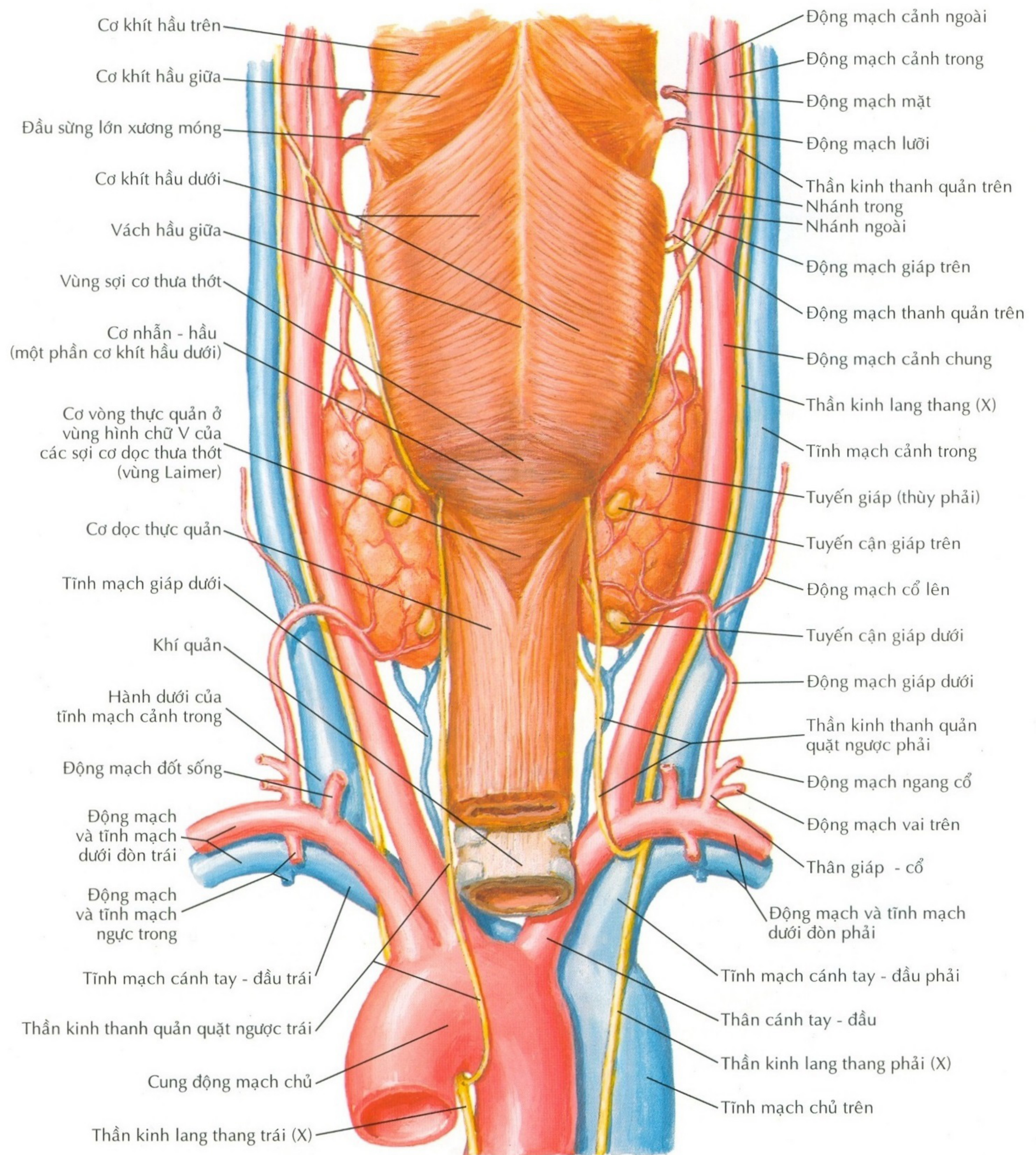




Hình 74

TUYẾN GIÁP VÀ THANH QUẢN



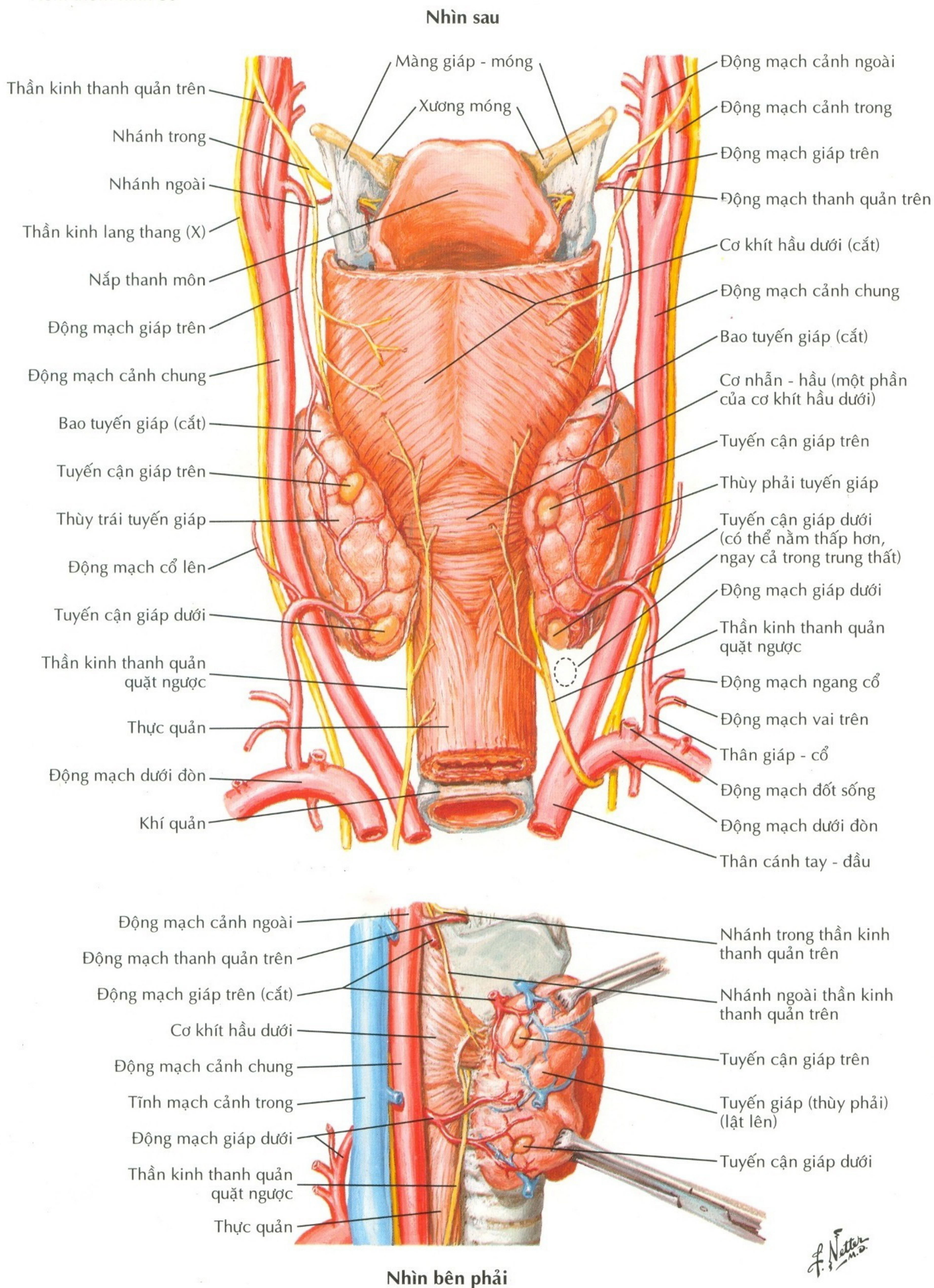


F. Netter M.D.



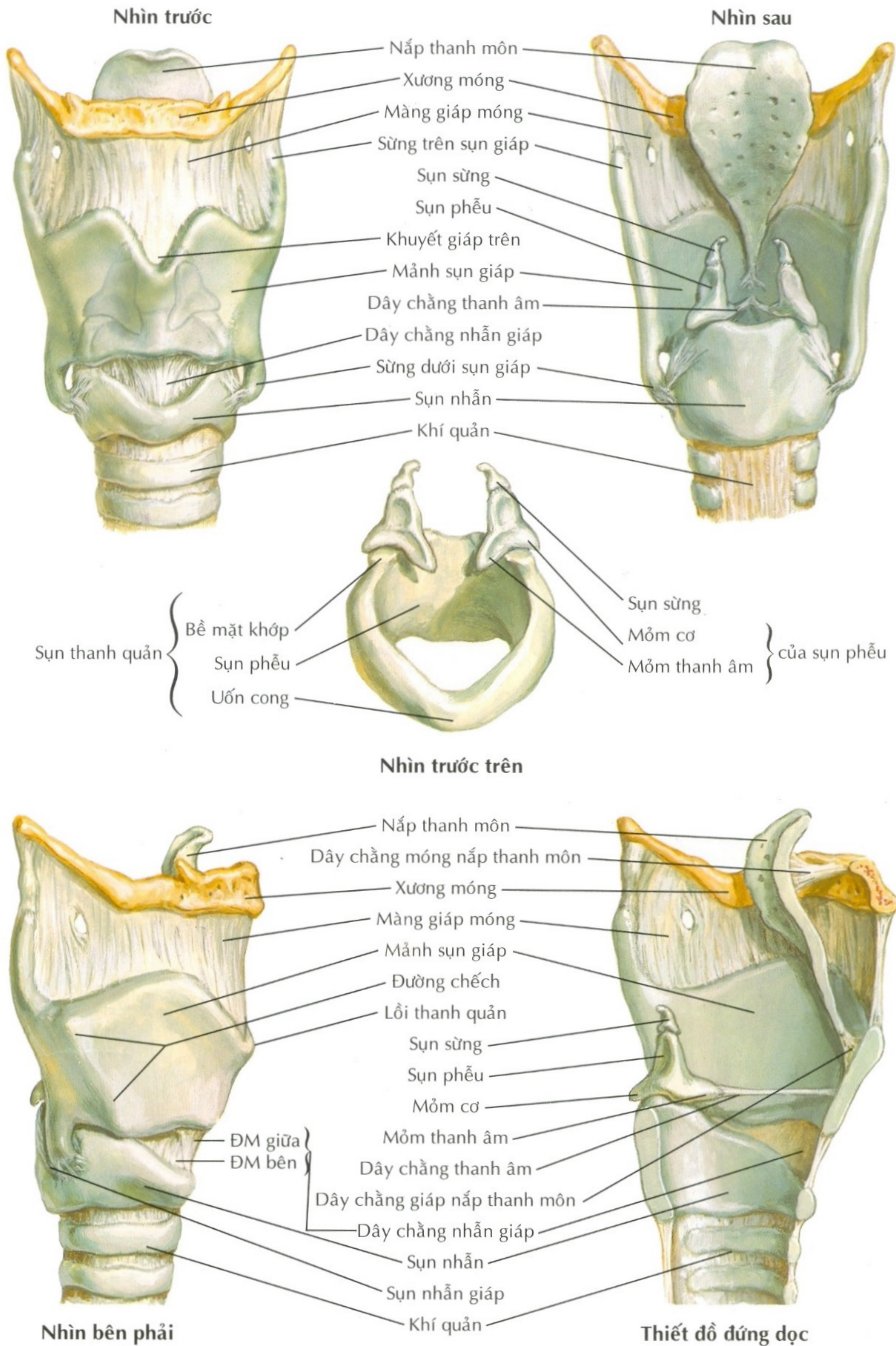
# Các Tuyến Cận Giáp

Xem thêm hình 80



Hình 76

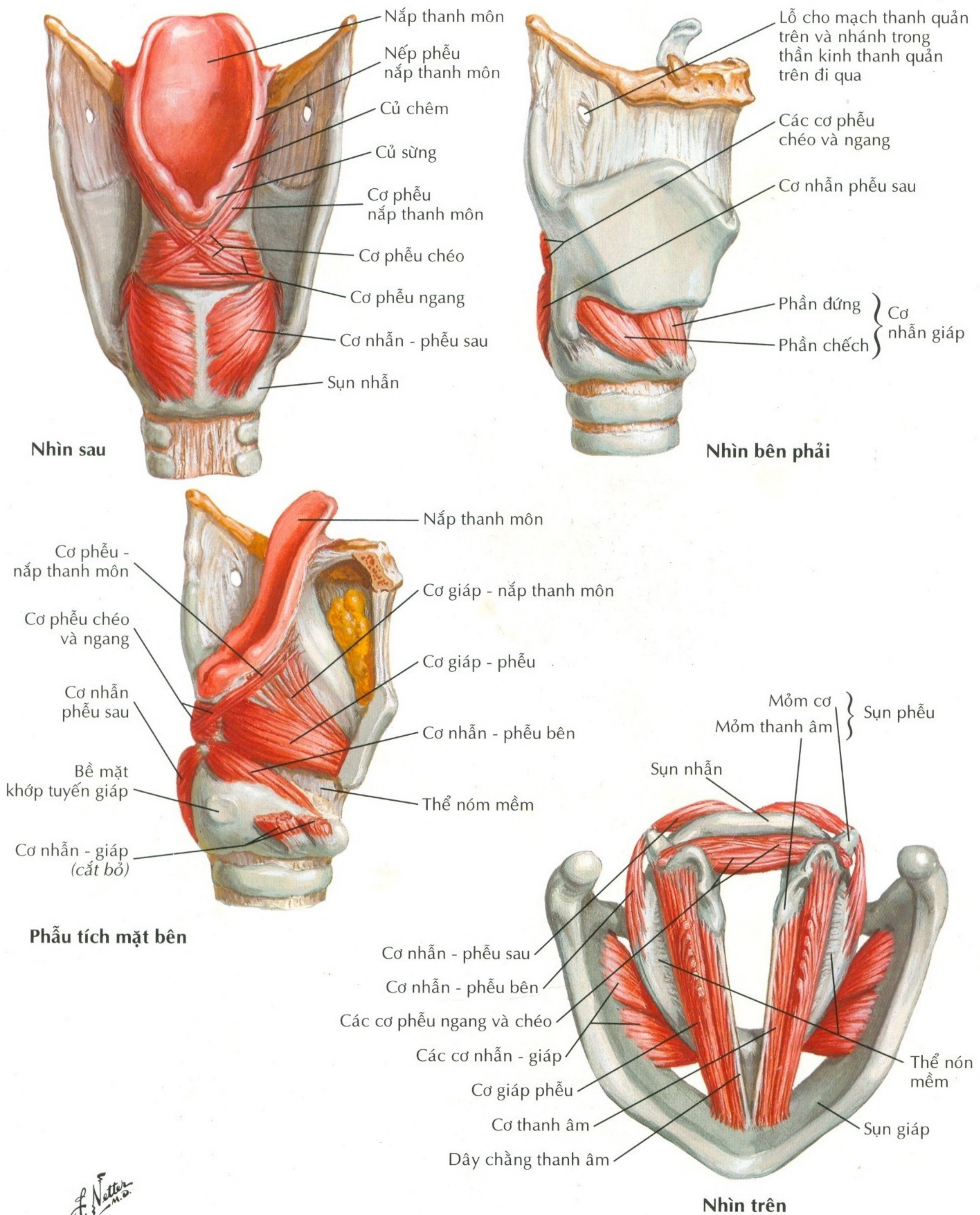




*F. Netter M.D.*

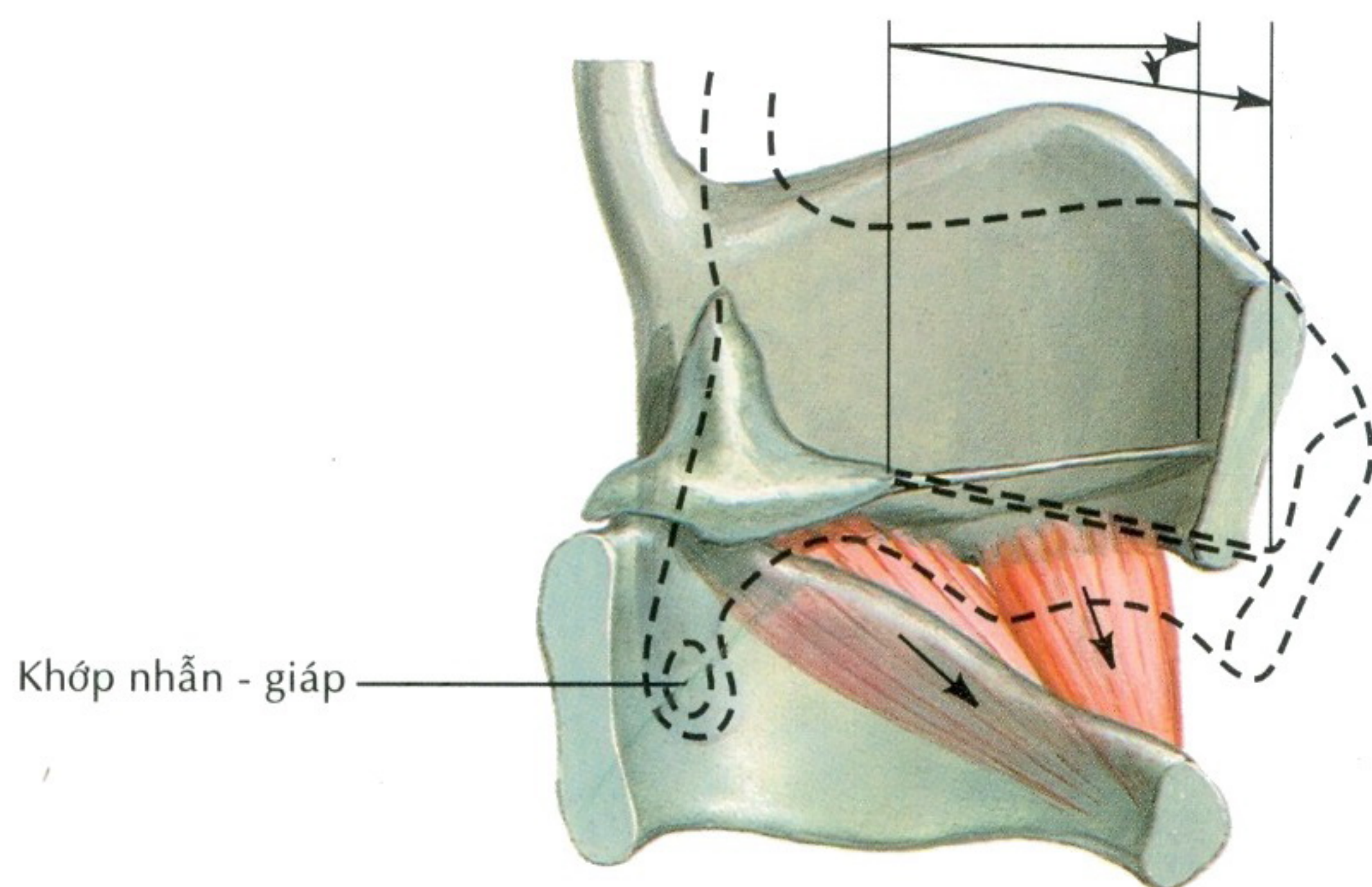


# Các Cơ Nội Tại Thanh Quản

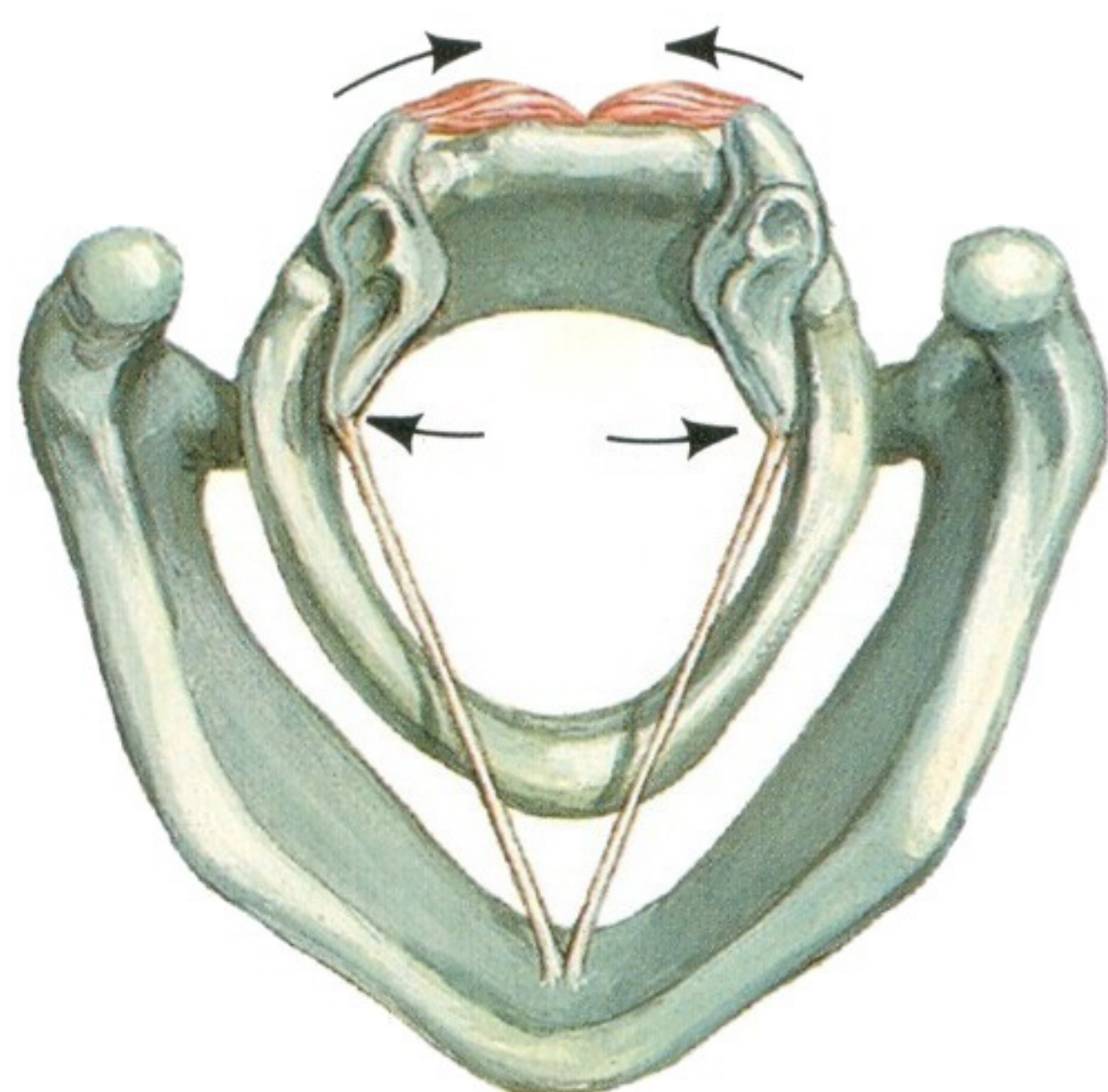


F. Netter  
M.D.

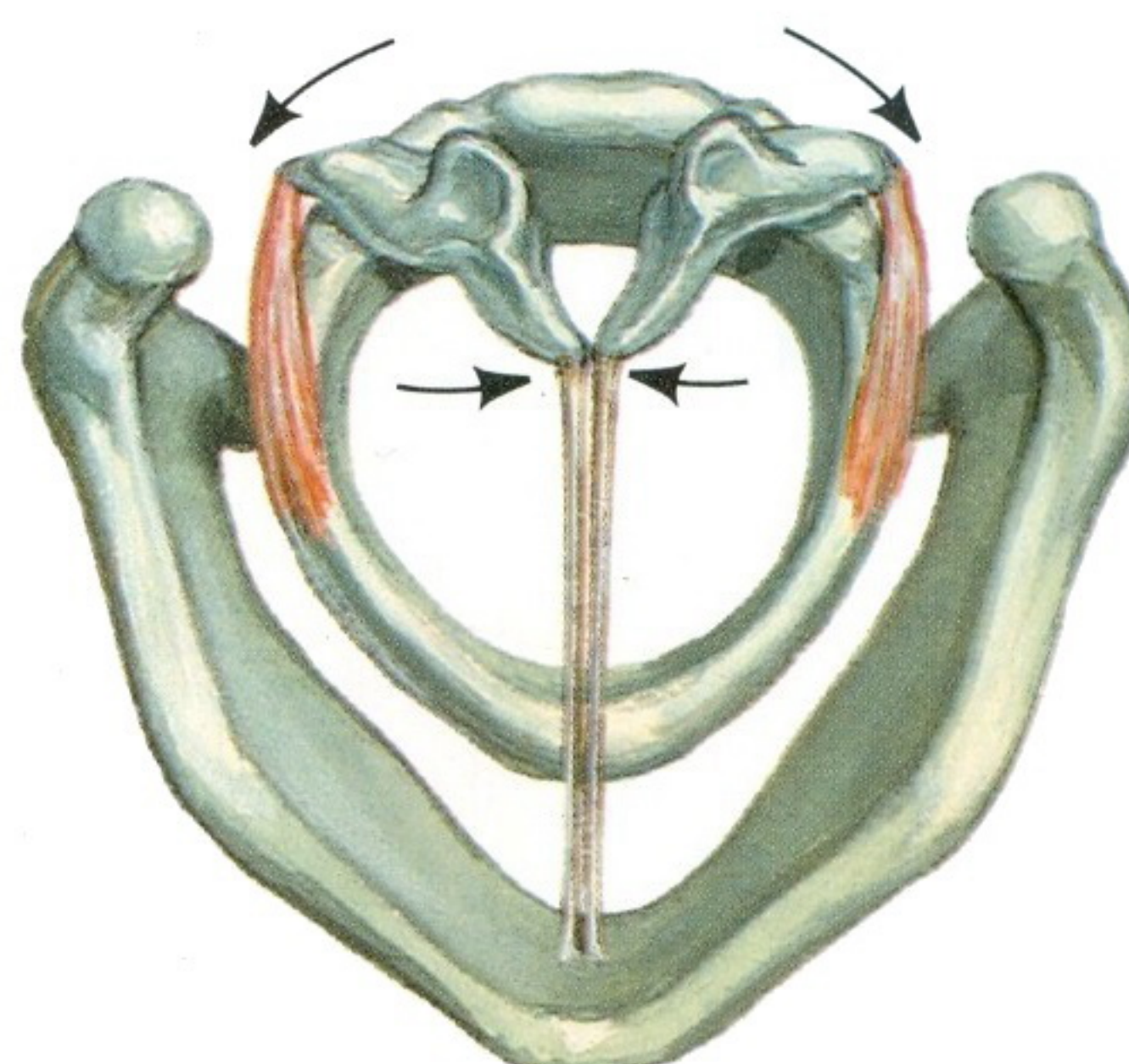




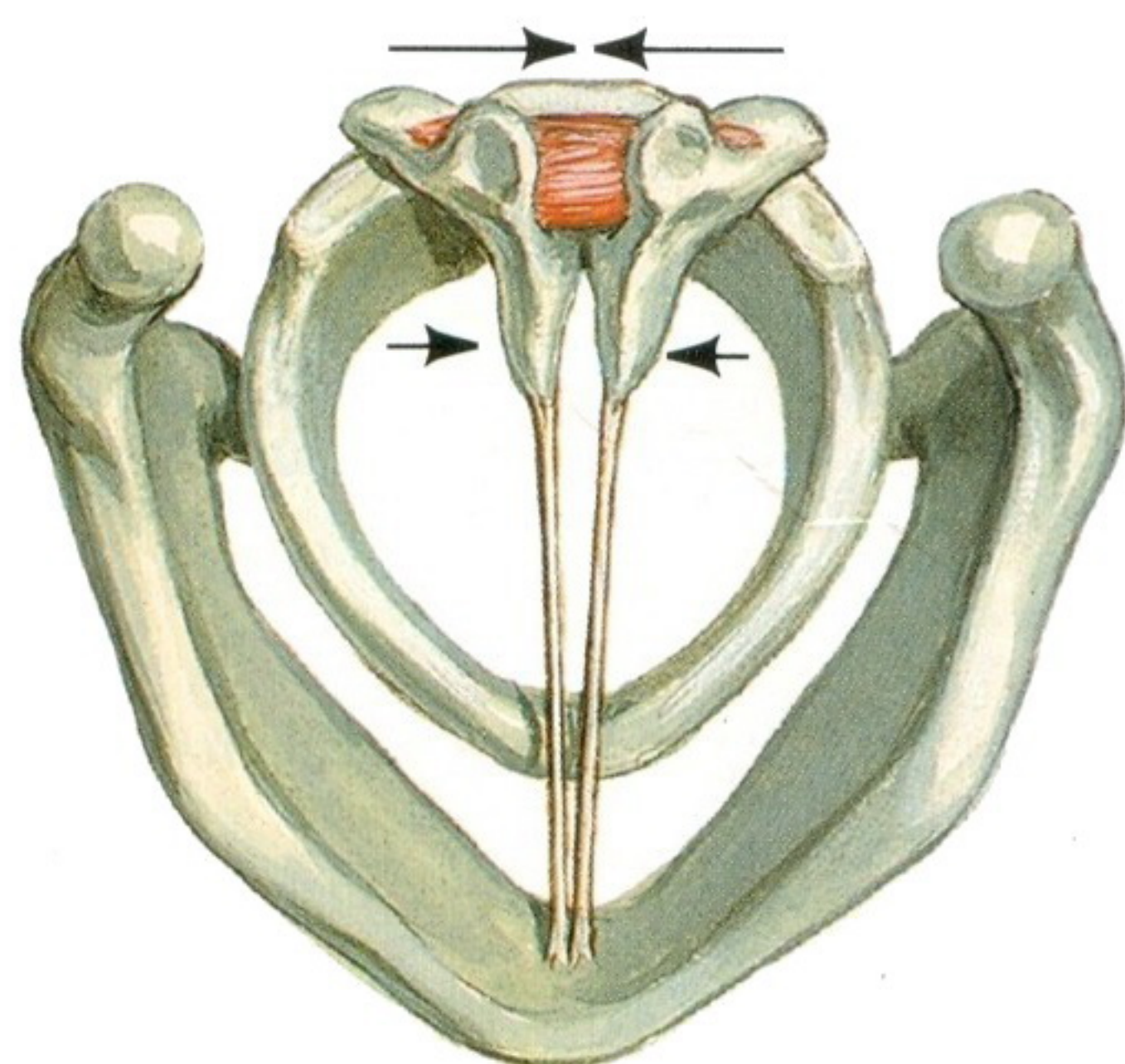
**Tác dụng của các cơ nhân giáp**  
Kéo dài (căng) nếp thanh âm



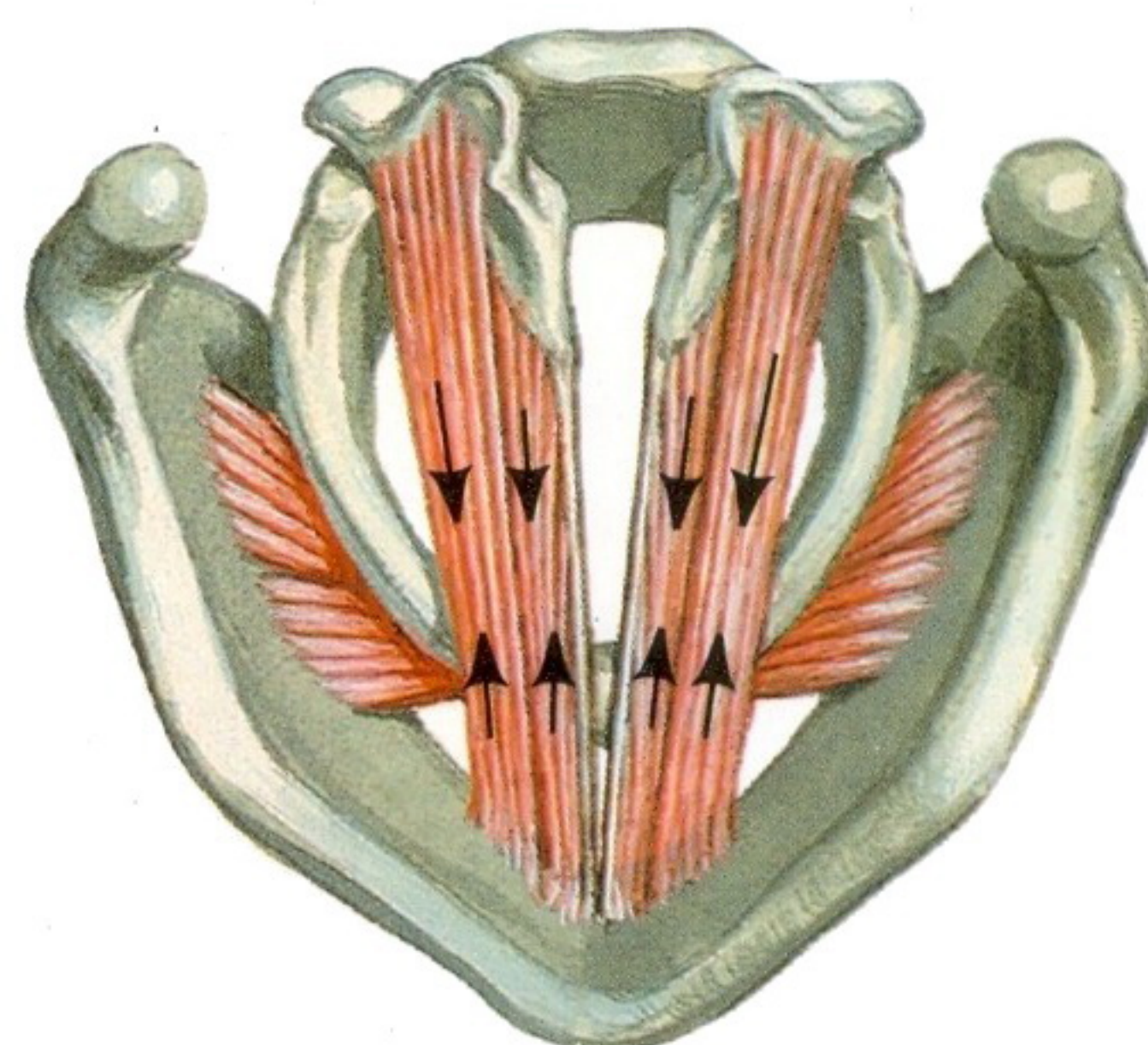
**Tác dụng của các cơ nhân - phễu sau**  
Dạng xa nếp thanh âm



**Tác dụng của các cơ nhân - phễu bên**  
Khép nếp thanh âm



**Tác dụng của cơ phễu ngang**  
Khép nếp thanh âm

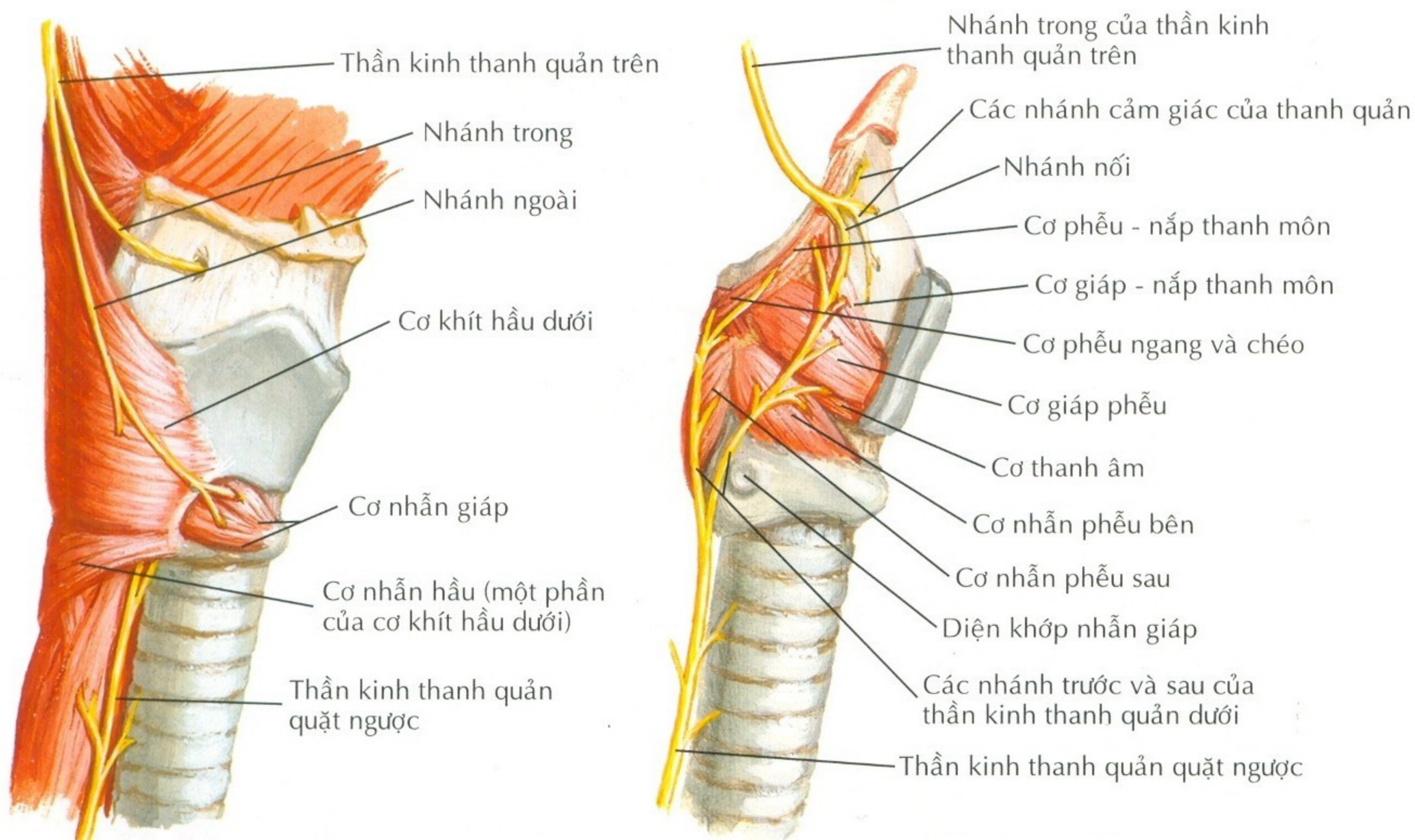


**Tác dụng của các cơ thanh âm và giáp phễu**  
Làm ngắn (chùng) nếp thanh âm

*F. Netter M.D.*

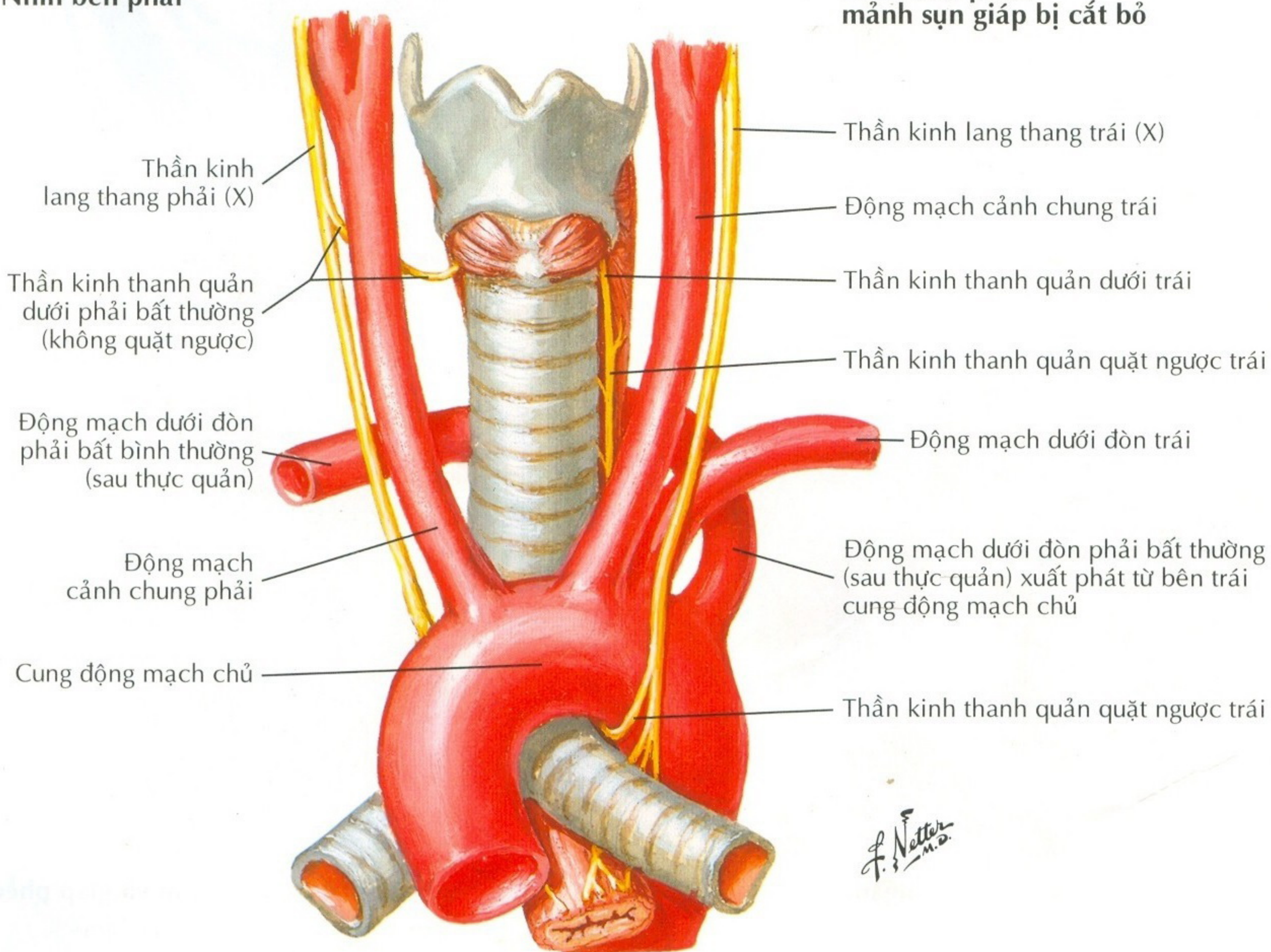


# Các Thần Kinh của Thanh Quản



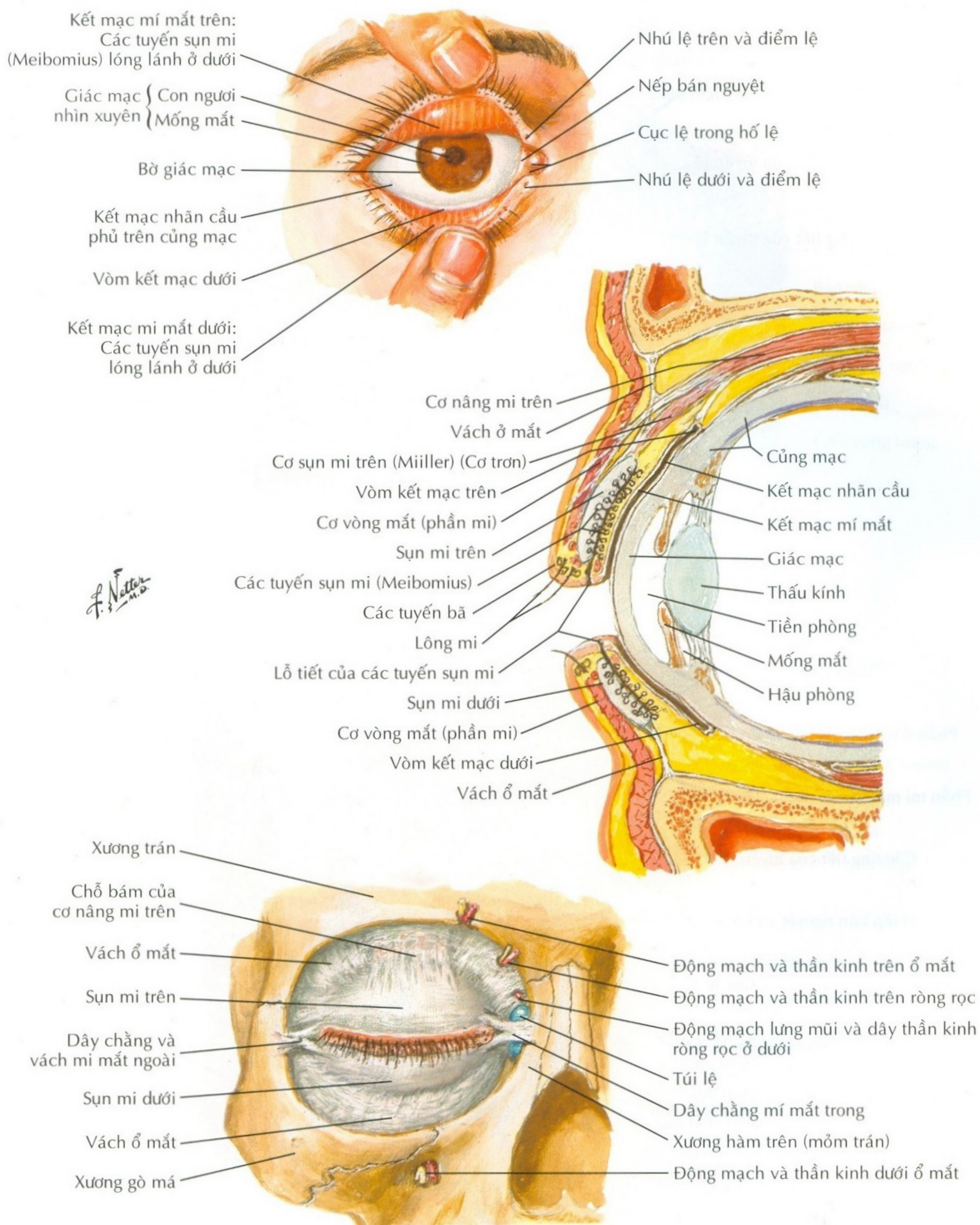
Nhìn bên phải

Nhìn bên phải:  
mảnh sụn giáp bị cắt bỏ



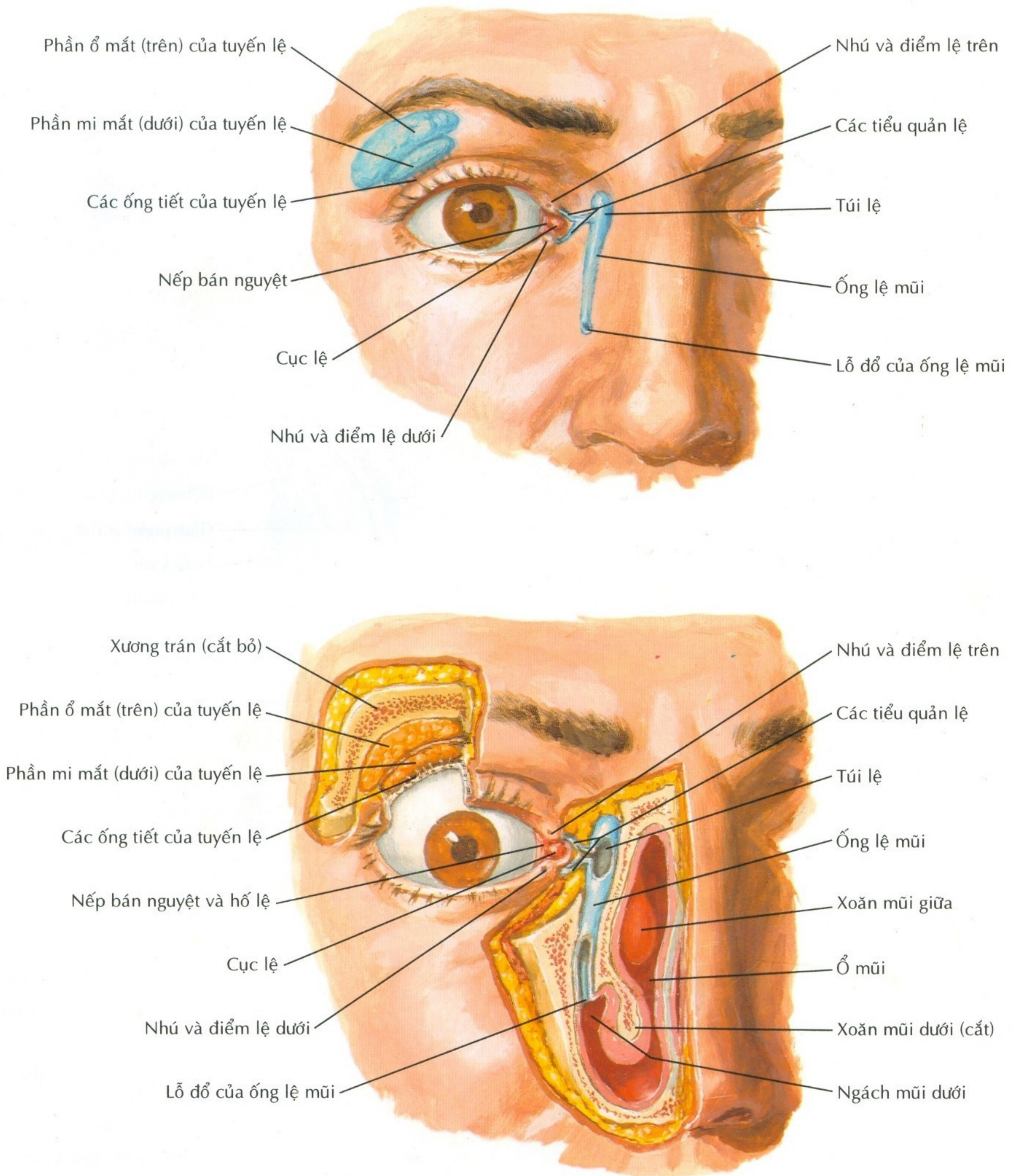
Nhìn trước: Thần kinh thanh quản phải dưới bất thường không quặt ngược phối hợp với động mạch dưới đòn phải bất thường







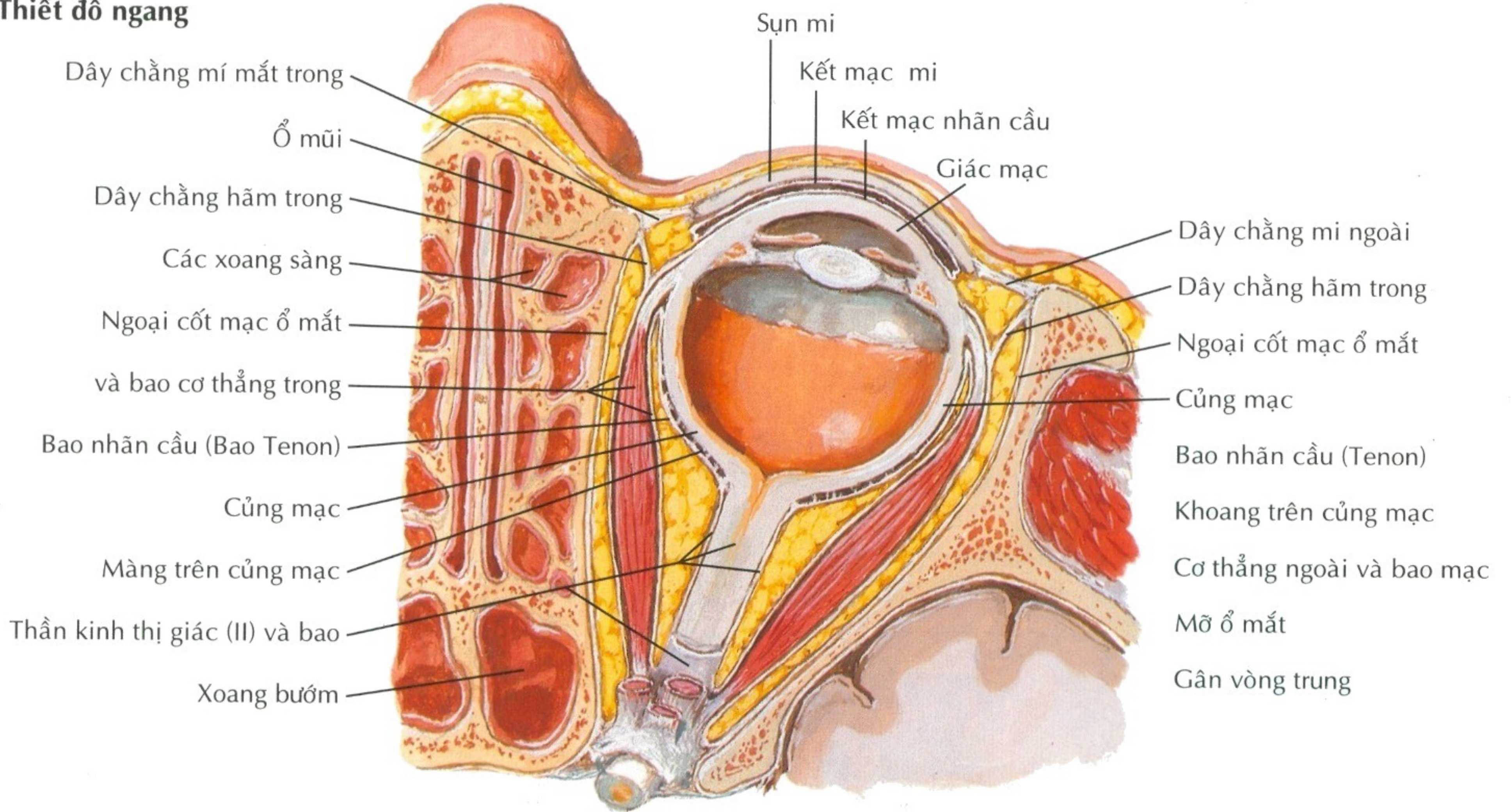
Xem thêm hình 45, 133



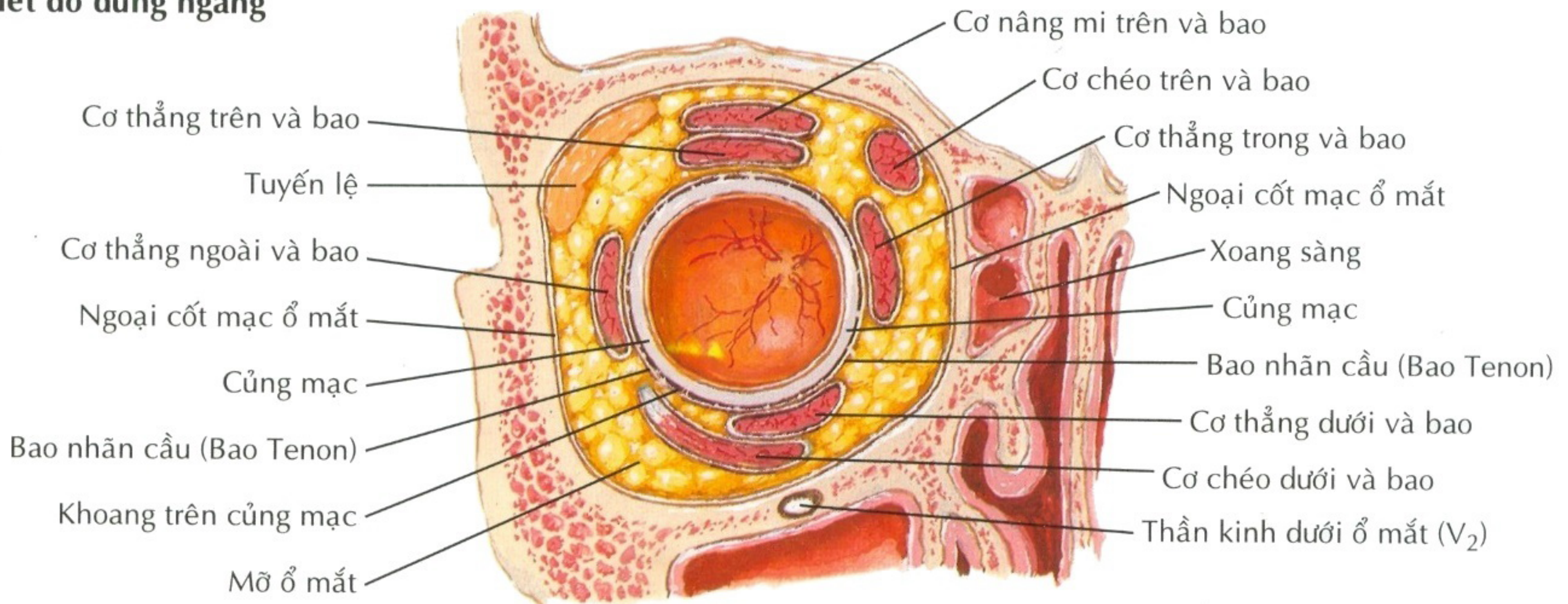
*F. Netter M.D.*



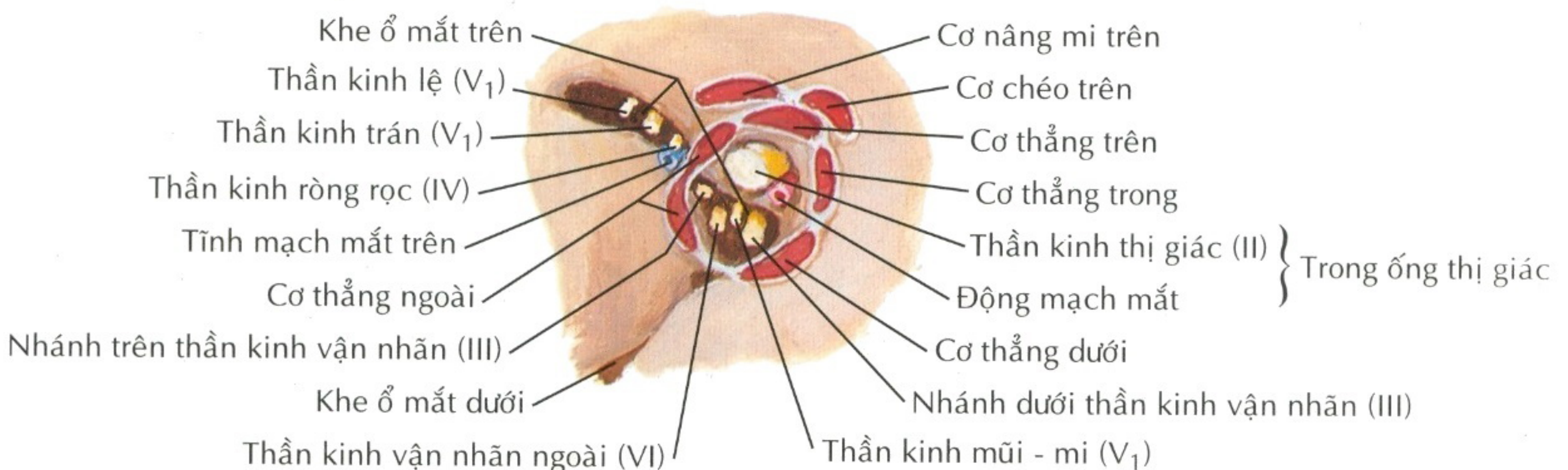
## Thiết đồ ngang



## Thiết đồ đứng ngang

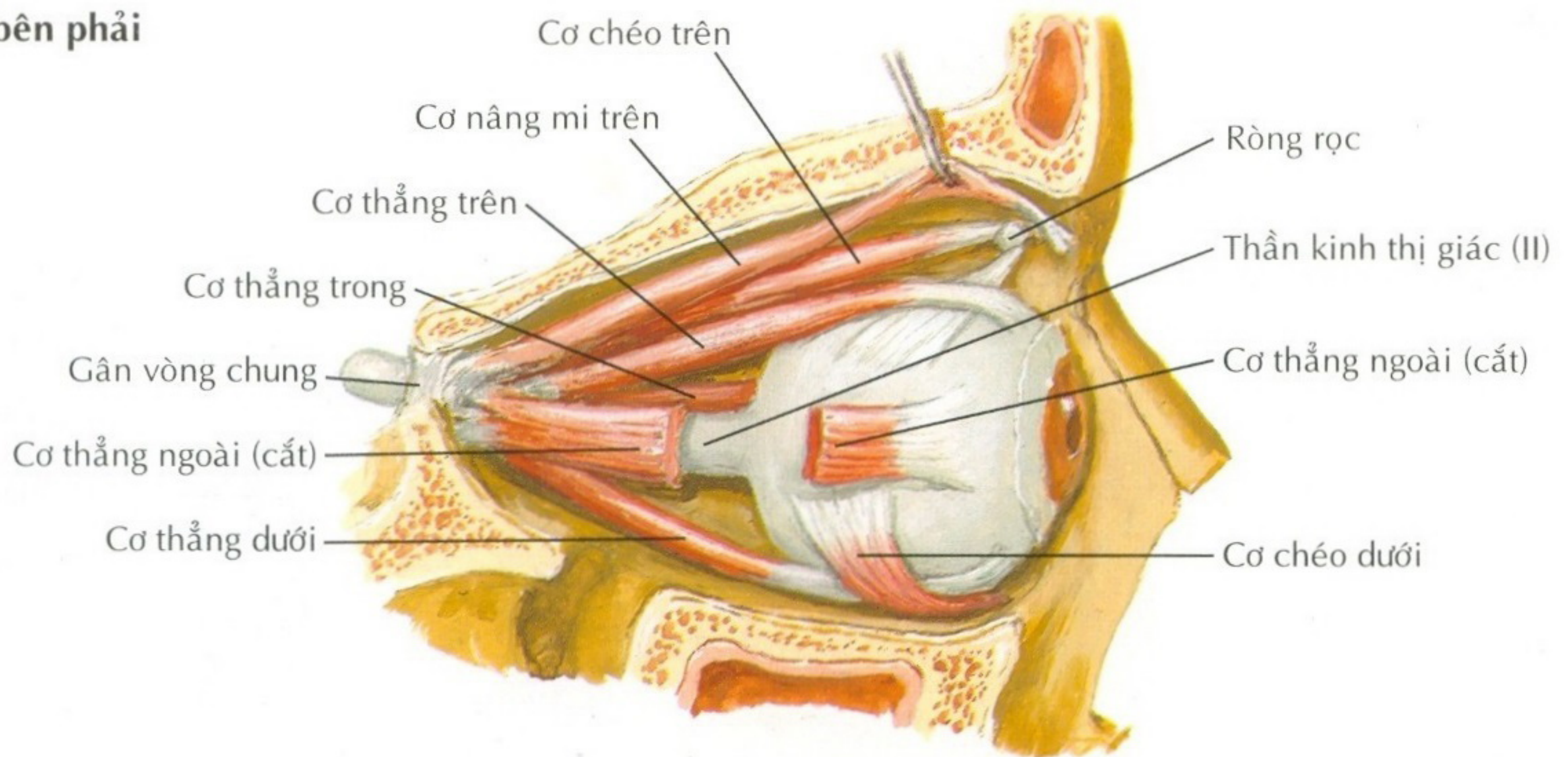


## Các chỗ bám của các cơ và thần kinh và mạch máu đi vào ổ mắt

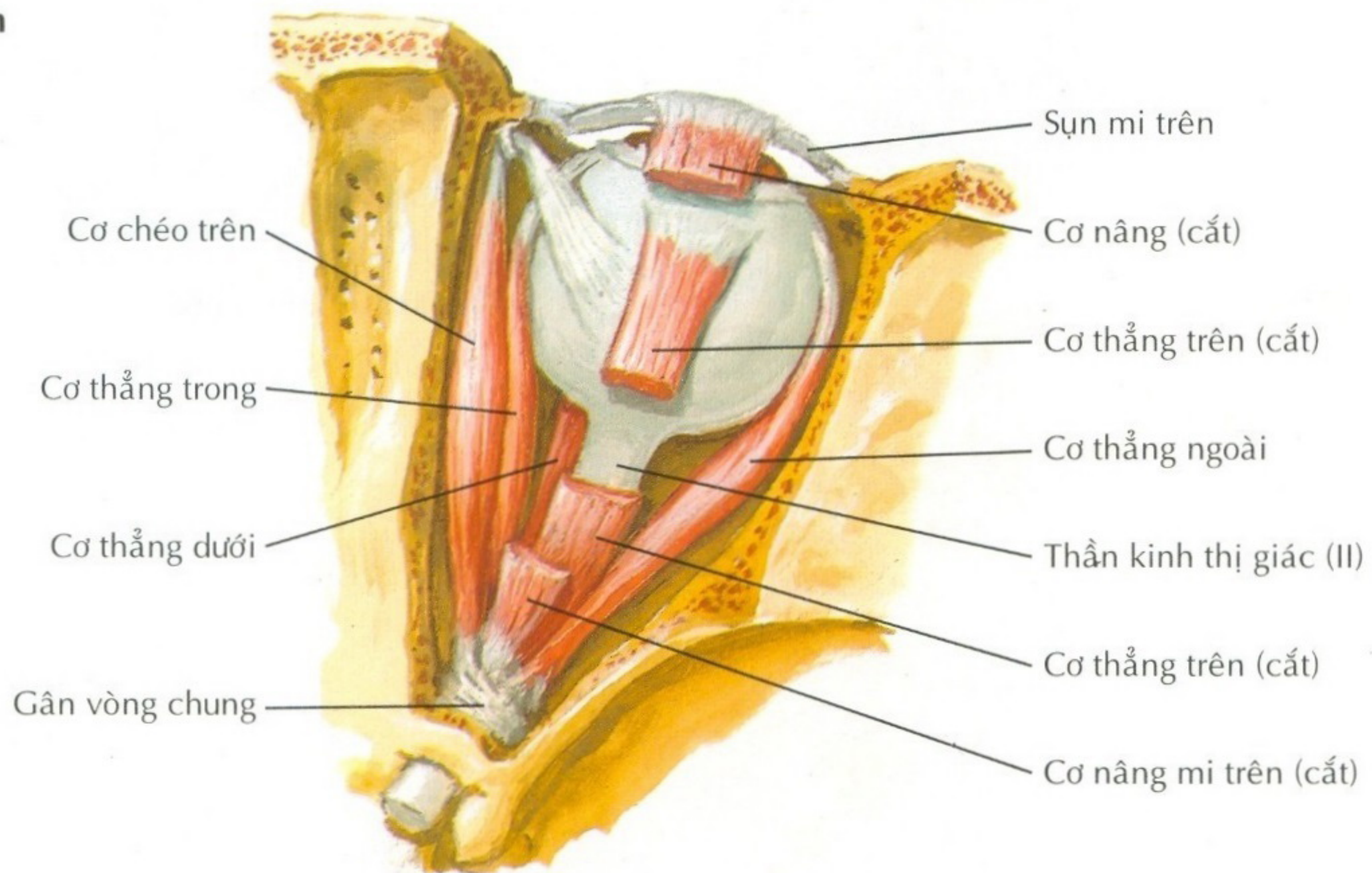




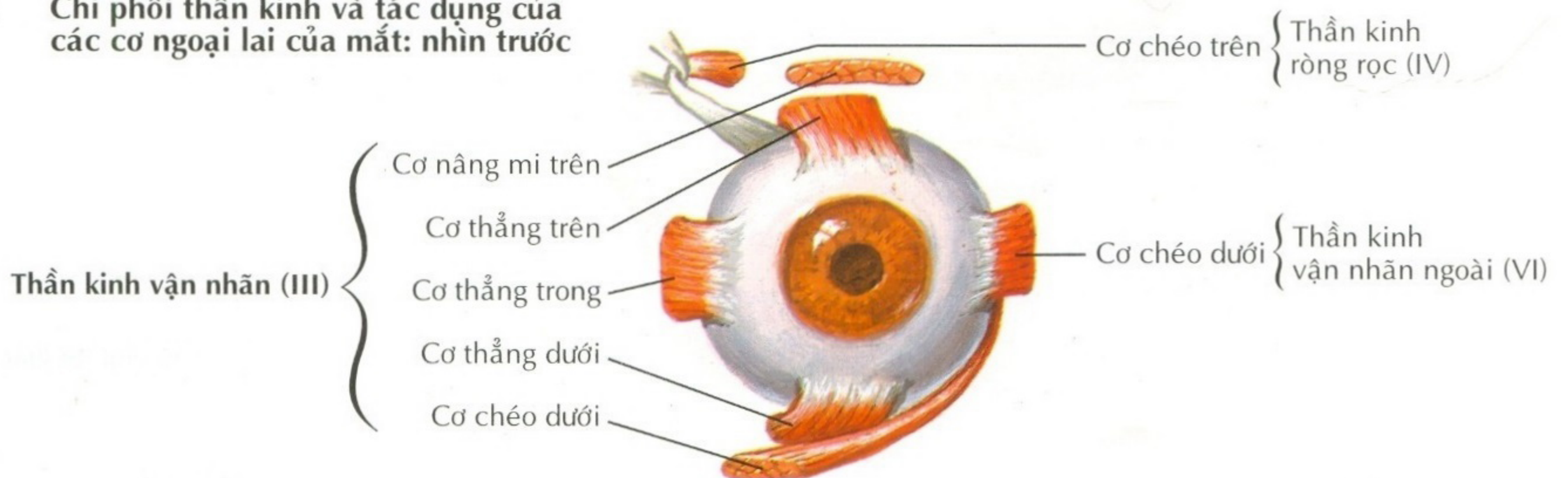
Nhìn bên phải



Nhìn trên



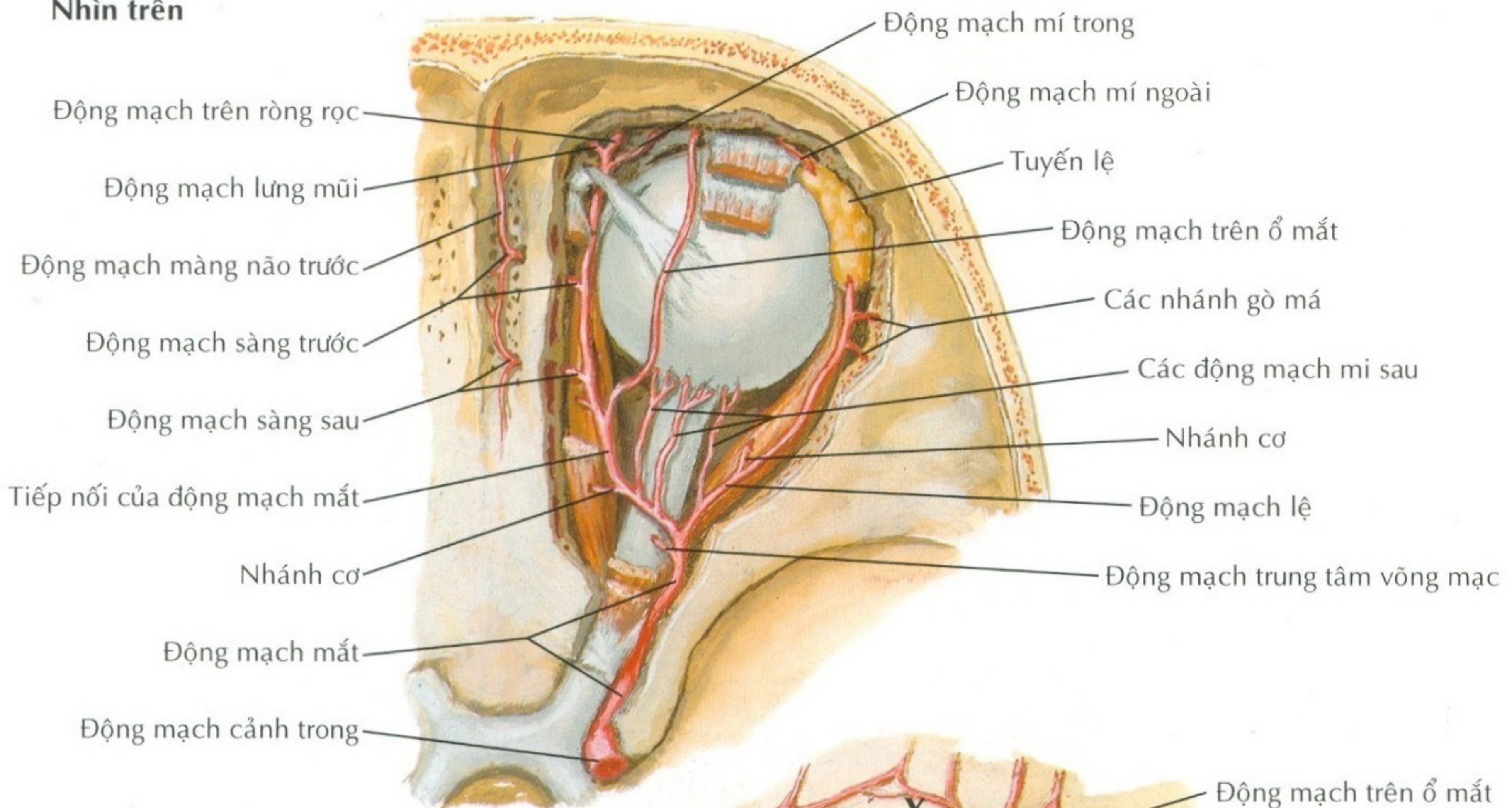
Chi phối thần kinh và tác dụng của các cơ ngoại lai của mắt: nhìn trước



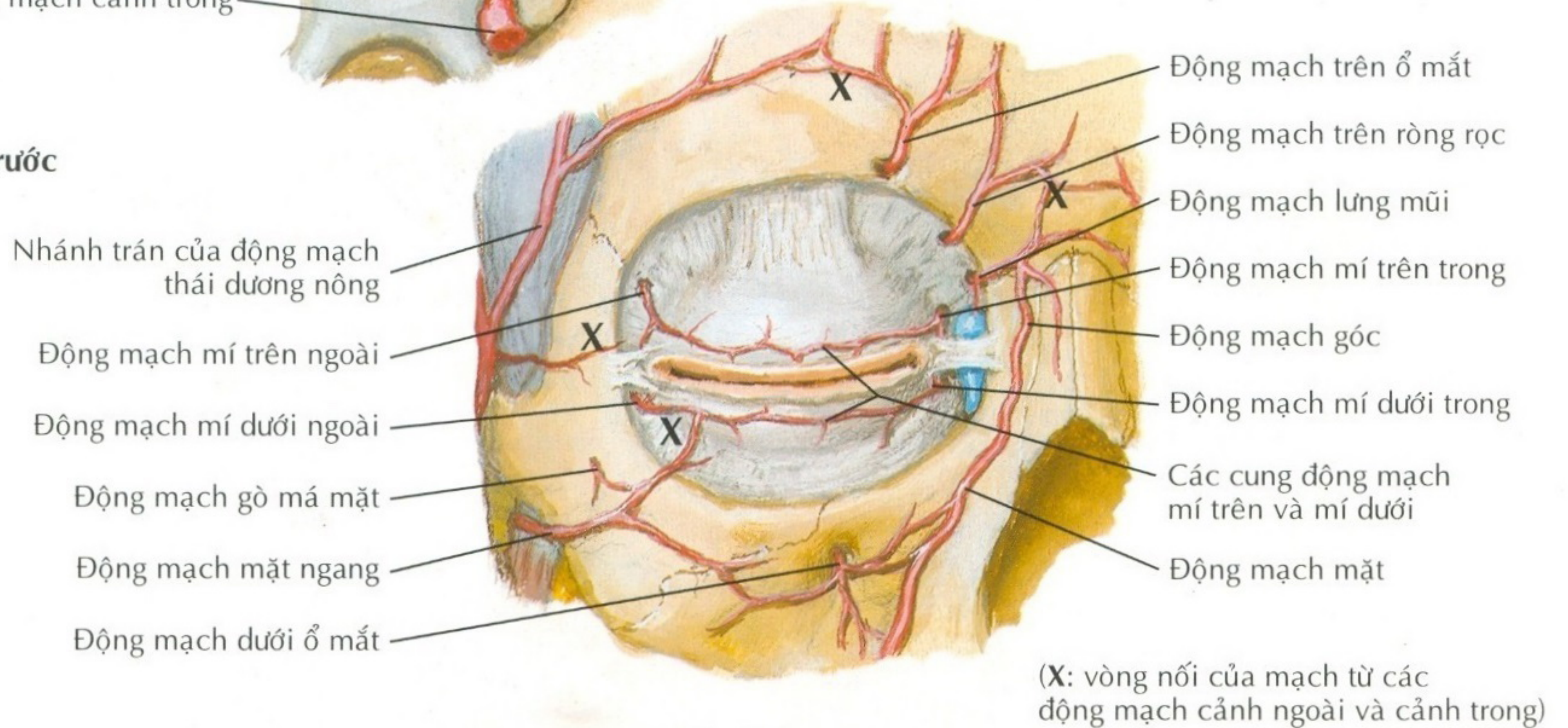
*F. Netter M.D.*



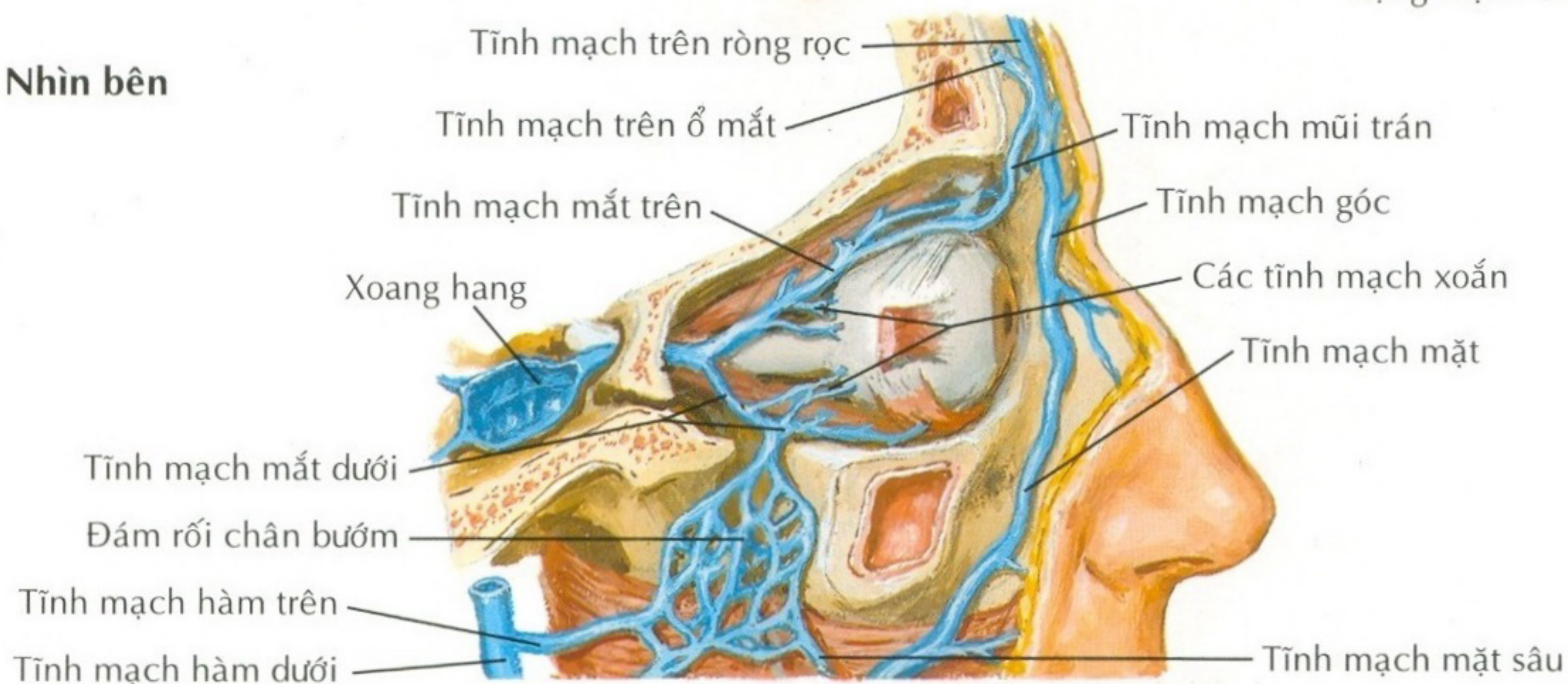
## Nhìn trên



## Nhìn trước



## Nhìn bên



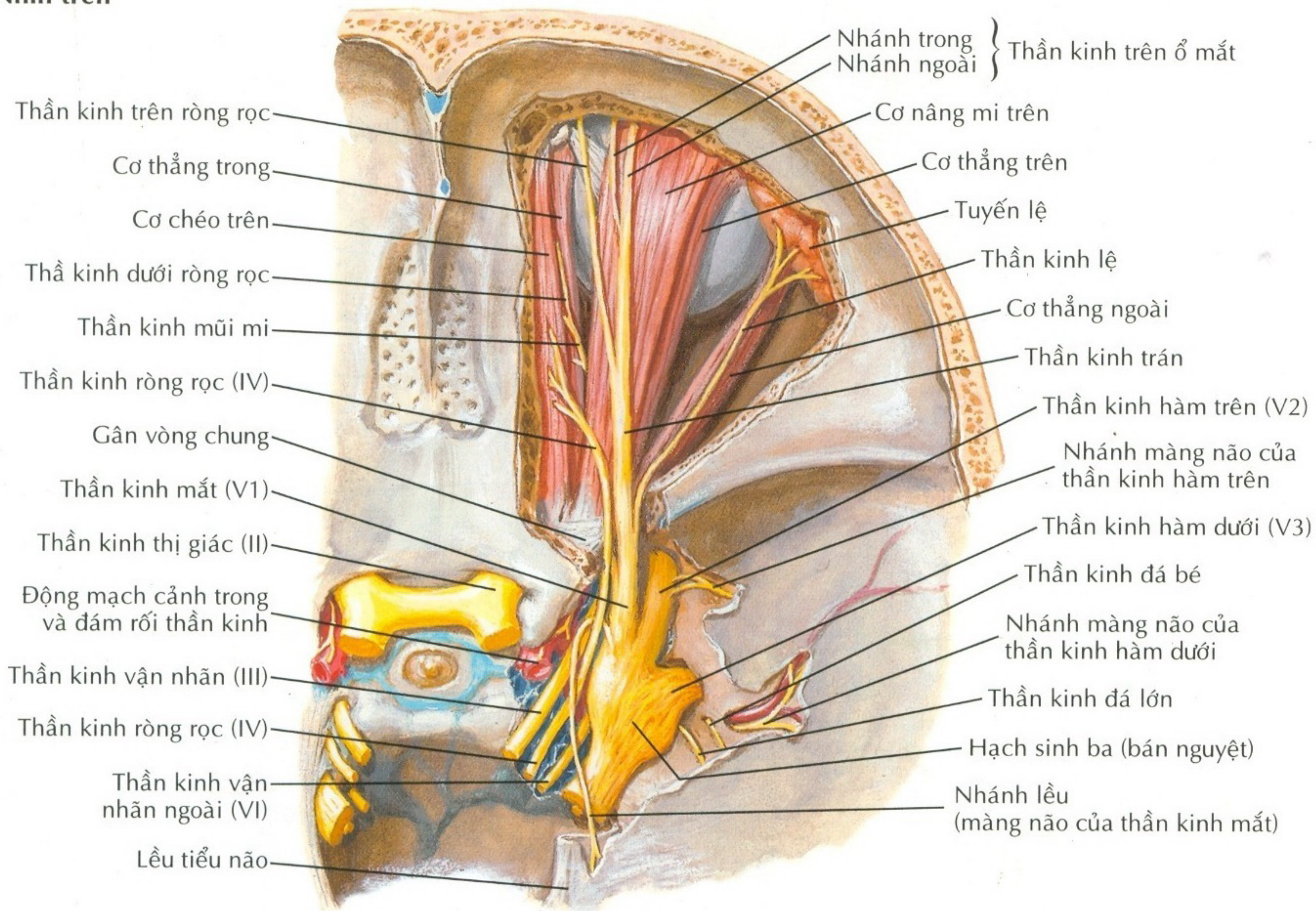
*F. Netter M.D.*



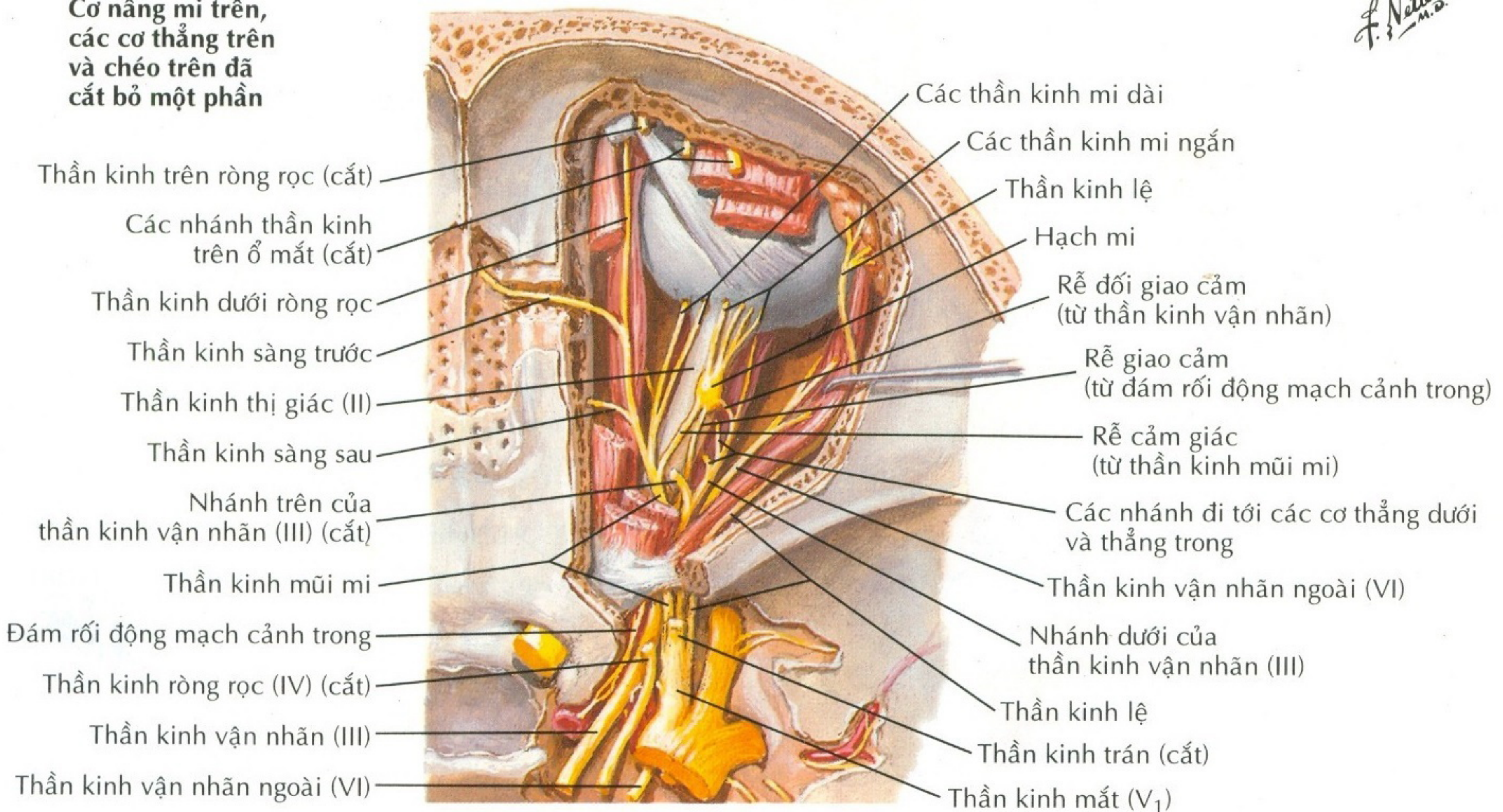
# Các Thần Kinh của Ổ Mắt

Xem thêm hình 45, 121, 132

## Nhìn trên

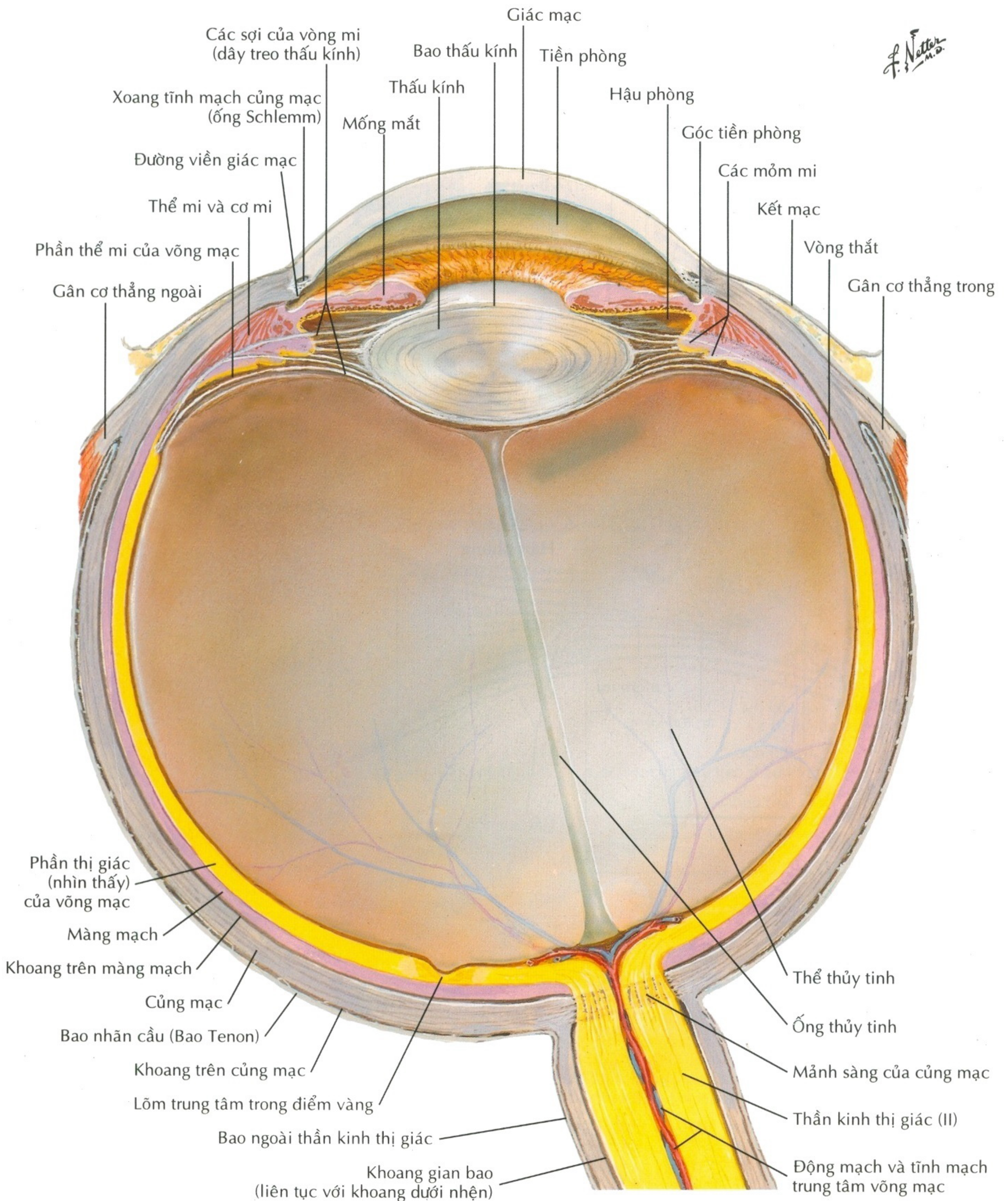


## Nhìn trên: Cơ nâng mi trên, các cơ thẳng trên và chéo trên đã cắt bỏ một phần



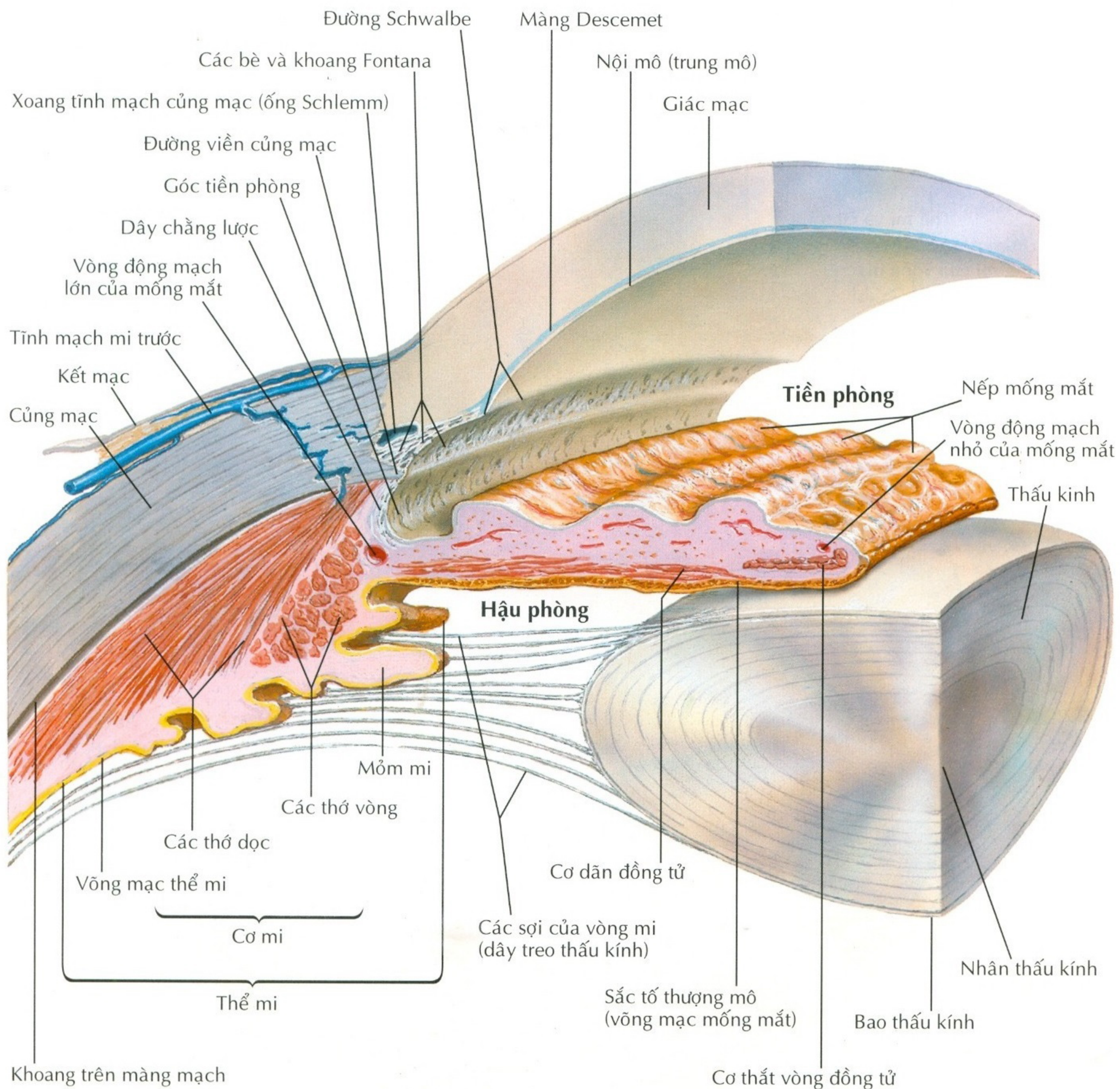


Thiết đồ ngang





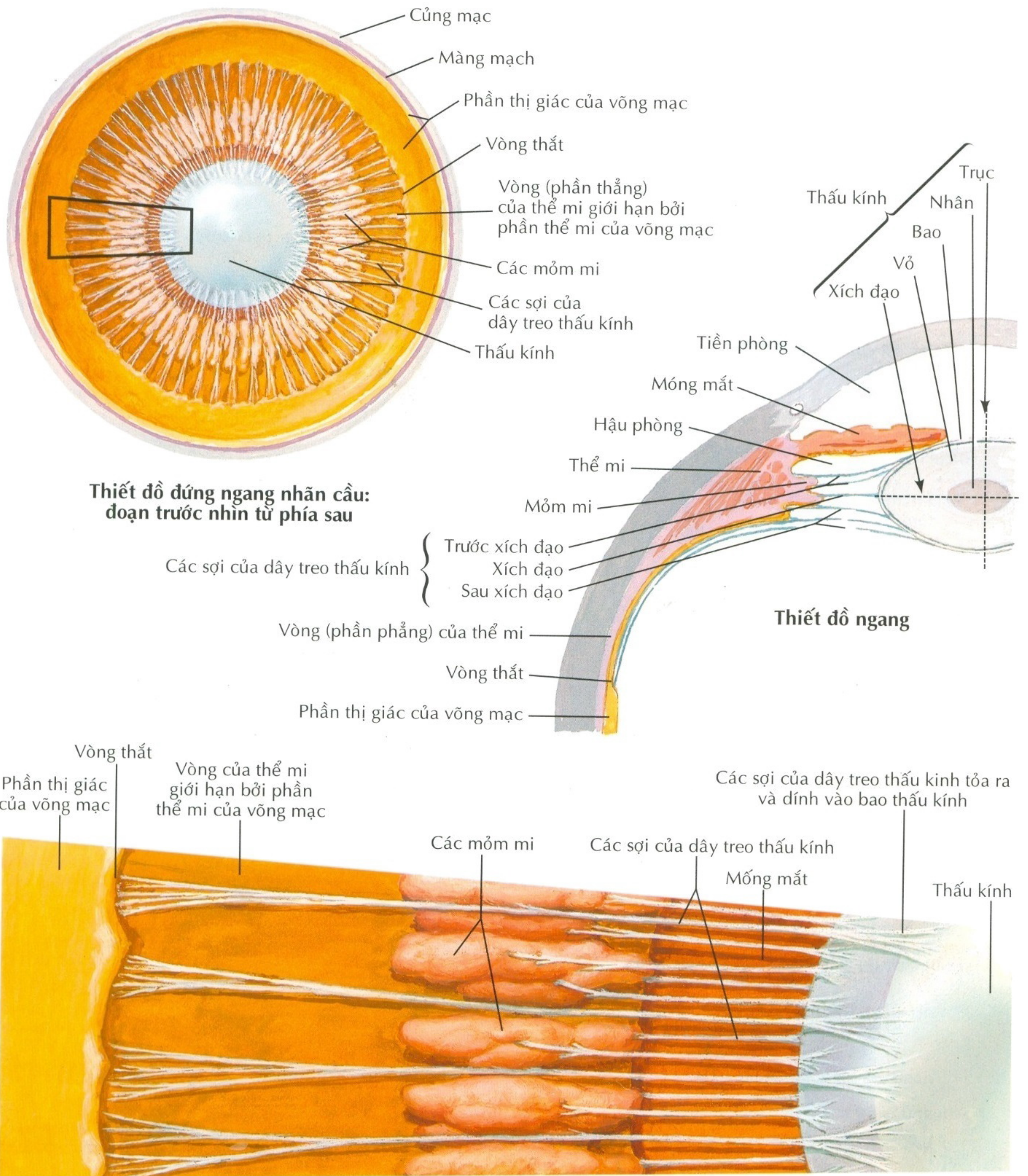
# Tiền Phòng và Hậu Phòng của Mắt



Ghi chú: để cho rõ chỉ có một mặt phẳng đơn giản của các sợi vòng mi được vẽ; thực ra các sợi bao quanh toàn bộ chu vi thấu kính

F. Netter M.D.

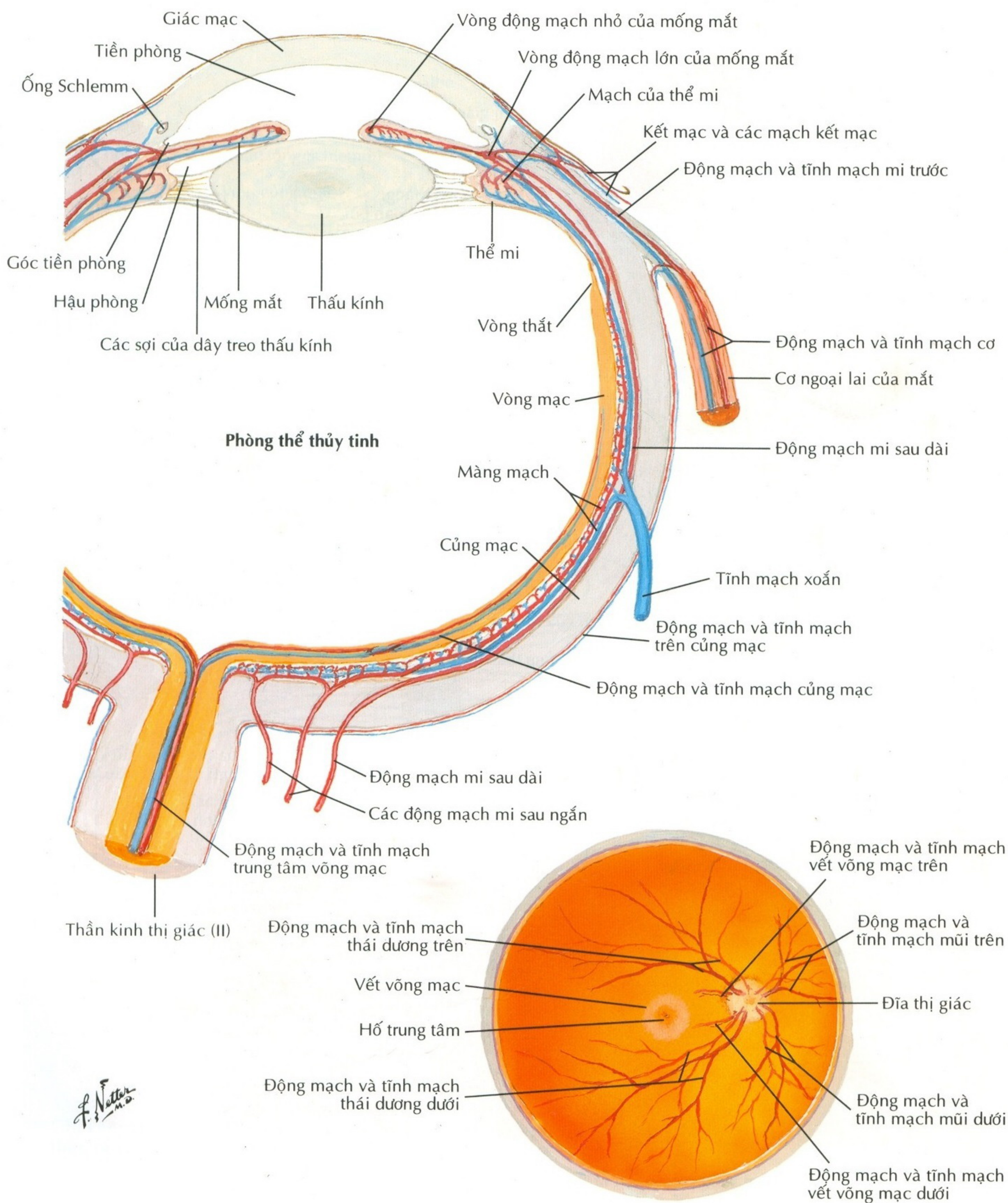






# Các Động Mạch và Tĩnh Mạch Nội Tại của Mắt

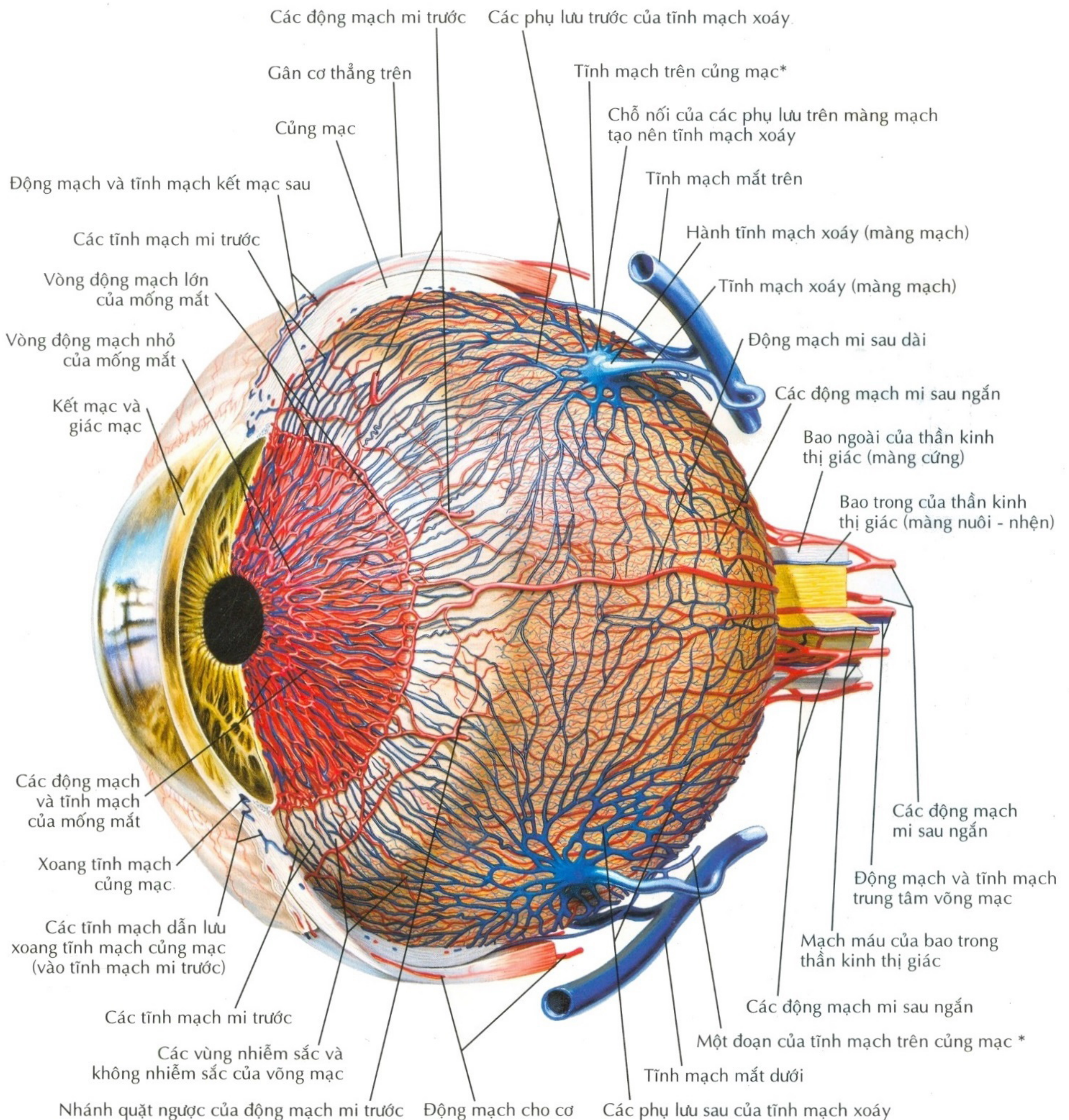
Xem thêm hình 85



Các mạch võng mạc phải: hình soi đáy mắt



## Sự sắp xếp mạch máu trong lớp mạch của nhãn cầu



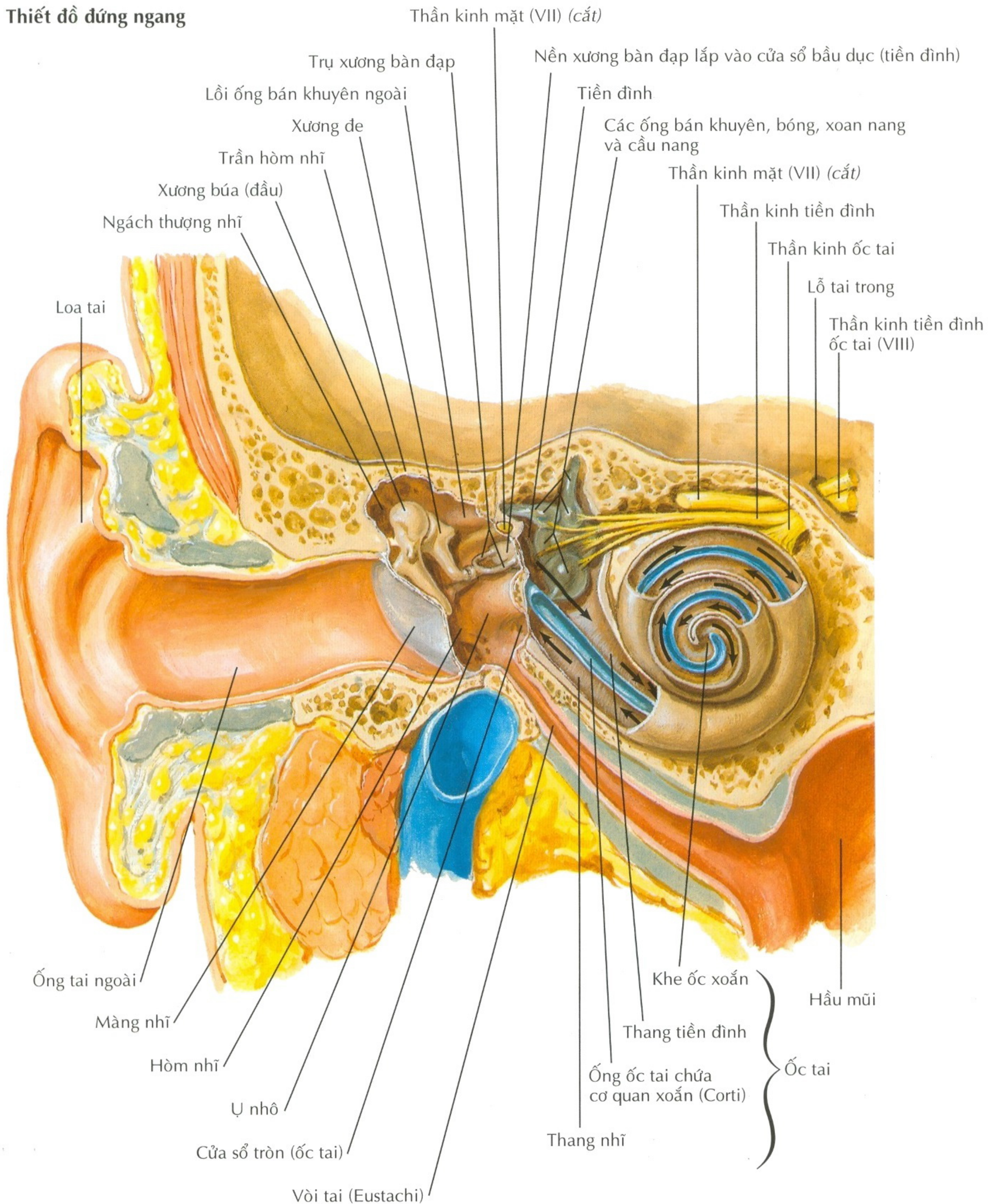
\*Các tĩnh mạch trên củng mạc được thể hiện ở đây nối với các tĩnh mạch xoáy; tuy nhiên, chúng cũng dẫn lưu vào các tĩnh mạch mi trước.

C. Machado  
—H.D.



# 1 Đường Nhận Cảm Âm Thanh

Thiết đồ đứng ngang



Ghi chú: các mũi tên chỉ đường đi của sóng thanh âm

F. Netter M.D.



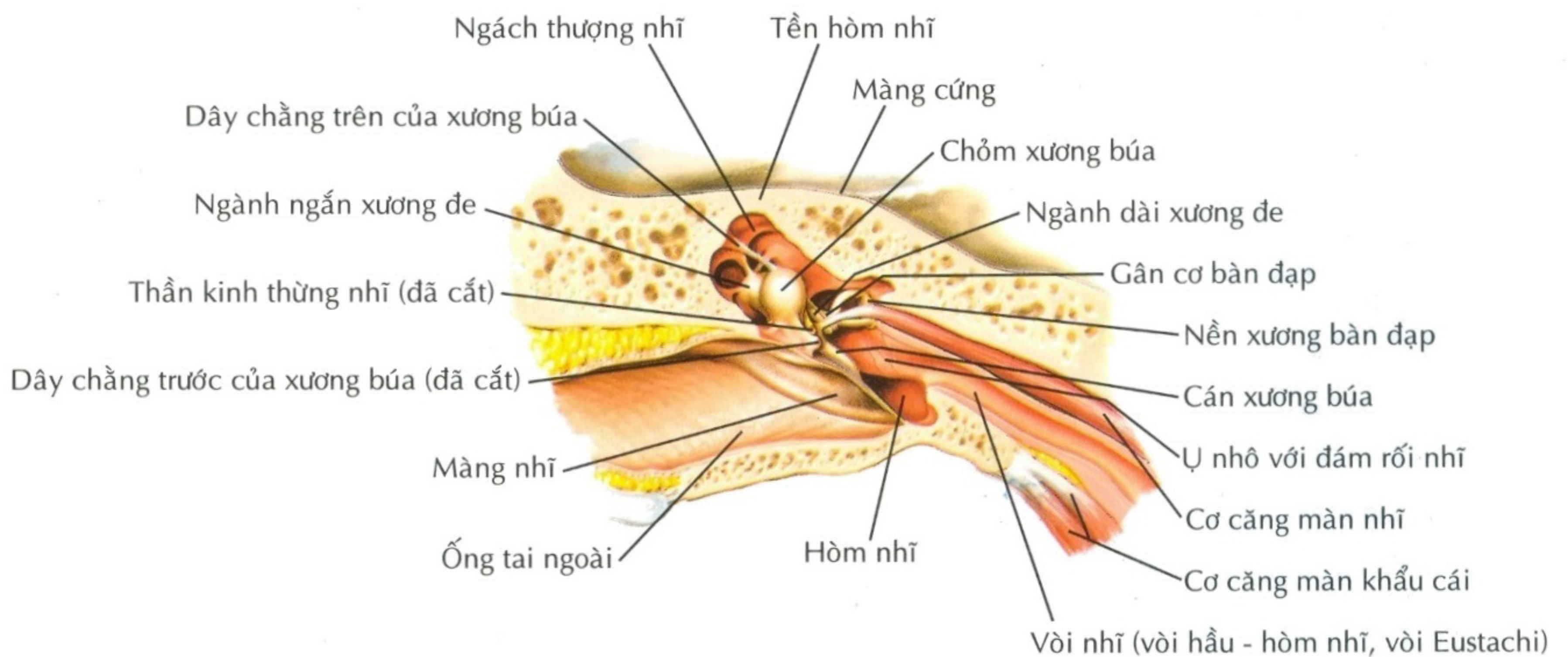
**Loa tai phải**



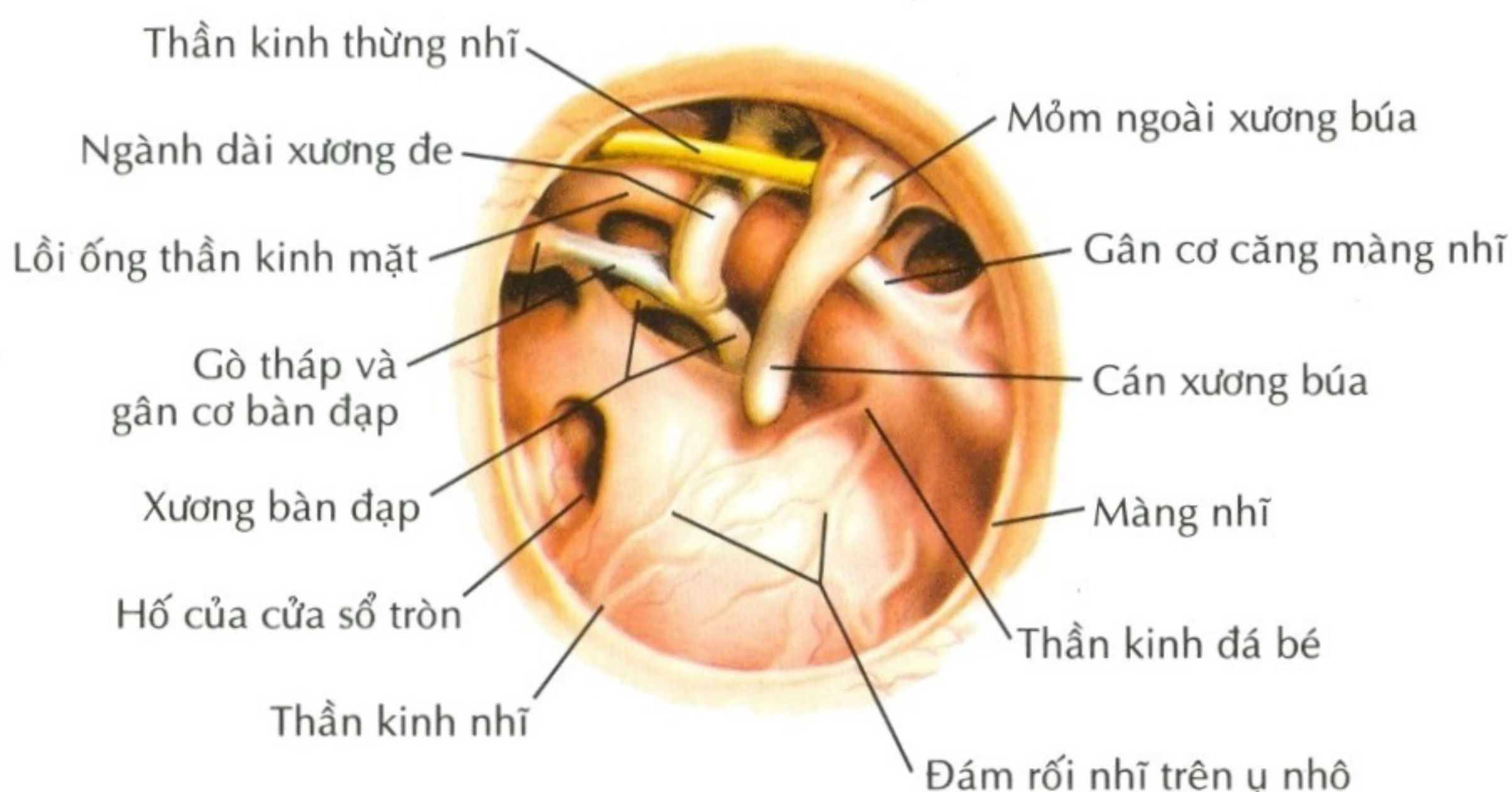
**Hình soi màng nhĩ bên phải**



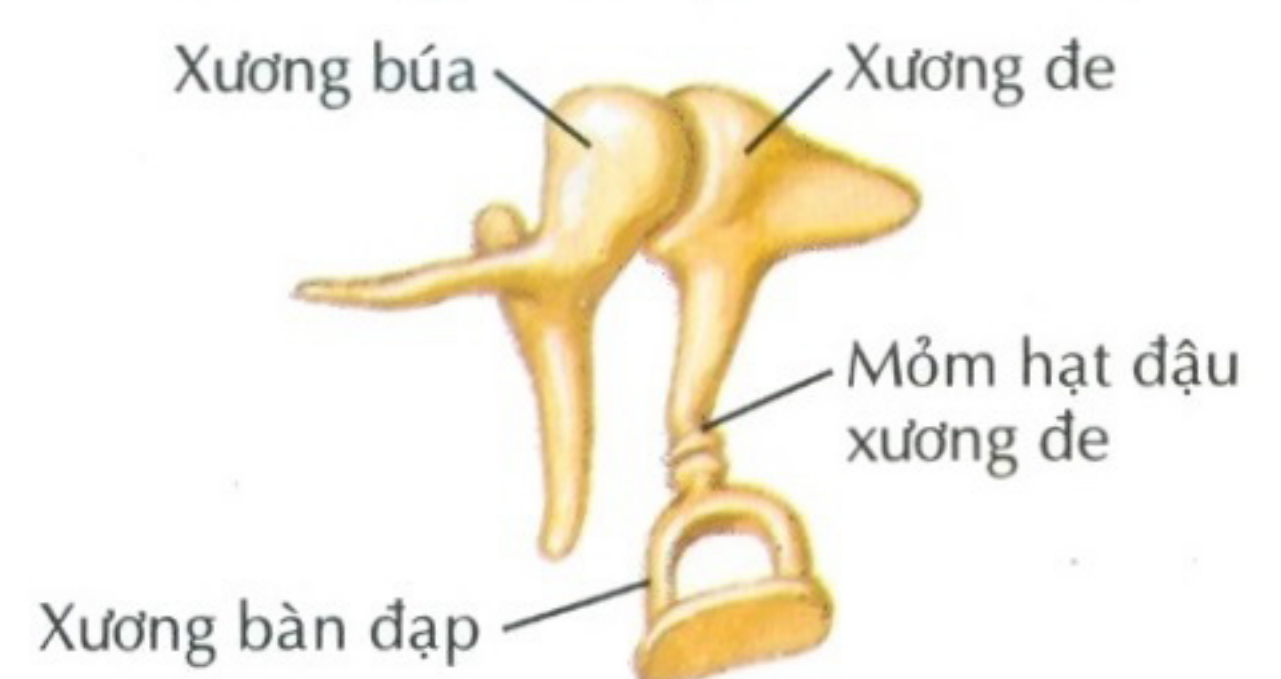
**Thiết đồ đứng ngang chéo qua ống tai ngoài và tai giữa (hòm nhĩ)**



**Hòm nhĩ bên phải sau khi lấy đi màng nhĩ (nhìn từ ngoài)**

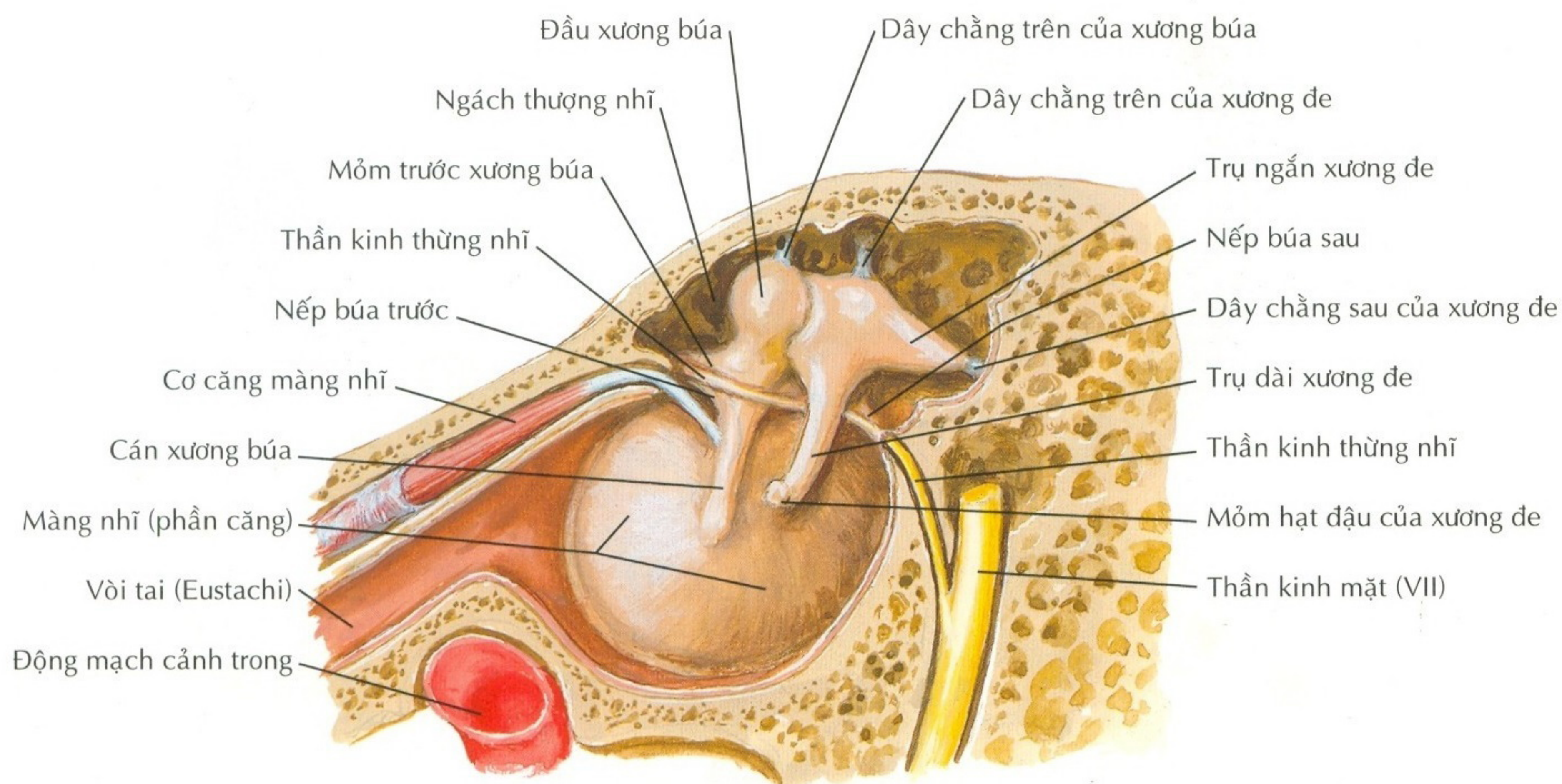


**Các xương con khớp nối với nhau**



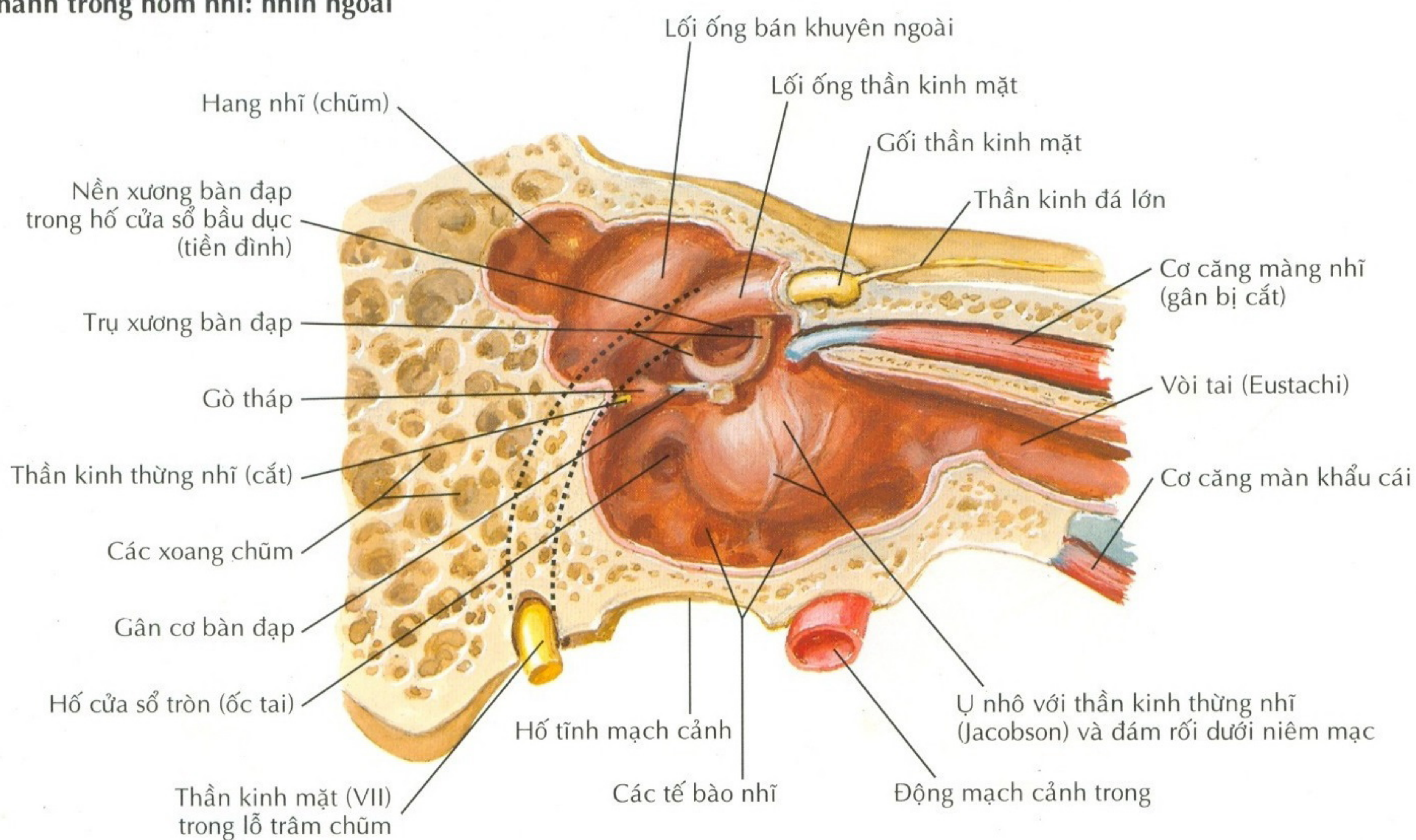
C. Machado  
M.D.  
F. Netter  
M.D.





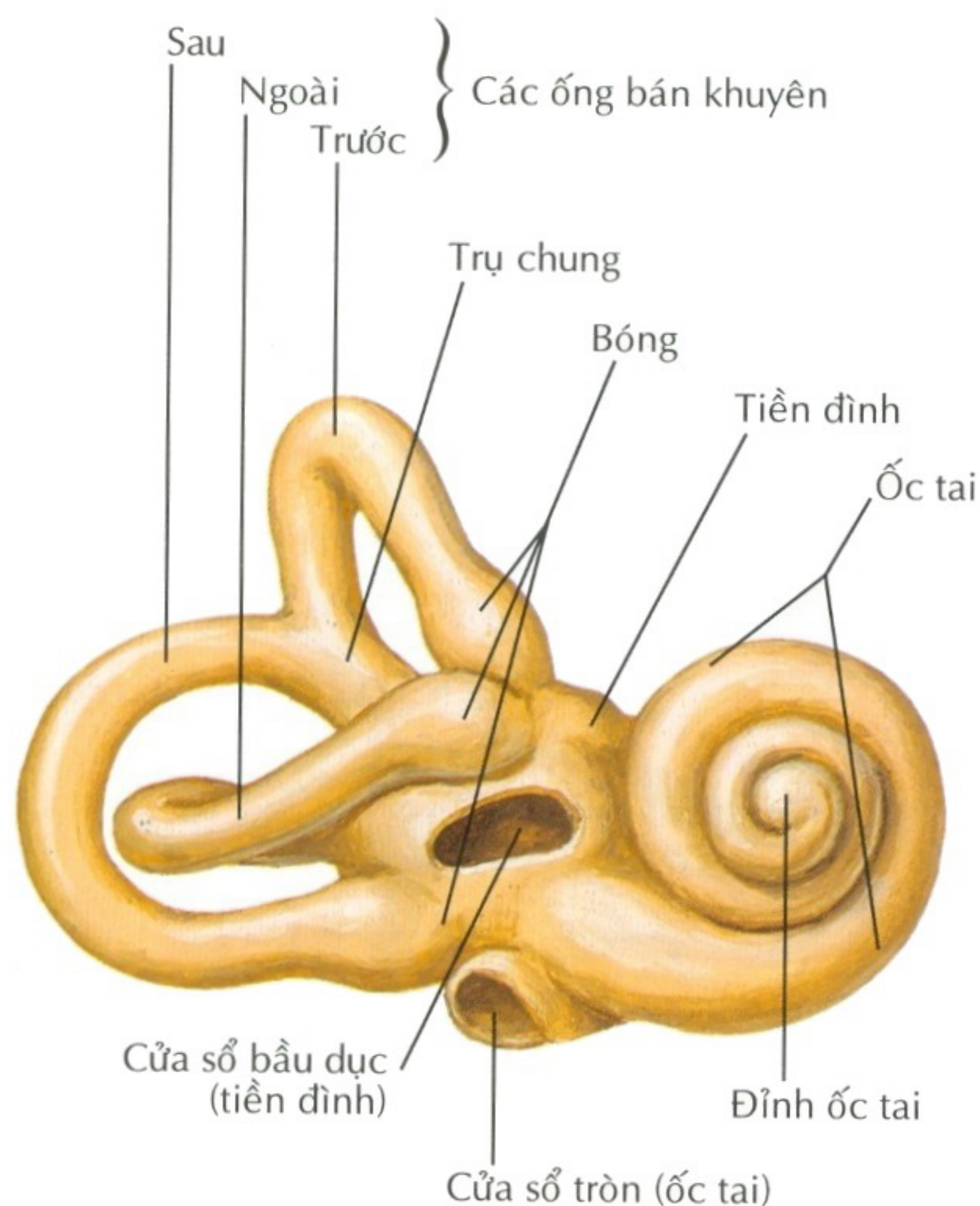
*F. Netter*  
M.D.

## Thành trong hòm nhĩ: nhìn ngoài

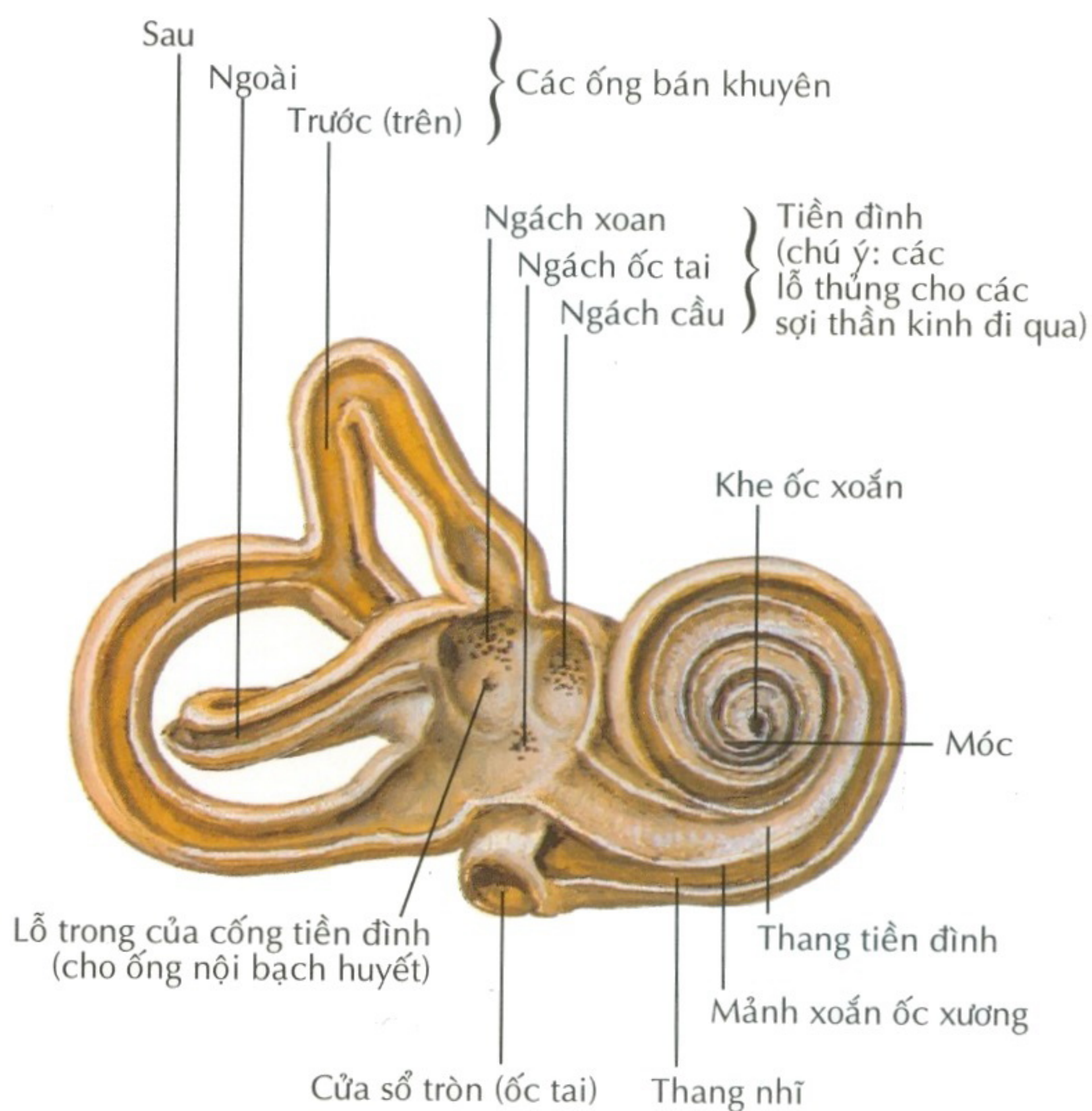




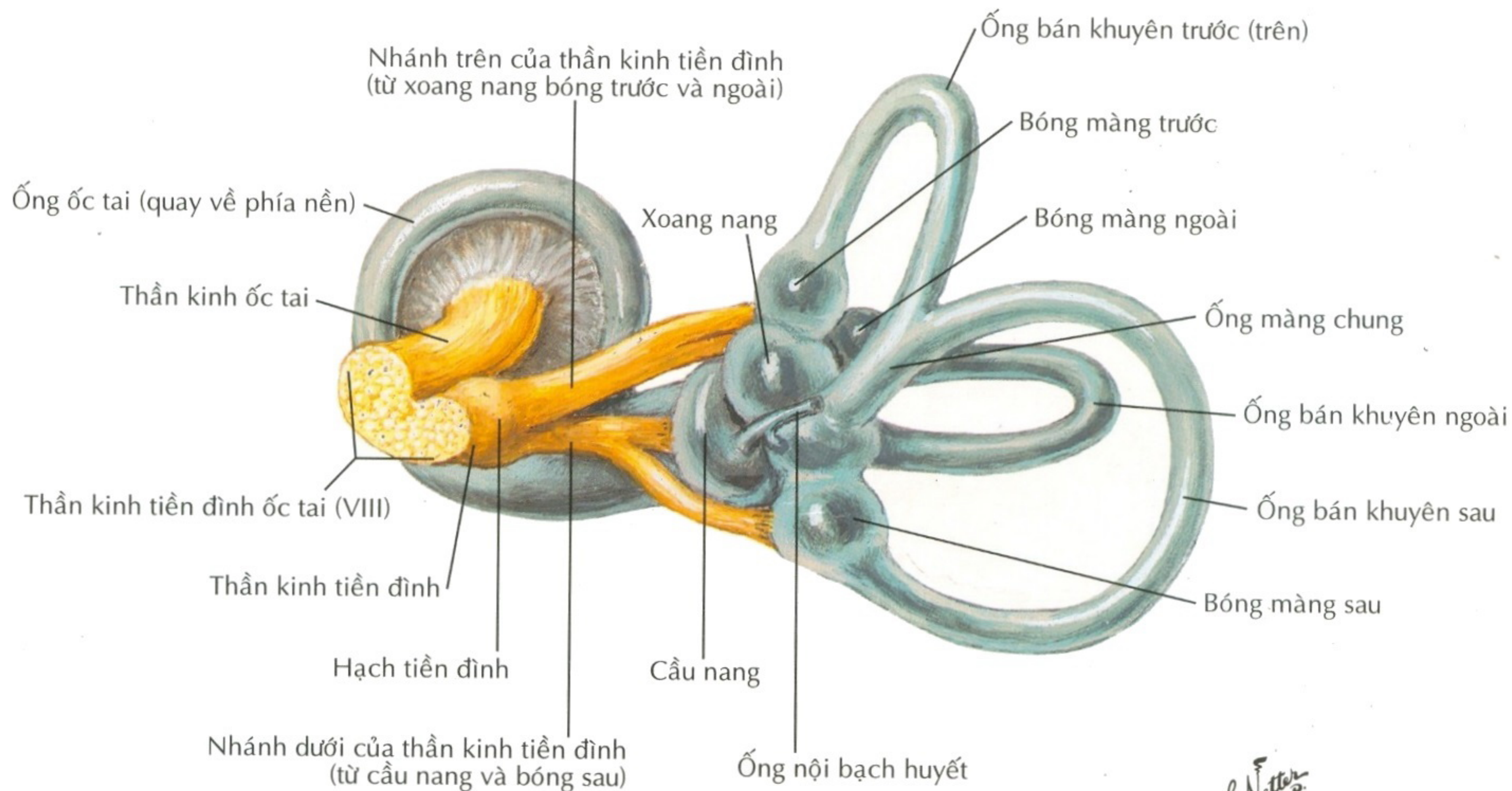
**Mê nhĩ xương bên phải, nhìn trước ngoài:**  
các xương xộp bao quanh đã bỏ đi



**Mê nhĩ xương bên phải đã phẫu tích:**  
mê nhĩ màng đã lấy đi



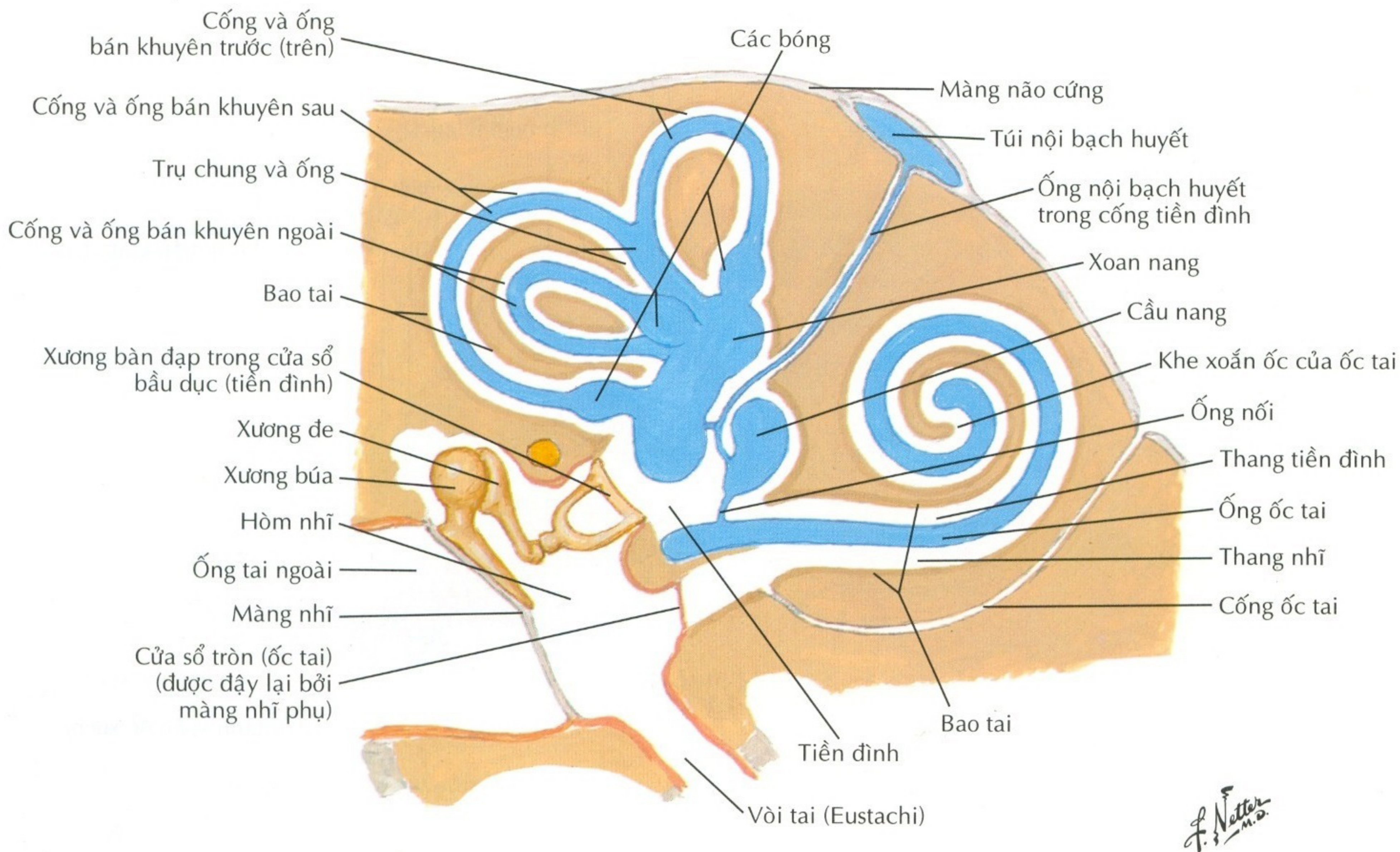
**Mê nhĩ màng bên phải với các thần kinh: nhìn sau trong**



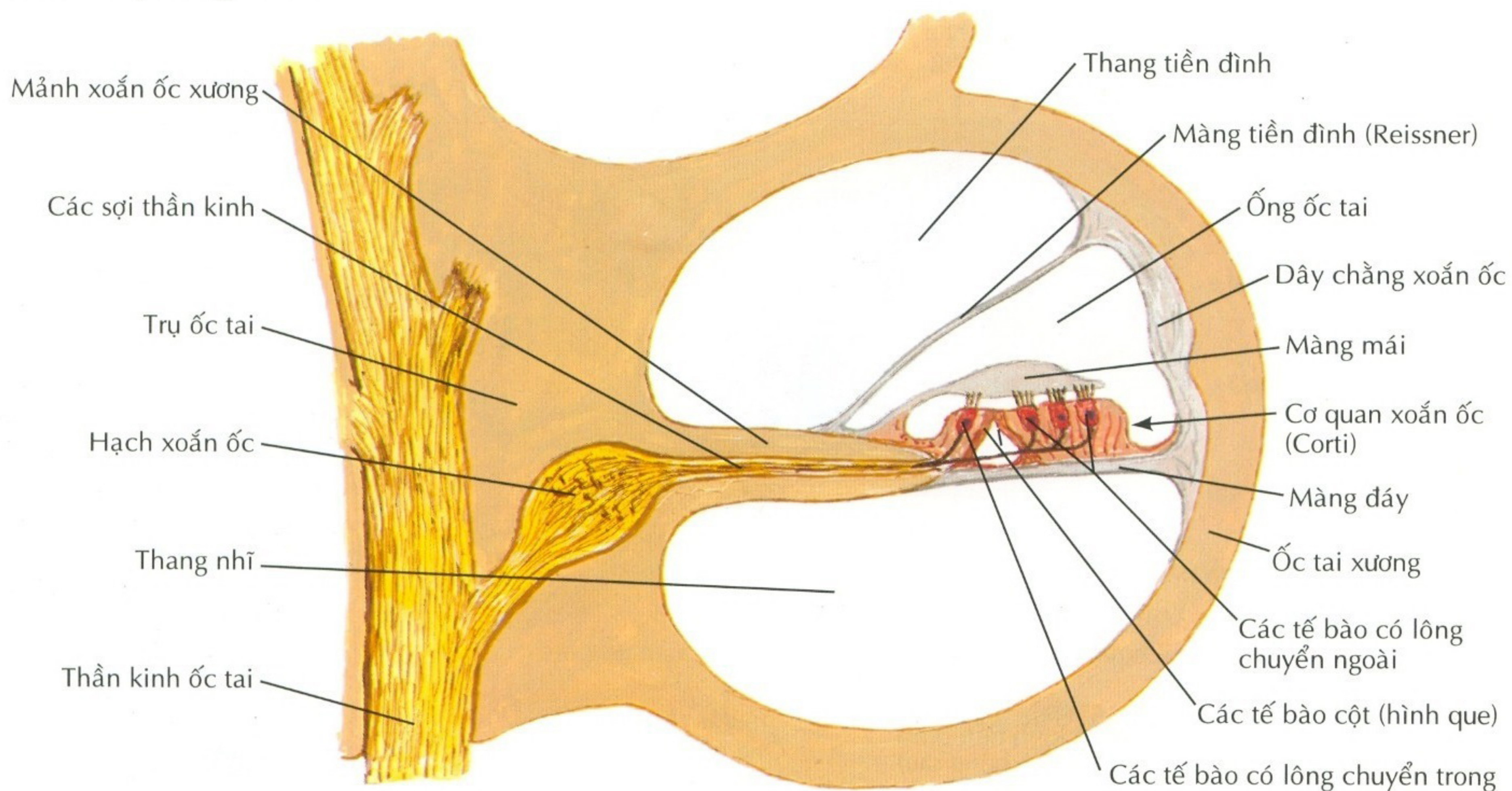
F. Netter M.D.



## Mê nhĩ xương và mê nhĩ màng: sơ đồ

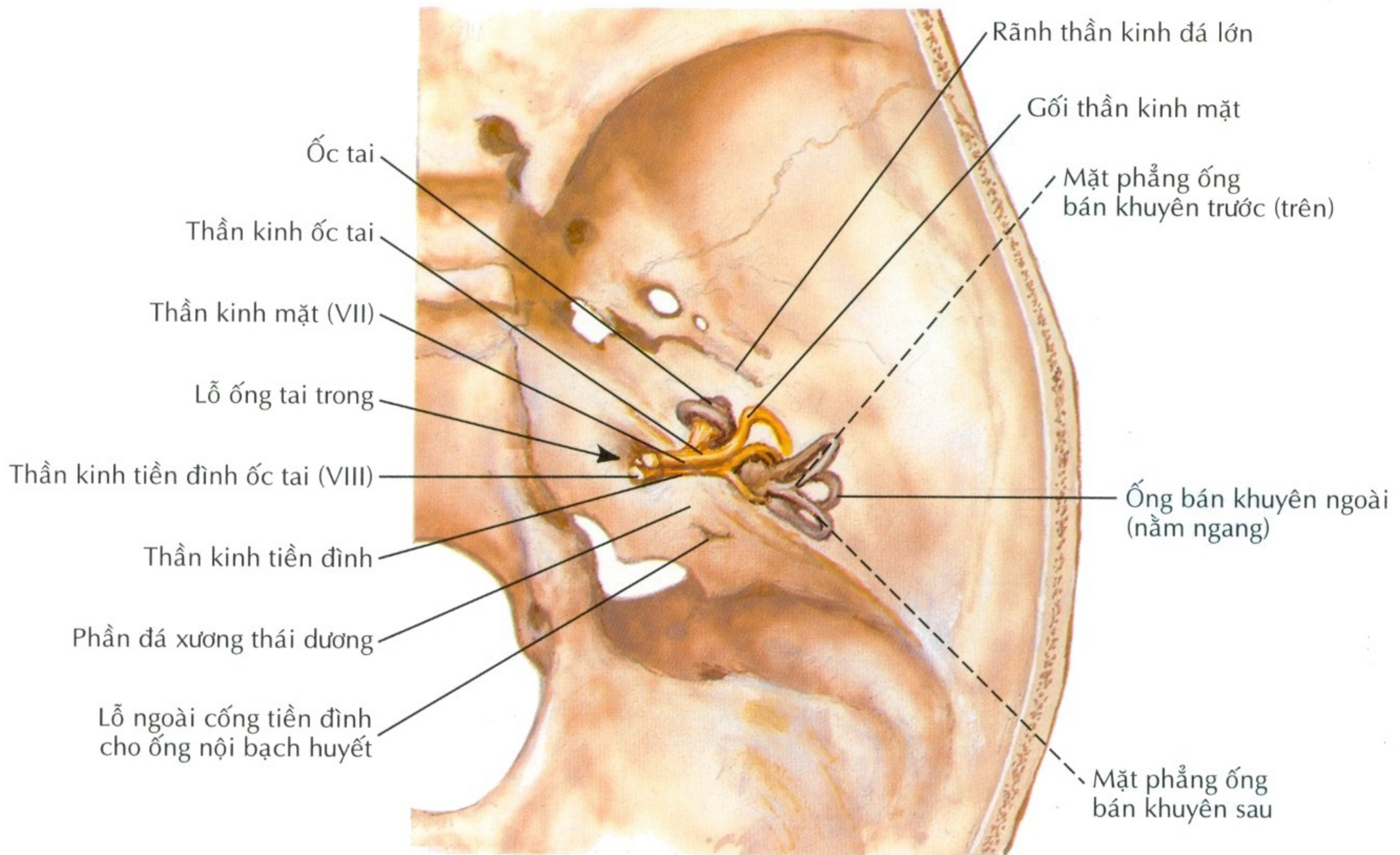


## Thiết đồ qua ống ốc tai

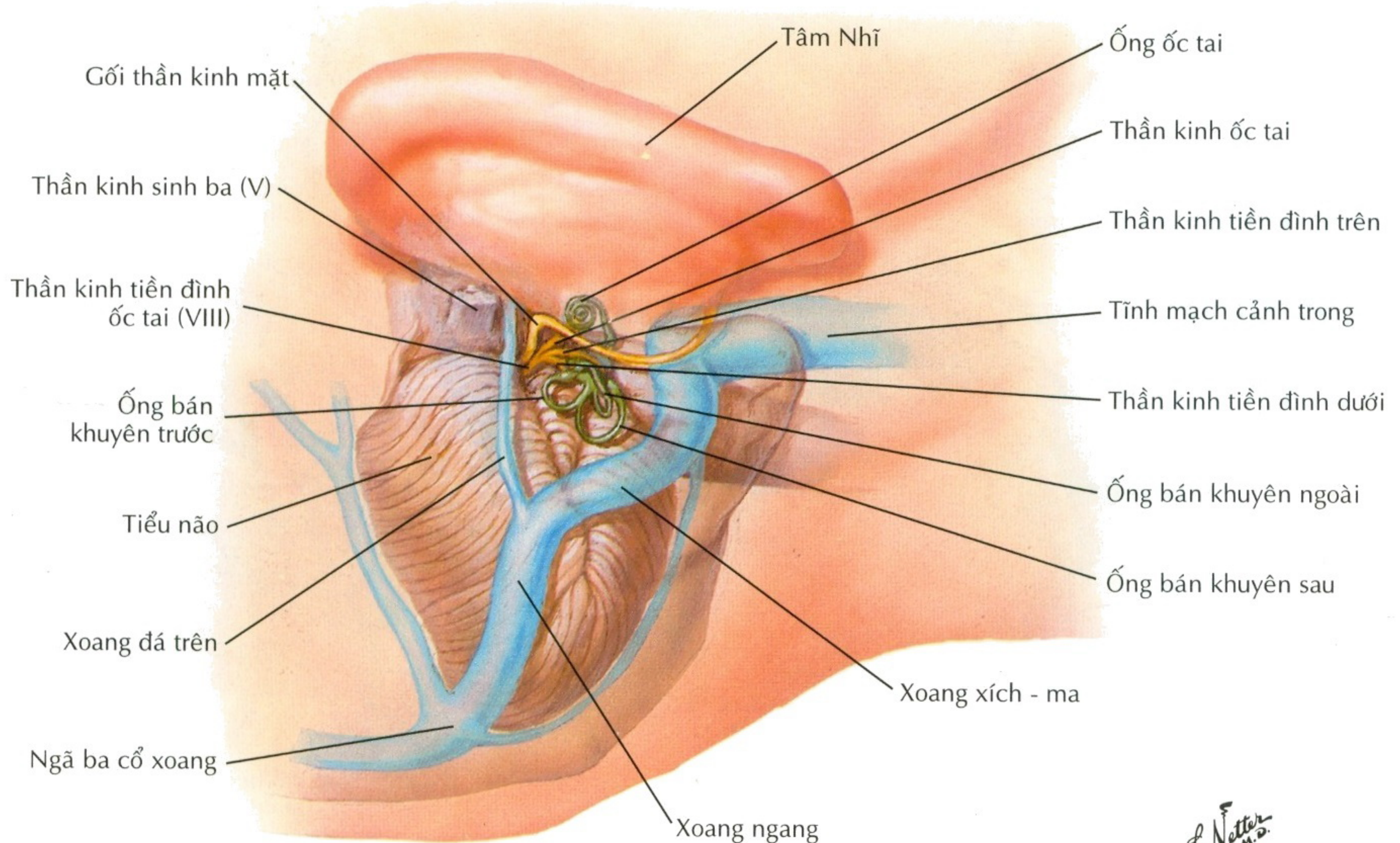




Hình chiếu lên trên của mê nhĩ xương bên phải lên nền sọ



Hình chiếu phía ngoài của mê màng nhĩ bên phải

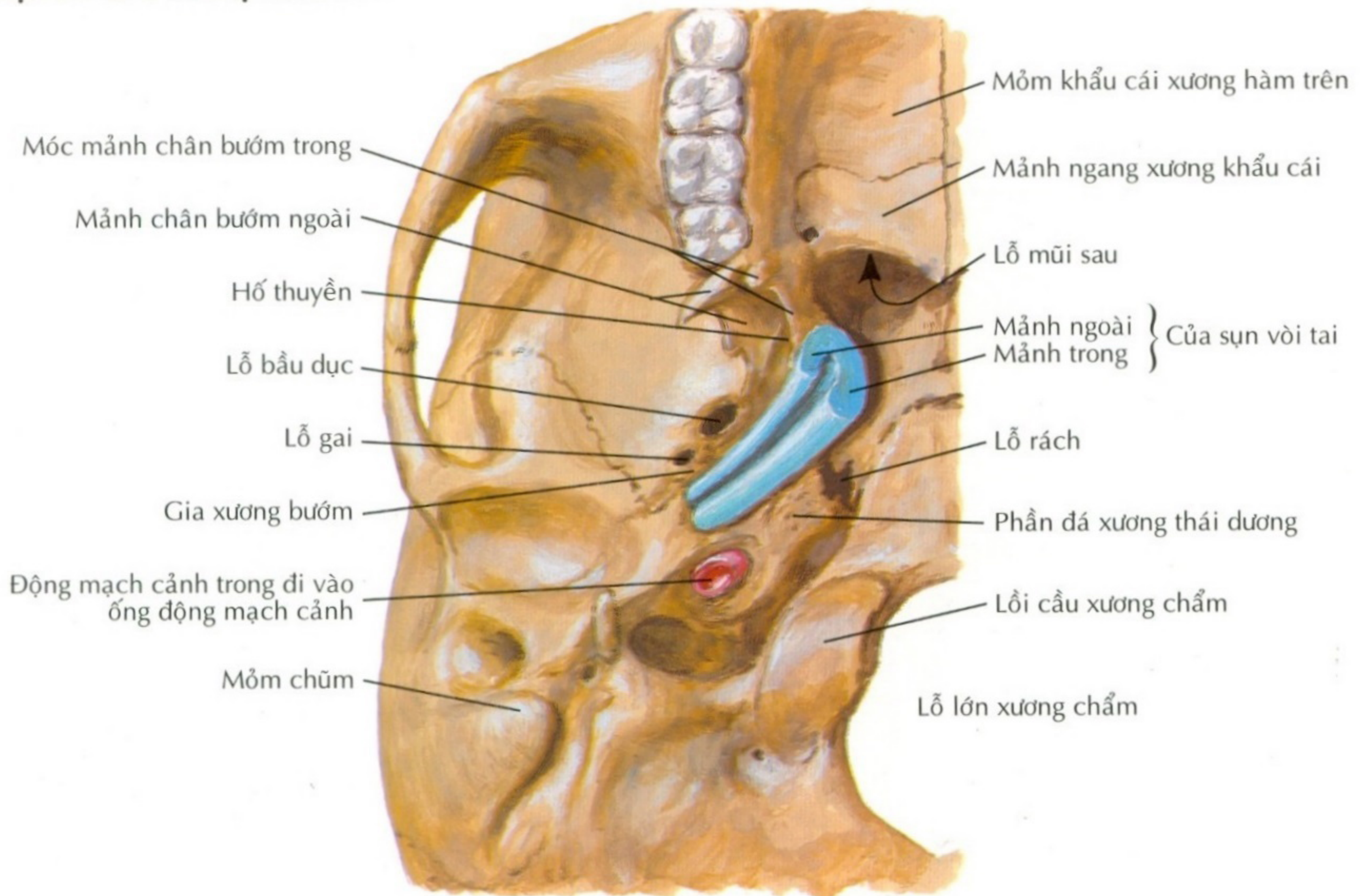


F. Netter M.D.



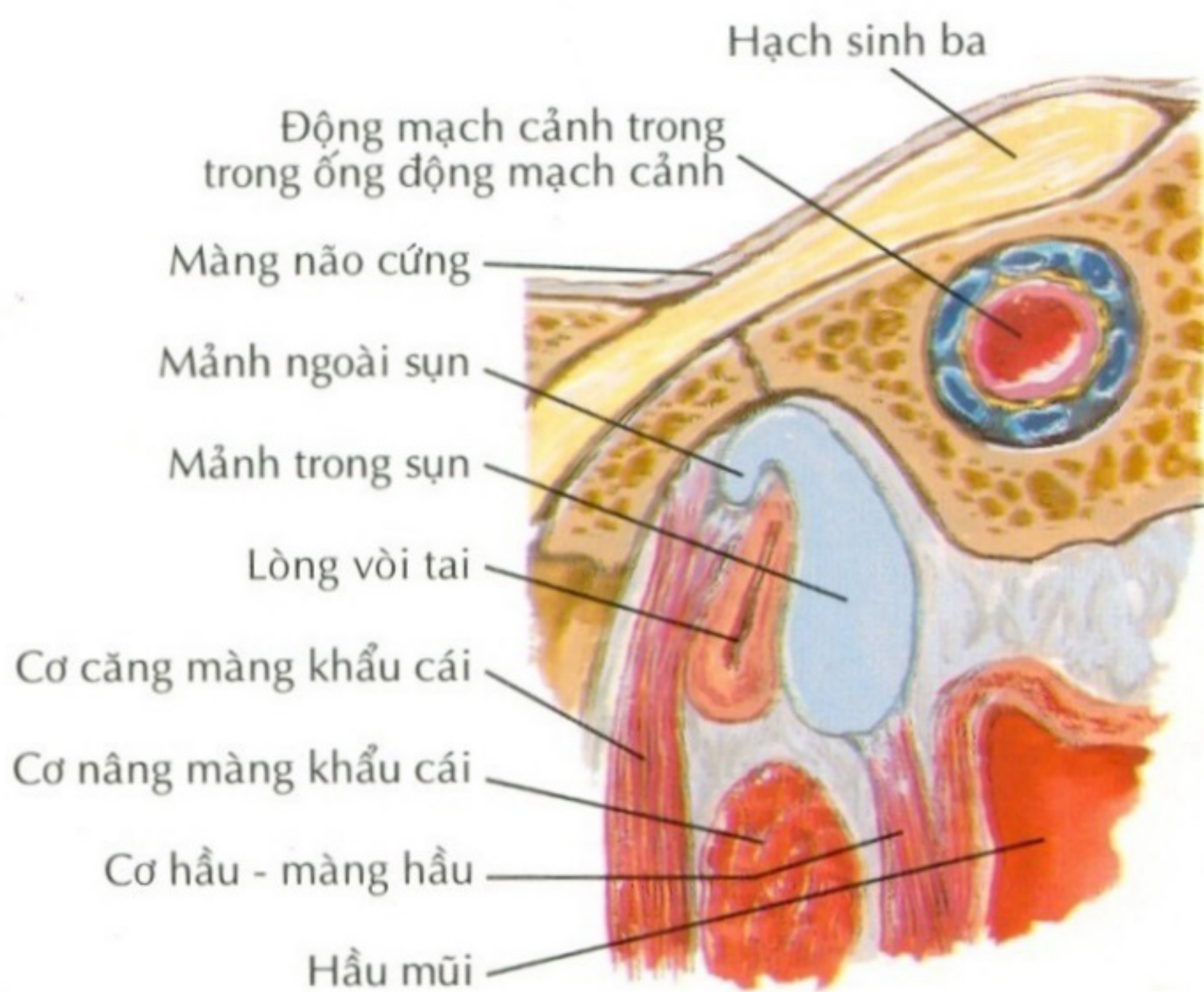
Xem thêm hình 52, 55, 65

### Sụn vòi tai ở nền sọ: nhìn dưới



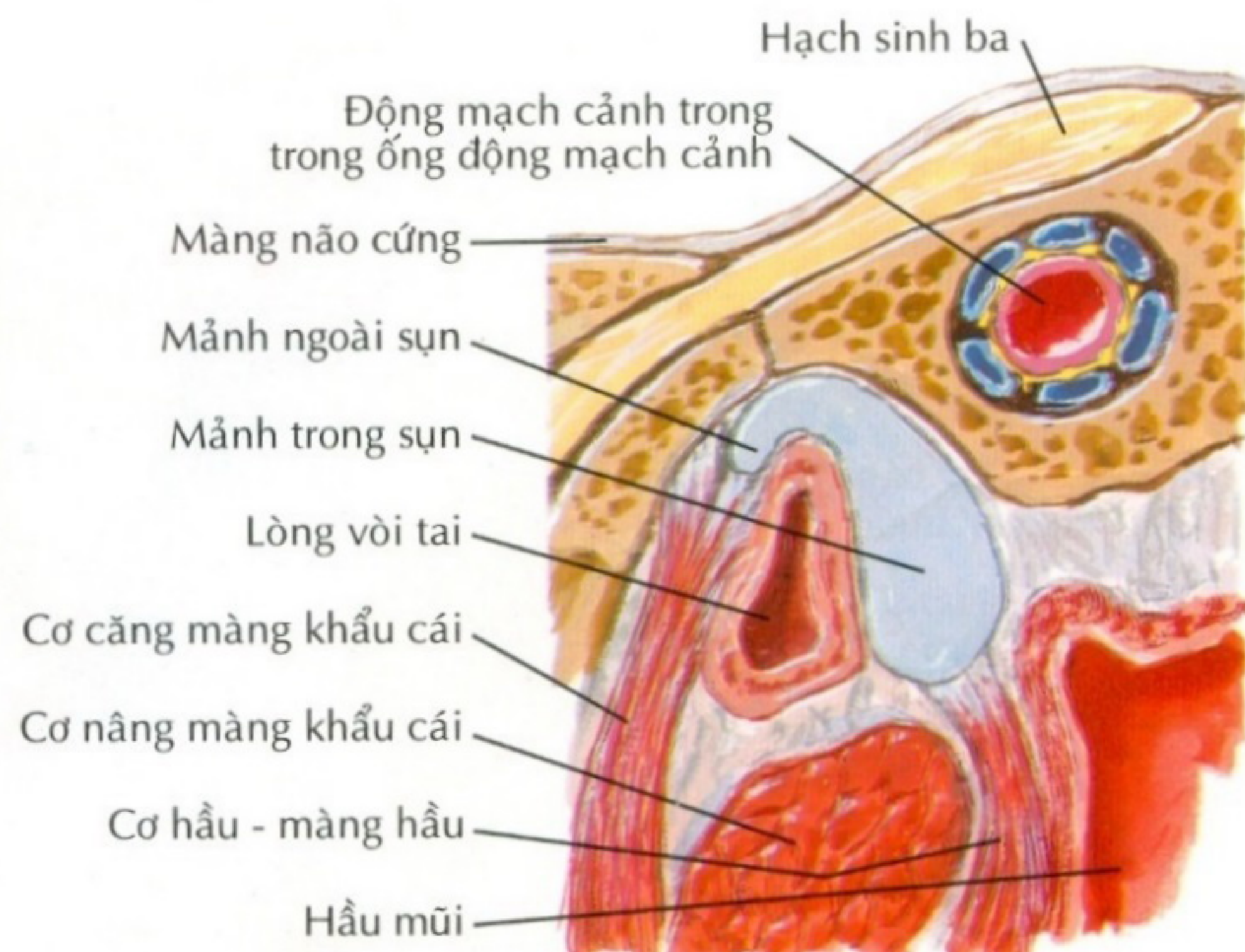
F. Netter M.D.

### Thiết đồ qua sụn vòi tai khi vòi đóng lại



Vòi tai đóng lại do sụn đàn hồi, sự cương lên của các mô và sự căng của các cơ hầu - màng hầu

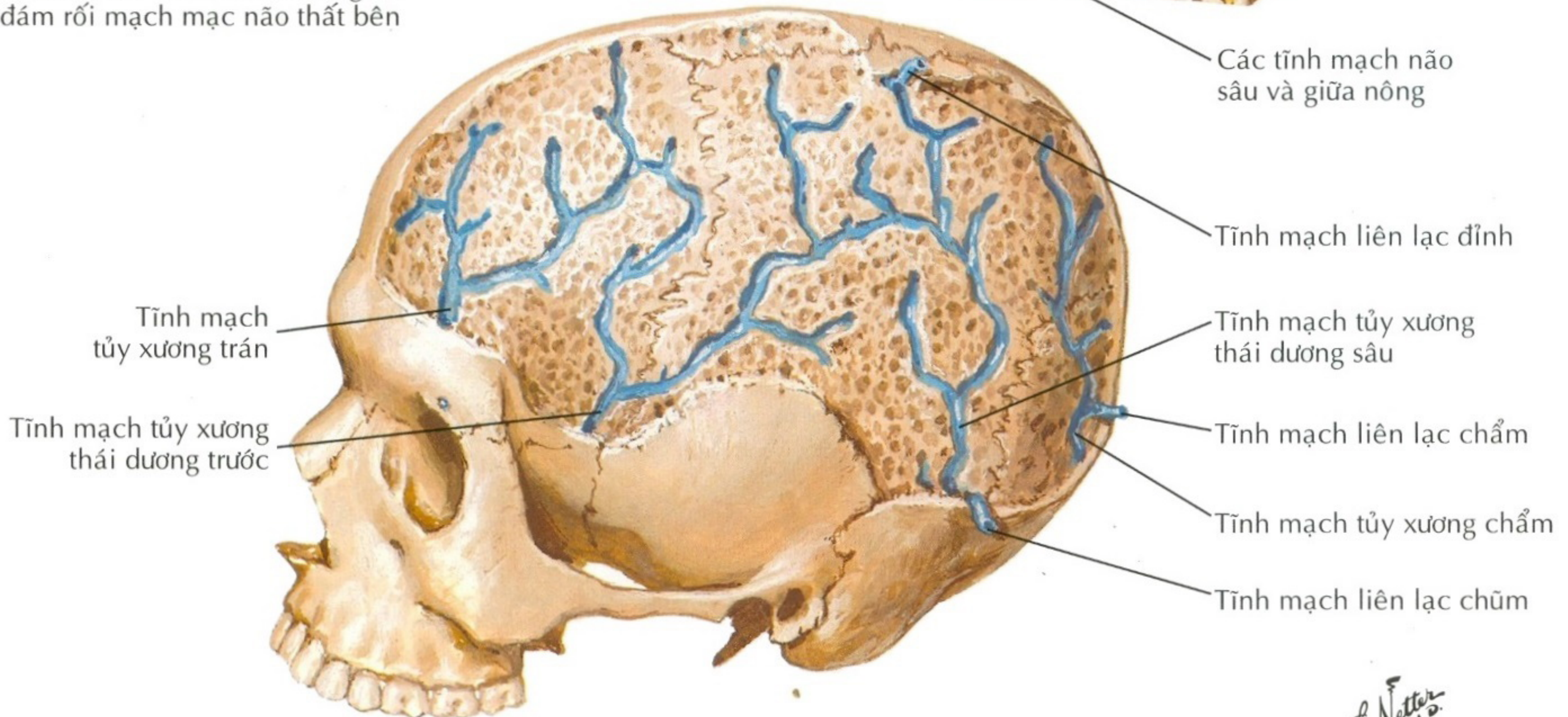
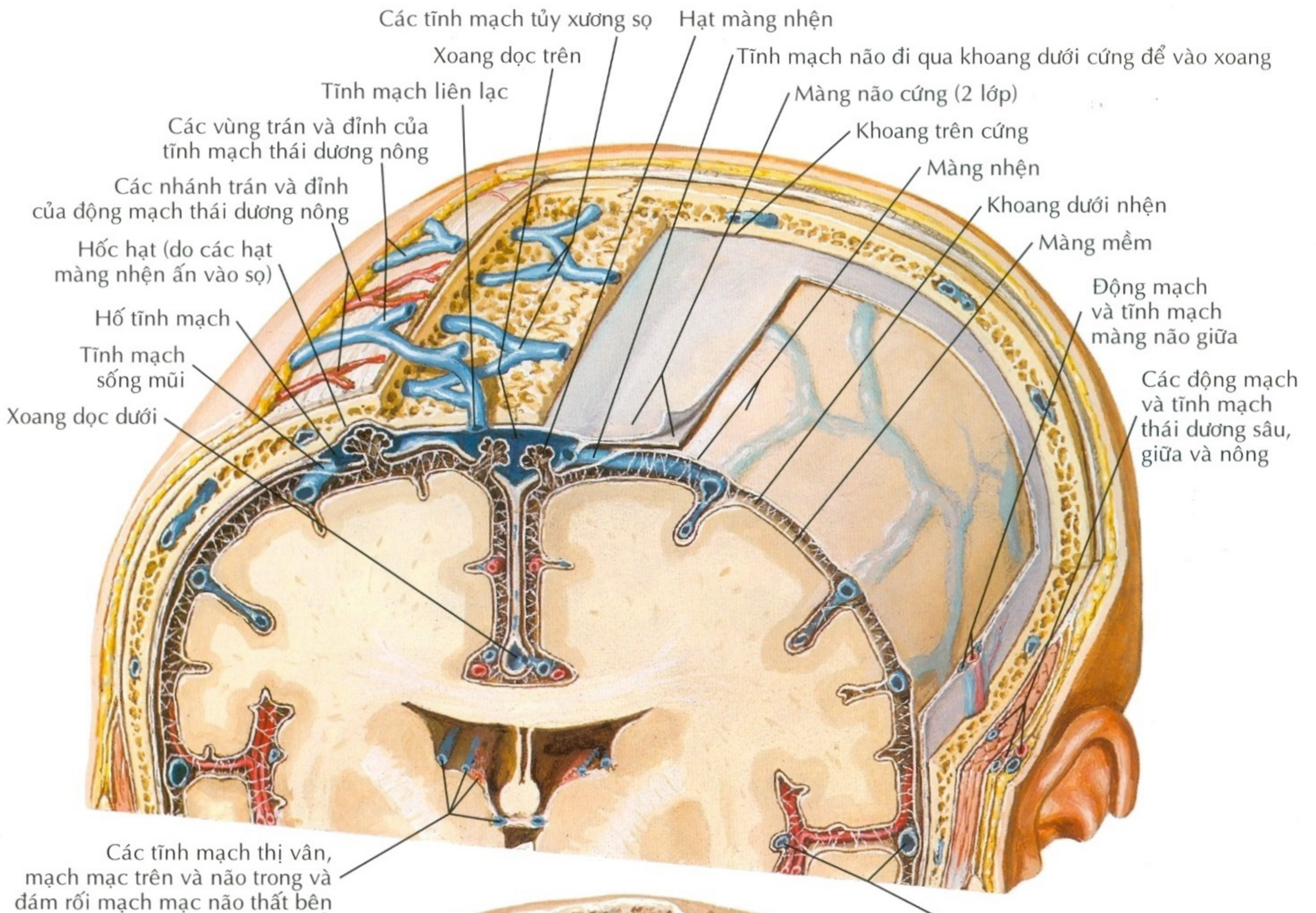
### Thiết đồ qua sụn vòi tai khi vòi mở



Lòng được mở ra chủ yếu khi chỗ bám của cơ căng màng khẩu cái đẩy thành của vòi ra ngoài lúc nuốt



## Phẫu tích theo mặt phẳng đứng ngang

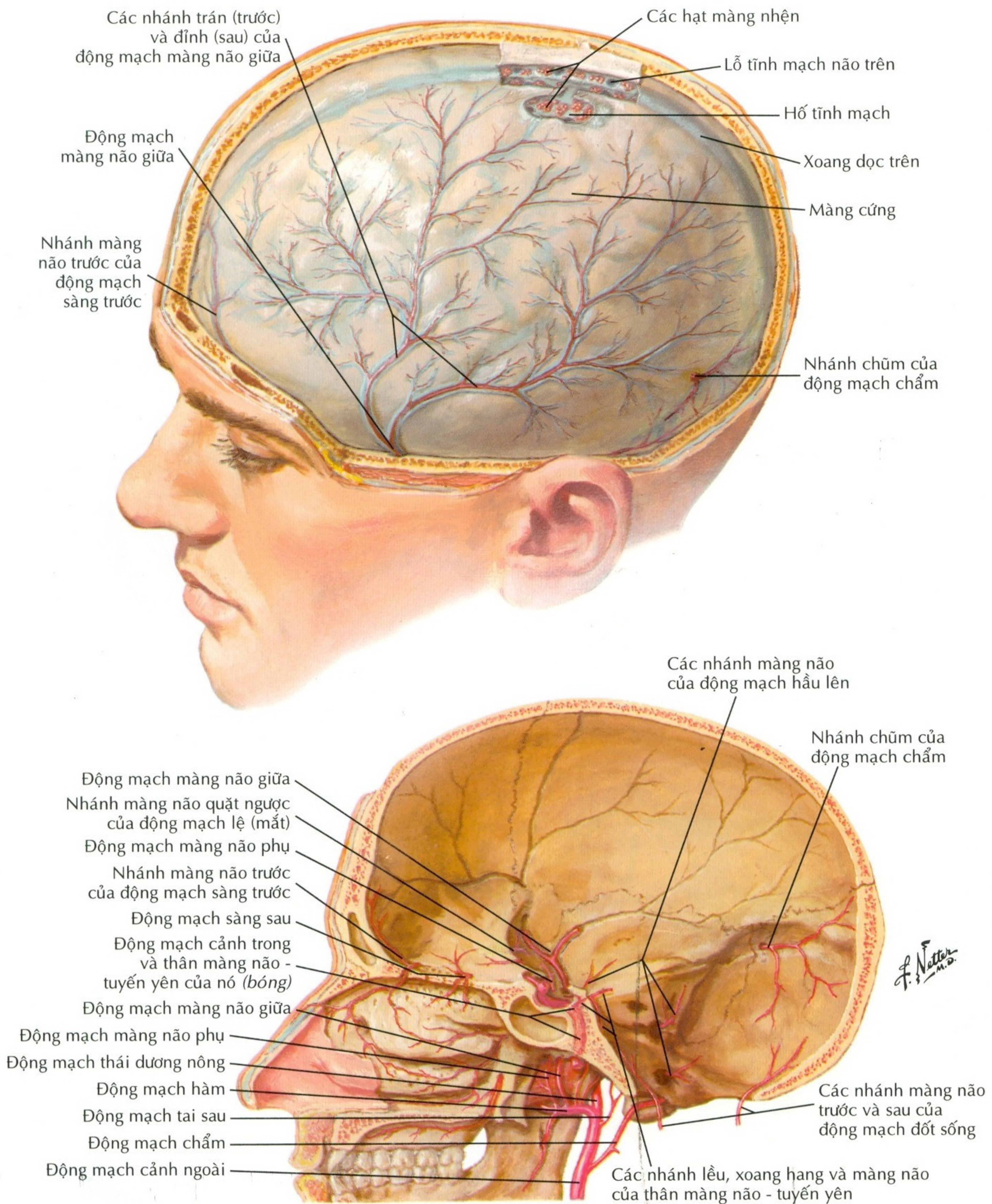


Các tĩnh mạch tủy xương sọ và liên lạc

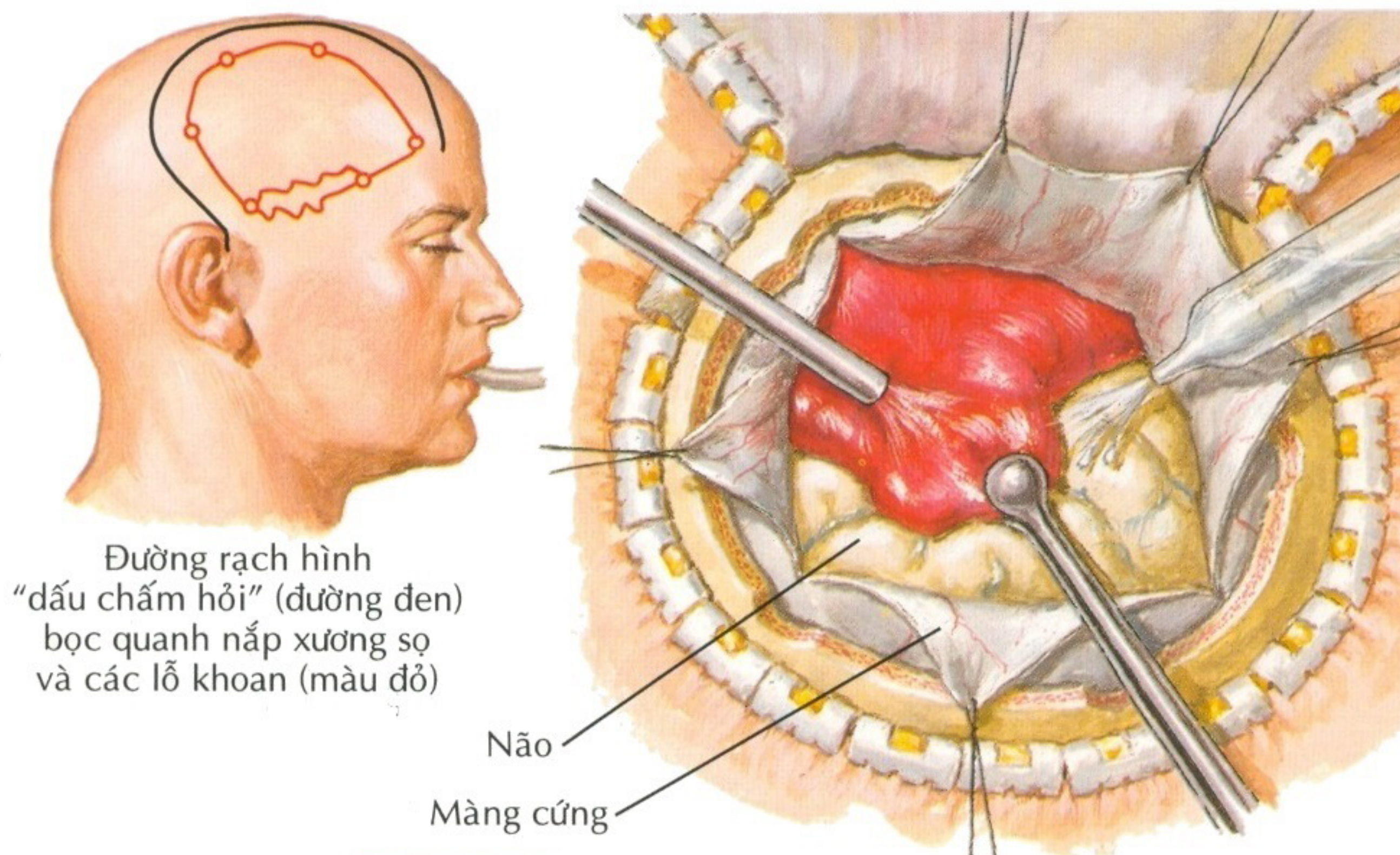
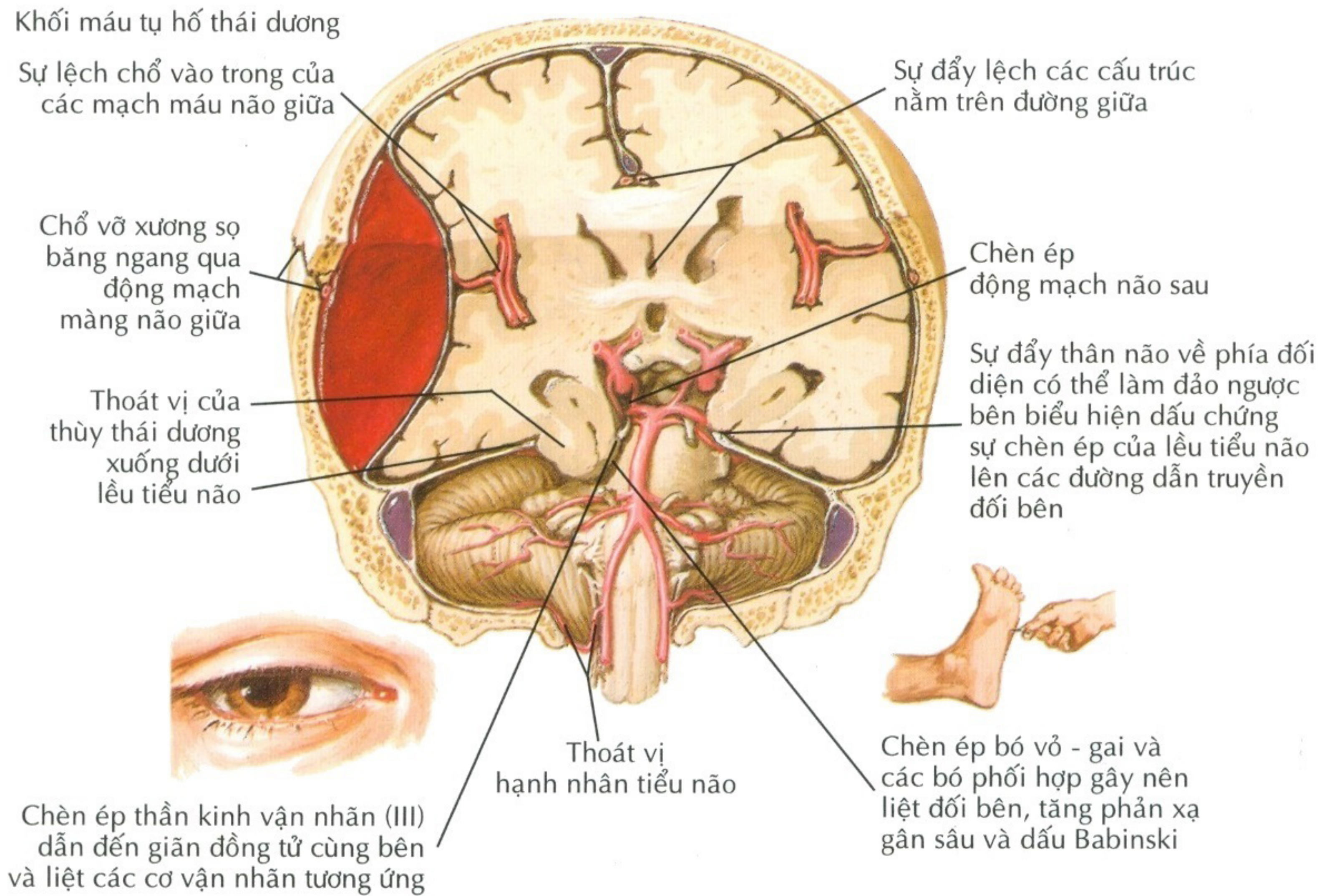
F. Netter M.D.



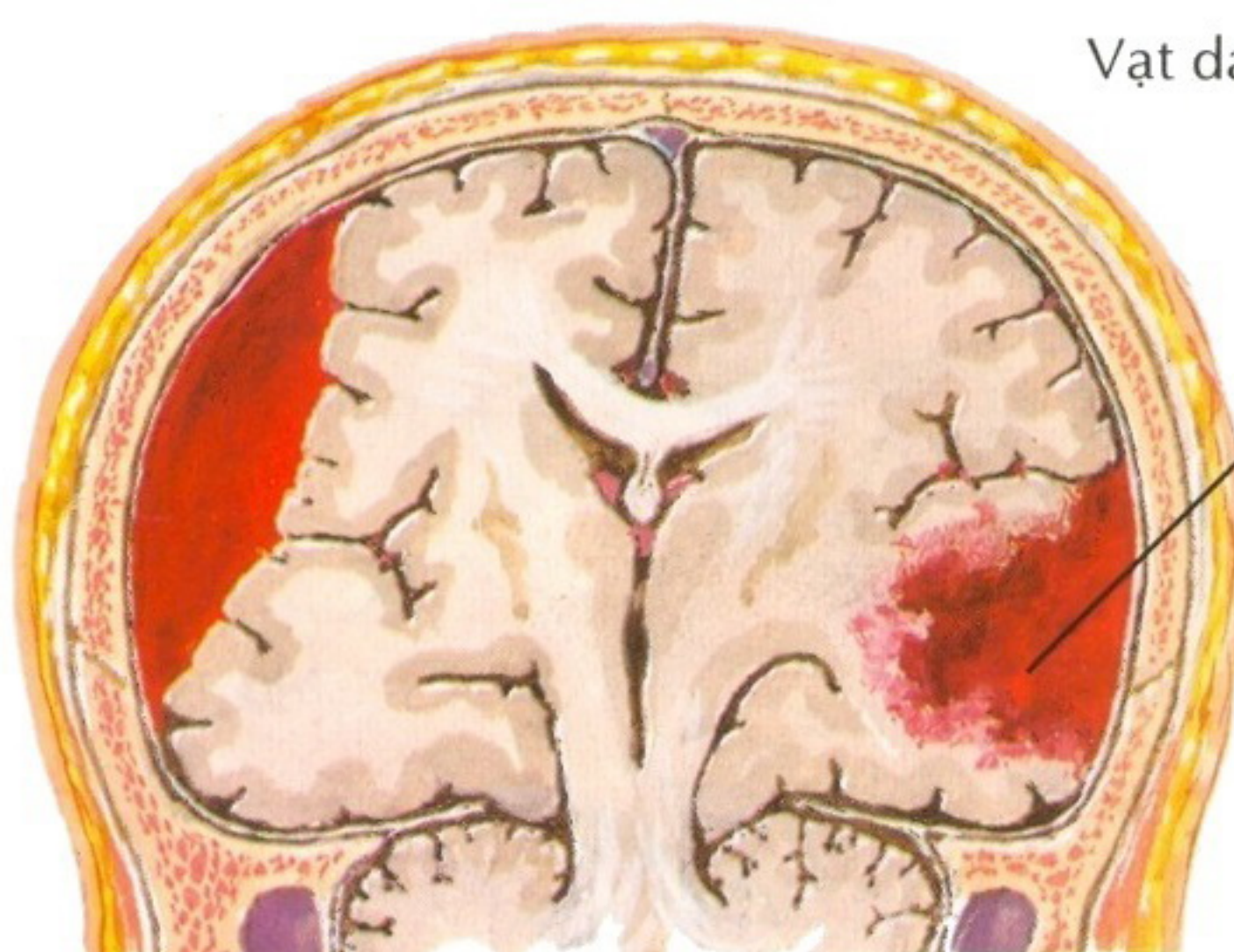
# Các Động Mạch Màng Não







Vạt da được lật ra (các kẹp Daney kiểm soát chảy máu).  
Nắp sọ được lấy đi và màng cứng được mở.  
Cục máu đông lấy đi bằng cách súc rửa, hút và gắp bằng kẹp

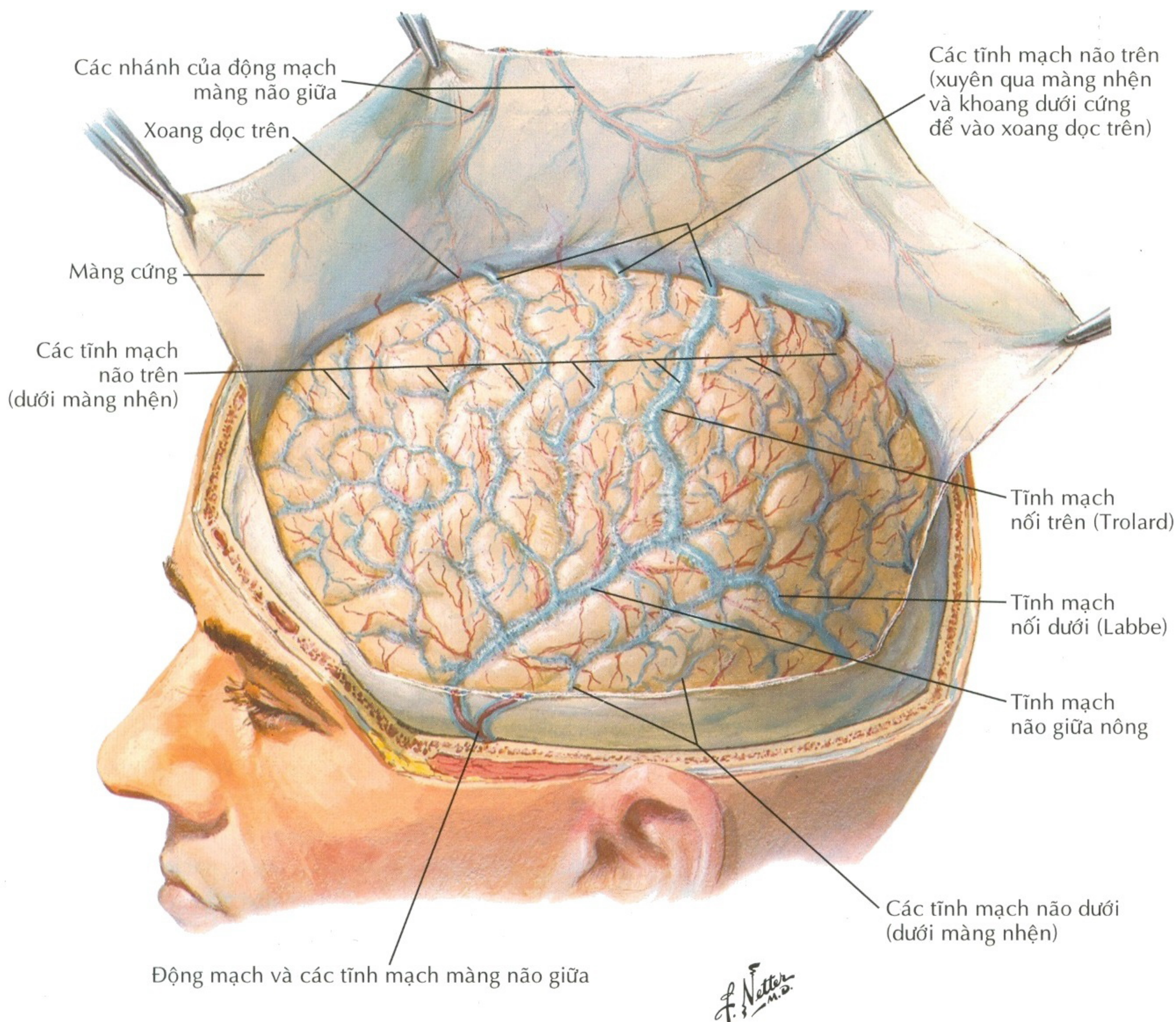
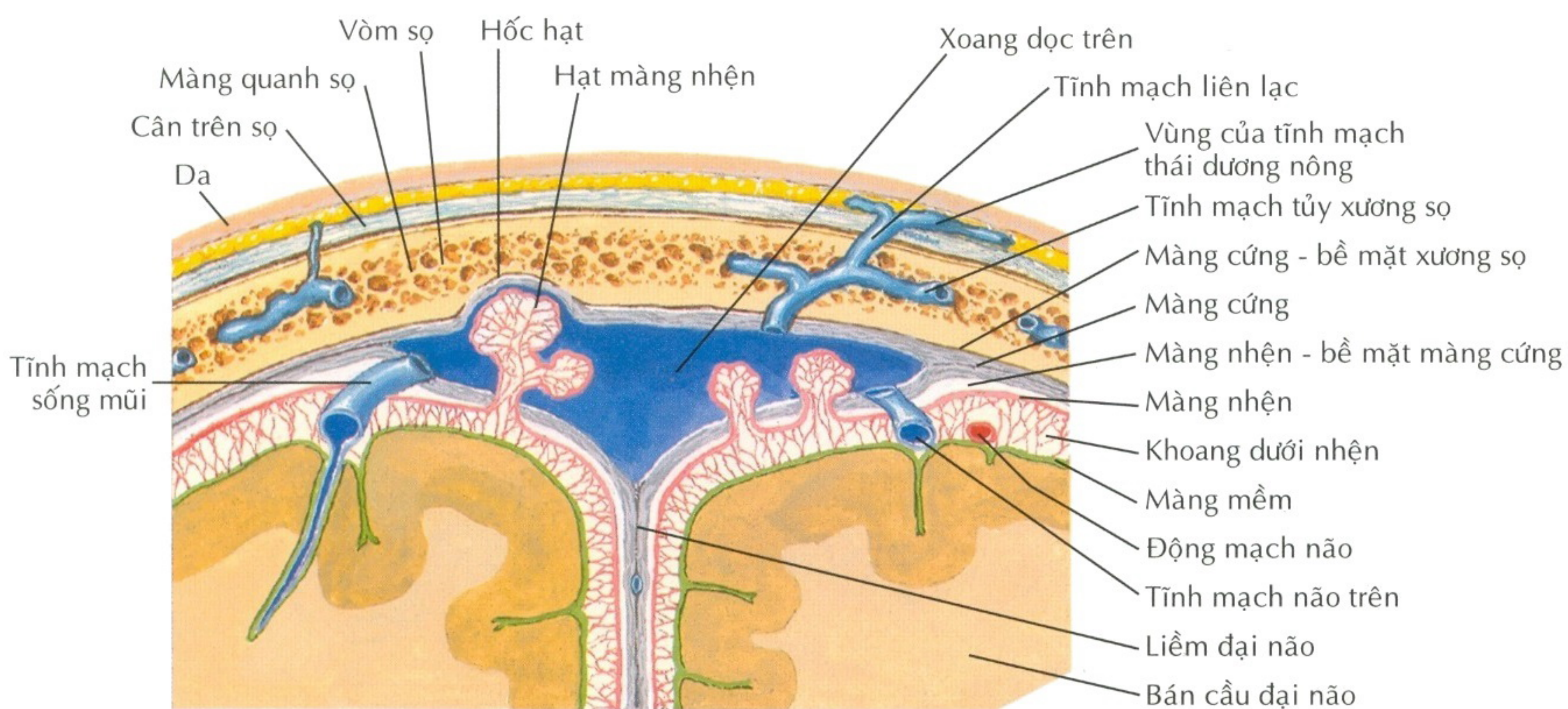


Thiết đồ cho thấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính ở bên phải kết hợp với khối máu tụ trong não thùy thái dương (thùy thái dương "nổ tung") bên trái



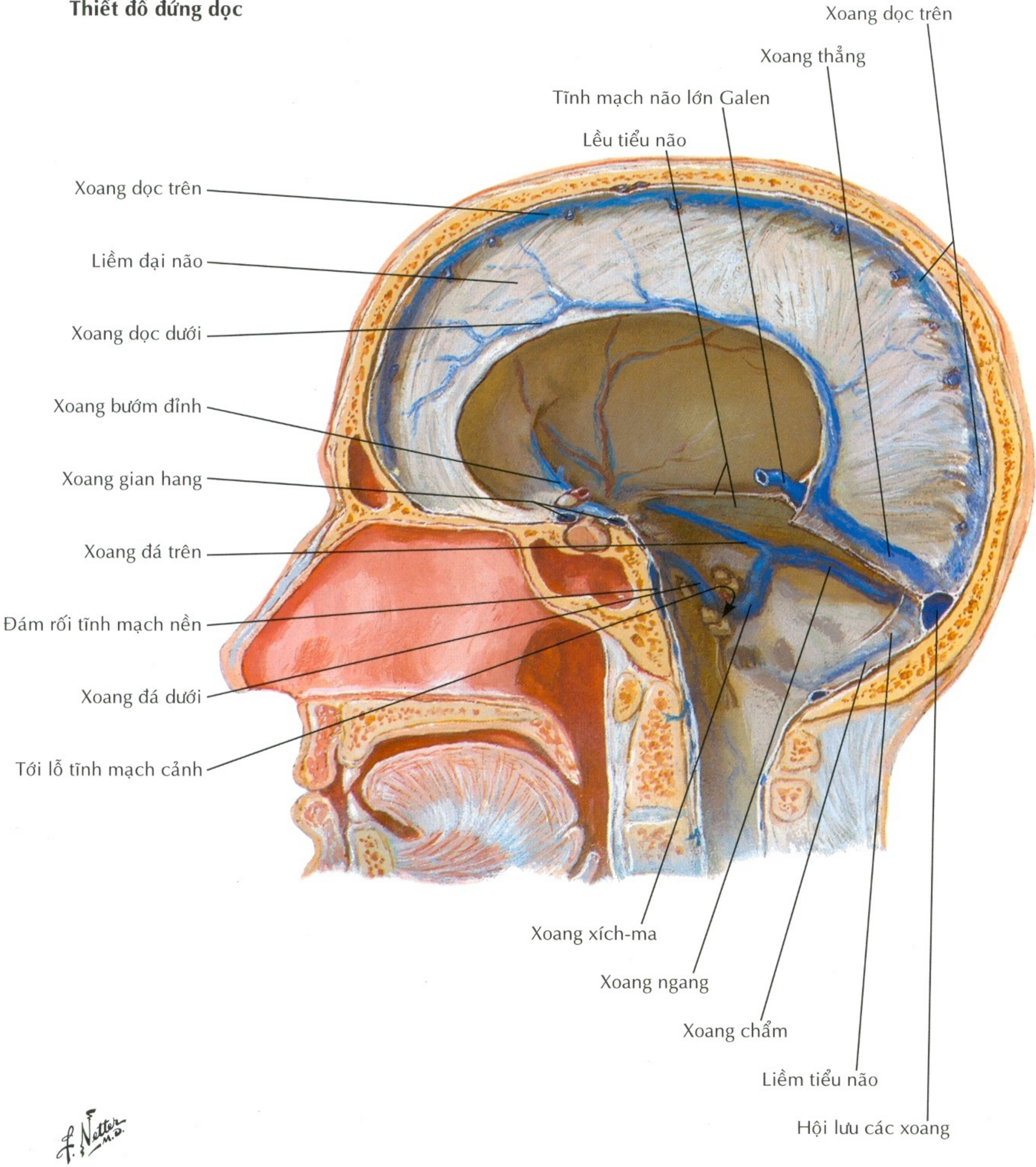
# Các Màng Não và Tĩnh Mạch Não Nông

Xem thêm hình 145





Thiết đồ đứng dọc



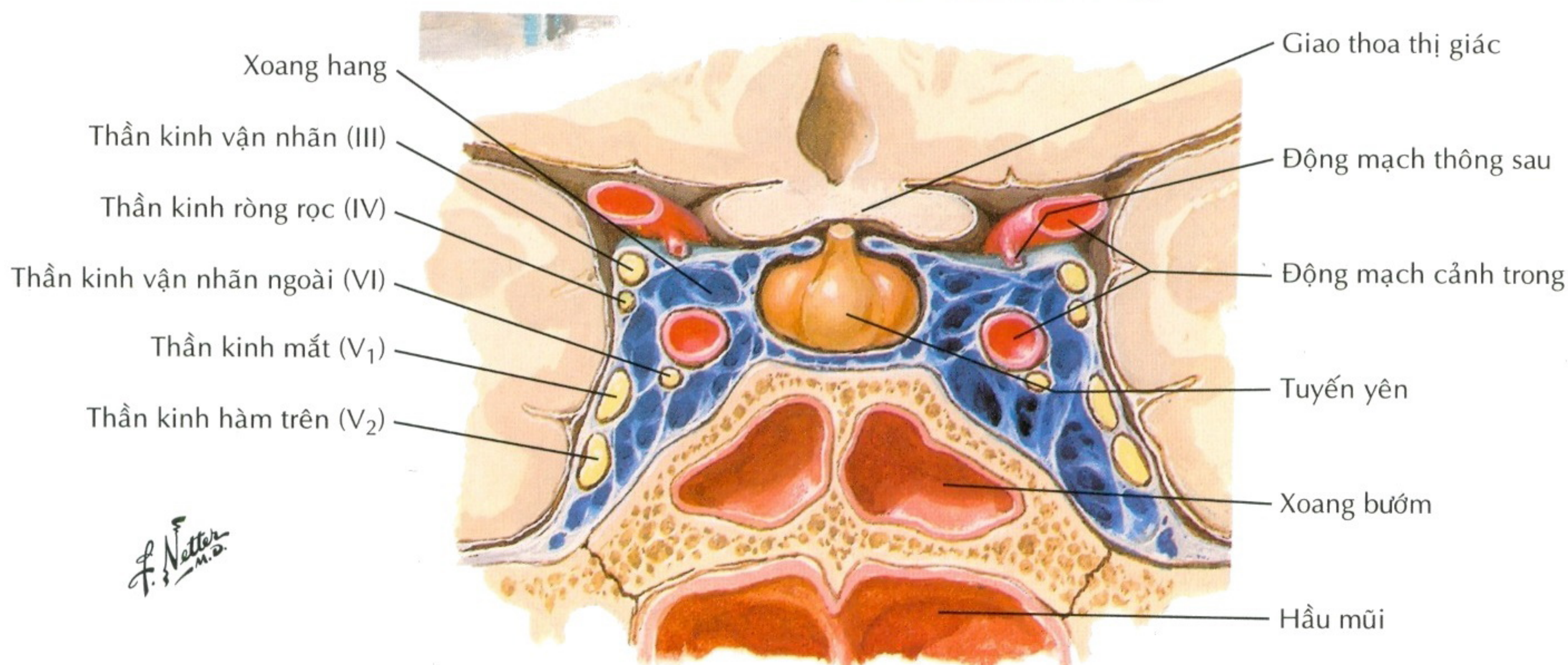
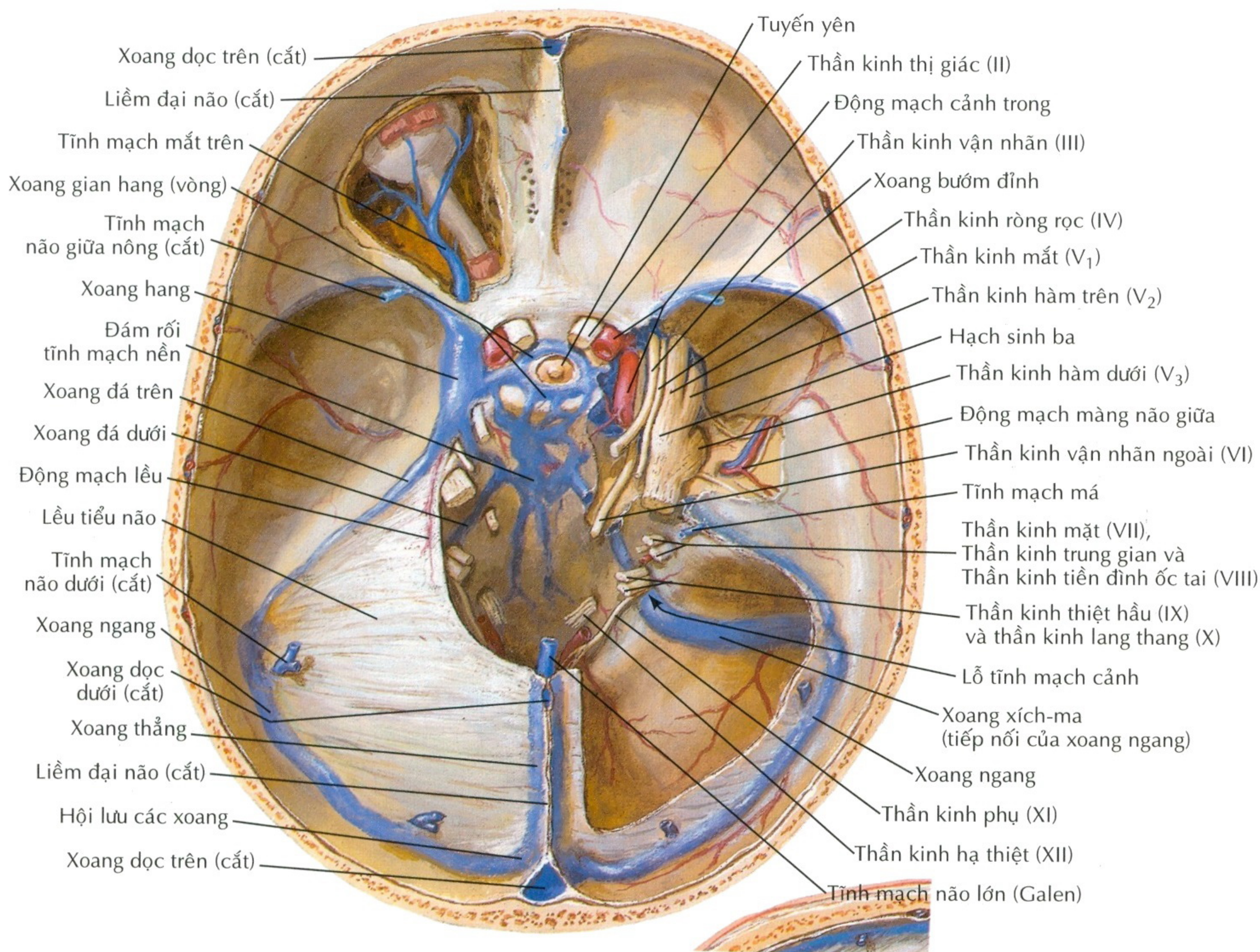
F. Netter  
M.D.



# Các Xoang Tĩnh Mạch Màng Não Cứng (tiếp theo)

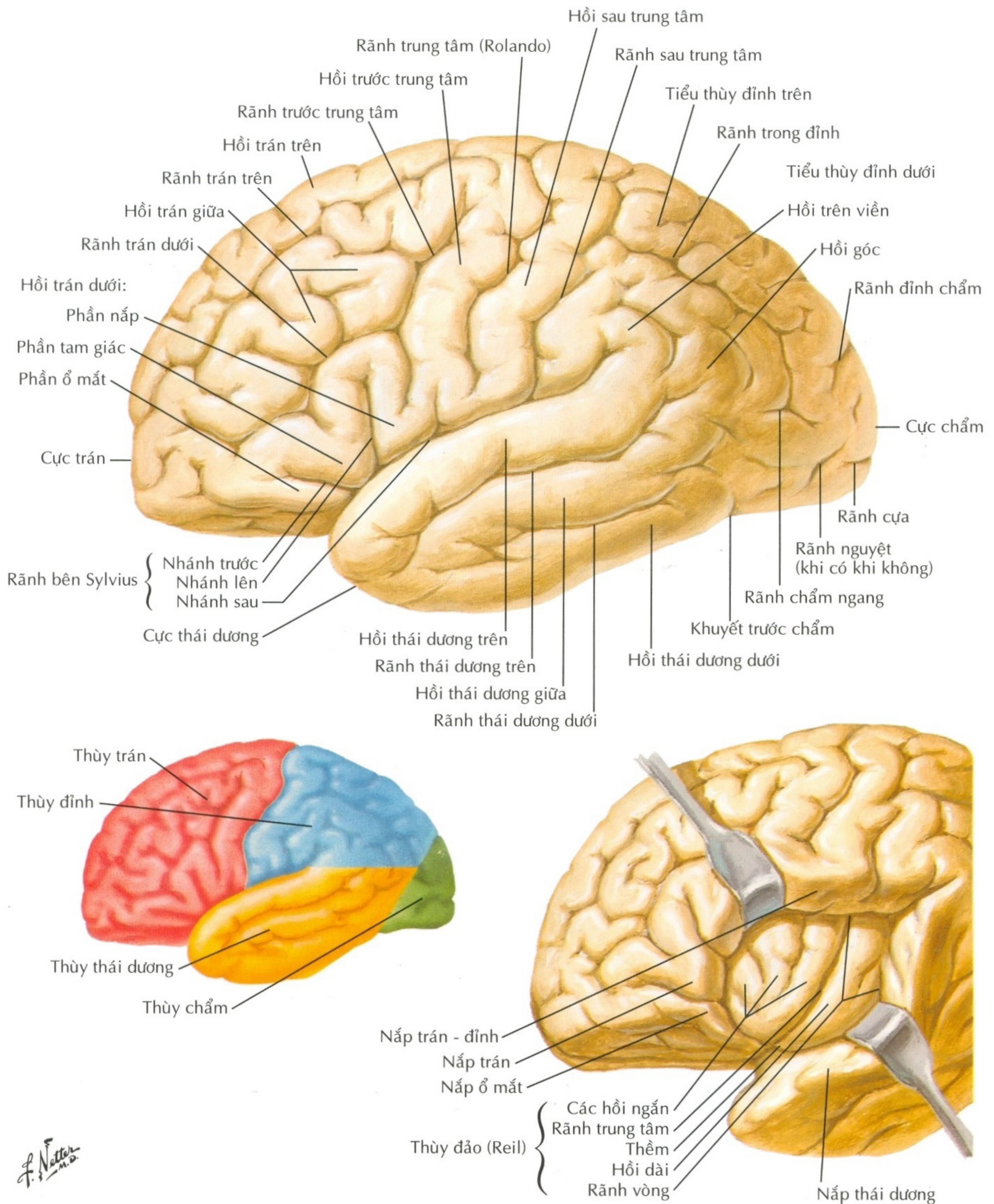
Xem thêm hình 85

## Thiết đồ ngang: nhìn trên



## Thiết đồ đứng ngang qua xoang hang

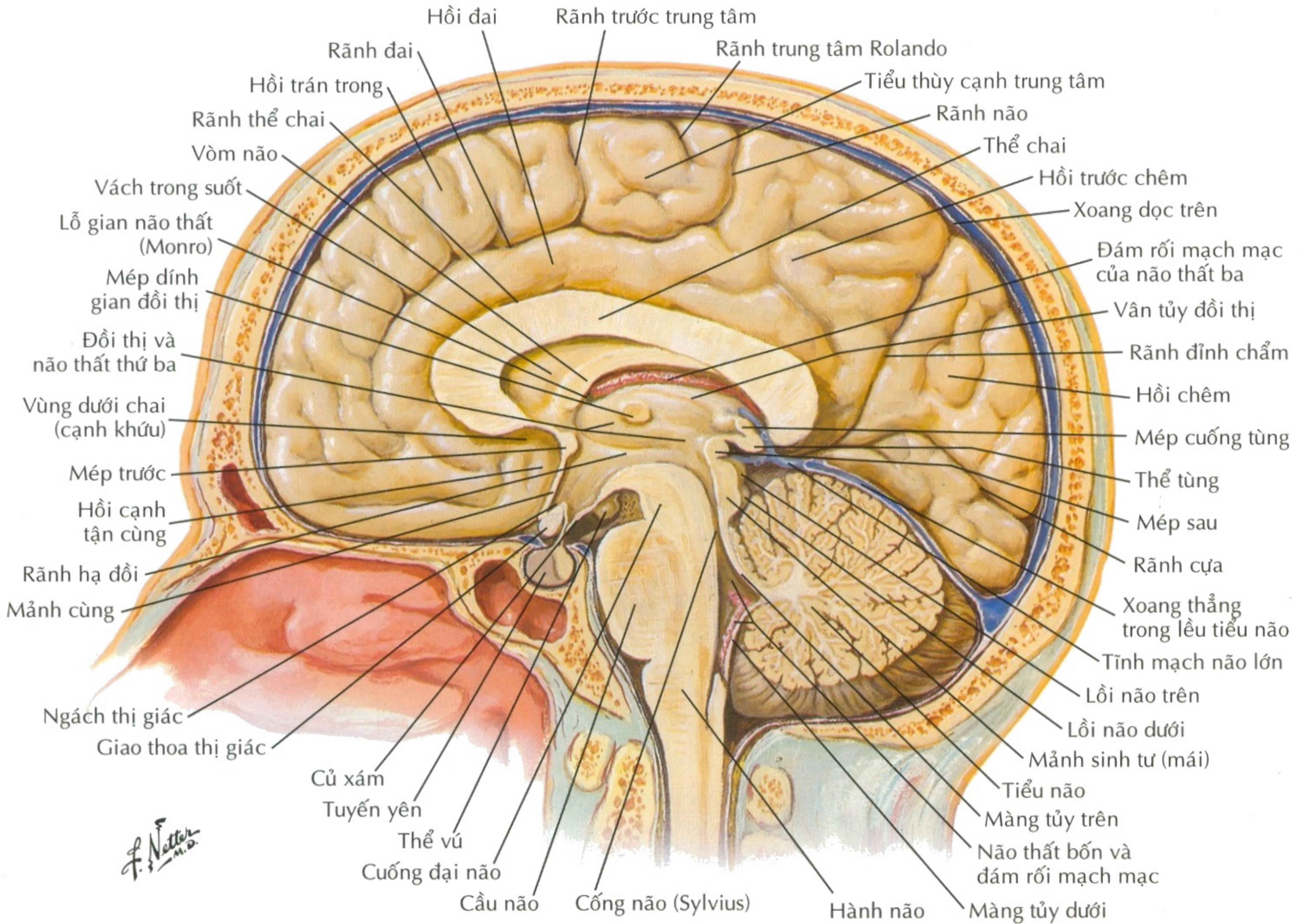




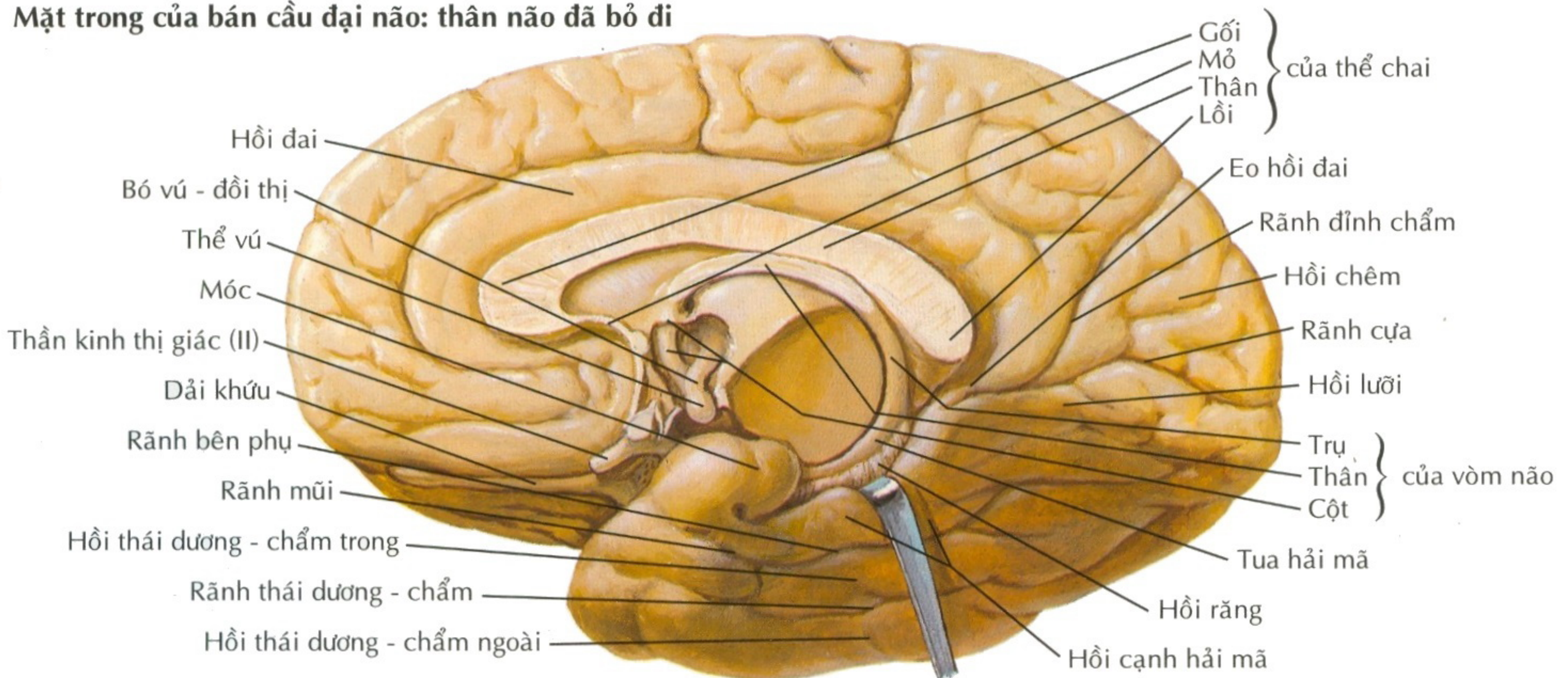


Xem thêm hình 147

## Thiết đồ đứng dọc của não đặt tại chỗ

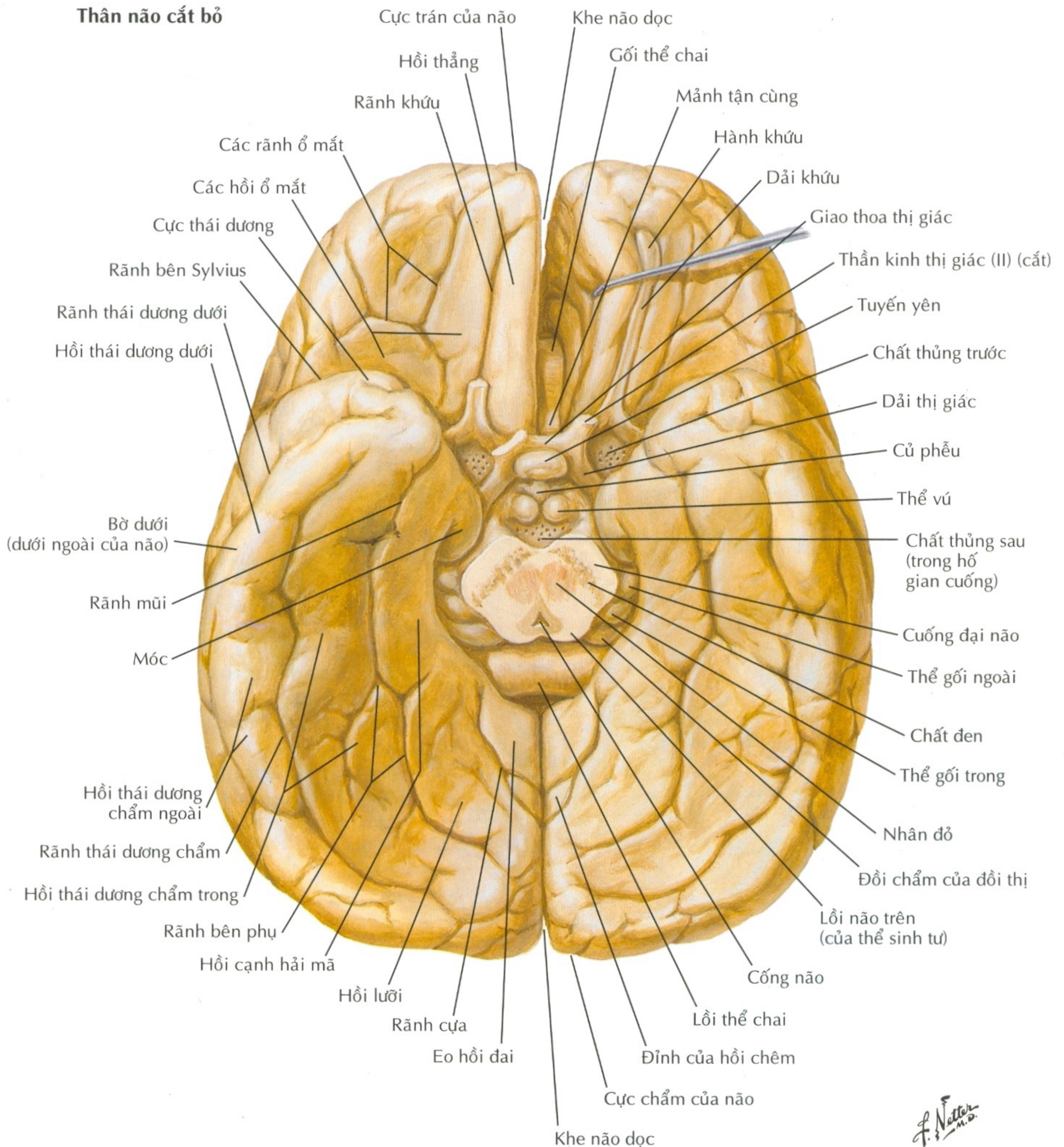


## Mặt trong của bán cầu đại não: thân não đã bỏ đi





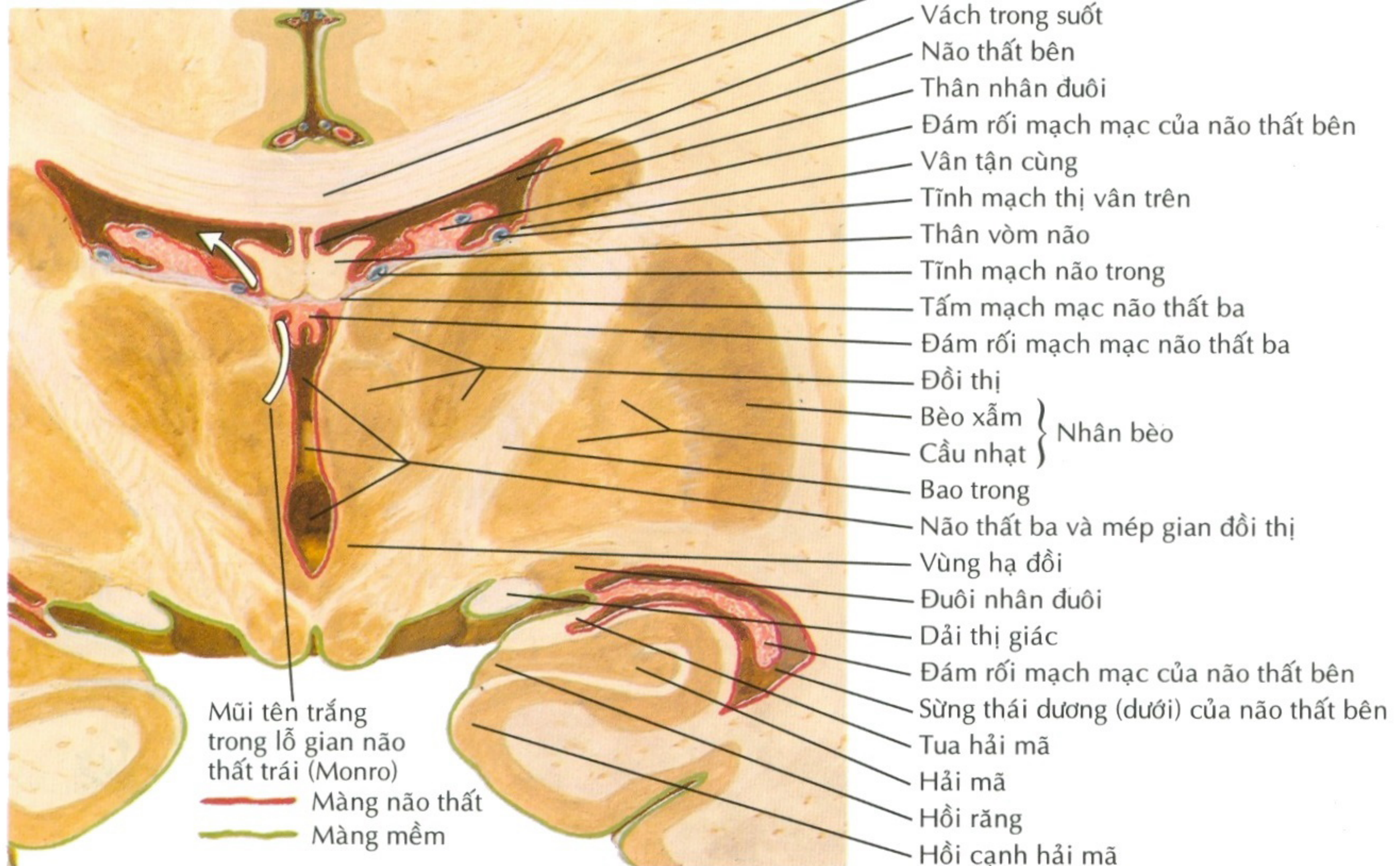
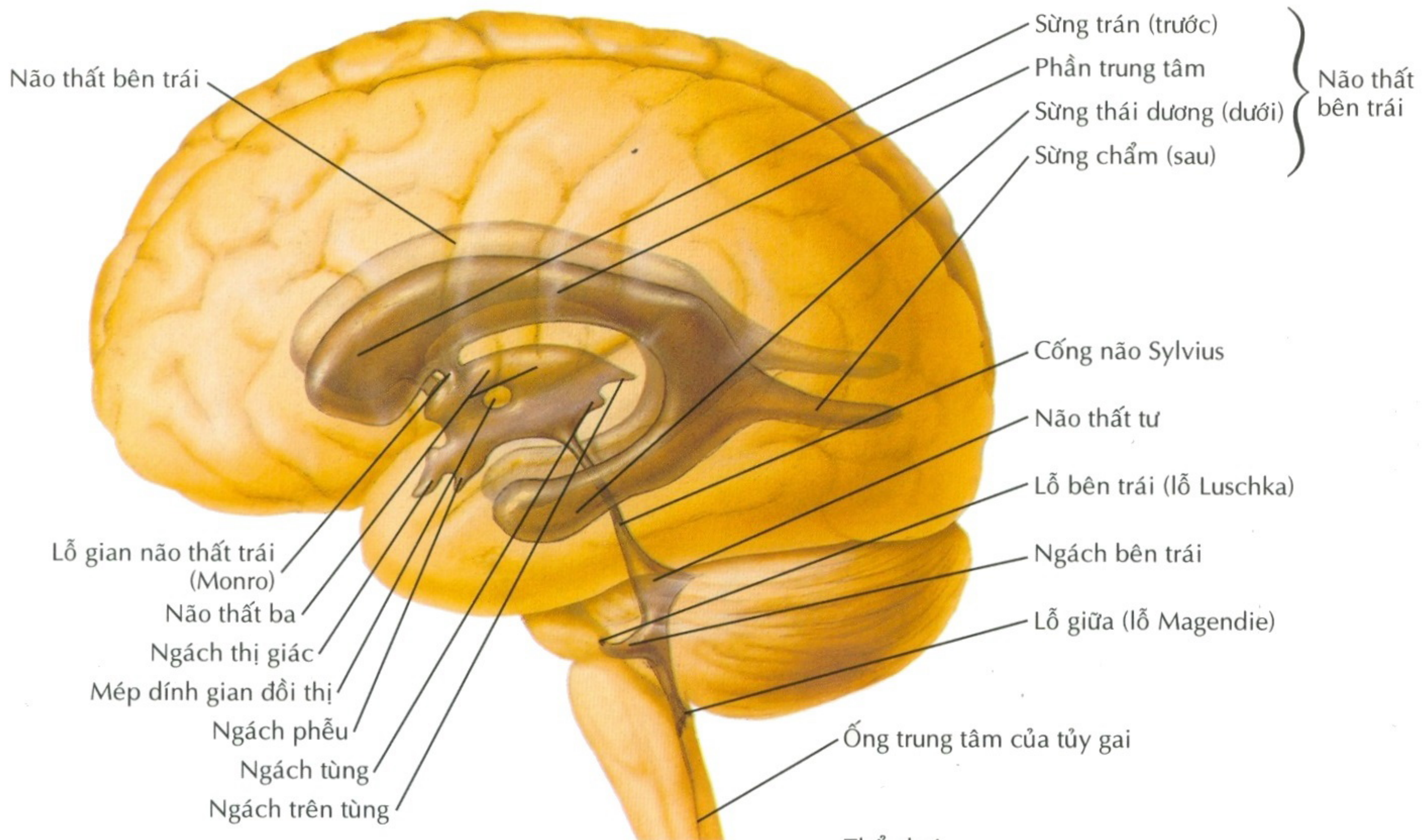
## Thân não cắt bỏ



*F. Netter M.D.*



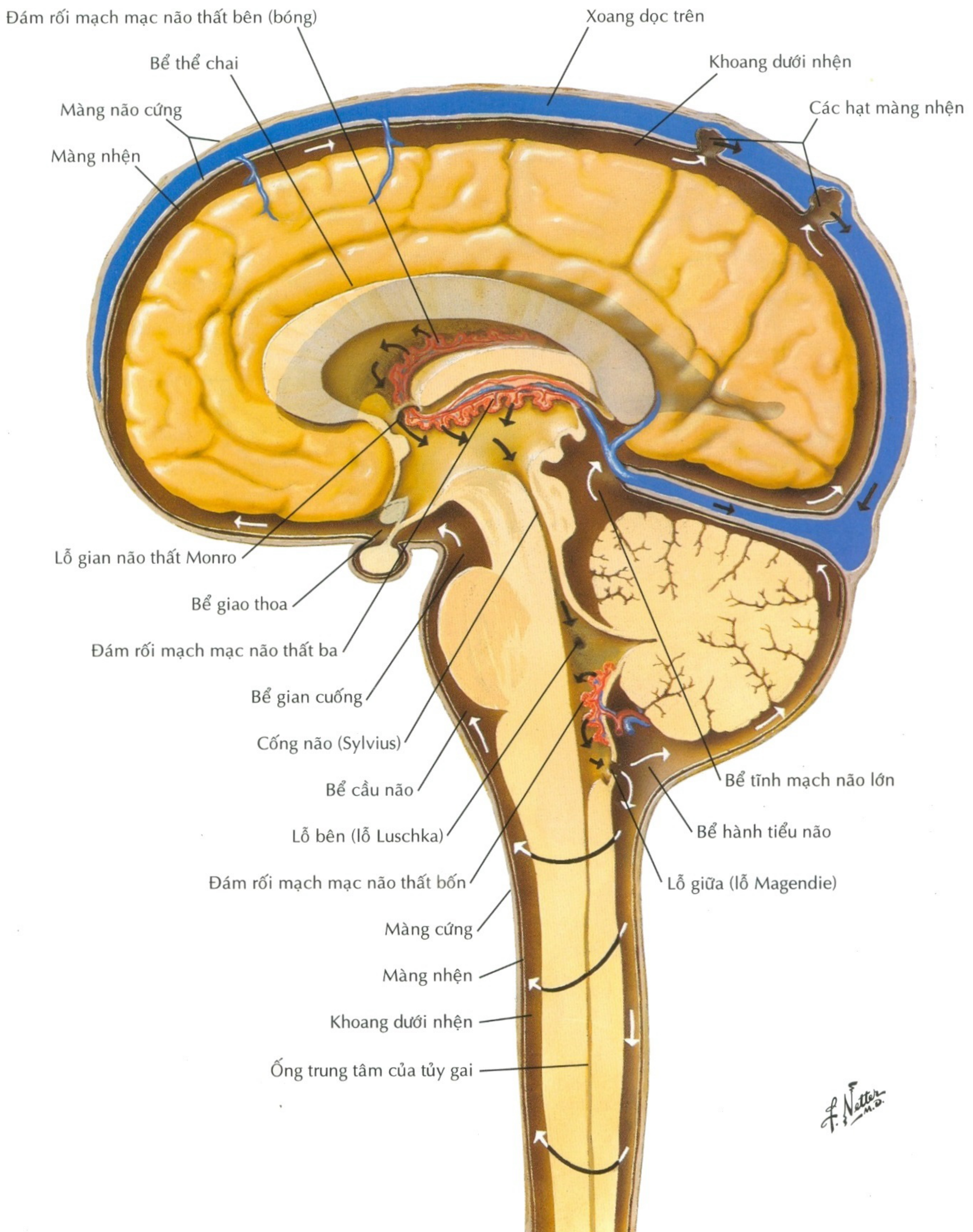
Nhìn bóng bên trái



Thiết đồ đứng ngang của não: nhìn sau

*F. Netter M.D.*

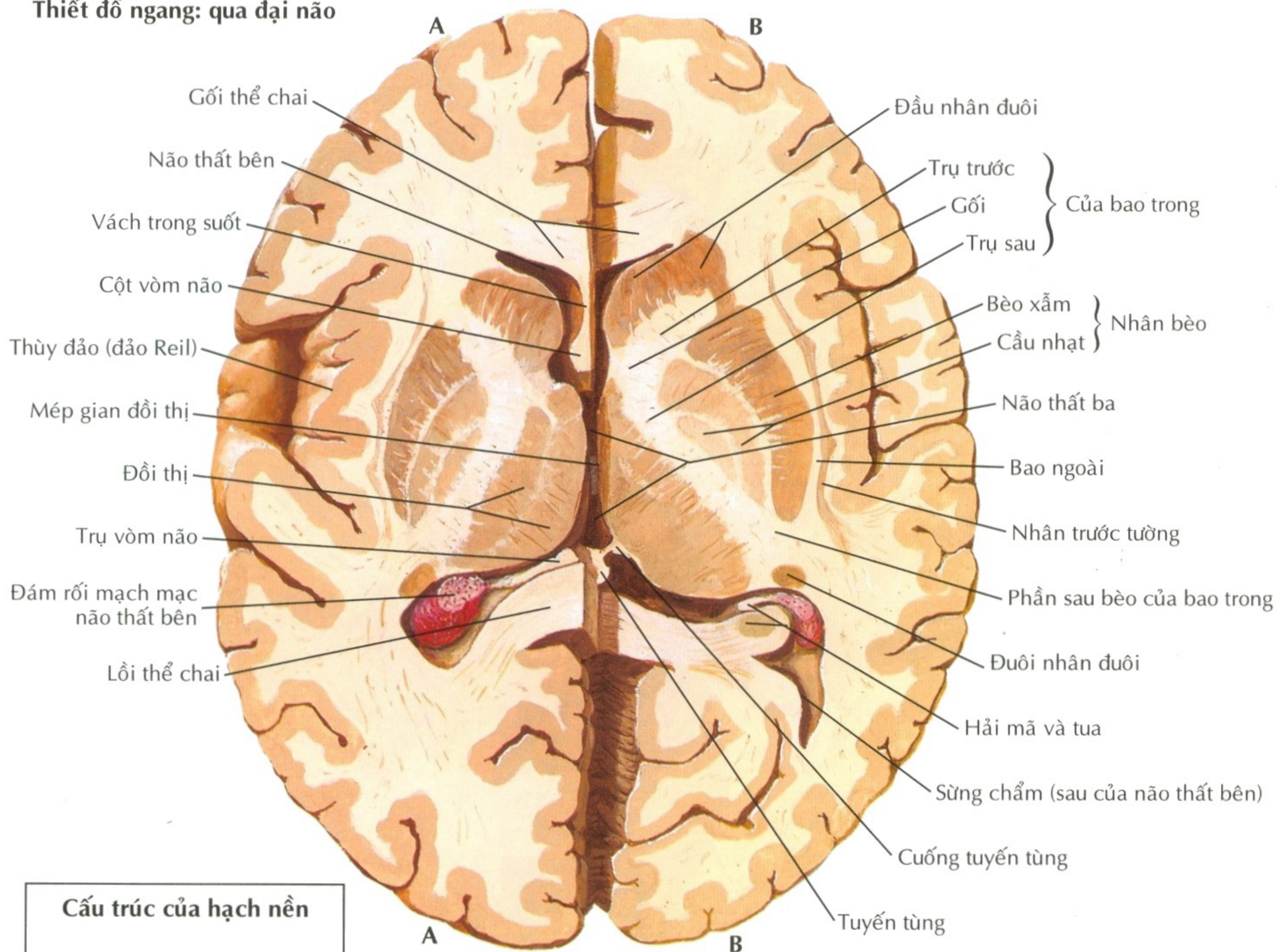




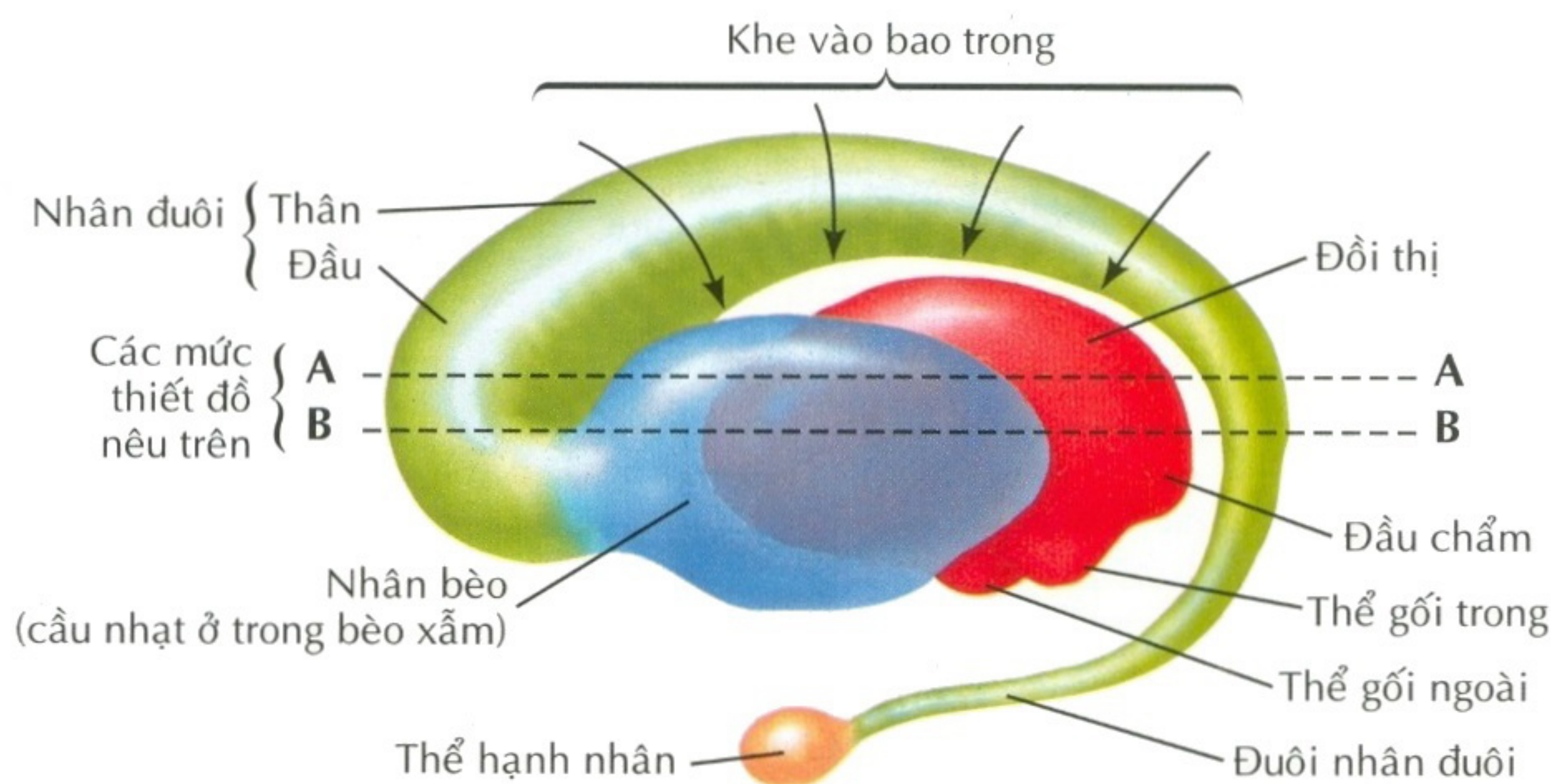
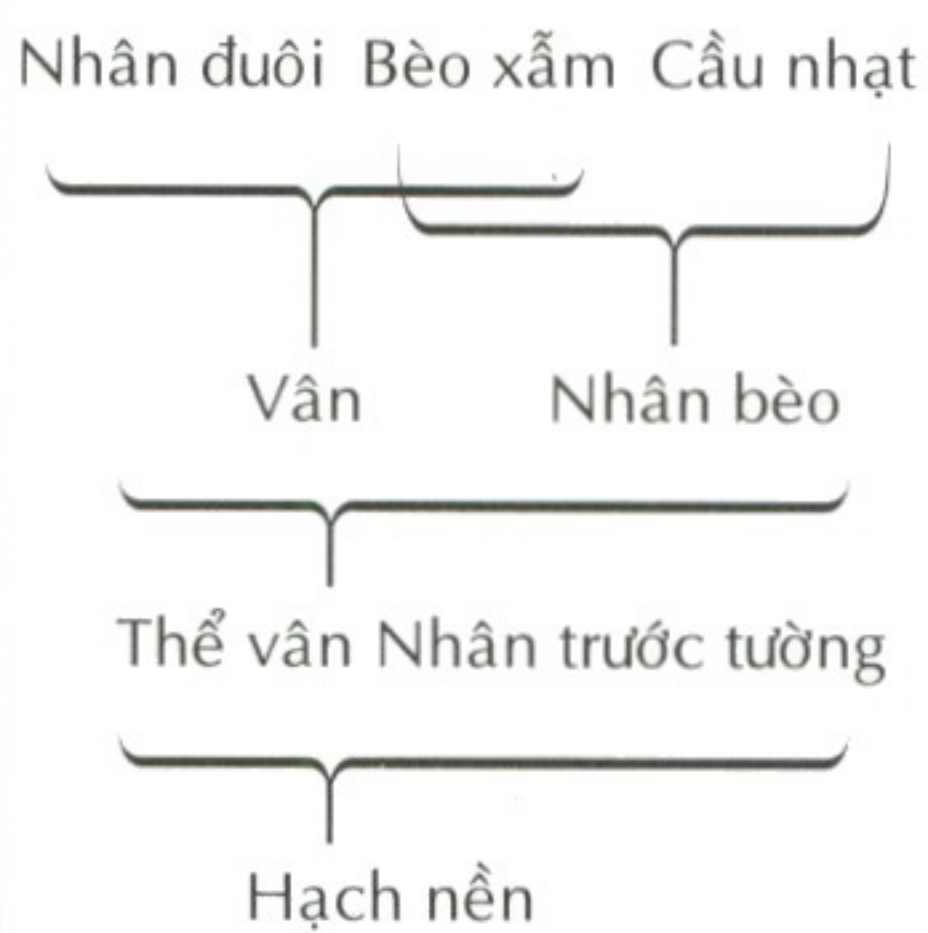


# Hạch (Nhân) Nền

Thiết đồ ngang: qua đại não



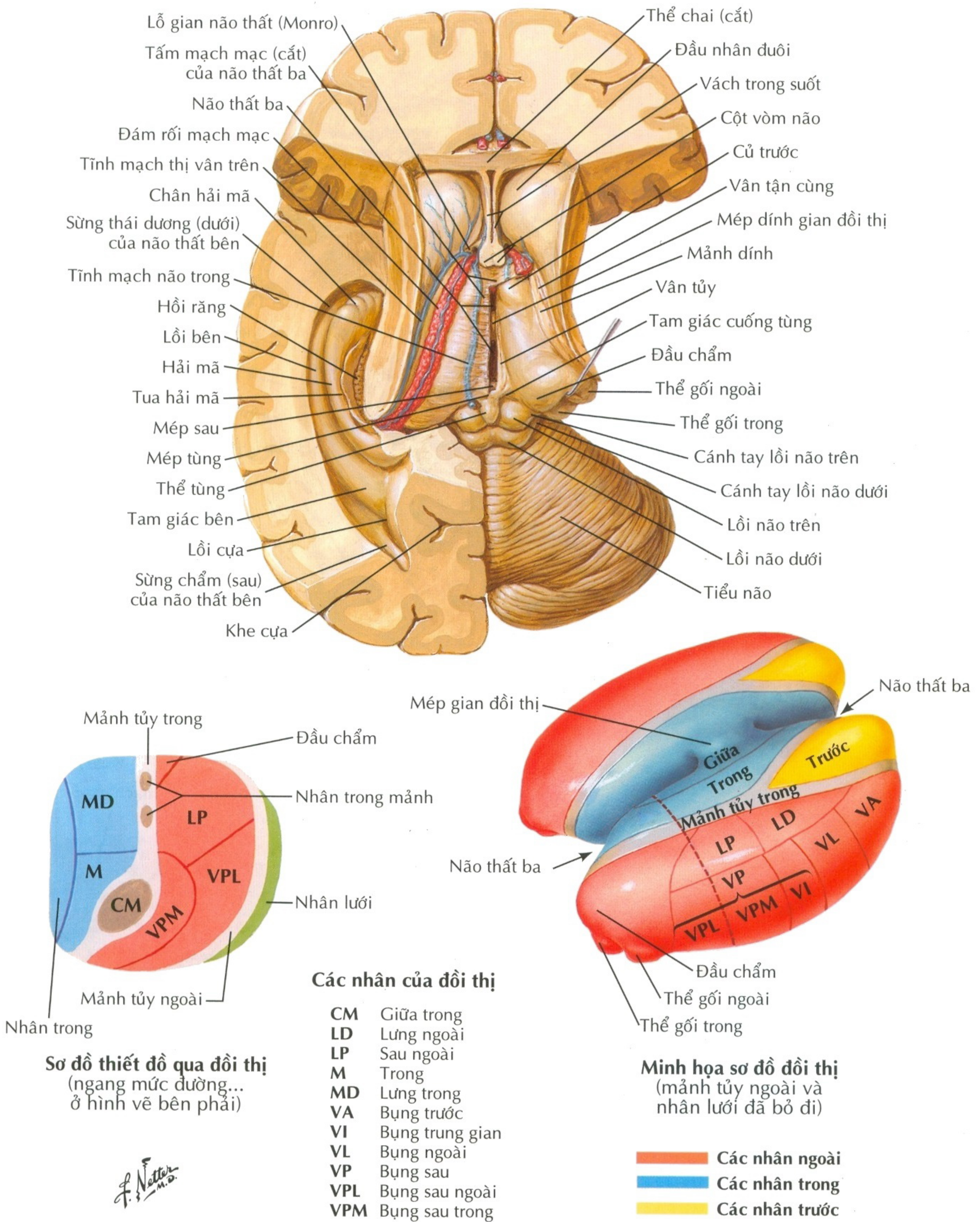
## Cấu trúc của hạch nền



Liên quan giữa đôi thị, nhân bào, nhân đuôi và thể hạnh nhân (sơ đồ): nhìn bên trái

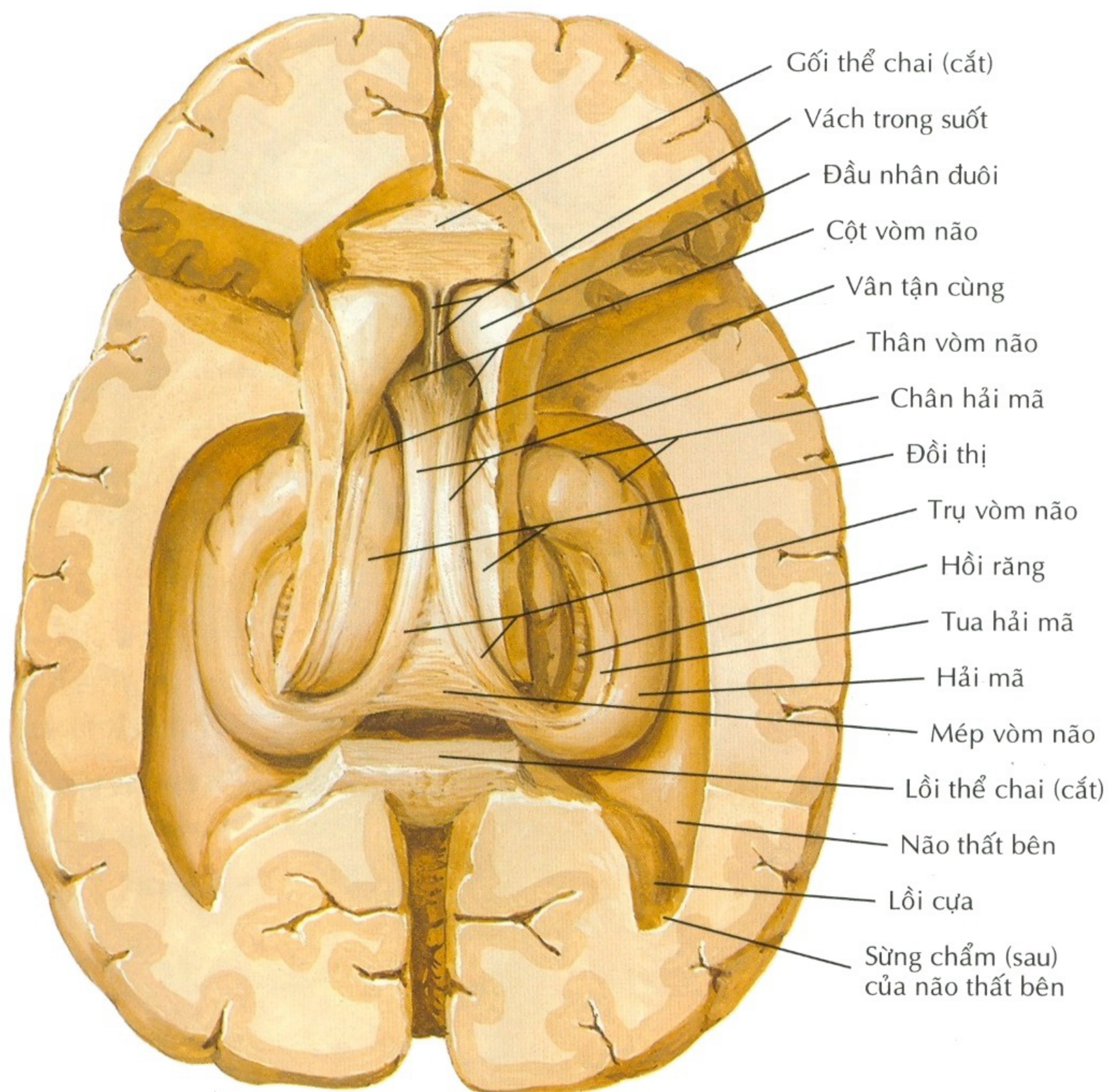
*F. Netter M.D.*



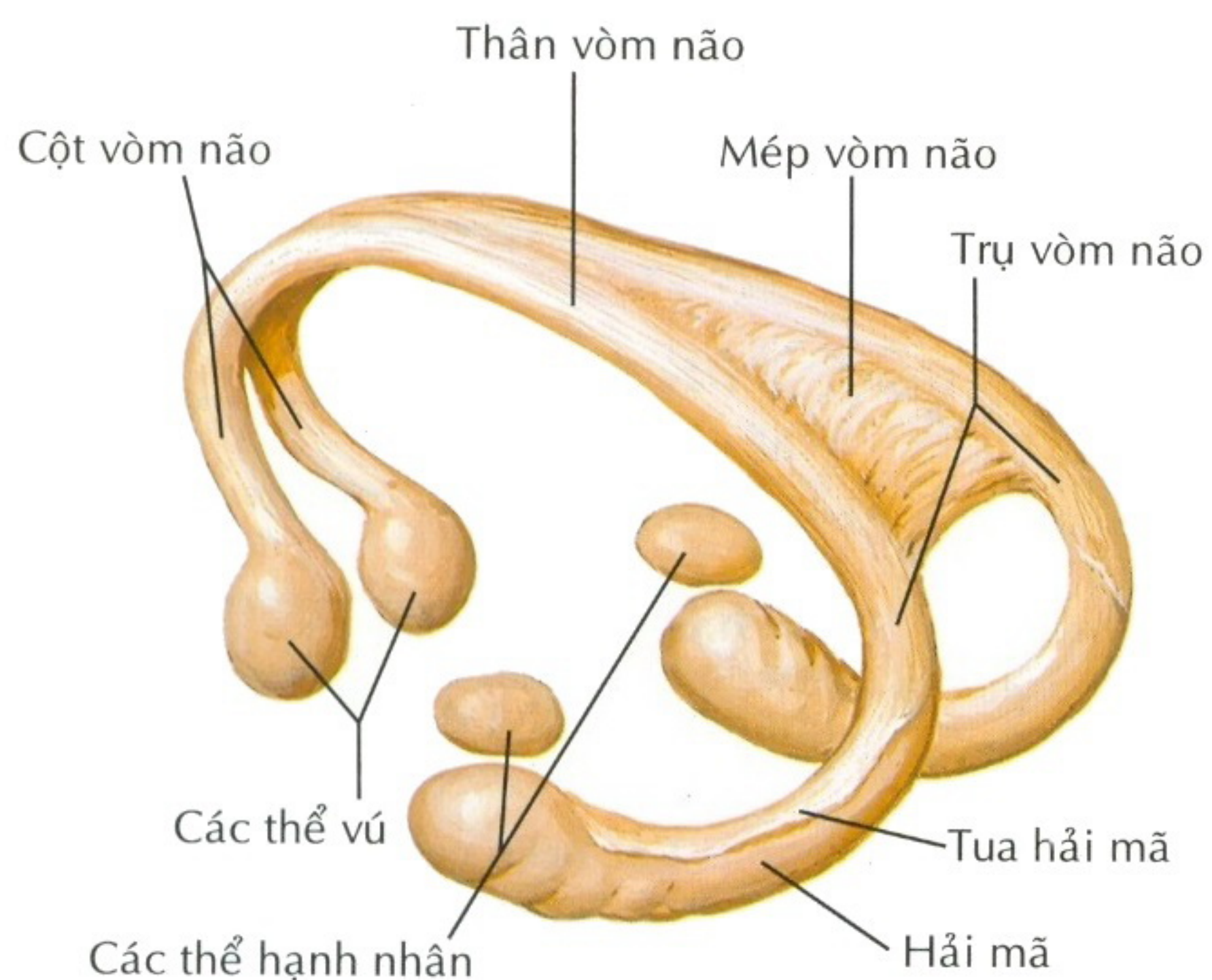




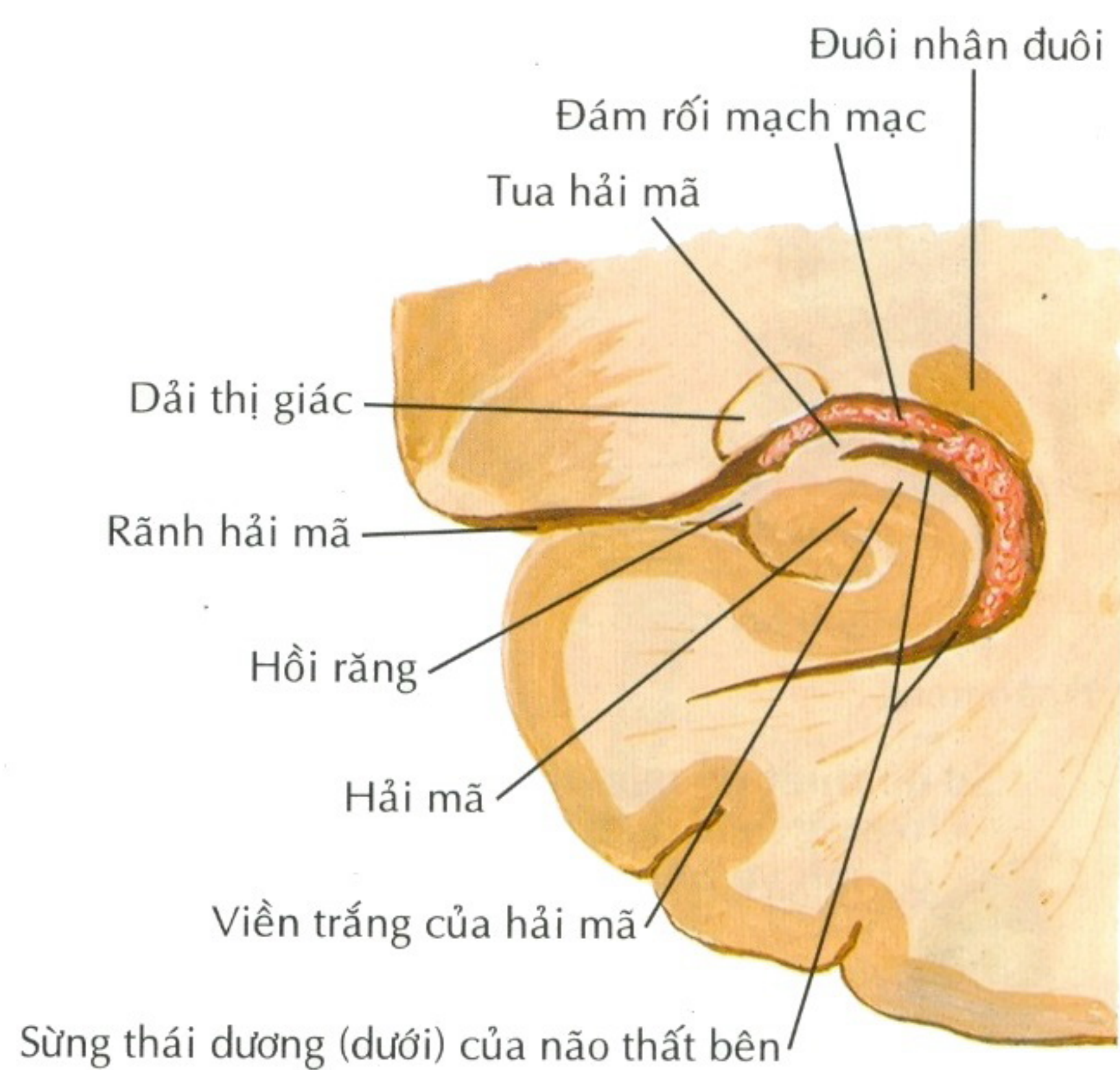
Phẫu tích nhìn trên



F. Netter M.D.

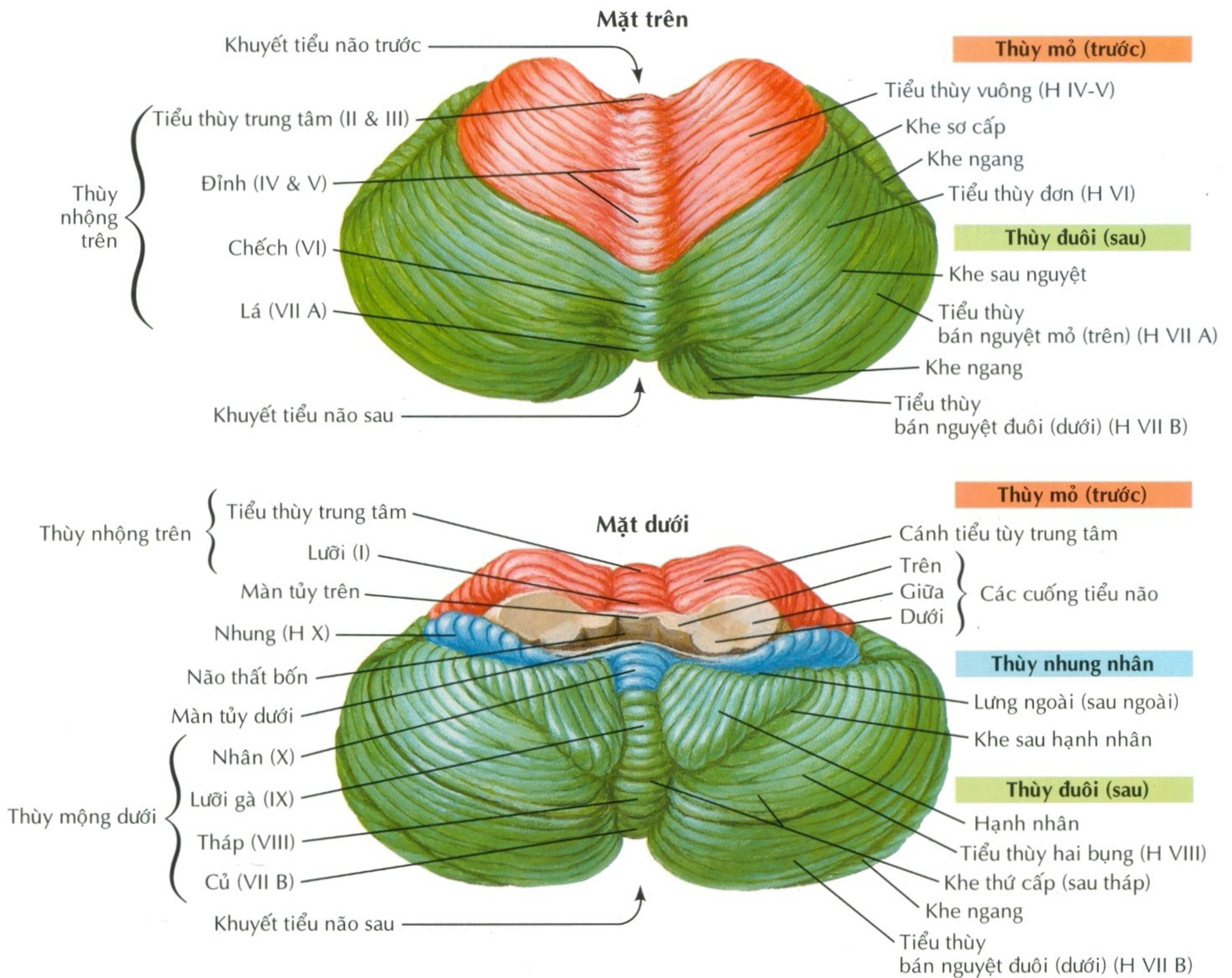


Vòm não: sơ đồ



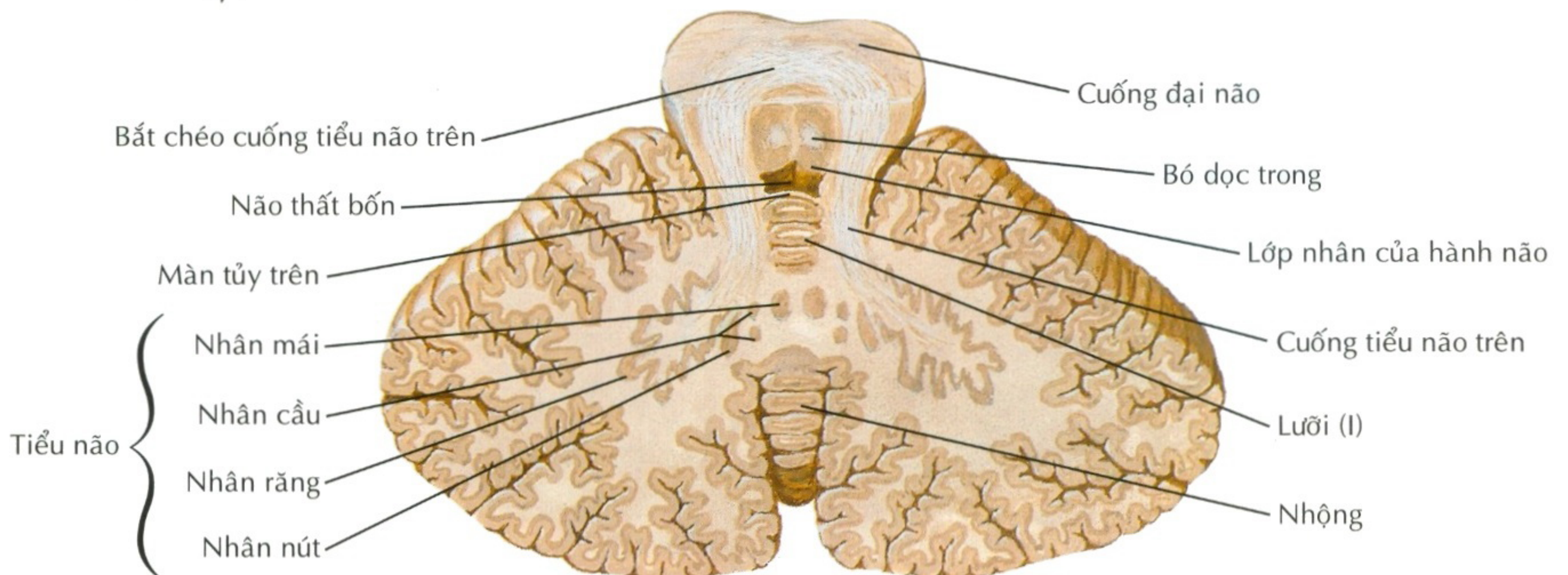
Thiết đồ đứng ngang: nhìn sau





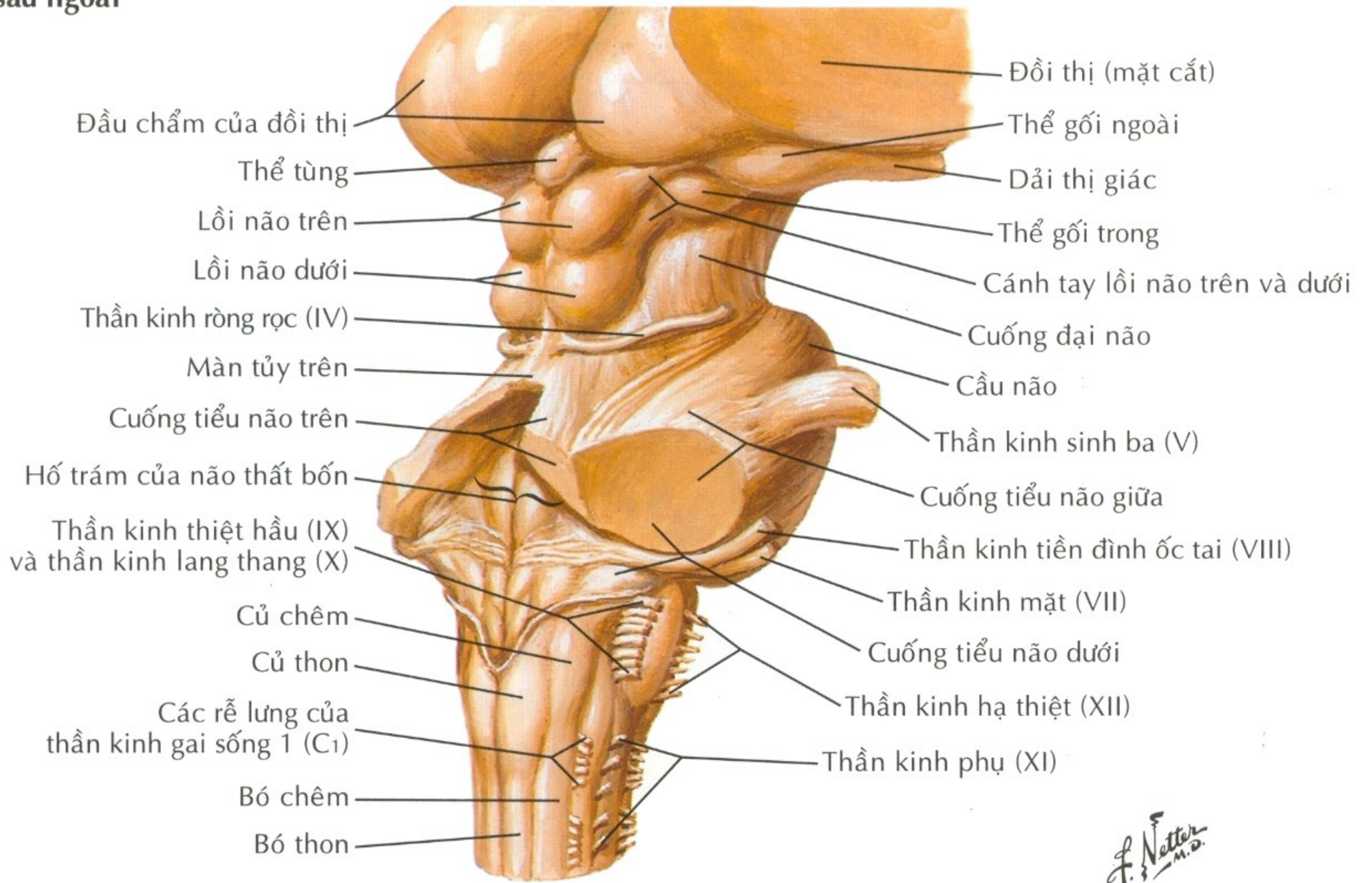
F. Netter M.D.

Thiết đồ ngang mức cuống tiểu não trên

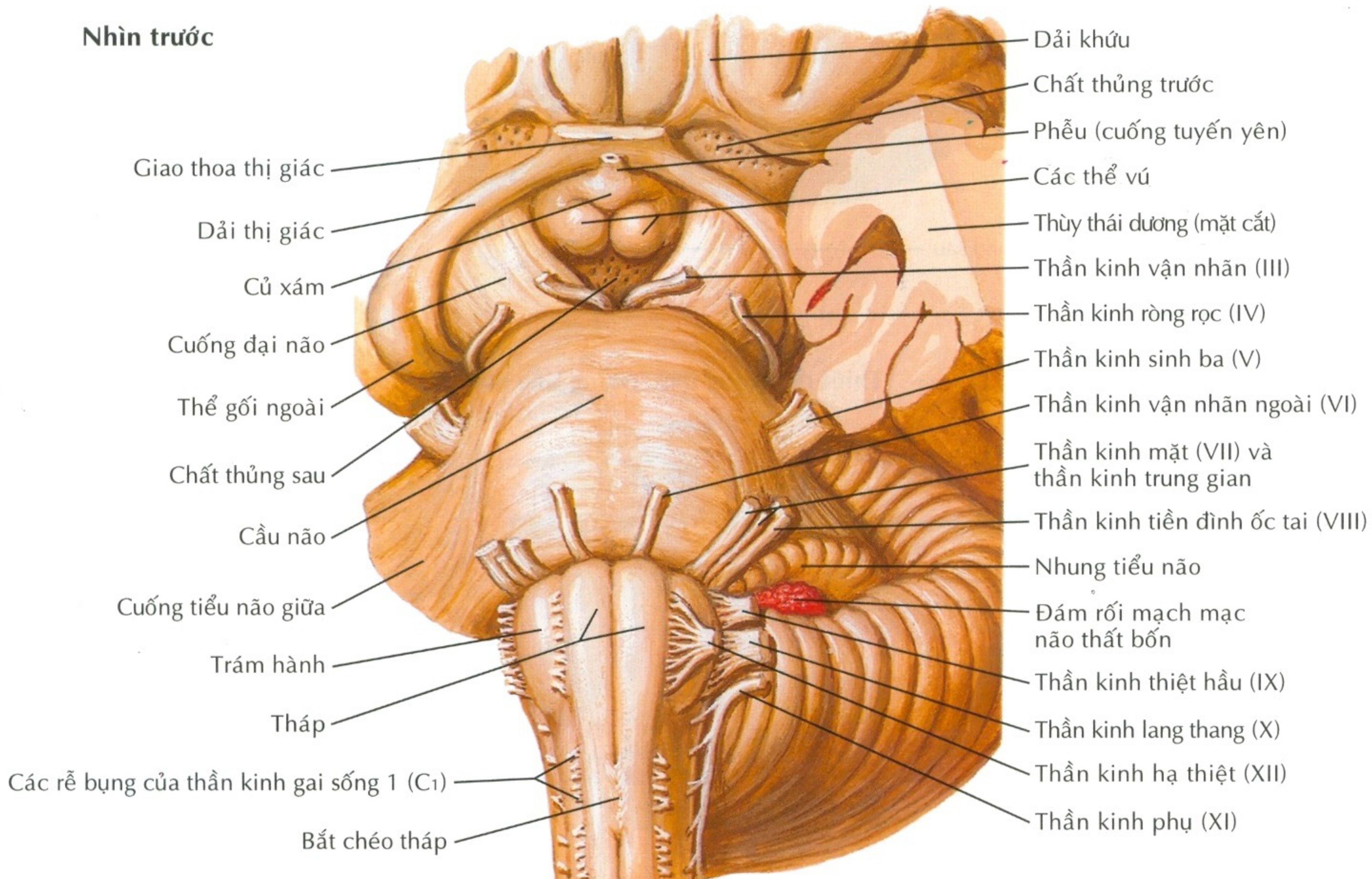




## Nhìn sau ngoài

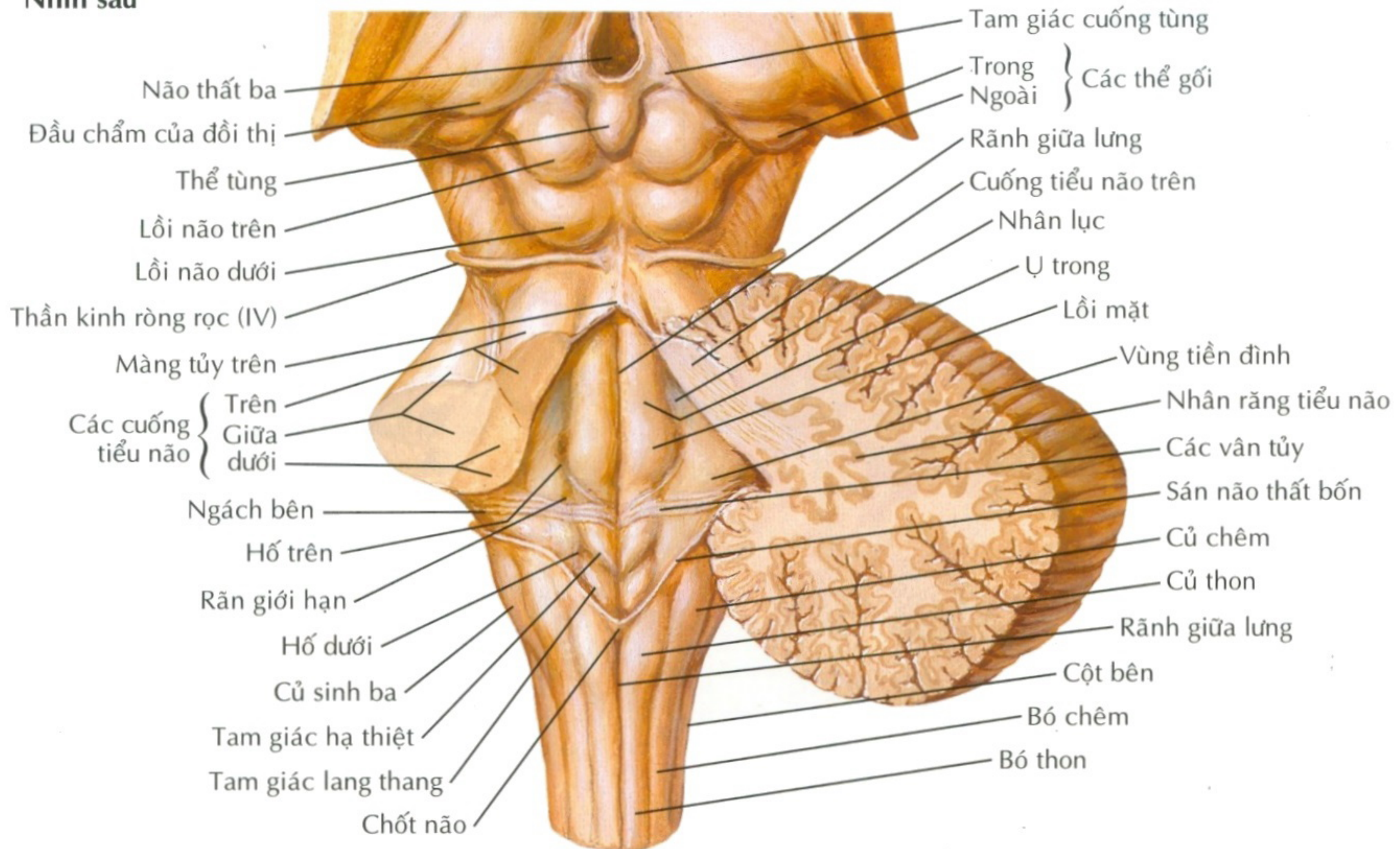


## Nhìn trước

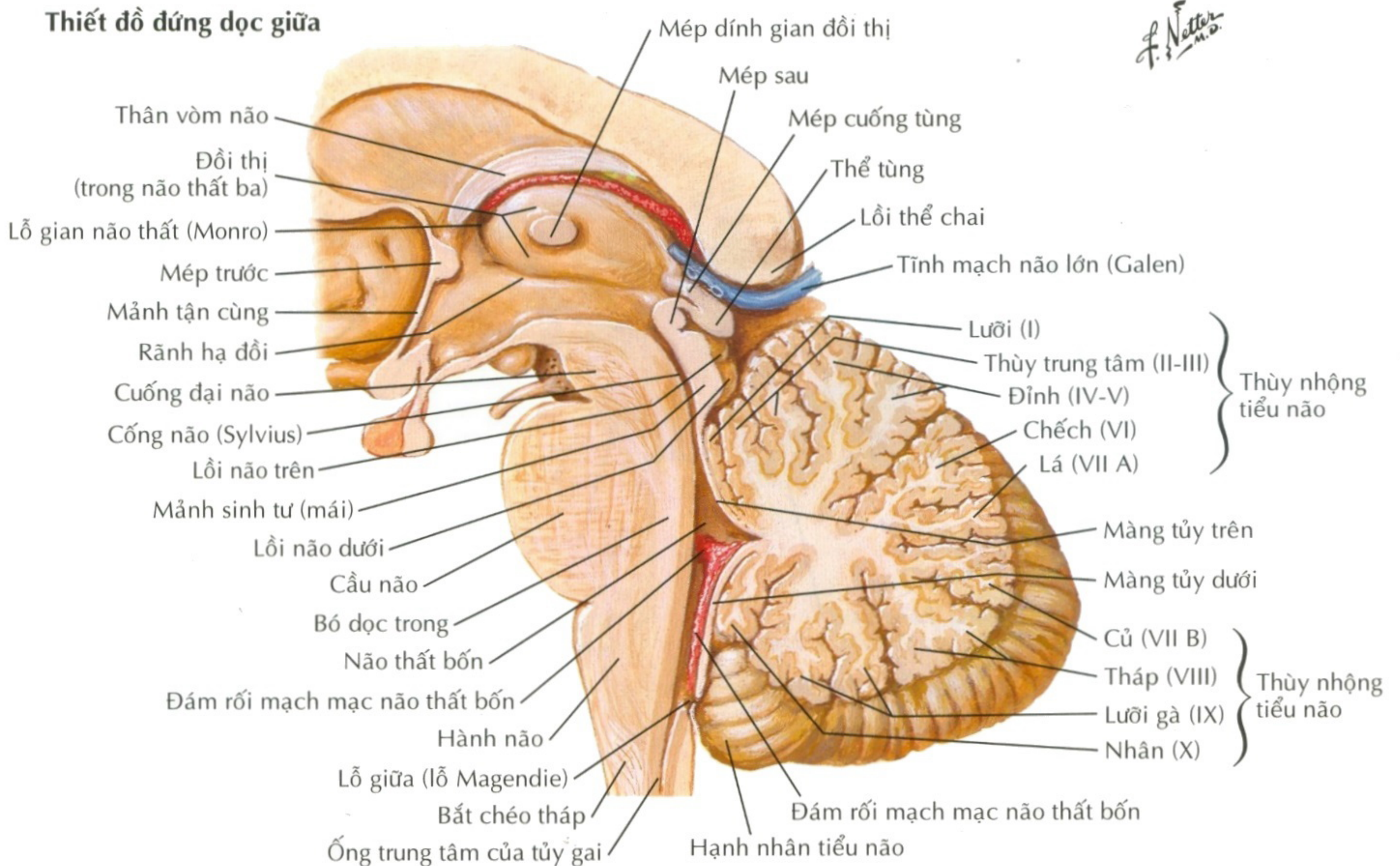




## Nhìn sau



## Thiết đồ đứng dọc giữa



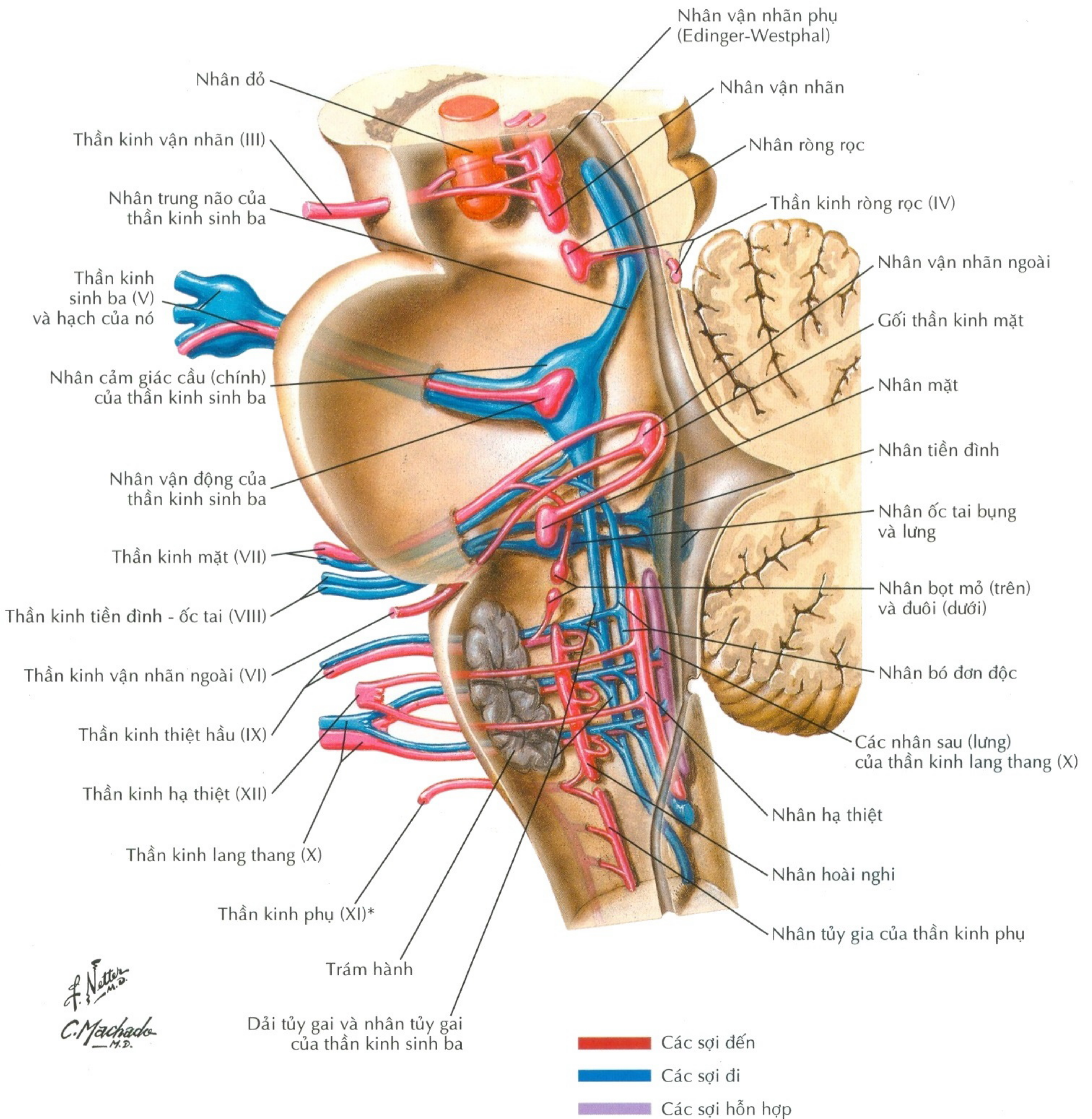


### Thần kinh vận nhãn (III)





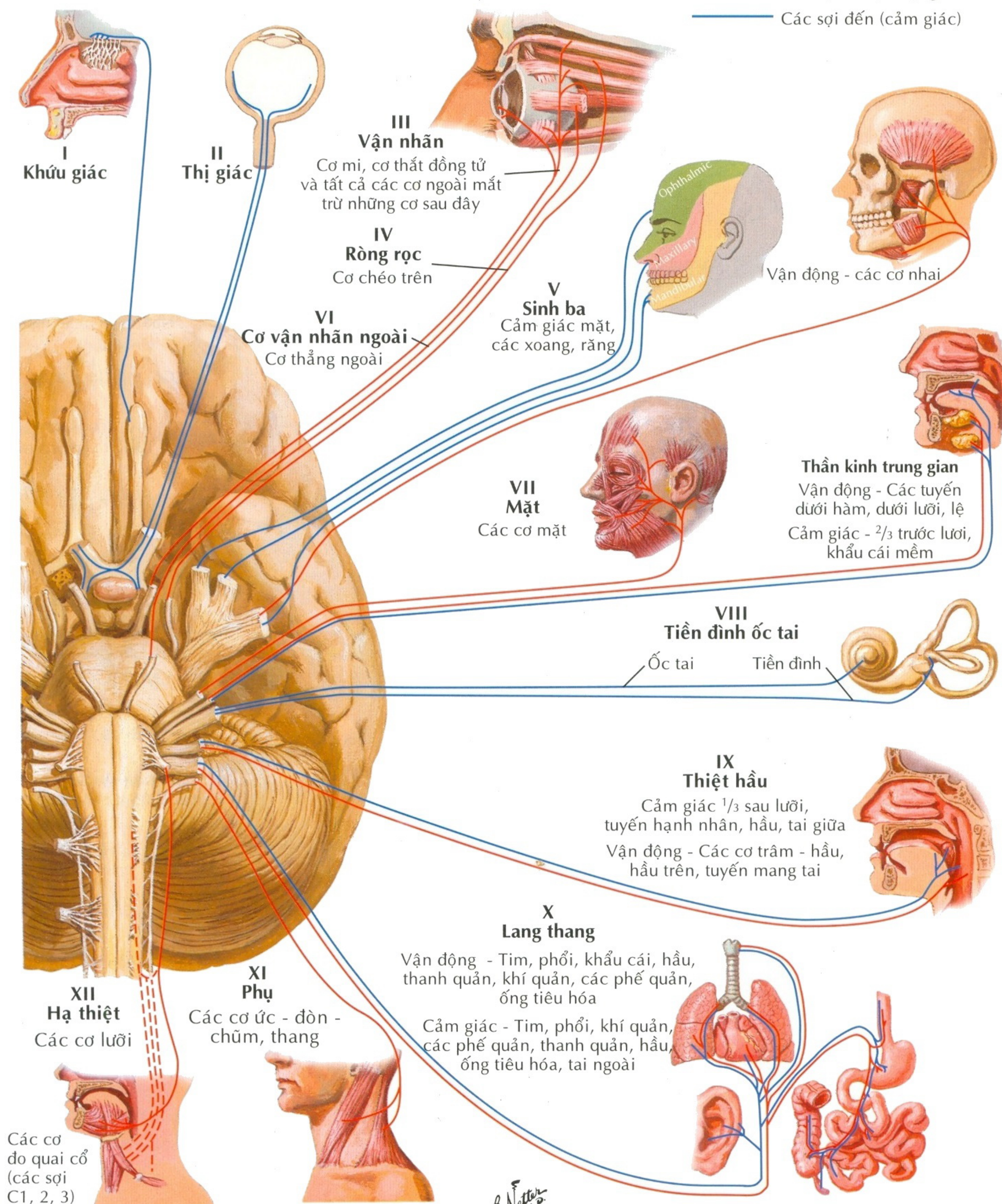
## Phẫu tích mặt trong





# Các Thần Kinh Sọ (Phân Bố Vận Động và Cảm Giác): Sơ Đồ

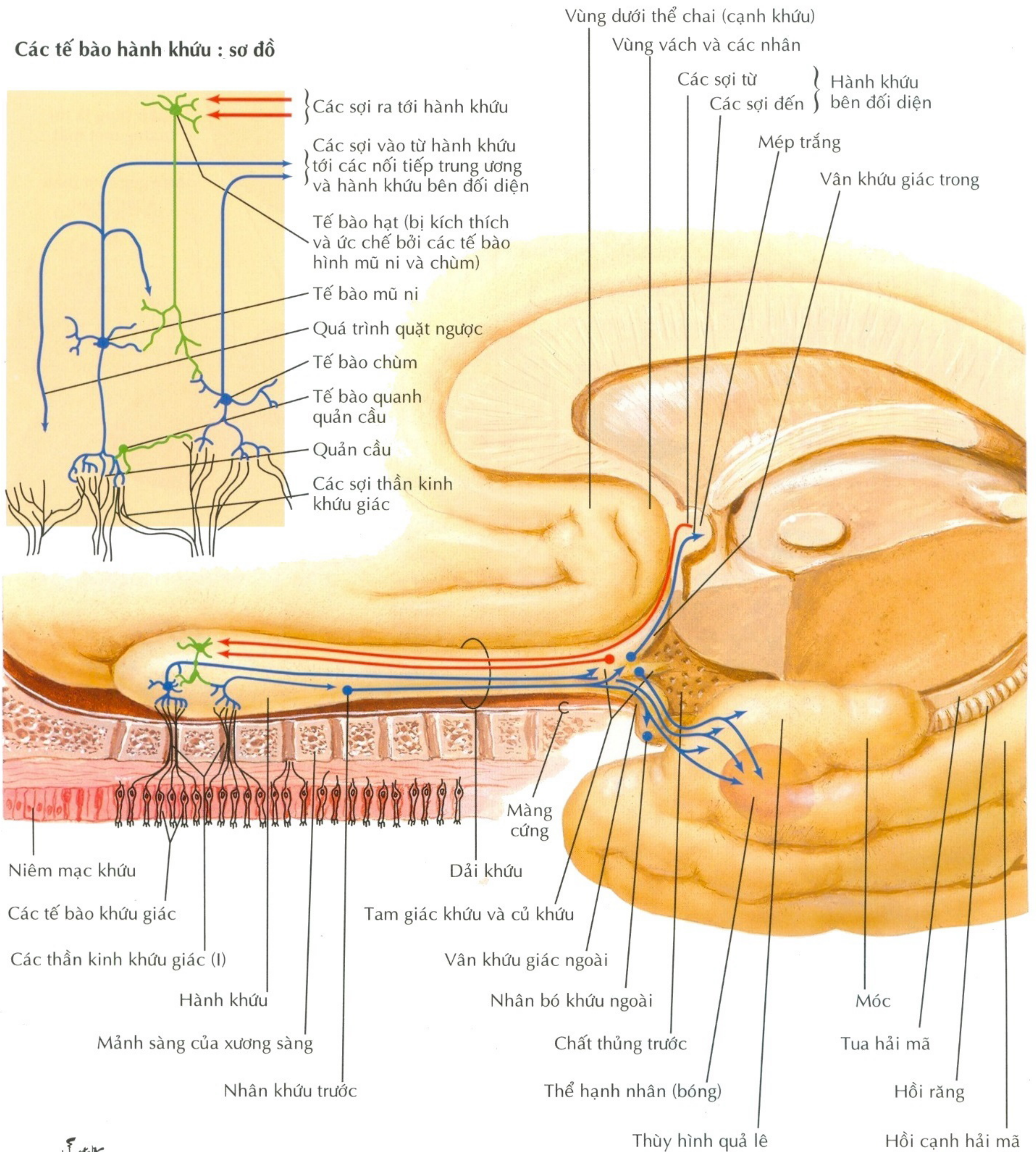
- Các sợi thần kinh cột sống  
 ----- Các sợi đi (vận động)  
 ----- Các sợi đến (cảm giác)



Hình 118

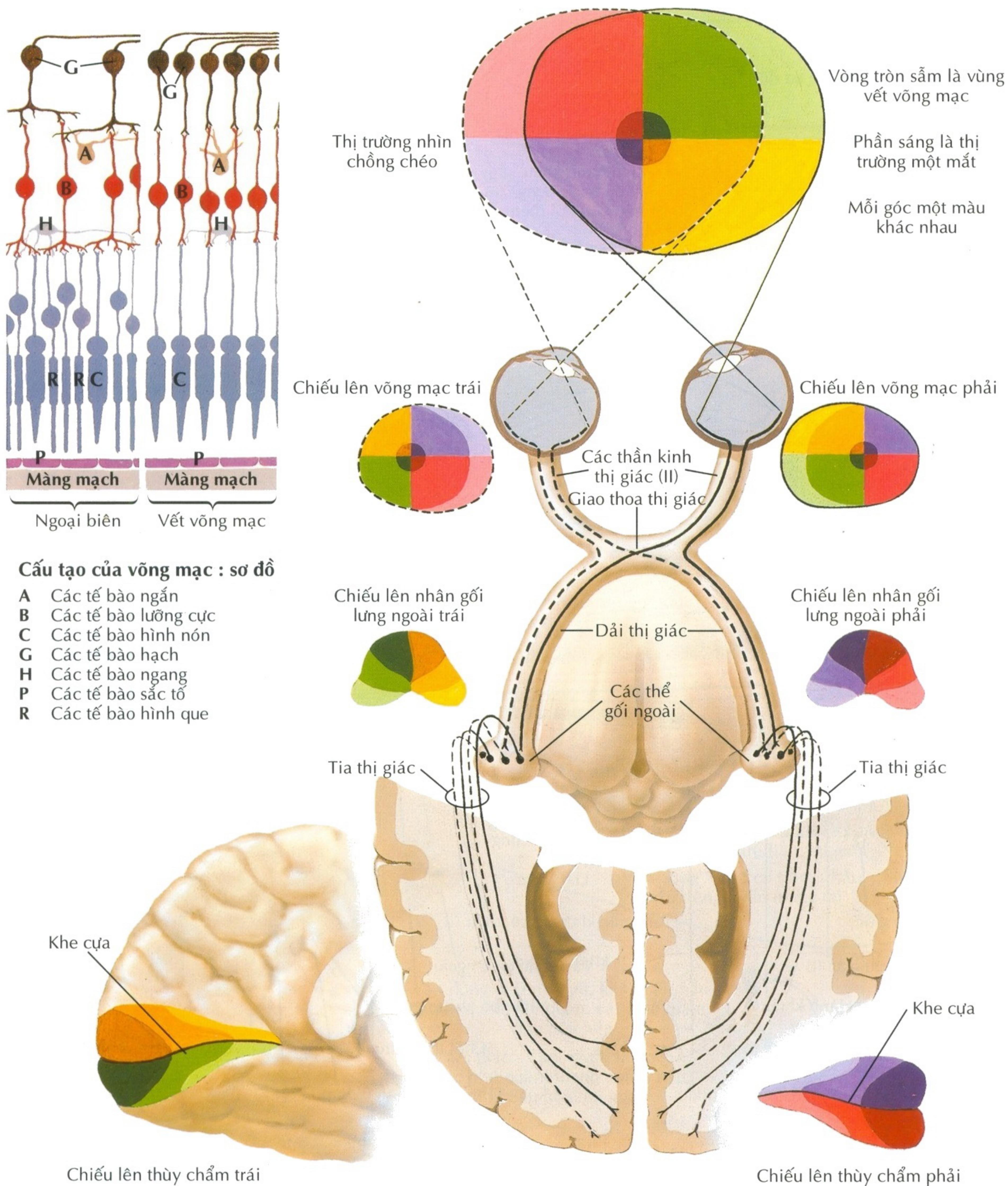


## Các tế bào hành khứ : sơ đồ



F. Netter M.D.





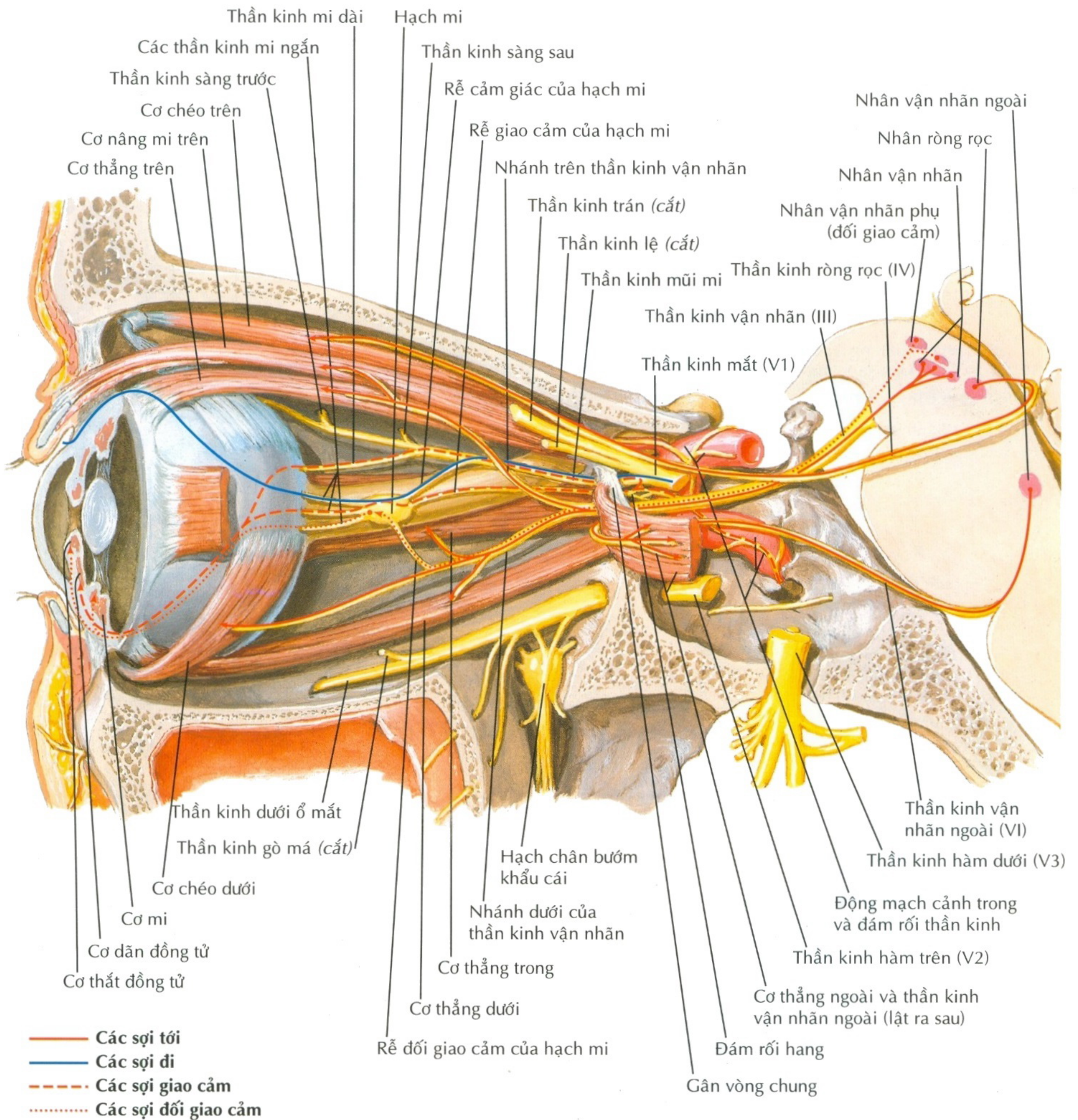
F. Netter  
M.D.



# Các Thần Kinh Vận Nhãn (III) Ròng Rọc (IV) và Vận Nhãn Ngoài (VI): Sơ Đồ

1

Xem thêm hình 86, 132, 167, 168

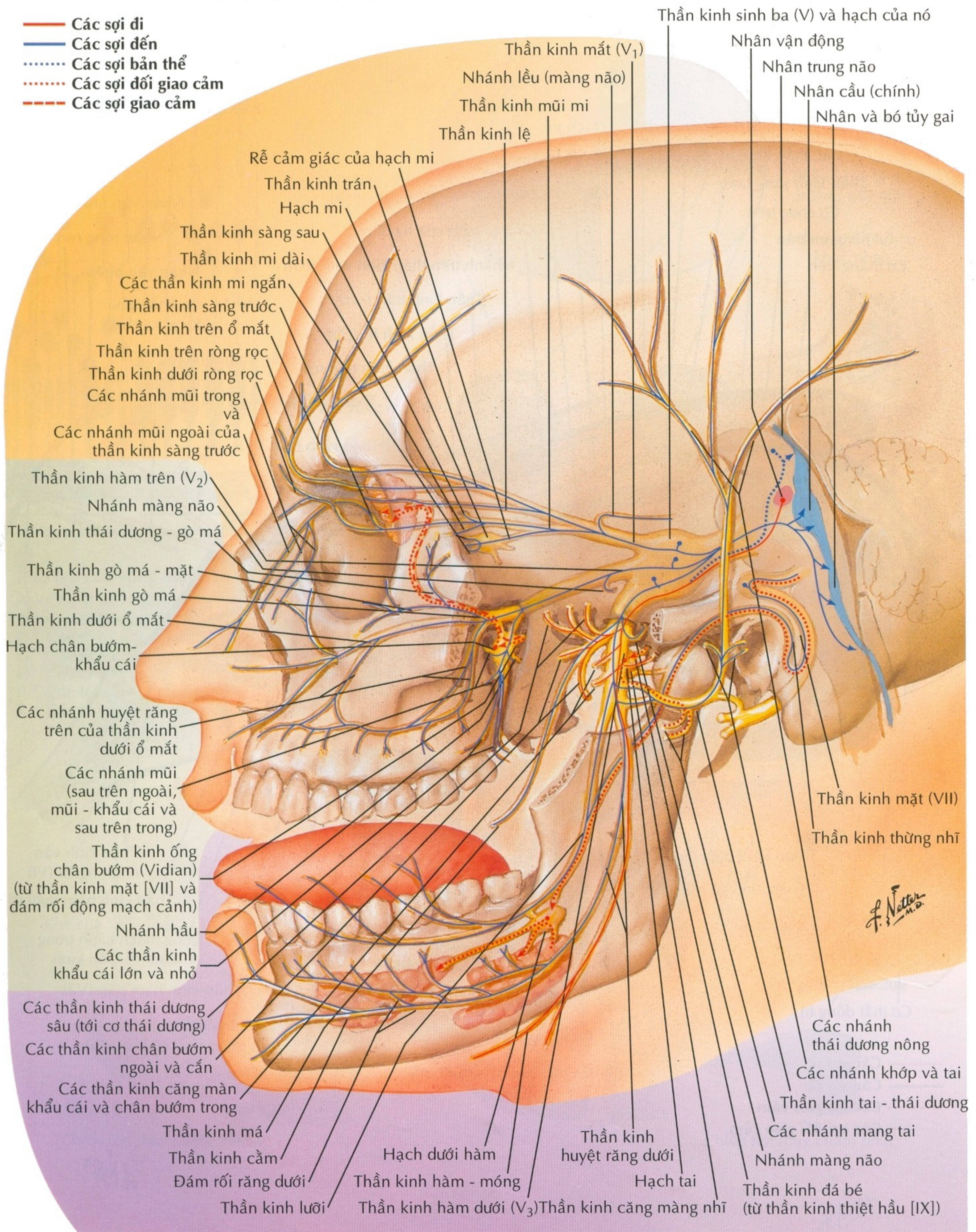


*F. Netter M.D.*



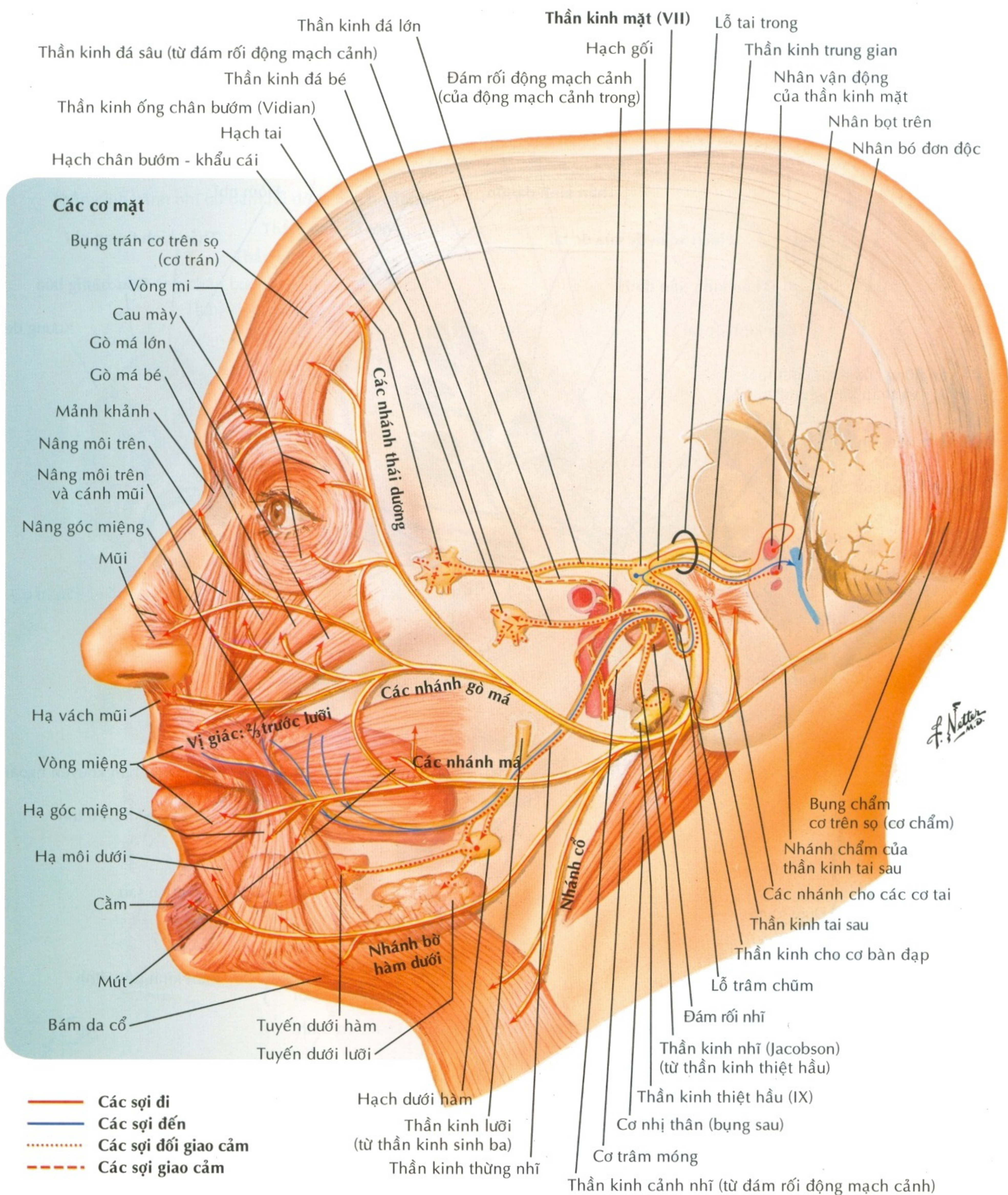
# Thần Kinh Sinh Ba (V): Sơ Đồ

Xem thêm hình: 24, 42, 43, 45, 46, 167, 168



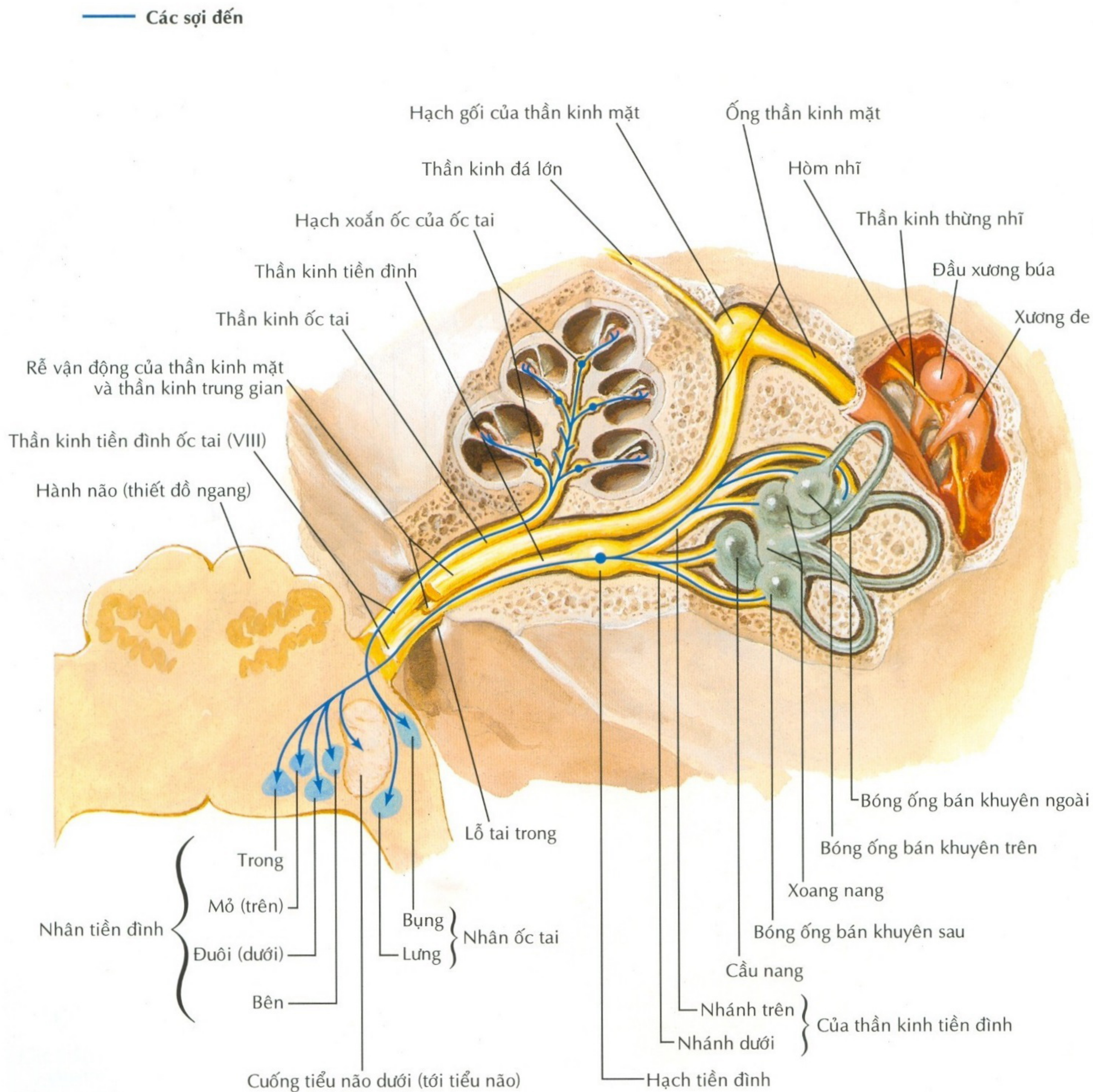
Hình 122







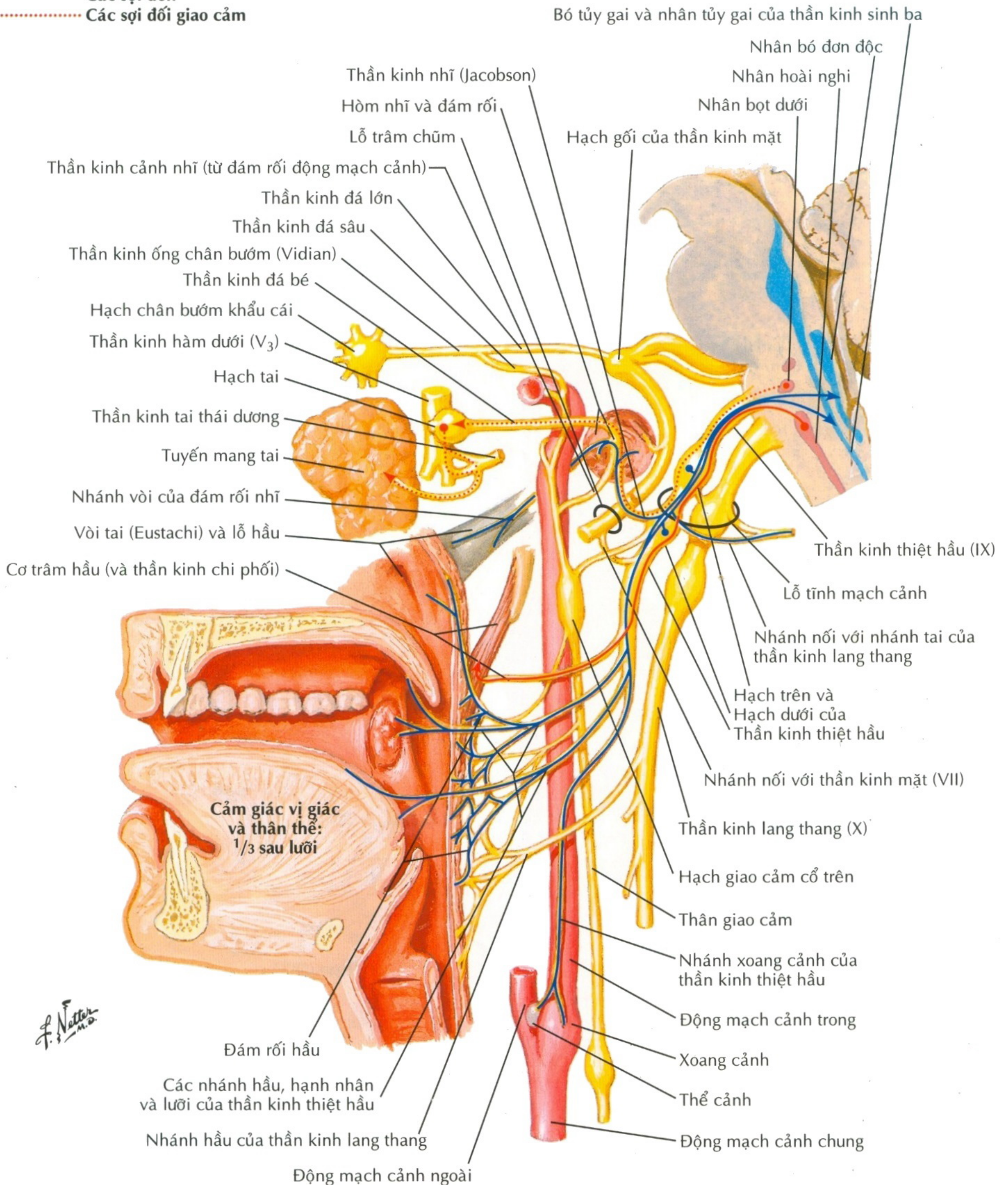
# Thần Kinh Tiền Đình Ốc Tai (VIII): Sơ Đồ



F. Netter  
M.D.



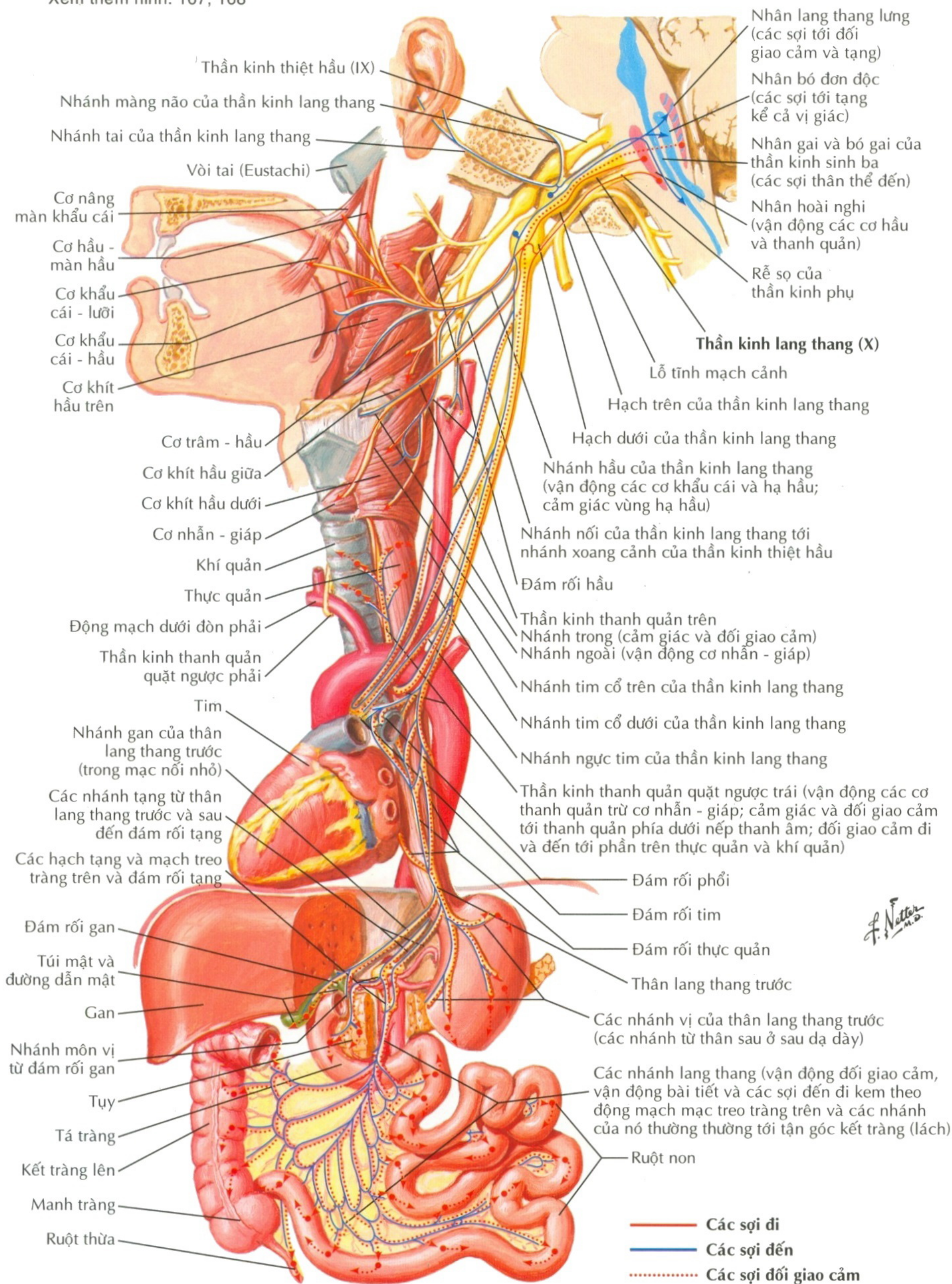
- Các sợi đi
- Các sợi đến
- ..... Các sợi đối giao cảm





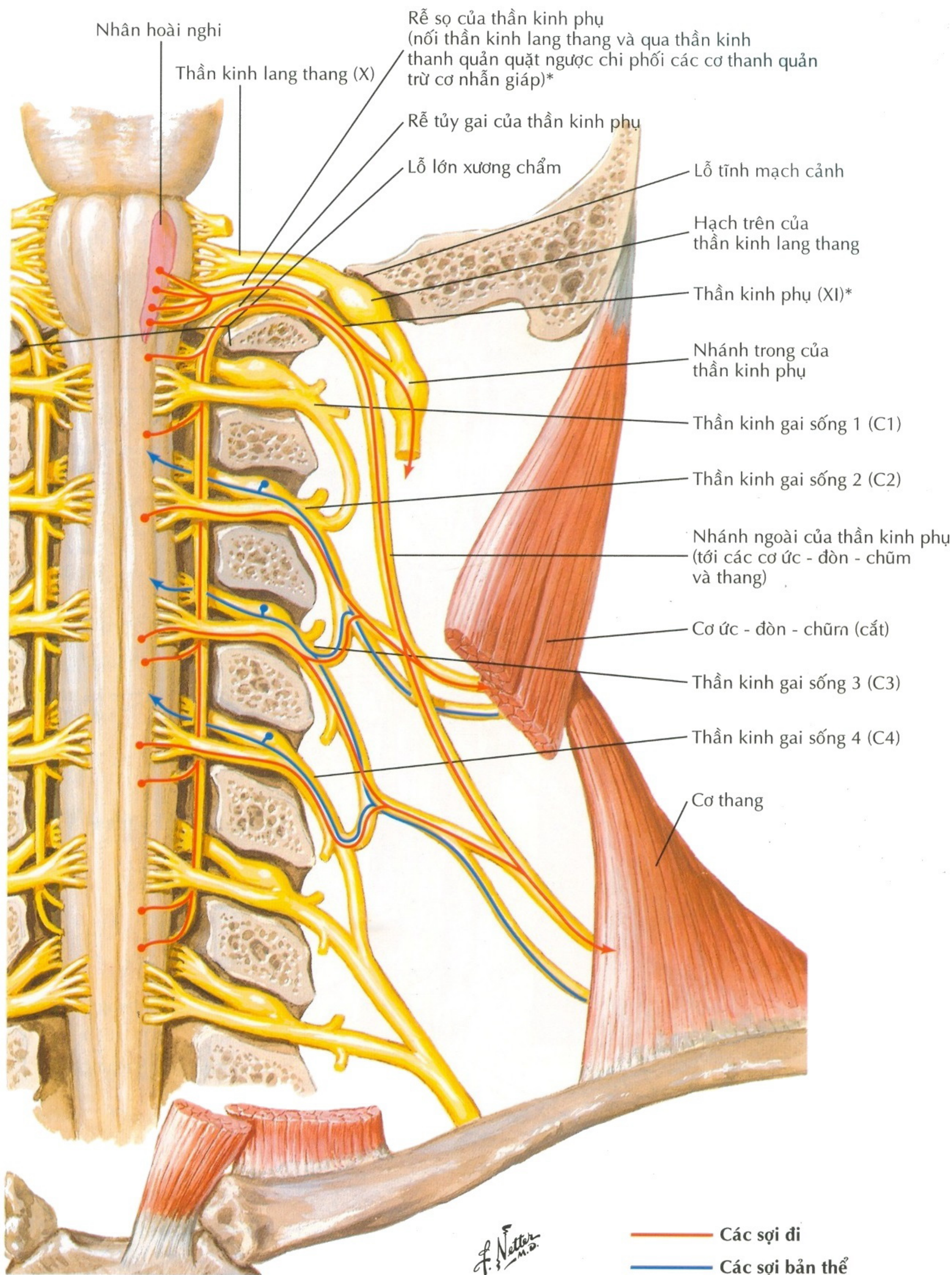
# Thần Kinh Lang Thang (X): Sơ Đồ

Xem thêm hình: 167, 168



*F. Netter M.D.*

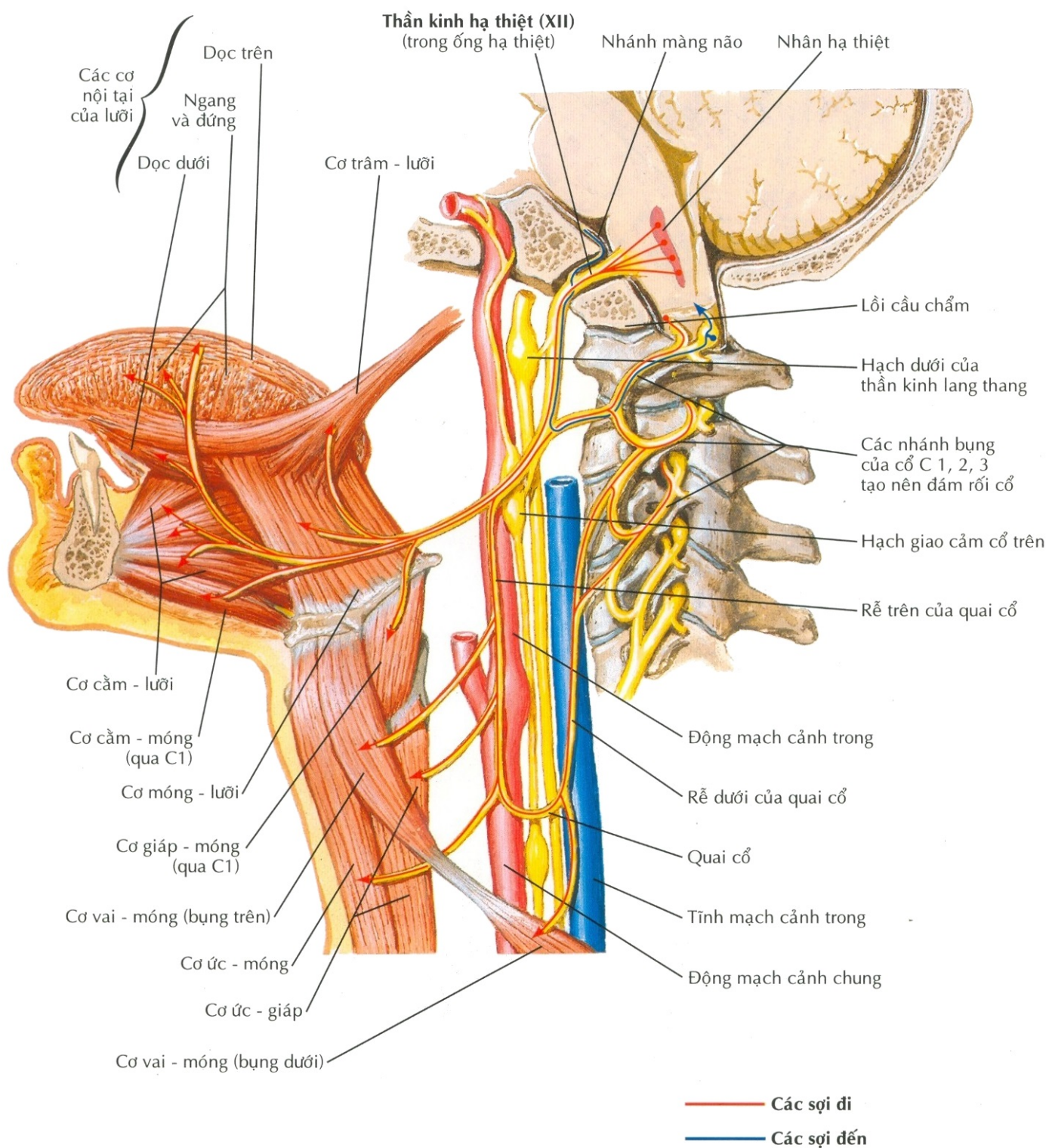






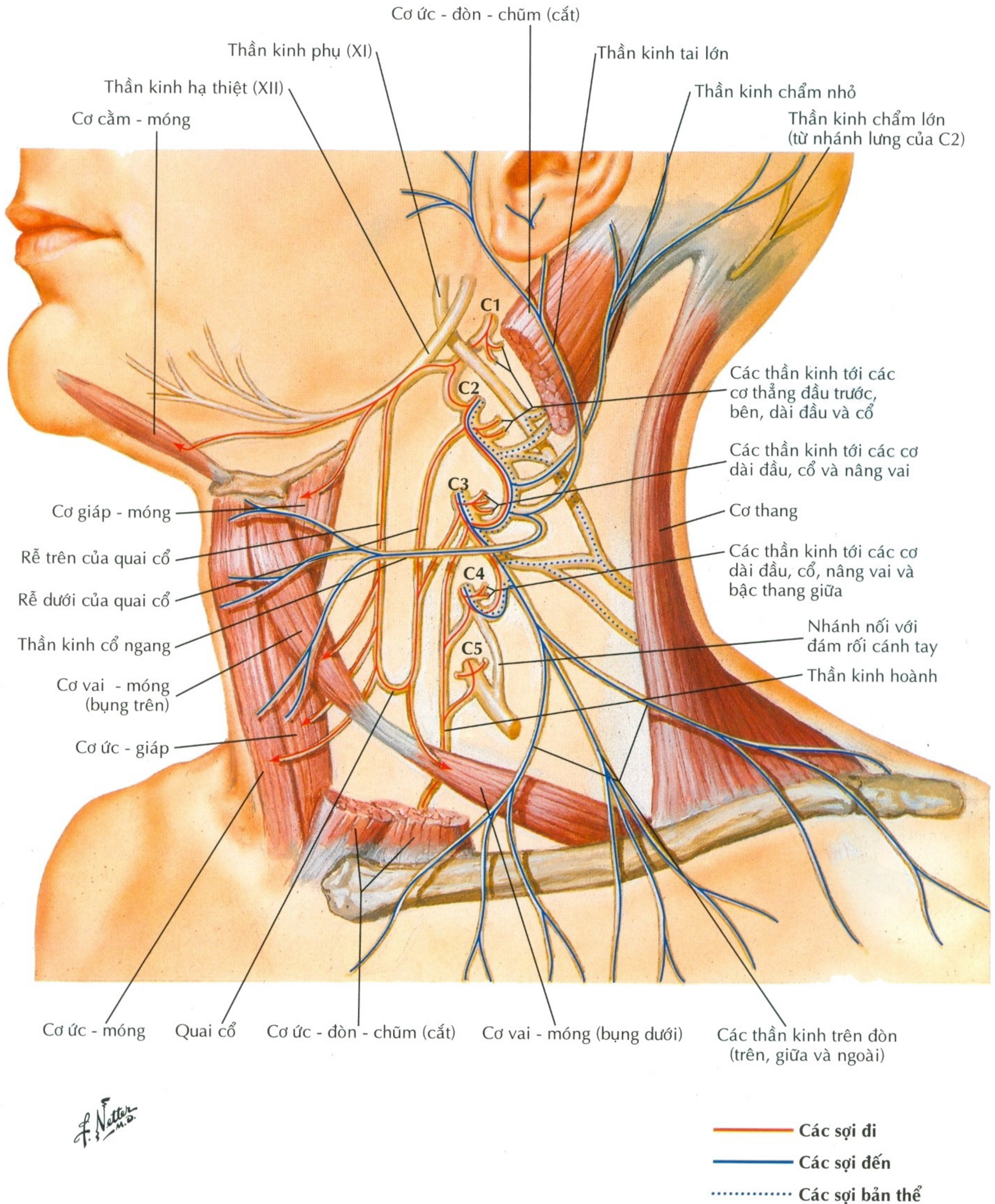
# Thần Kinh Hạ Thiệt (XII): Sơ Đồ

Xem thêm hình 32



*F. Netter M.D.*

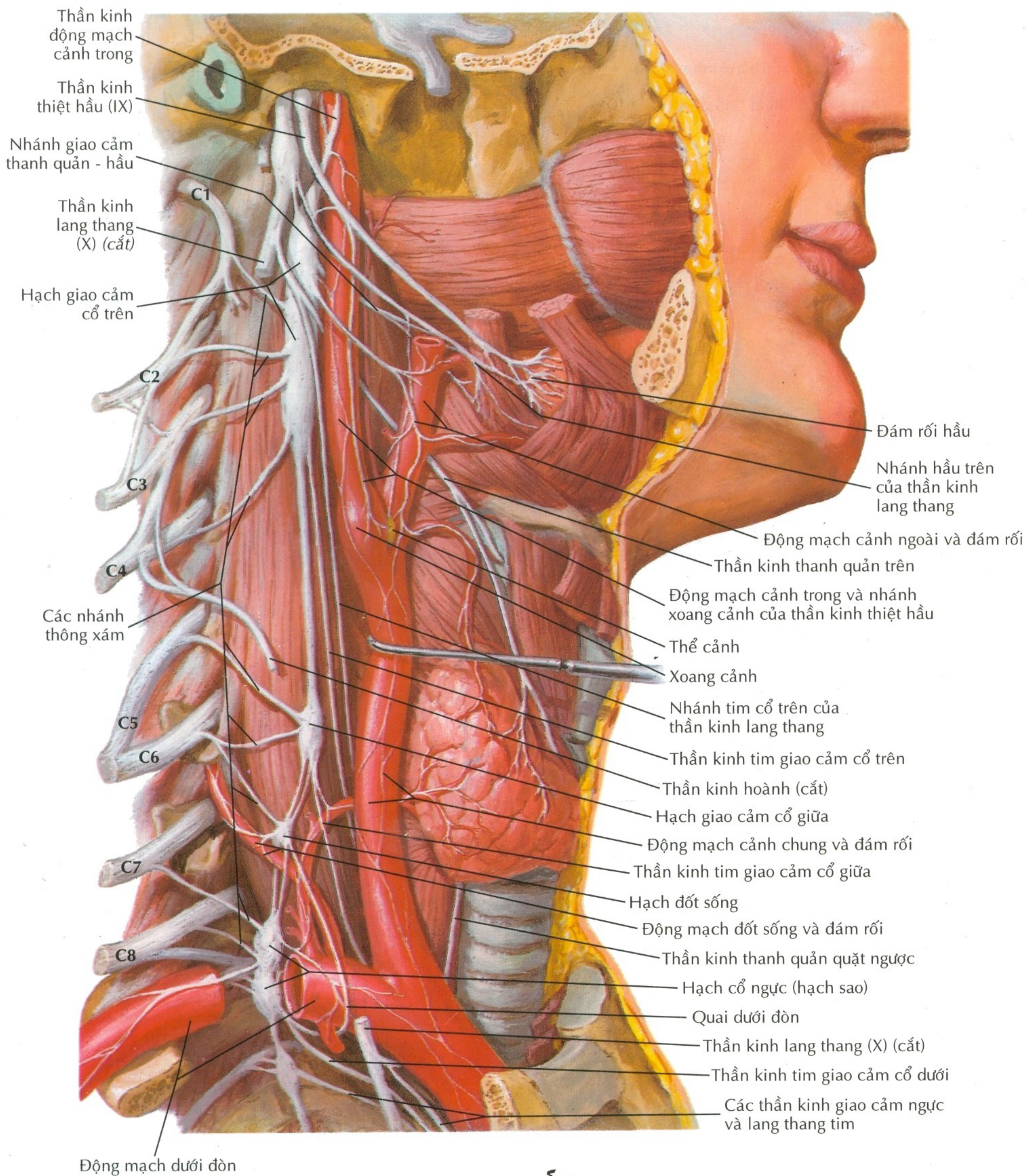






# Các Thần Kinh Tự Chủ ở Cổ

Xem thêm hình 71, 125, 126, 165, 166, 209, 226, 240, 318

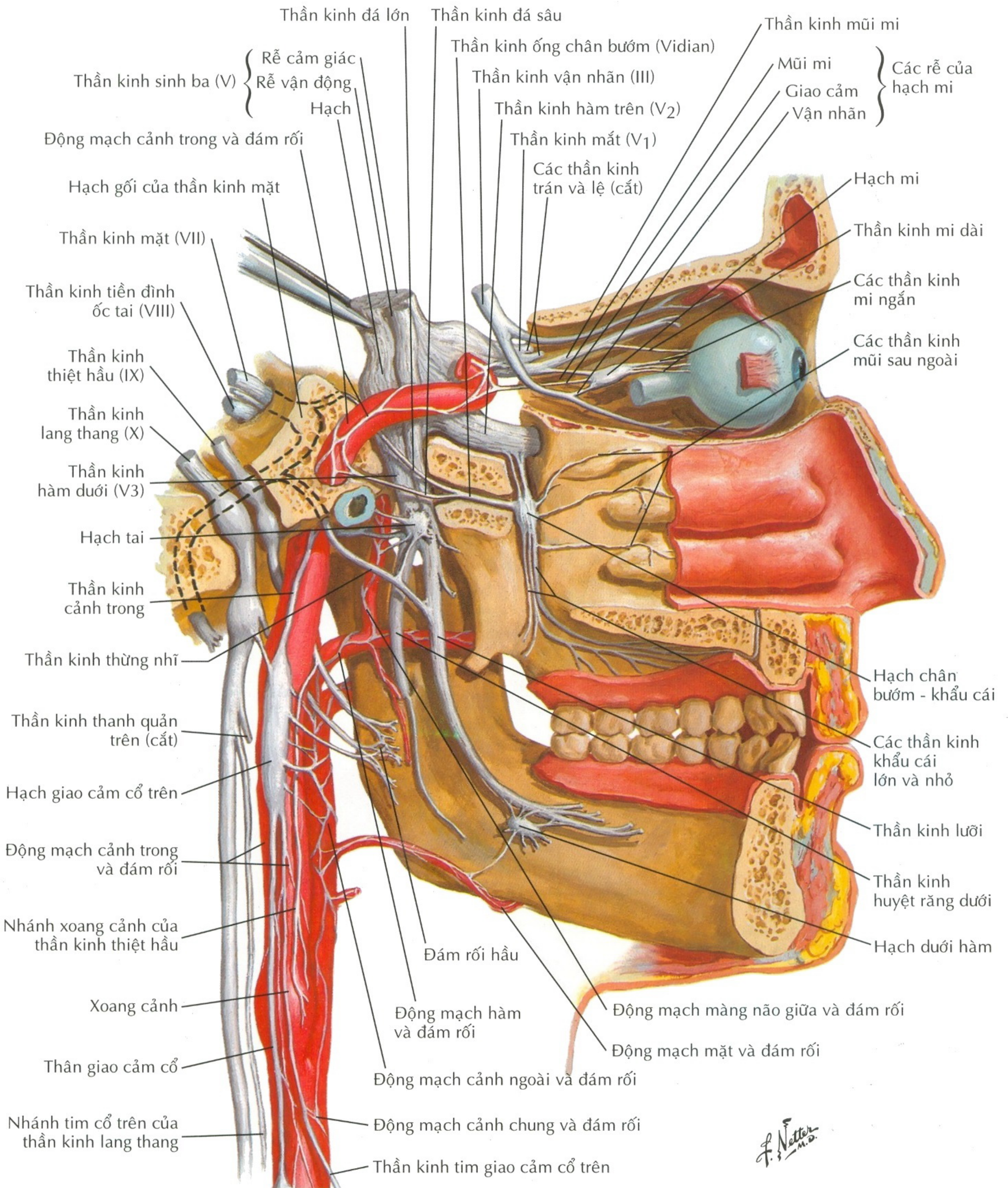


F. Netter M.D.

Hình 130



Xem thêm hình 44 - 46, 86, 121, 132 - 134, 165, 166

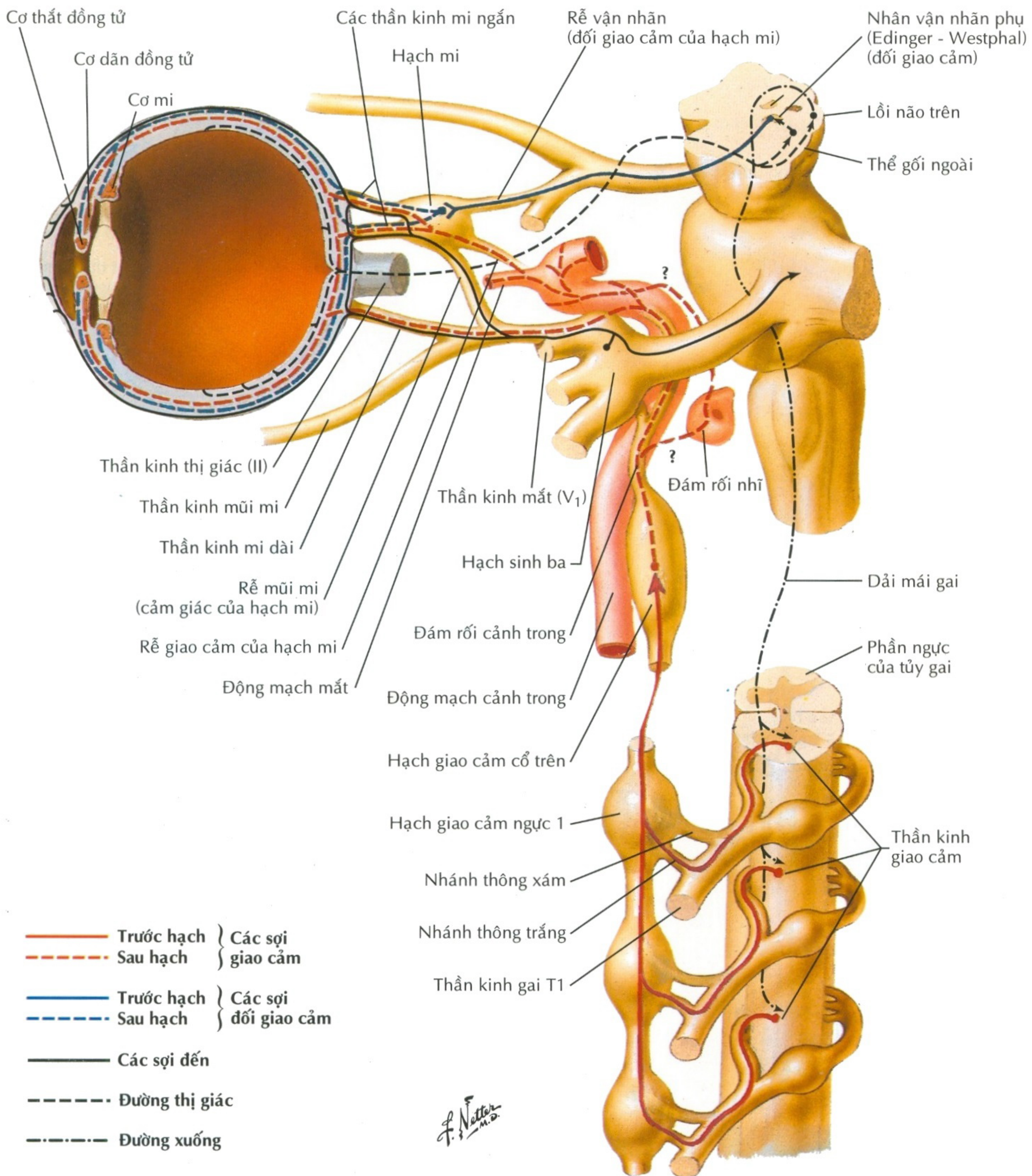


F. Netter M.D.



# Hạch Mi: Sơ Đồ

Xem thêm hình 167, 168

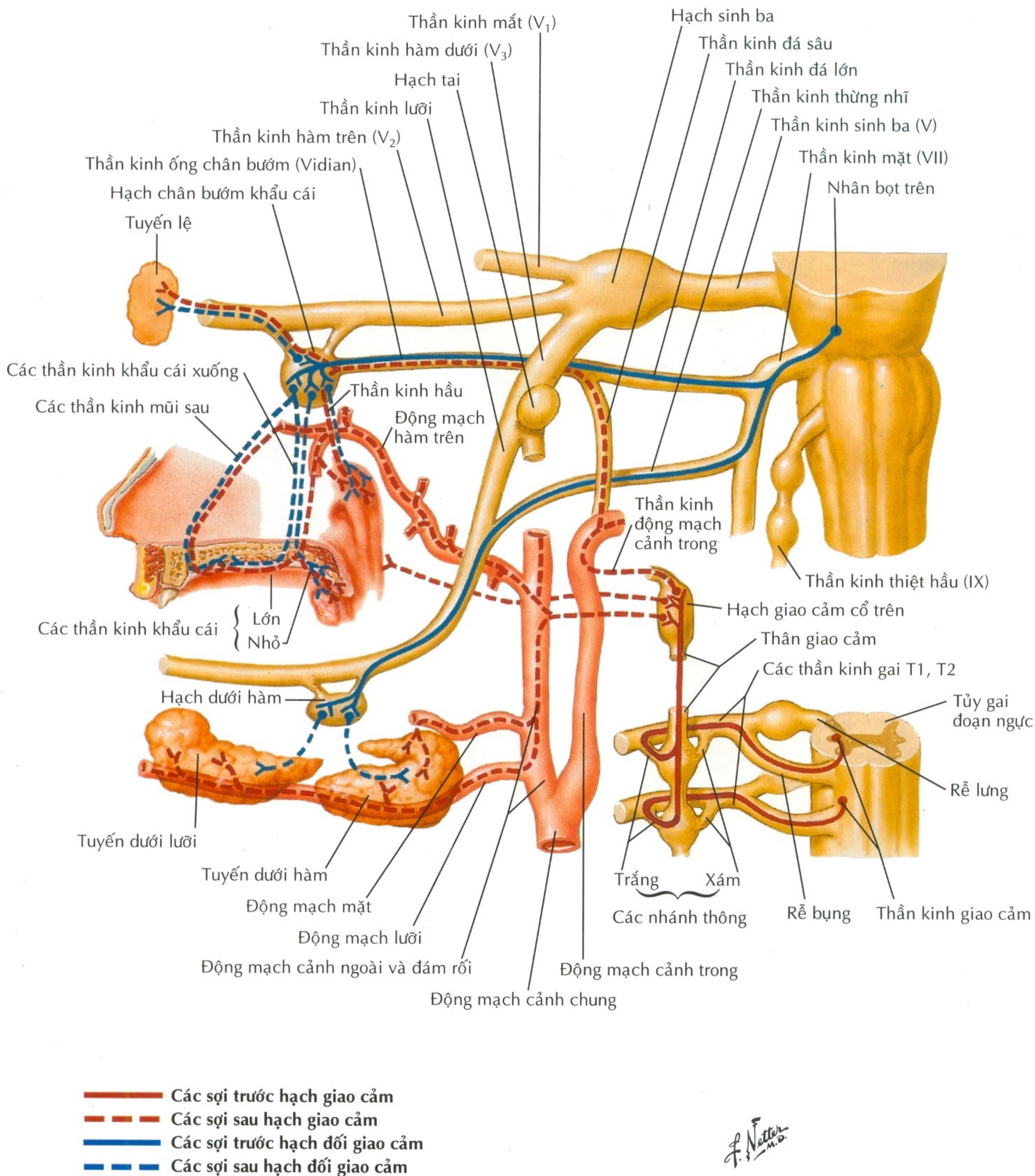


Hình 132

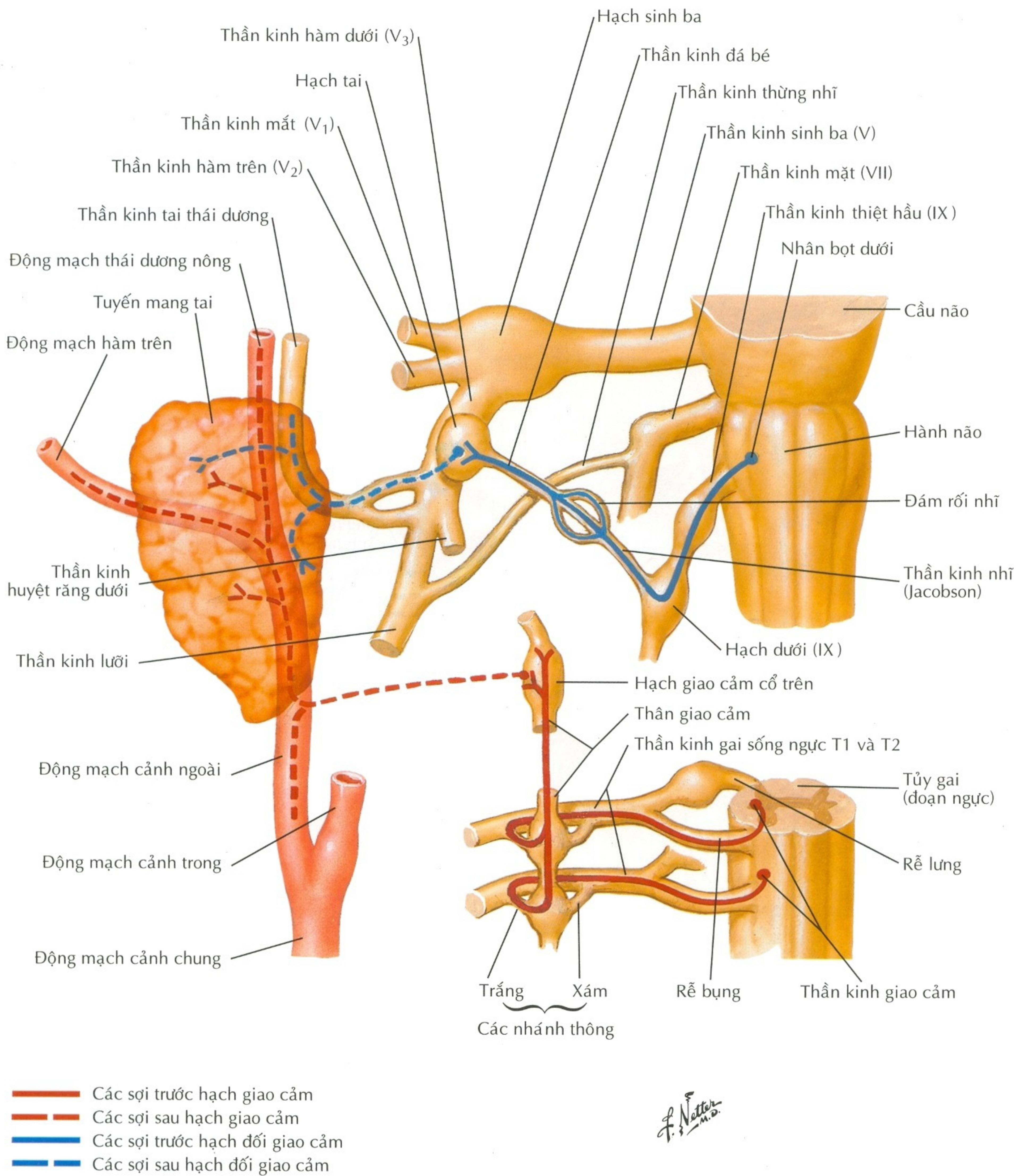


# Hạch Chân Bướm - Khẩu Cái và Hạch Dưới Hàm: Sơ Đồ

Xem thêm hình 167, 168



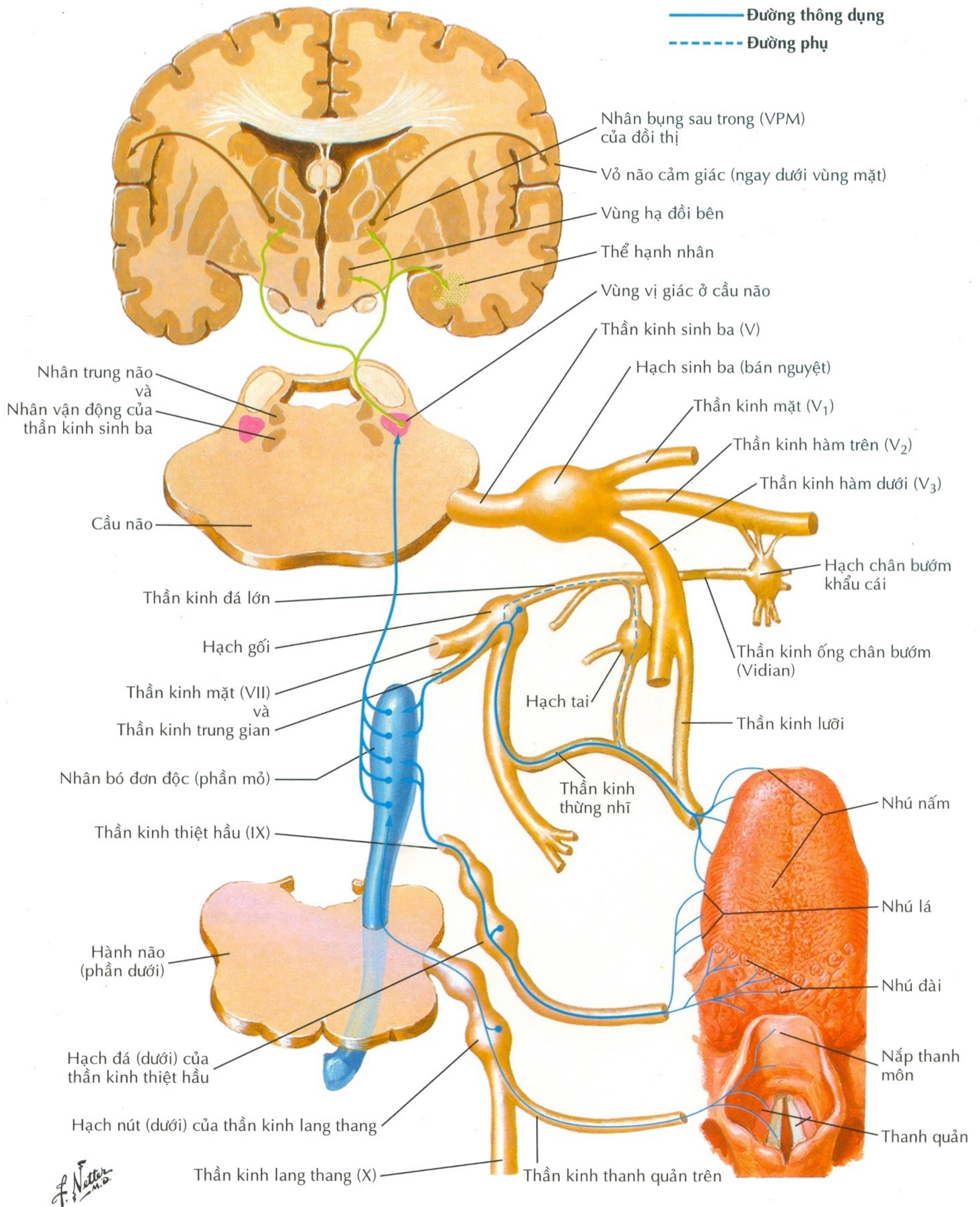




Hình 134



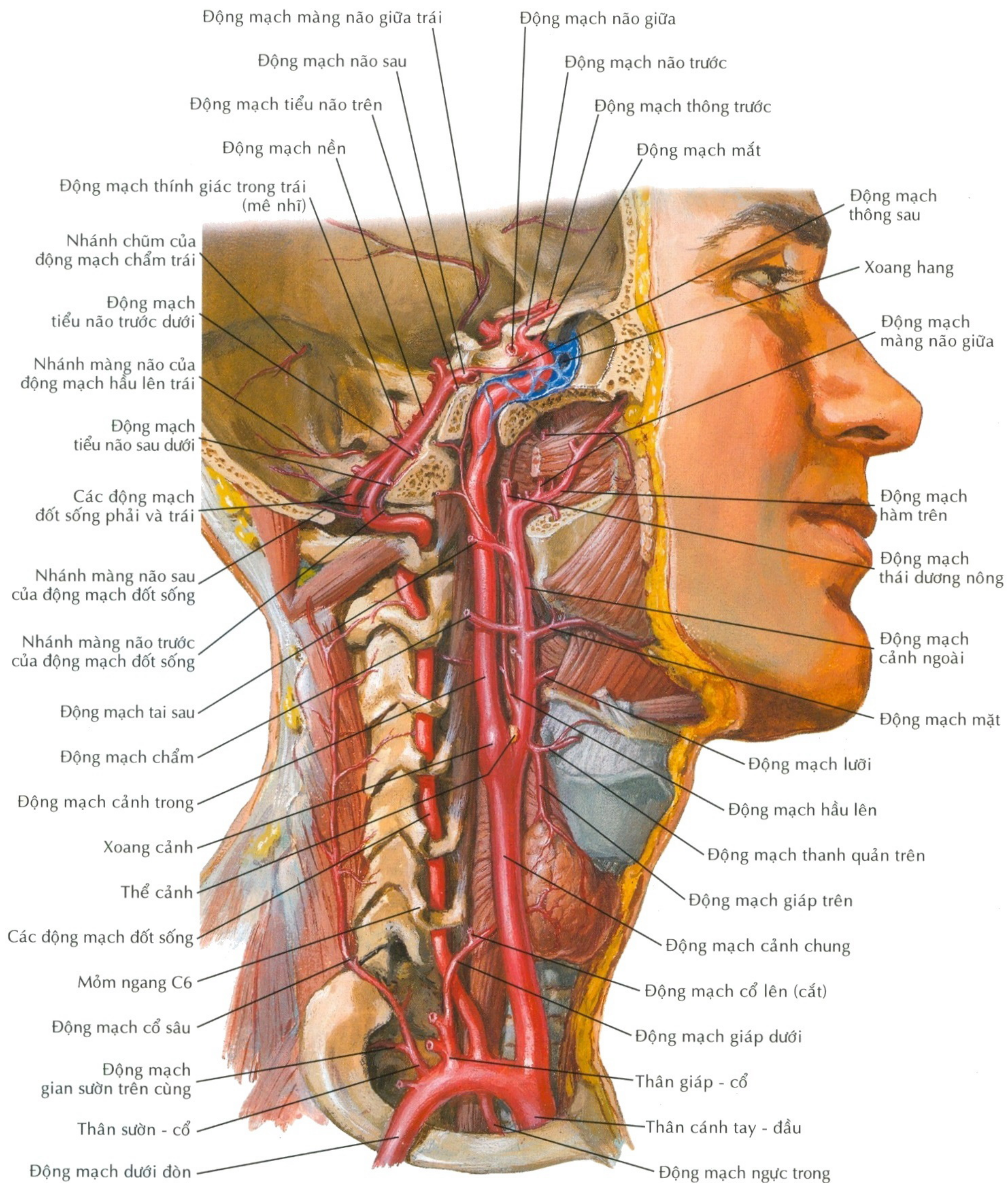
Xem thêm hình 46, 94, 123, 125, 126





# Các Động Mạch của Não và Màng Não

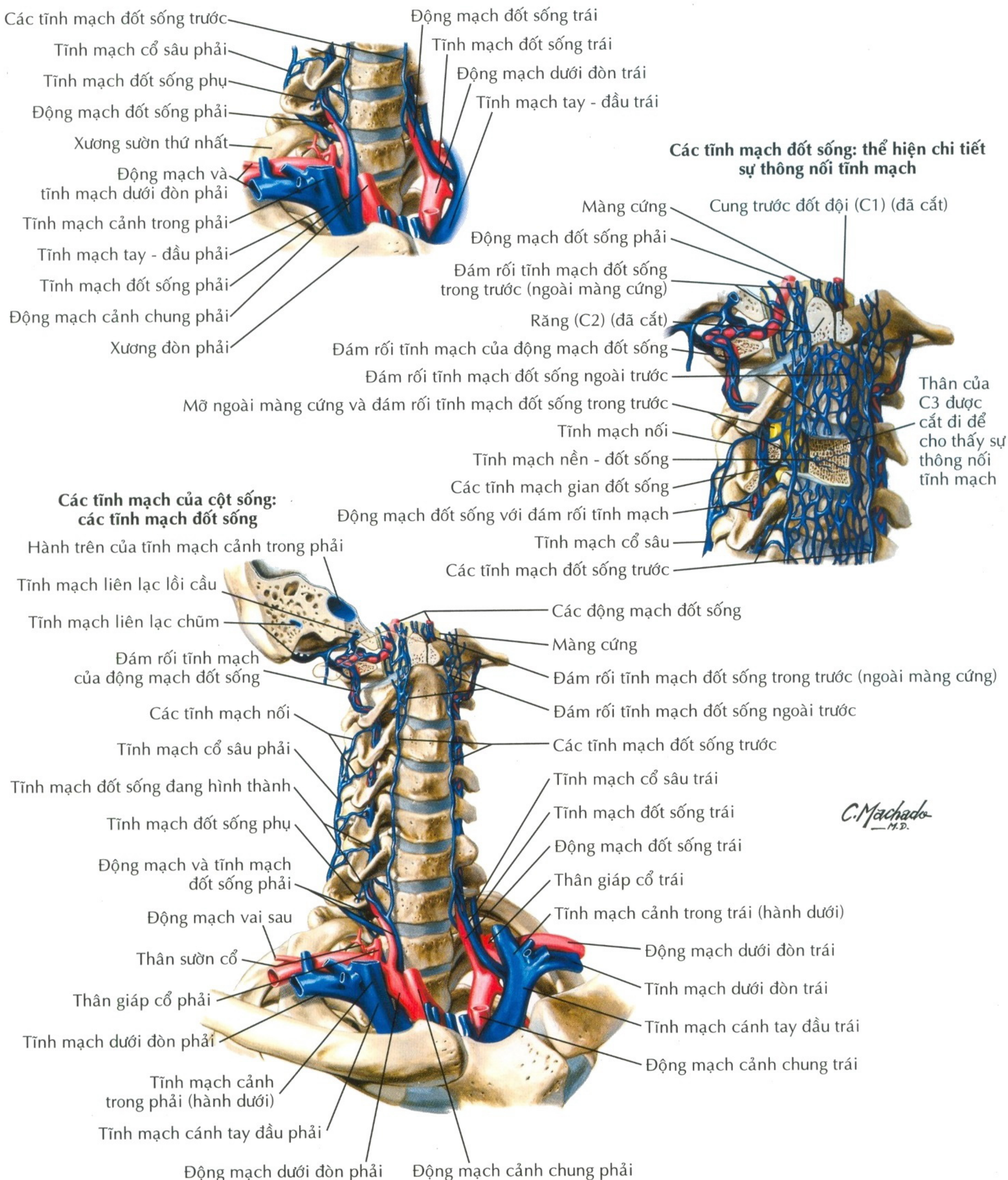
Xem thêm hình: 33, 34





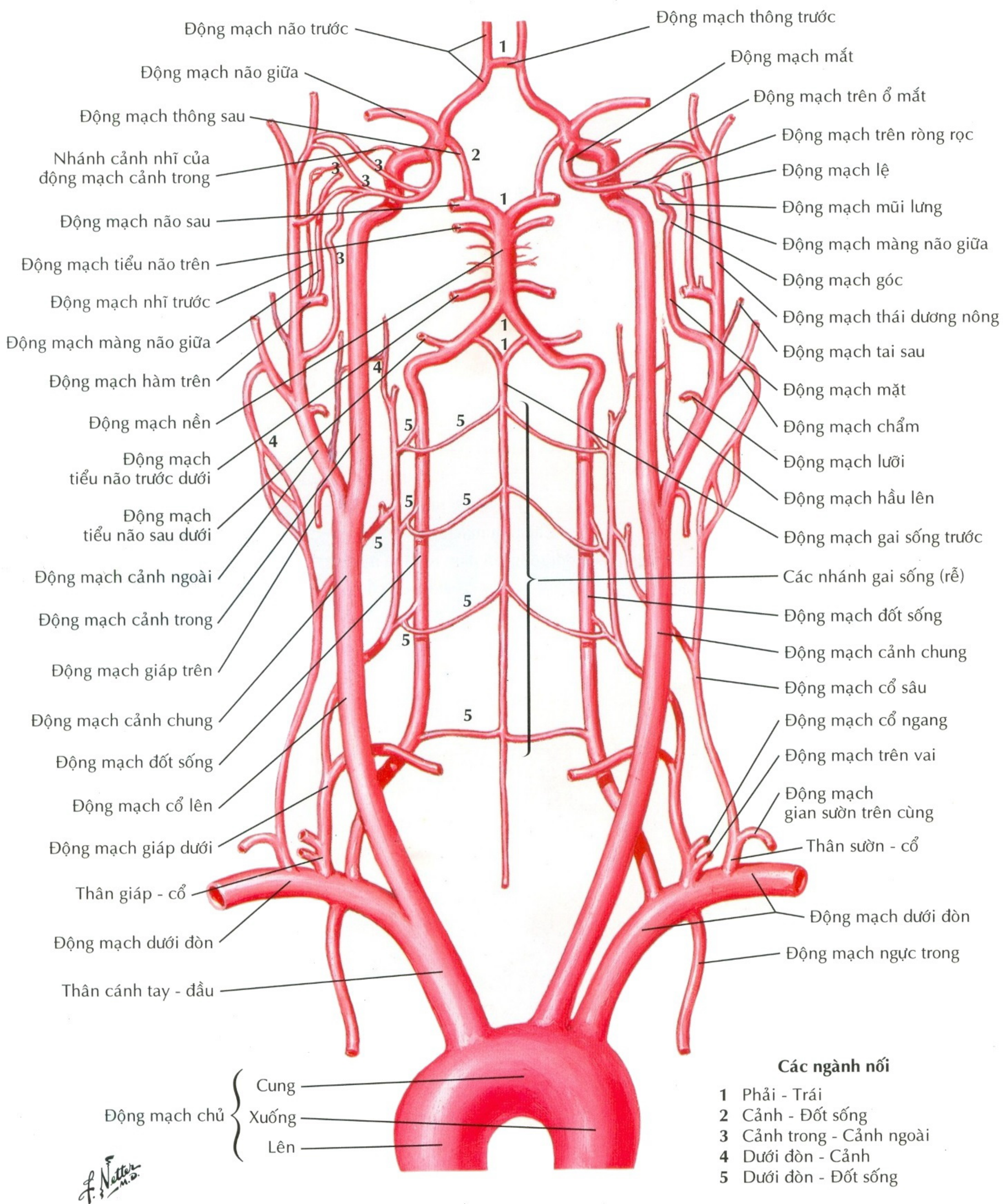
# Các Tĩnh Mạch của Cột Sống: Các Tĩnh Mạch của Đốt Sống

**Dạng thay đổi: Tĩnh mạch đốt sống phải bắt chéo phía trước động mạch dưới đòn phải**



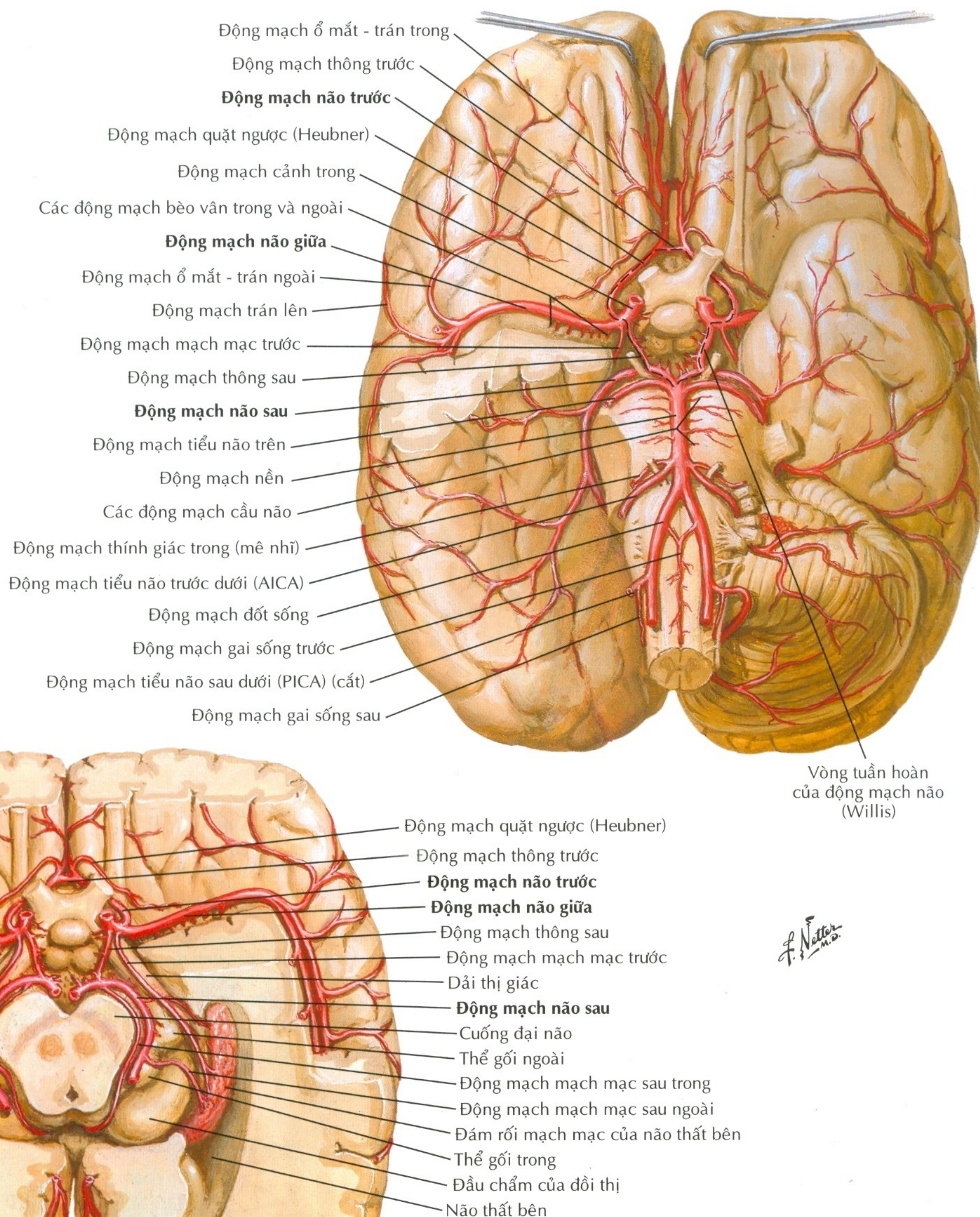


# Các Động Mạch của Não: Sơ Đồ





# Các Động Mạch của Não: Nhìn Dưới

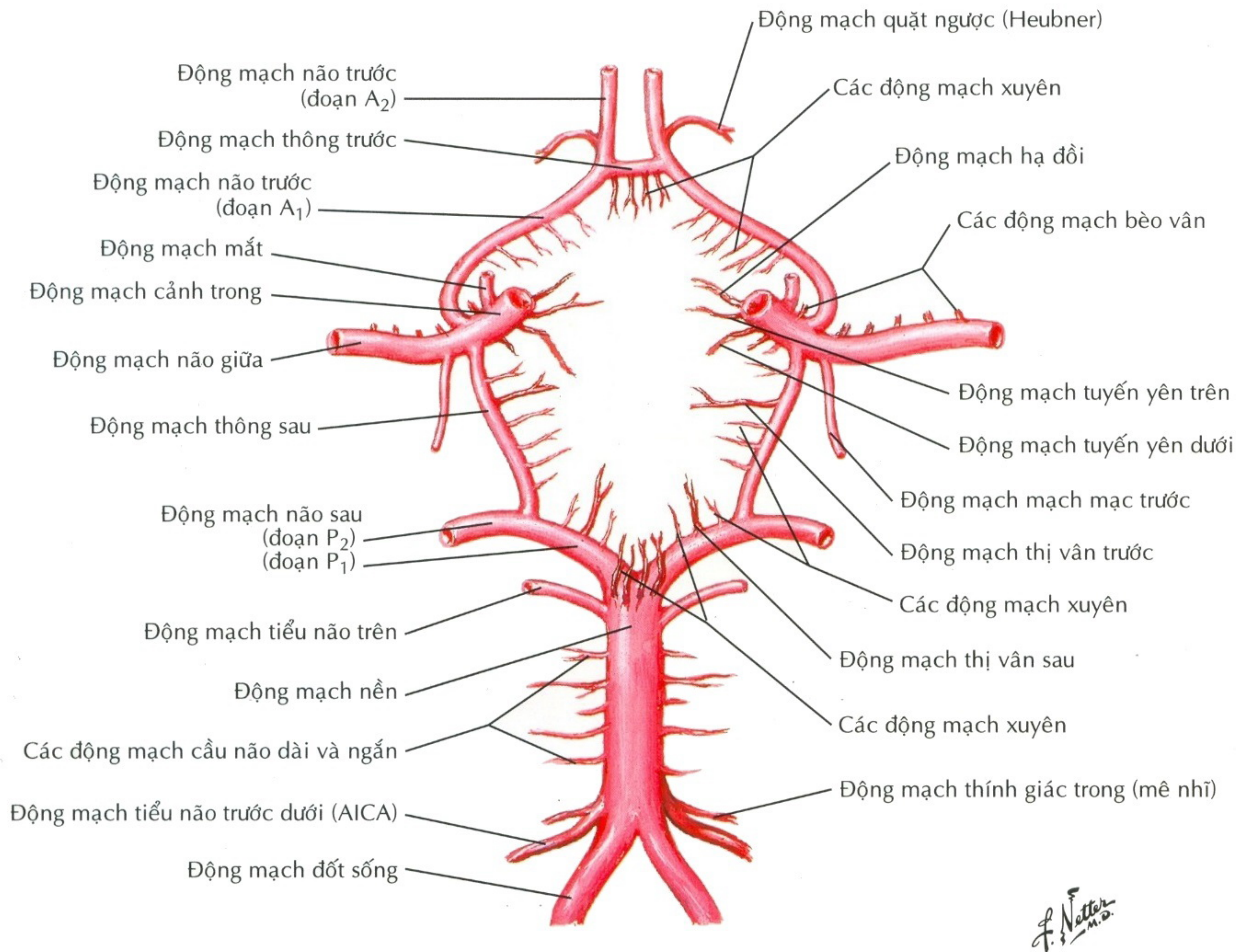




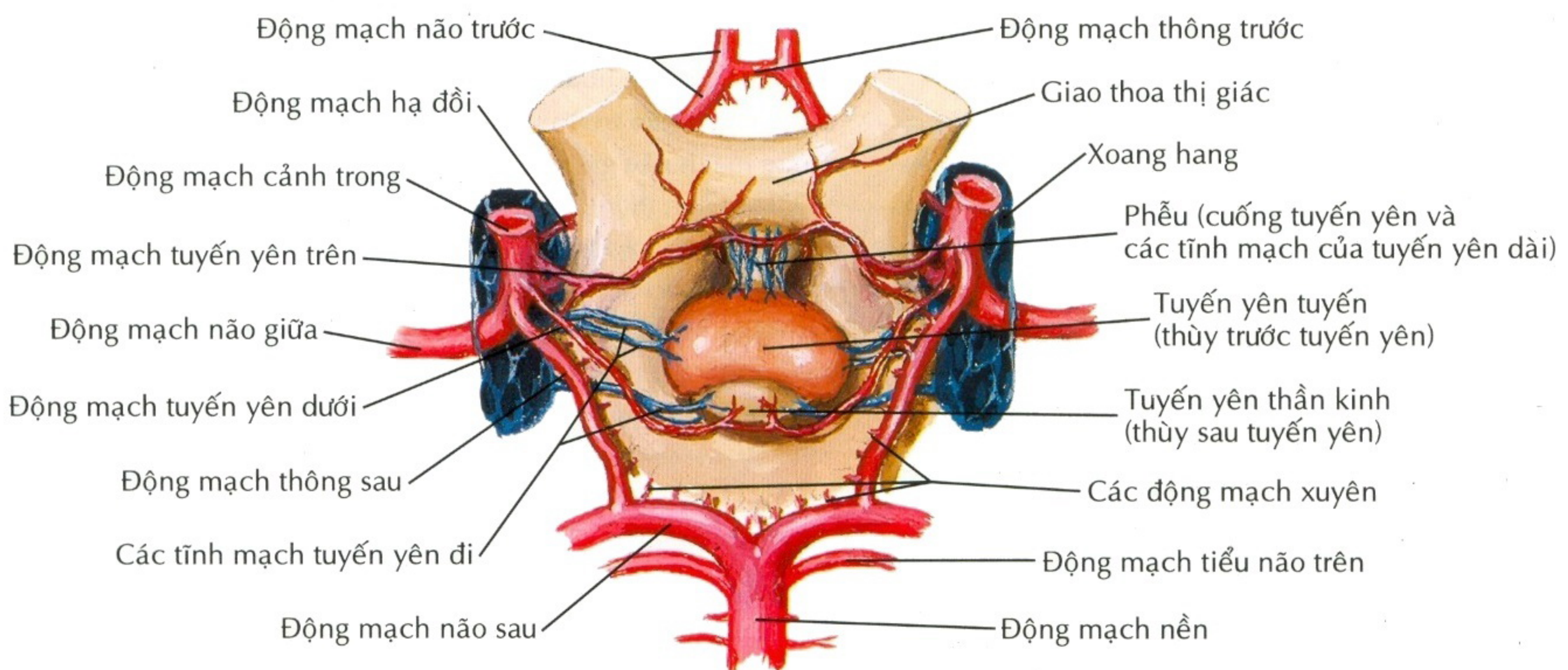
# Vòng Tuần Hoàn của Động Mạch Não (Willis)

Xem thêm hình 148

## Các động mạch được phẫu tích: nhìn dưới

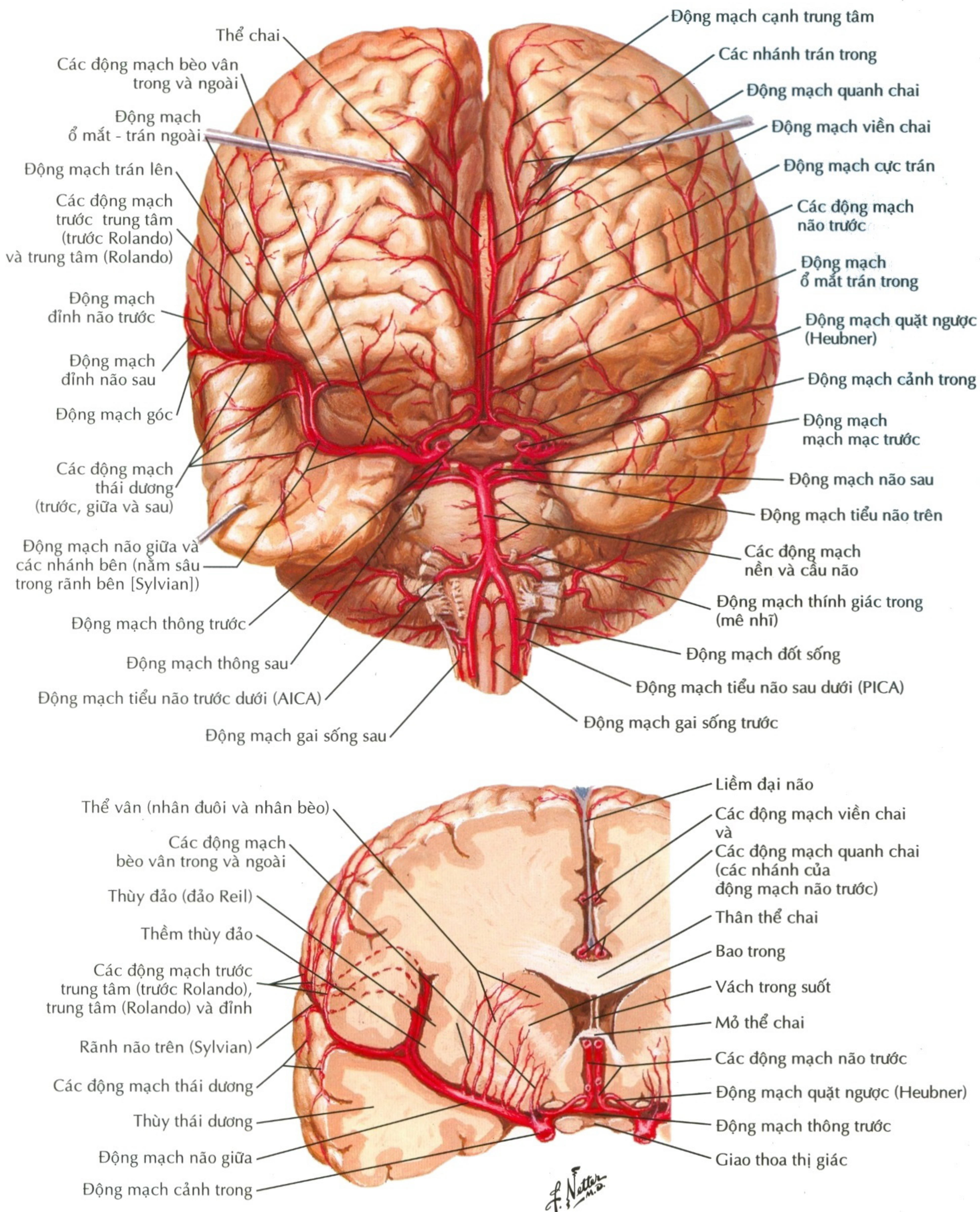


## Các động mạch để tại chỗ: nhìn dưới



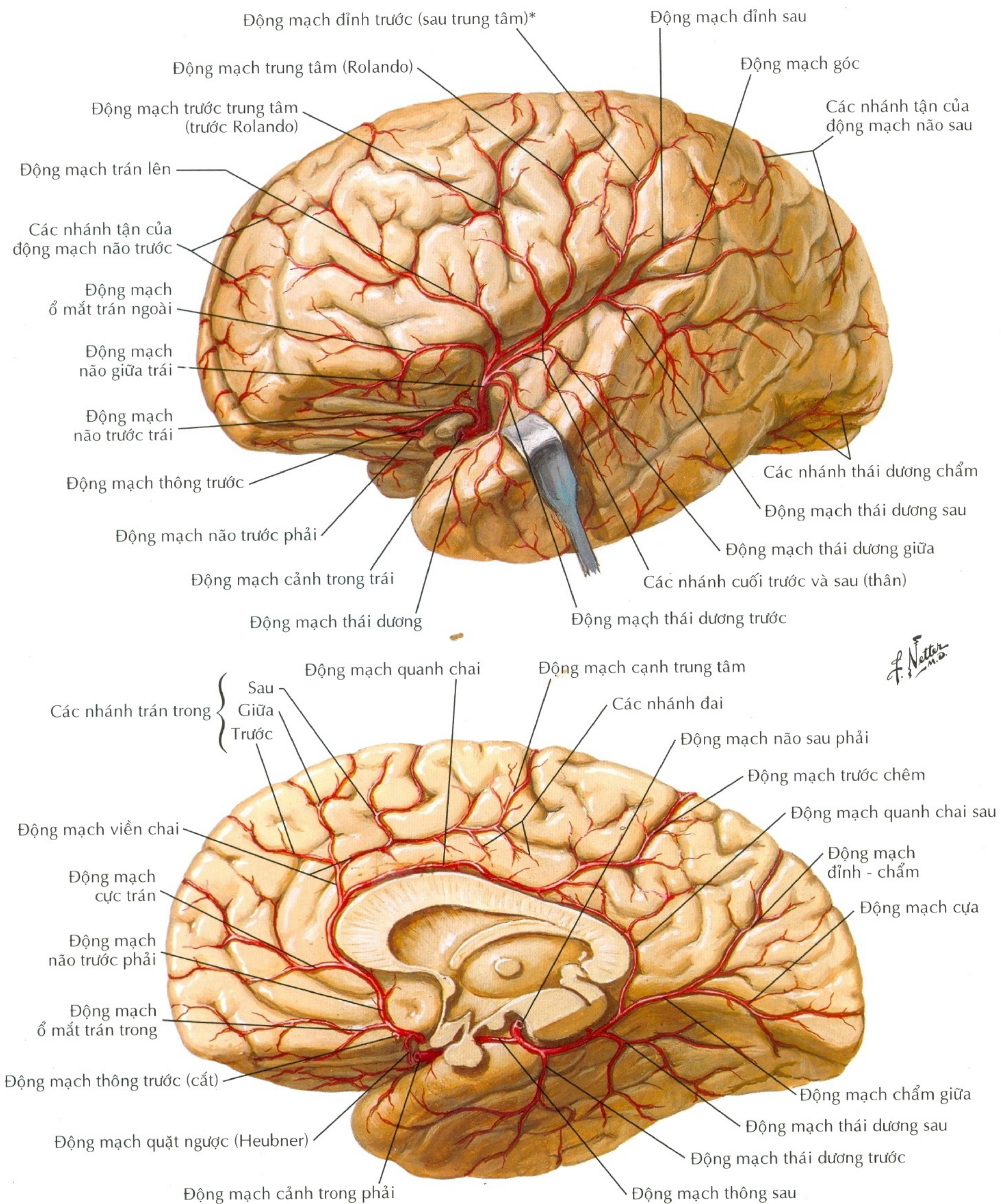


# Các Động Mạch của Não: Nhìn Từ Phía Trán và Thiết Đồ





# Các Động Mạch của Não: Nhìn Ngoài và Trong

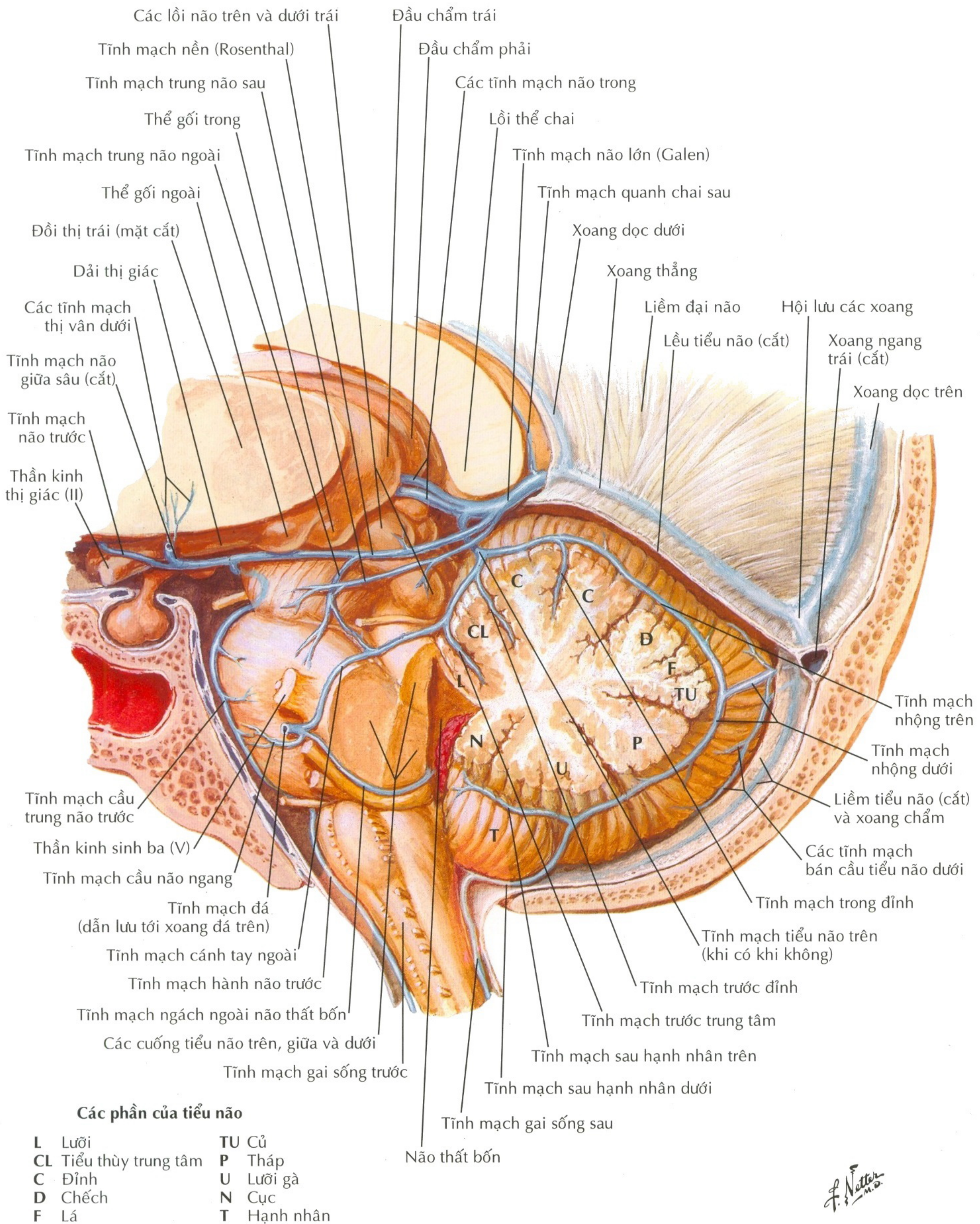








# Các Tĩnh Mạch của Hố Sọ Sau



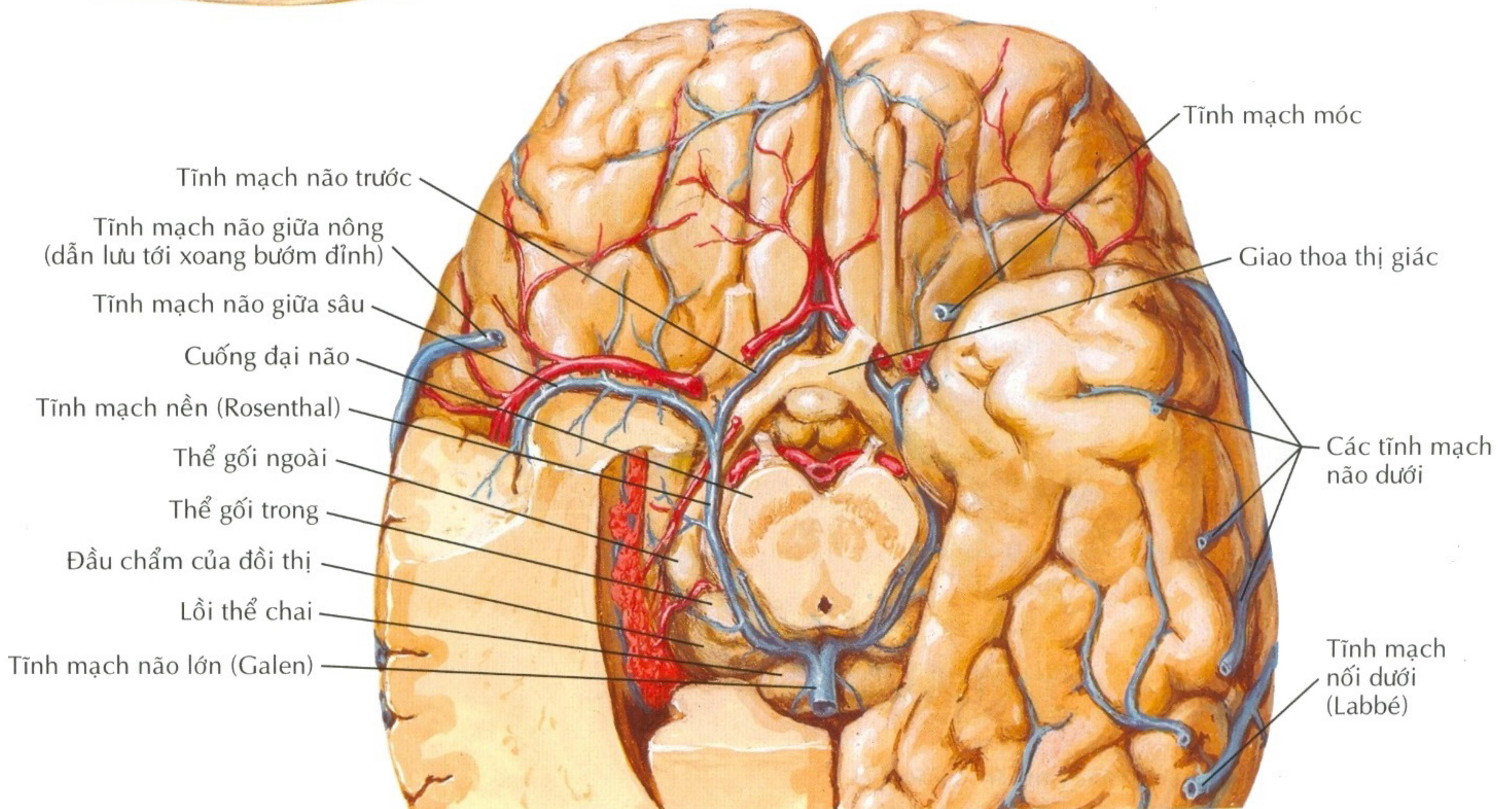
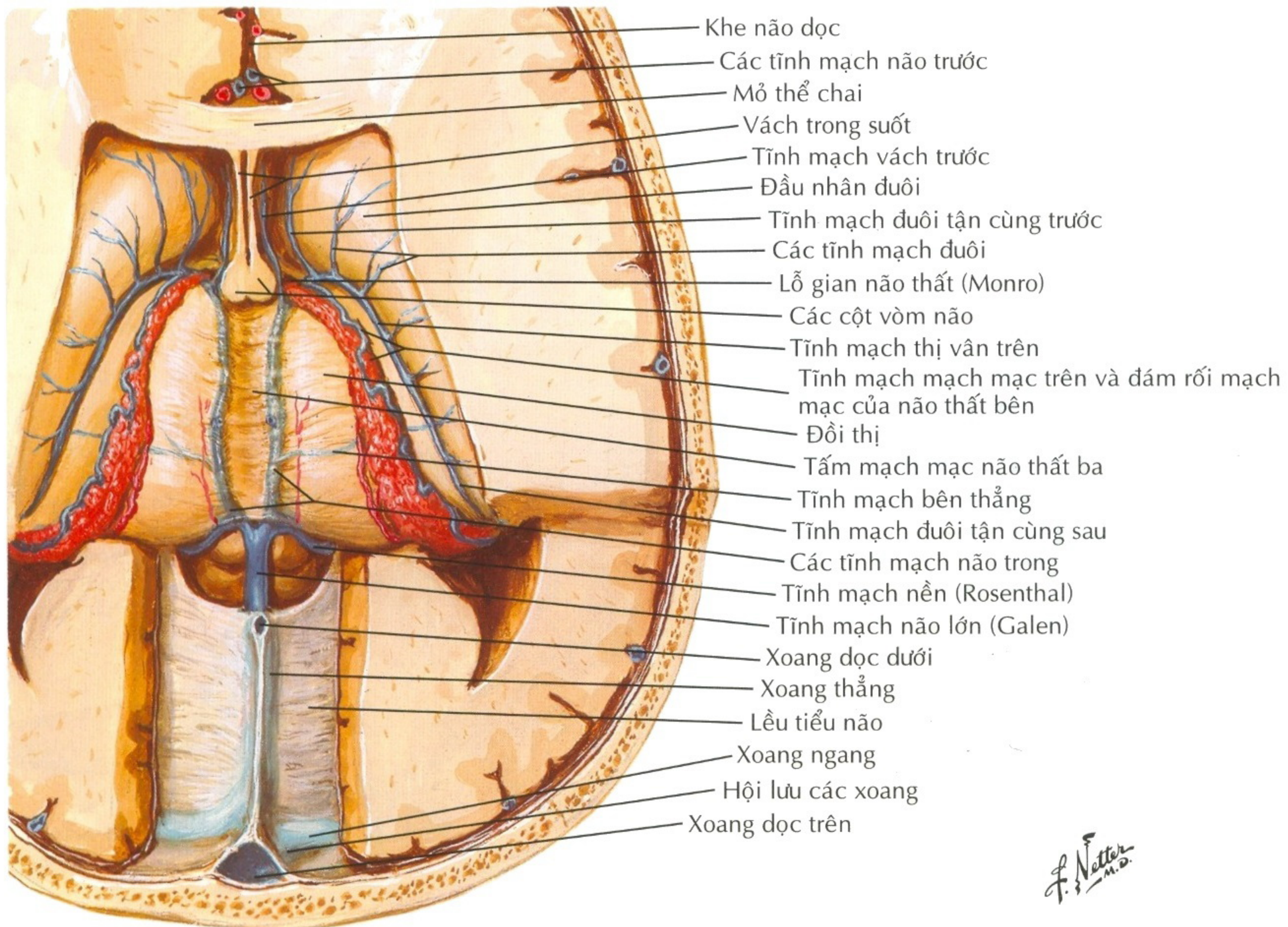
F. Netter M.D.



# Các Tĩnh Mạch Sâu của Não

Các tĩnh mạch nông tới não xem thêm hình 102

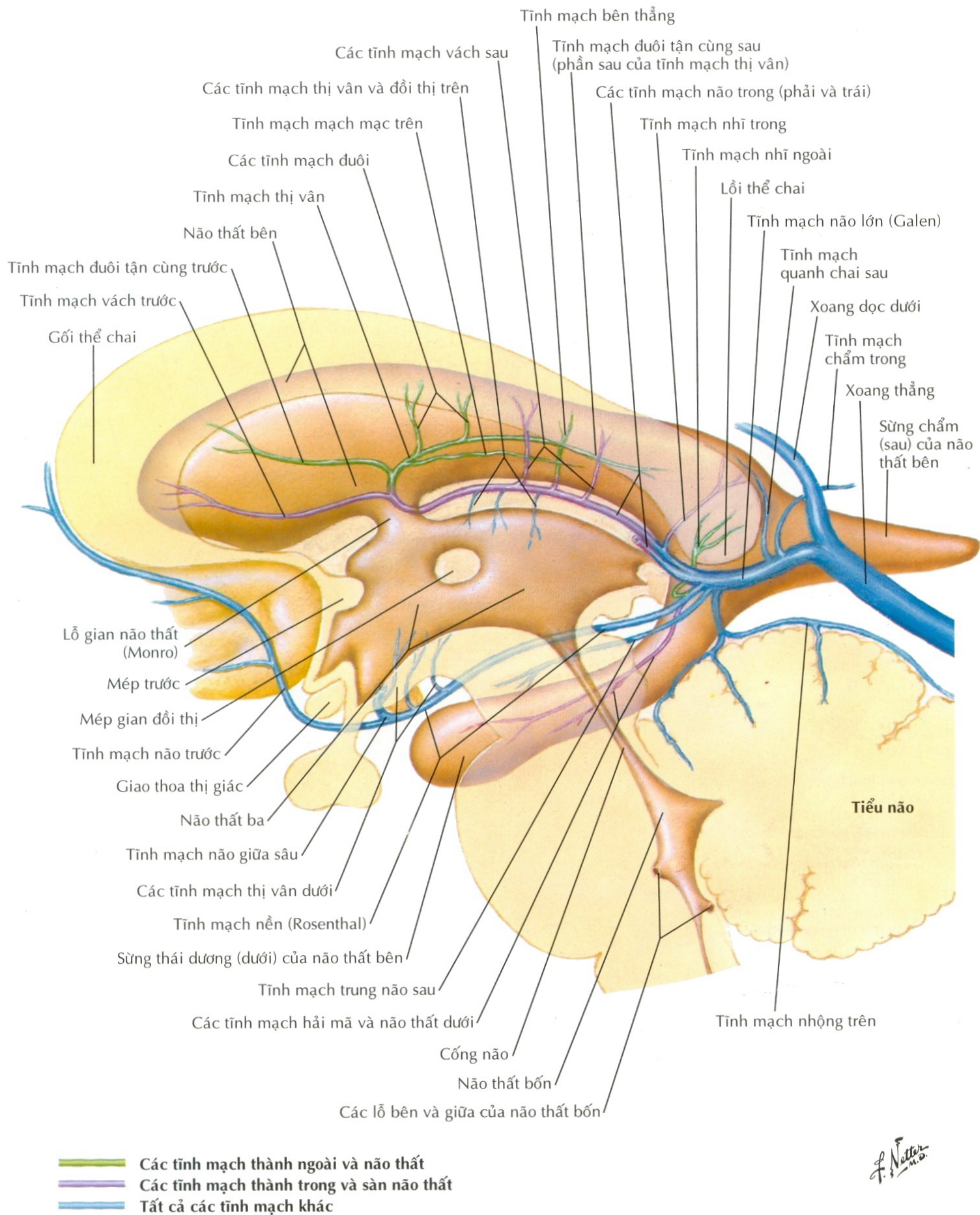
Phẫu tích: nhìn trên



Phẫu tích: nhìn dưới



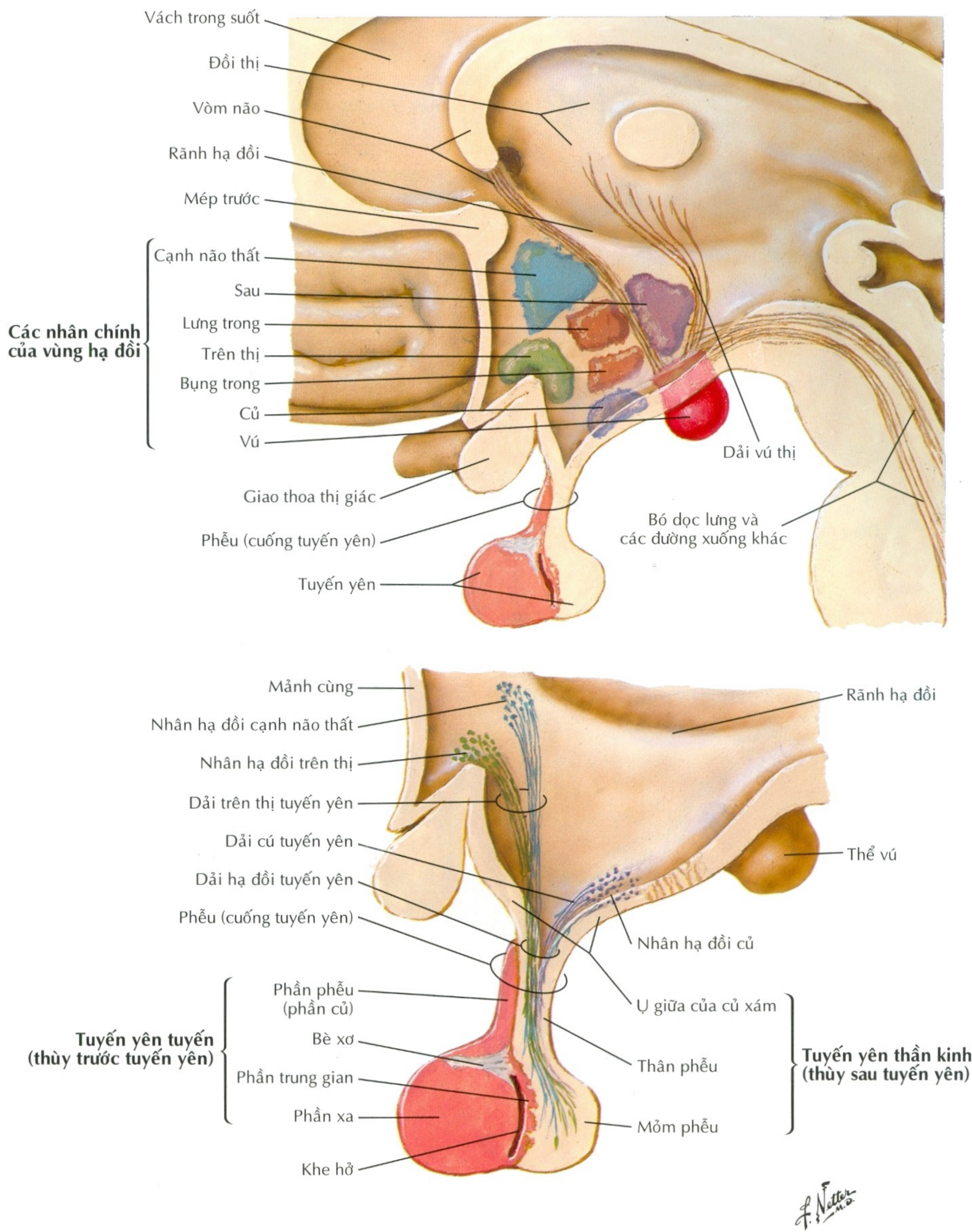
# Các Tĩnh Mạch Dưới Nội Tủy của Não



Hình 146



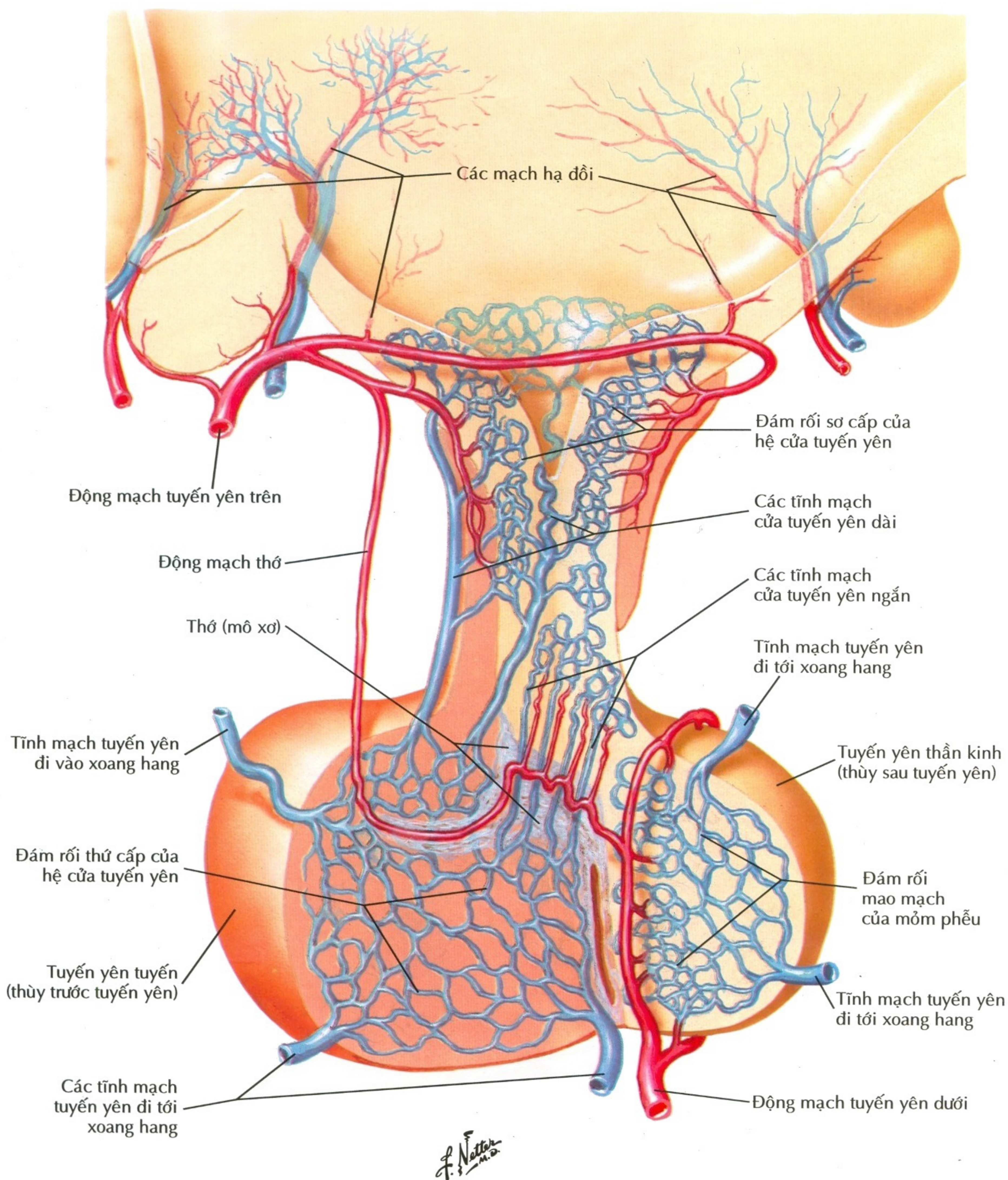
Xem thêm hình 106, 107





# Các Động Mạch và Tĩnh Mạch của Vùng Hạ Đồi và Tuyến Yên

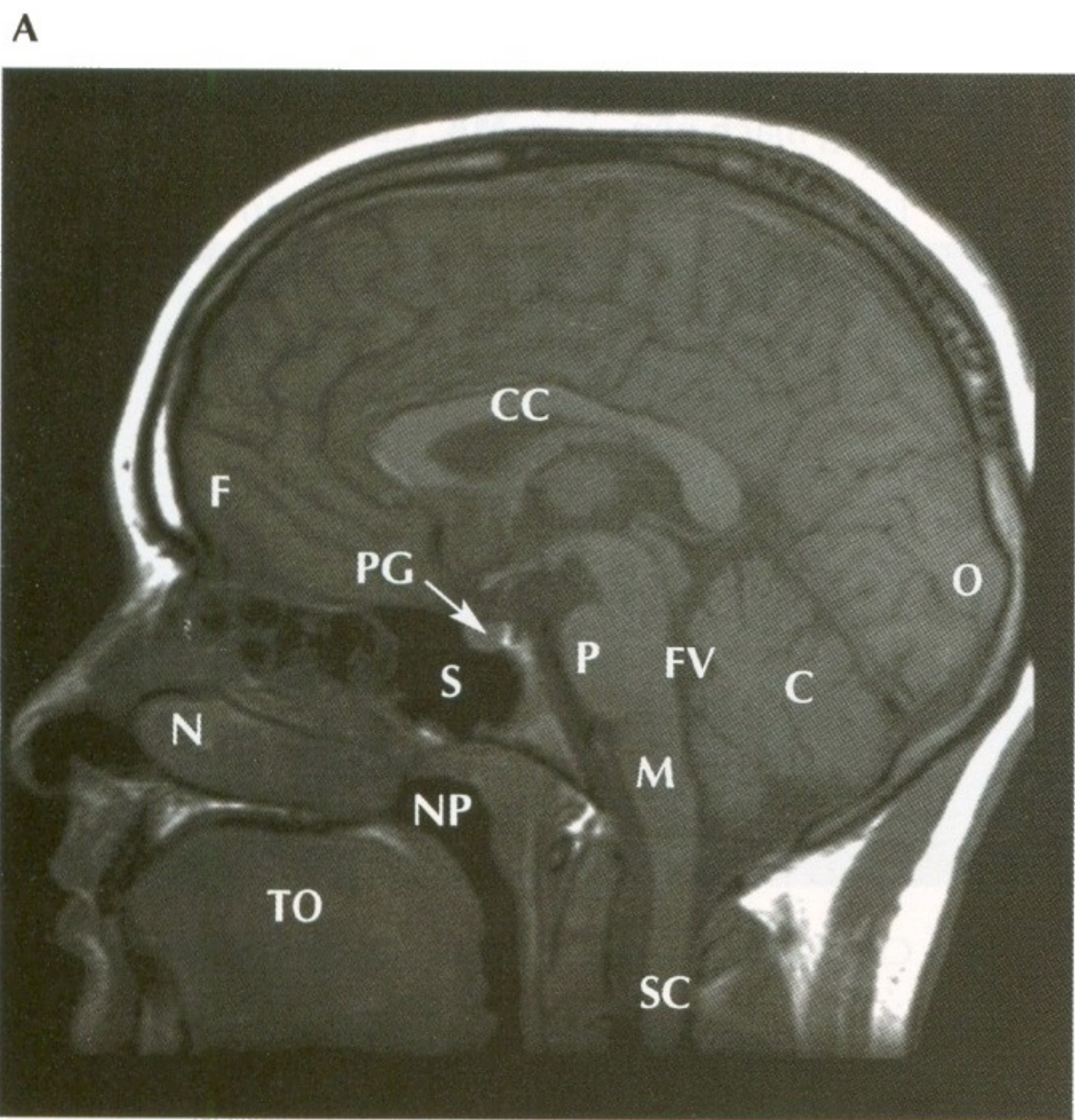
Xem thêm hình 140



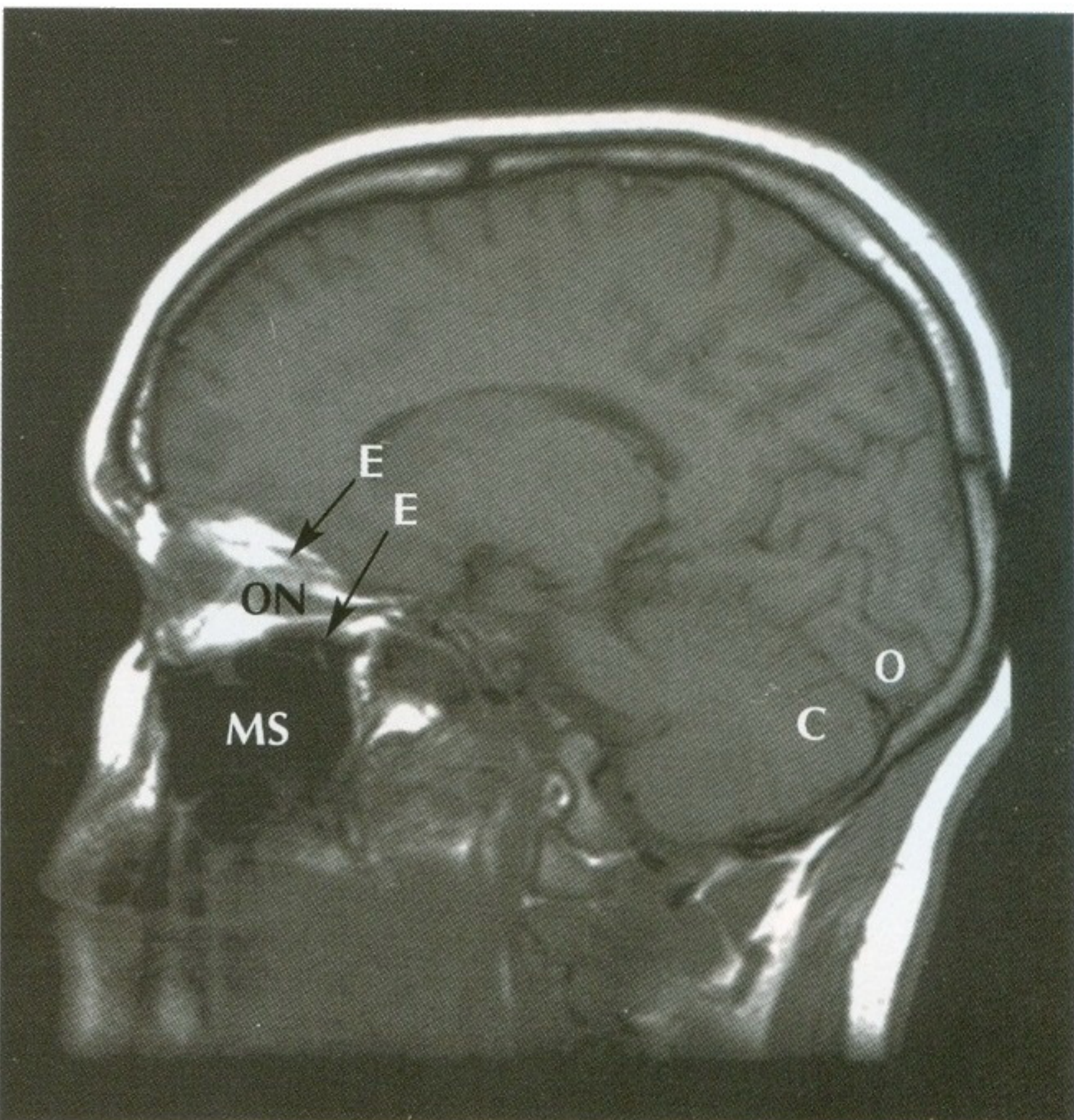
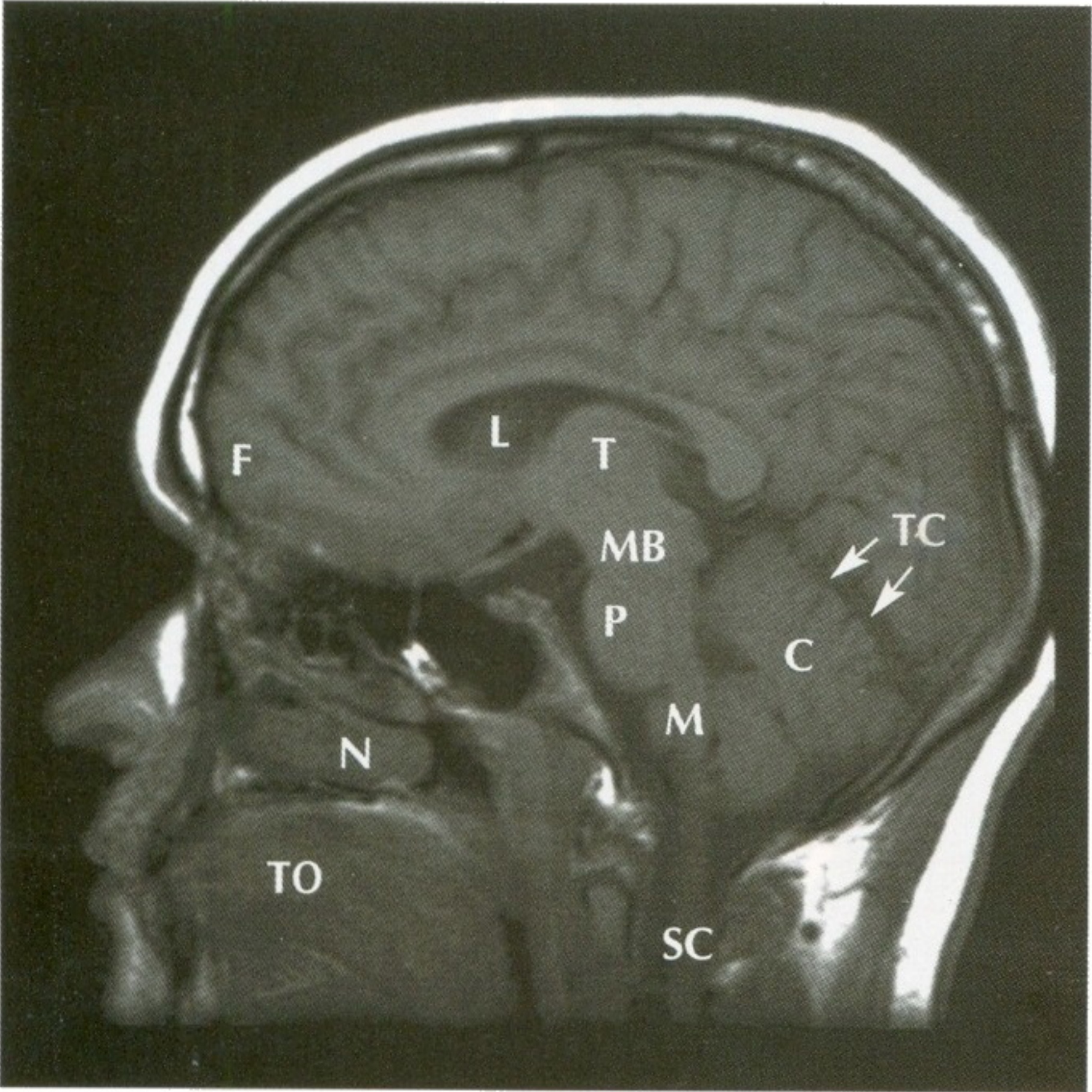
Hình 148



Các hình ảnh cộng hưởng từ đứng dọc giữa (A) và cận giữa (B,C)



- |    |                  |    |                    |
|----|------------------|----|--------------------|
| C  | Tiểu não         | N  | Xoăn mũi dưới      |
| CC | Thể chai         | NP | Hầu mũi            |
| E  | Các cơ nhãn cầu  | O  | Cực chẩm           |
| F  | Cực trán         | ON | Thần kinh thị giác |
| FV | Não thất IV      | P  | Cầu não            |
| L  | Não thất bên     | PG | Tuyến yên          |
| M  | Hành não         | S  | Xoang bướm         |
| MB | Trung não        | SC | Tủy gai            |
| MS | Xoang hàm (trên) | T  | Đôi thị            |
|    |                  | TC | Lều tiểu não       |
|    |                  | TO | Lưỡi               |



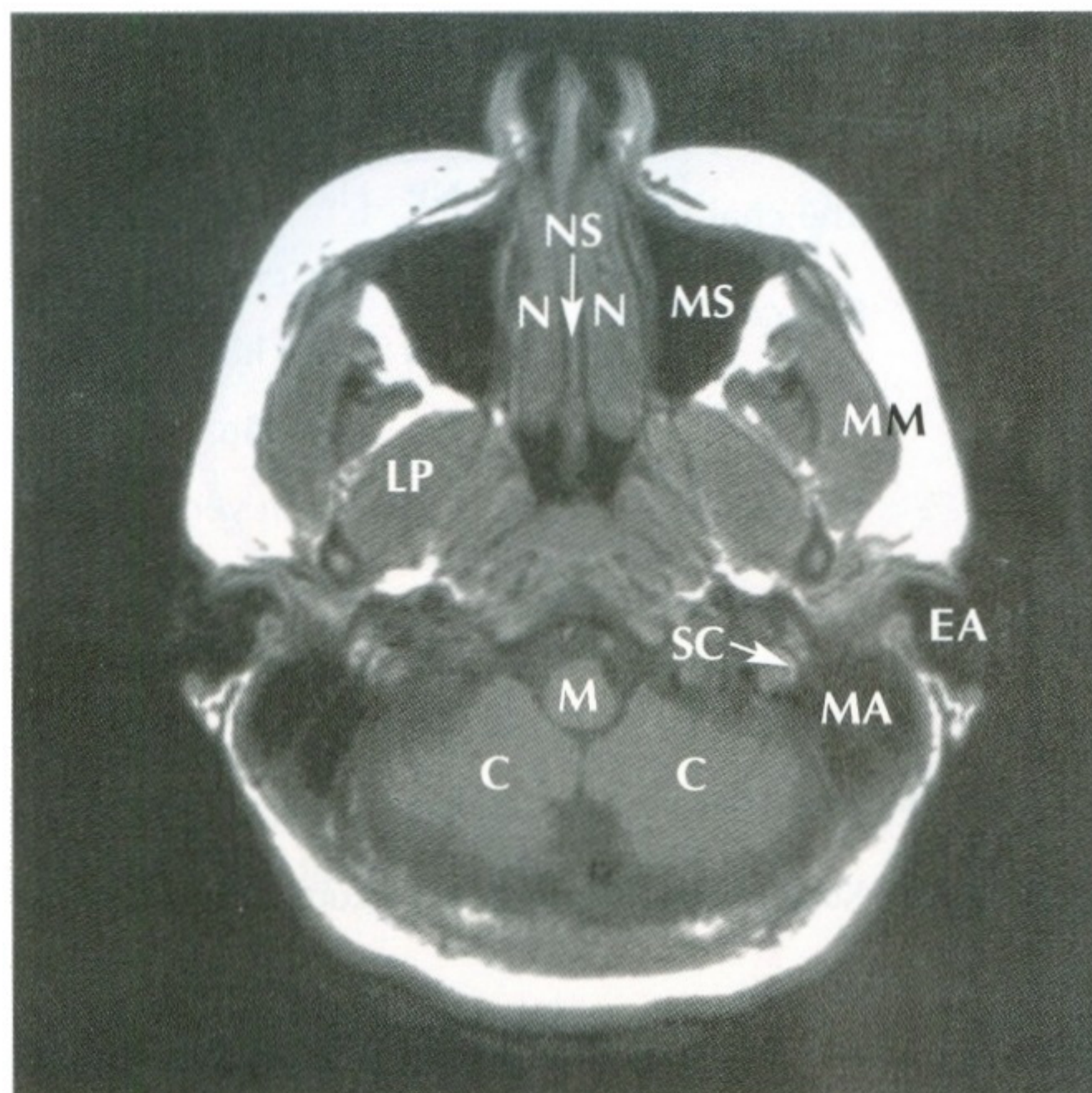


# Chụp Cắt Lớp Đầu: Các Hình Ảnh Cắt Lớp Điện Toán Theo Mặt Phẳng Ngang

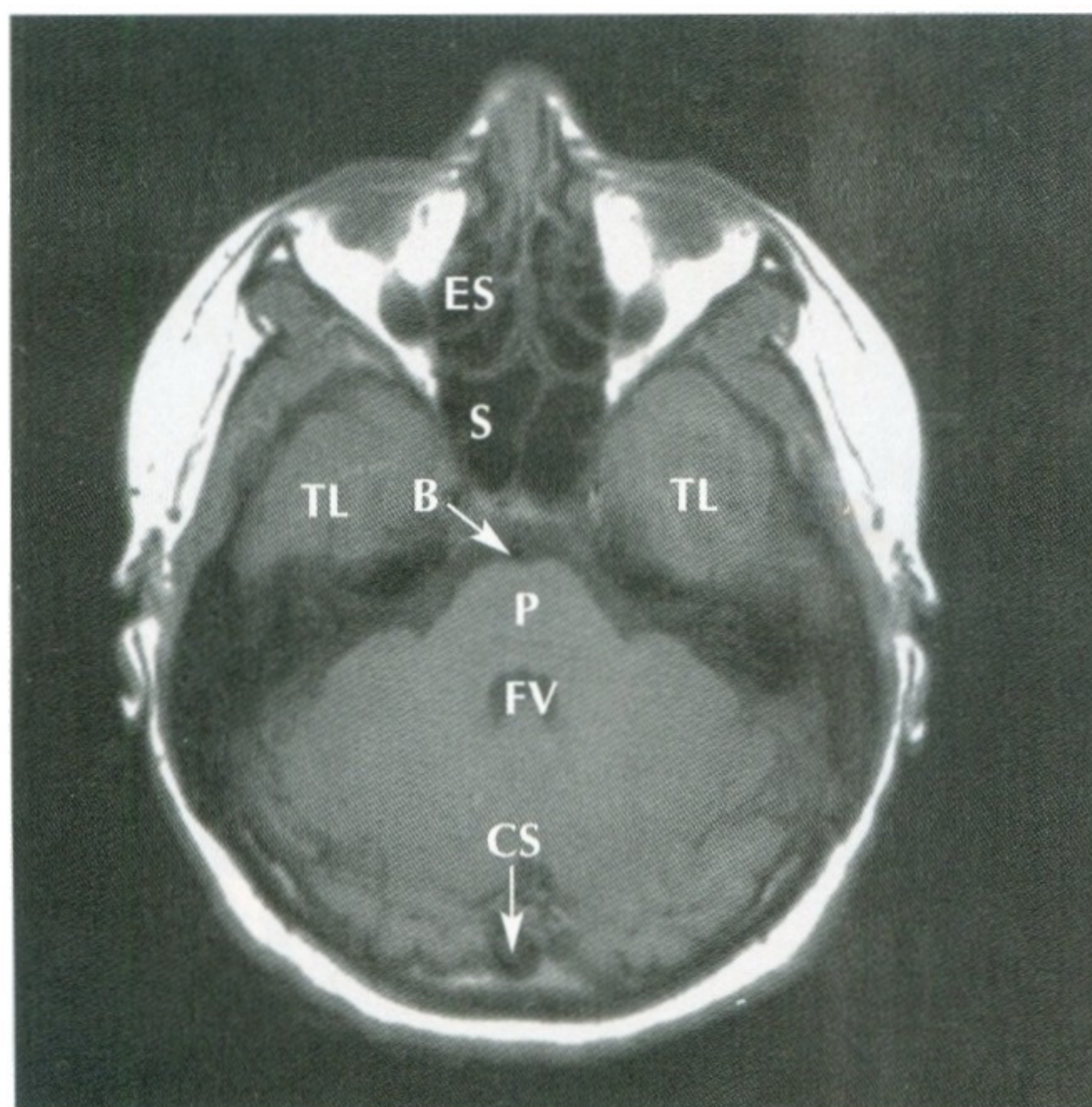
Xem thêm hình 47

Các hình ảnh chụp cắt lớp điện toán của đầu theo mặt phẳng ngang từ dưới (A) lên trên (C)

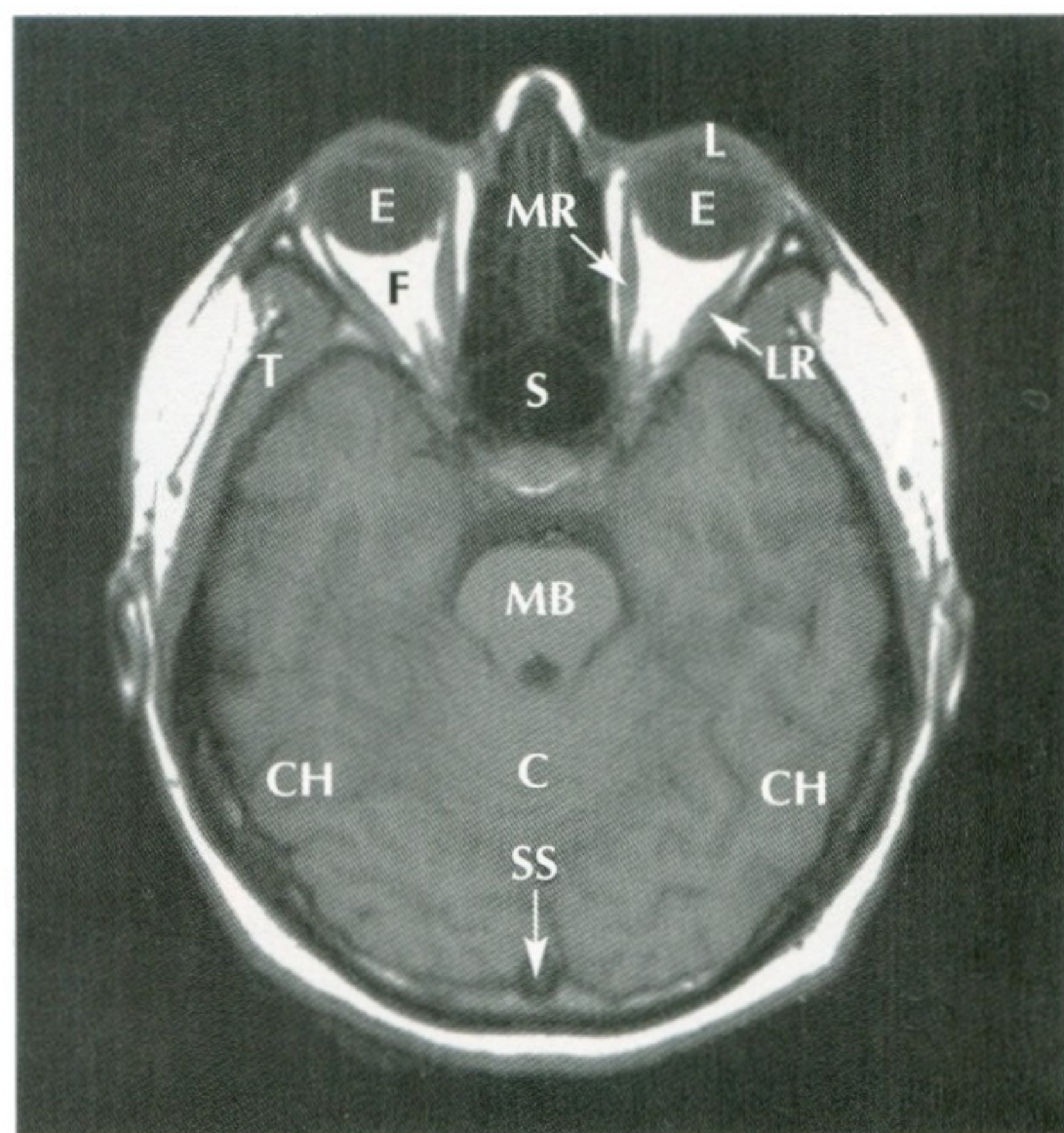
A



B	Động mạch nền	MA	Các tế bào chũm
C	Tiểu não	MB	Trung não
CH	Bán cầu đại não	MM	Cơ cắn
CS	Hội lưu xoang	MR	Cơ thẳng trong
E	Mắt	MS	Xoang hàm
EA	Ống tai ngoài	N	Xoăn mũi
ES	Xoang sàng	NS	Vách mũi
F	Mỡ trong ổ mắt	P	Cầu não
FV	Não thất IV	S	Xoang bướm
L	Thấu kính	SC	Các ống bán khuyên
LP	Cơ chân bướm ngoài	SS	Xoang dọc trên
LR	Cơ thẳng ngoài	T	Cơ thái dương
M	Hành não	TL	Thùy thái dương



B



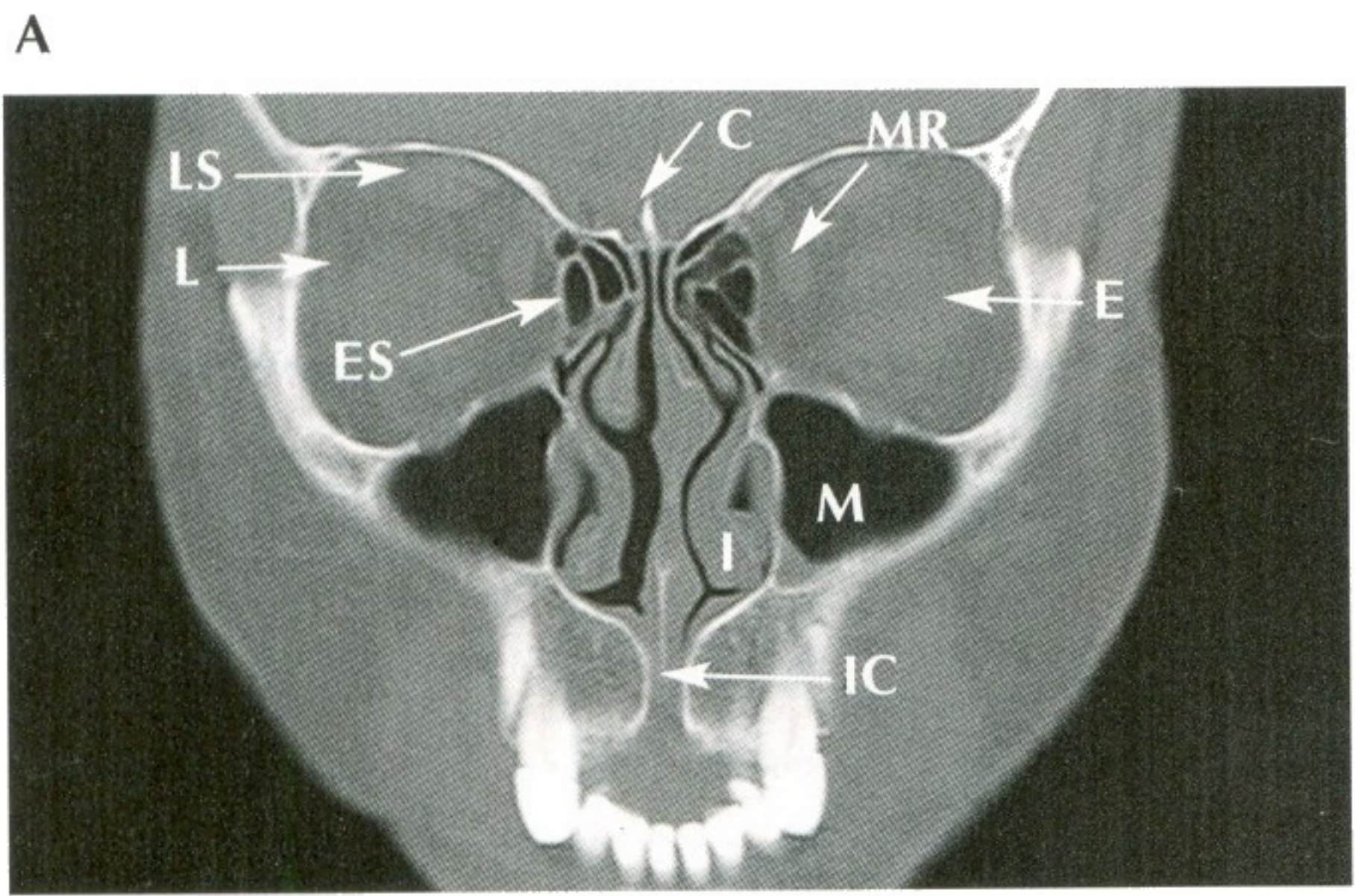
C



# Chụp Cắt Lớp Đầu: Các Hình Ảnh Cắt Lớp Điện Toán Theo Mặt Phẳng Đứng Ngang

Xem thêm hình 48, 83

Các ảnh chụp cắt lớp điện toán của đầu theo mặt phẳng đứng ngang từ trước (A) ra sau (C)



- |    |                        |    |                               |
|----|------------------------|----|-------------------------------|
| A  | Mỏ yên trước           | L  | Cơ thẳng ngoài                |
| C  | Mào gà                 | LS | Cơ nâng mi trên và thẳng trên |
| E  | Mắt (khoang thủy tinh) | M  | Xoang hàm                     |
| ES | Xoang sàng             | MR | Cơ thẳng trong                |
| G  | Cánh lớn xương bướm    | N  | Vách mũi                      |
| I  | Xoăn mũi dưới          | OC | Ổ miệng                       |
| IC | Ống răng cửa           | S  | Xương bướm                    |
| IR | Cơ thẳng dưới          | Z  | Cung gò má                    |

